



VĂN HOÁ VIỆT NAM

Số sáu mươi chín o mùa hè 2015

- 1 ● MỤC LỤC
- 2 ● THƯ TOÀ SOẠN * VHVN
- 4 ● SỔ TAY VĂN HỌC * Trần Bang Thạch * Huyền Vân Thanh
- 15 ● NHẬT BẢN ĐẢO CHÍNH LẬT ĐỔ... (khảo luận) * GS Tạ Quốc Tuấn
- 36 ● NĂM BÊN GÓC MỘC (thơ) * Kiều Mộng Hà
- 37 ● MỪNG TUỔI... ● NGÀY MÃU THÂN (thơ) * Thái Tâu * Huy Trâm
- 38 ● SỰ TÍCH BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM (nghiên cứu) * Nguyễn Văn Sâm
- 45 ● NGƯỜI LÍNH GIÀ TRÊN CHUYẾN TÀU... (truyện) * Nguyễn Nhung
- 55 ● THƯƠNG QUÁ NỤ HOA VÀNG... ● TÔI NHỚ... (thơ) * Trần Văn Lệ
- 57 ● SÀI GÒN ƠI, NỖI NHỚ... (quê hương trong trí nhớ) * Vân Đình Dương Ấu Oanh
- 65 ● VU LAN NHỚ MẸ (nghệ thuật) * Như Không
- 68 ● MÁ CỬA CON (trích thơ) * Huyền Vân Thanh
- 69 ● KỶ NIỆM MỘT BUỔI LÊN LỚP (chuyện bây giờ mới kể) * GS Lưu Khôn
- 72 ● MÔI TÌNH ĐẦU DANG DỖ (chuyện bây giờ mới kể) * Trần Bá Xừ
- 83 ● THE TRUNG SISTERS (nam quốc sơn hà nam đế cư) * GS Đàm Trung Pháp
- 91 ● HỆ THỐNG CĂN CỨ HQ... (nam quốc sơn hà nam đế cư) * GS Nguyễn Văn Canh
- 98 ● NƯỚC MẮT QUÊ HƯƠNG ● BỨC TỬ (thơ) * Nguyễn Đông Giang
- 100 ● MƯA THÁNG HẠ (quanh cuộc sống chúng ta) * Diễm Phương
- 108 ● TỎ QUỐC LỊCH SỬ OAI HÙNG: XÃ HỘI... (tinh hoa đất mẹ)
* Chính Phong Nguyễn Hoàng * Hoàng Như Lăng * Hoàng Anh Thư
- 114 ● KHÓC SÀI GÒN (thơ) * Mặc Khách
- 115 ● CÓ MỘT MÙA TRĂNG XA ... (giới thiệu sách) * Phạm Văn Nhân
- 119 ● THÁNG TƯ BÈ SÚNG (thơ) * Cái Trọng Ty
- 121 ● VIẾT CHO THẰNG EM CÙNG TRUNG ĐỘI (thơ) * Trần Hoài Thư
- 122 ● THƠ XƯỚNG HOẠ TÙNG TÂM (giới thiệu thơ) * Thái Tâu
- 123 ● LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI (khảo luận) * Ông đồ Đỗ Chiêu Đức
- 130 ● TÂM HƯƠNG (thơ) * Đặng Kim Côn
- 131 ● ĐÁM RƯỚC (truyện phóng tác) * Trần Hồng Văn
- 140 ● THƯƠNG TIẾC MỘT BẠN TỪ (thơ) * Phạm Cây Trâm
- 141 ● CÓ MỘT THỜI TÌNH NGƯỜI QUÁ LẠT (truyện) * Nguyễn Văn Sâm
- 151 ● THI VĂN GIA ĐỜI TRẦN HỒ (nghiên cứu) * GS Lê Quý Đăng
- 154 ● TRONG GÓC... ● LỜI CHAY... (thơ) * Nguyễn Hồng Ân * Xuân Bích
- 156 ● KỶ NIỆM TRƯỞNG TÔI (giáo dục - văn hoá - văn nghệ) * Lê Hoàng Viện
- 170 ● CHINH PHỤ NGÂM ĐIỂN NÔM (nghiên cứu) * GS Lê Văn Đặng
- 180 ● DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN ỦNG HỘ VHVN * VHVN
- 180 A-B-C-D ● GIỚI THIỆU CÁC CƠ SỞ MTQ ỦNG HỘ VHVN



THUTOÀ SOAN

Cách đây đúng 9 năm tại Trung tâm Việt Mỹ

(Houston - Texas), CLB Văn Hoá đã tổ chức 4 buổi hội thảo liên tiếp trong 4 tuần lễ của tháng 4-2006. Nay nhân kỷ niệm 40 năm Tháng Tư Đen, chúng tôi ghi lại đôi dòng lời mời gọi buổi hội thảo này: "Hàng năm, dù có chờ đợi hay không, thì ngày 30 Tháng Tư vẫn đến. Riêng đối với rất nhiều người Việt Nam hải ngoại, Tháng Tư còn là một nỗi đau dài. Nói như nhà văn quá cố Thanh Nam đã viết 2 câu thơ này 29 năm trước:

"Một năm người có mười hai tháng, ta trọn năm dài một Tháng Tư". Đây là điều tất yếu. Ta nhớ hoài, nhớ từng ngày, ngày 30 Tháng Tư, là ngày cả triệu người Việt Nam phải ngậm ngùi lần lượt bỏ nước ra đi, vì không thể sống dưới chế độ cầm quyền không một chút Tự Do, Dân Chủ"... *Sở dĩ chúng tôi muốn mượn hình ảnh này để nhắc nhớ nhau đừng quên nỗi nhục và nỗi đau của cả đất nước và dân tộc phải gánh chịu khi cộng sản miền Bắc được sự hà hơi tiếp sức của Nga Sô, Trung Cộng cưỡng chiếm và đặt ách thống trị miền Nam đến nay đã 40 năm, trong khi đồng minh mà đứng đầu là Mỹ đã cắt hết mọi nguồn trợ giúp, quay lưng tháo chạy! Bởi vì mới đây, trong một bản tin "Đời địa điểm tưởng niệm vì không được treo cờ Việt Nam Cộng Hoà" in nơi trang 10 của một tuần báo xuất bản ngày 17 tháng 4-2015. Bản tin dù ngắn, nhưng khi đọc có lẽ mỗi chúng ta cảm thấy buồn. Xin trích một đoạn "Hàng nghìn người đã bỏ nước ra đi tìm Tự Do, và nhiều người trong số đó ban đầu đã đặt chân tới một trại tị nạn dựng lên trong một căn cứ thủy quân lục chiến "Camp Pendleton" ở miền Nam California. Jacson Johnston, phát ngôn viên của căn cứ này, cho biết lá cờ Việt Nam Cộng Hoà không thể được treo lên tại các cơ quan liên bang vì chính phủ Mỹ công nhận chính phủ Cộng Sản Việt Nam hiện thời. Camp Pendleton chấp thuận các trang phục có quốc kỳ VNCH hoặc mang cờ vàng ba sọc đỏ vào địa điểm tổ chức buổi lễ, tuy nhiên việc này không đáp ứng được nguyện vọng của cộng đồng người Việt nên lễ Tưởng Niệm phải dời sang địa điểm khác. "Bà Sophie Trần cho biết, "lễ tưởng niệm dự kiến thu hút hàng ngàn người vào ngày 25/4 nay sẽ phải dời tới một địa điểm mới tại Little Sài Gòn ở quận Cam. Nơi cộng đồng có thể chào cờ và hát quốc ca Việt Nam Cộng Hoà".(...). Ban tổ chức cho biết: "Trong buổi tiếp xúc lúc 10 giờ sáng Thứ Năm 09 tháng 4, đại diện Cam Pendleton cho biết căn cứ quân sự này luôn mở rộng đón tiếp những người tị nạn trở về để thăm lại nơi họ di tản đến tạm trú 40 năm trước đây, sau khi Việt Nam Cộng Hoà rơi vào tay Cộng Sản vào ngày 30 tháng Tư, 1975. Tuy nhiên, đại diện của căn cứ cho biết, gần đây Camp Pendleton nhận được thông báo và chỉ thị từ Bộ Quốc Phòng và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ là theo chính sách*

hiện hành tại các căn cứ quân sự thuộc thẩm quyền liên bang như Camp Pendleton, các hình thức chào cờ và nghiênh đón đều phải theo đúng quy tắc ngoại giao của chính phủ Hoa Kỳ cũng như quân pháp của Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ". Tuân hành luật pháp Hoa Kỳ và hành xử quyền tự do của mọi công dân, khắp nơi trên đất nước Mỹ, việc tổ chức kỷ niệm năm thứ 40 ngày quốc hận 30 tháng Tư của cộng đồng người Việt tị nạn cộng sản đều được tổ chức chu đáo, nhìn chung đã biểu dương được sức mạnh và qua hệ thống truyền thông, đánh thẳng vào tập đoàn lãnh đạo đảng CSVN, dứt khoát không hoà hợp hoà giải, không khoan nhượng trước hành động bán nước hại dân của bọn chúng.

*Tạp chí Văn Hoá Việt Nam phát hành số mùa Hè năm nay, bước sang năm thứ 19. Mùa Hè năm 1998 khi sang Toronto tham dự Đại Hội gia đình PTG & ĐTD Cần Thơ hải ngoại lần thứ II, BBT tạp chí có mang theo và trao tặng một số Thủy Cô và đồng môn khắp nơi về đây tham dự Đại Hội tạp chí Số Một - mùa Hè 1998 . Năm nay cũng mùa này, chúng tôi đã thực hiện tạp chí Số Sáu Mươi Chín - mùa Hè 2015 và trở lại Toronto tham dự Đại Hội lần thứ XIX... Mới đó mà đã tròn mười tám năm và đang vào năm thứ 19. Ngần ấy thời gian, nhóm thực hiện và BBT cũng đã vượt qua nhiều khó khăn để giữ vững tôn chỉ đề ra từ ban đầu, được sự cảm thông, yêu mến và khích lệ của đông đảo bạn đọc khắp gần xa, chúng tôi nguyện sẽ tiếp tục công trình "**Tổ điểm non sông gấm vóc Việt; Bảo tồn và Phát huy Văn Hoá Việt**". Nhìn lại chặng đường qua, xin phép cho chúng tôi được nói lời cảm ơn chân thật với tất cả quý văn thi hữu, quý vị Giáo sư ân sư, quý bạn đọc và Mạnh Thường Quân đã dành cho nhóm thực hiện tạp chí những sự đóng góp về vật chất đến tinh thần từ buổi ban đầu đến hôm nay. Chúng tôi cũng không quên tạ ơn, nghiêng mình tưởng nhớ và tiếc thương đến các nhà văn, nhà thơ, các bậc ân sư, đã cộng tác với tạp chí VHVN đã lần lượt quá vắng: Nhà văn BS Huỳnh Hữu Cửu, Nhà thơ Thu Hạnh, GS Nguyễn Đức Hiến, GS Nguyễn Đình Hoà, Nhà văn Đặng Trần Huân, GS Nguyễn Khắc Kham, Nhà văn Ái Khanh, Tiến sĩ Hương Giang - Thái Văn Kiêm, Nhà biên khảo GS Vĩnh Như - Lư Tấn Hồng, Thẩm phán Vũ Hữu Nhược, Nhà văn Bùi Văn Nhượng, Nhà biên khảo GS Trần Đông Phong, Nhà văn GS Hà Mai Phương, Nhà văn nhà thơ Phương Triều, Nhiếp ảnh gia Nguyễn Phước Tường, Nhà văn Xuân Tước, Nhà văn Xuân Vũ.*

Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM số 70 phát hành mùa Thu 2015 nhất định sẽ có mặt vào cuối tháng Chín 2015. Bài viết cho số Bảy Mươi sẽ kết thúc nhận vào đầu tháng Tám 2015. Mời quý vị cộng tác bài vở, đón đọc và giới thiệu nhiều người cùng đọc và ủng hộ tạp chí của chúng ta. *Tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM*

SỔ TAY VĂN HỌC



I

TRẦN BANG THẠCH

CHUYỆN THÁNG TƯ ĐEN

Chuyện 1.

HAI MÀU ÁO TẠI HỘI TRƯỜNG TRONG 1 NGÀY 30/4



Chị ngồi trên chiếc ghế của chiếc bàn tròn cuối cùng kê nơi góc phải hội trường. Chỉ một mình chị. Các bàn ghế vẫn còn trống phía hội trường này. Bên góc trái đã có vài chục người ngồi chuyện trò vui vẻ. Chương trình *Tưởng Nhớ Ngày 30 Tháng 4* còn hơn nửa tiếng nữa mới bắt đầu. Hình như tôi chưa hề gặp chị ở đây. Chắc hẳn chị không phải là người thường xuyên đến trung tâm sinh hoạt này. Không phải chị là một trong vài chục người đến

hội trường sớm mà tôi để ý đến chị. Chính bộ bà ba đen chị đang mặc và dáng ngồi thẳng, mắt hướng về phía trước và gương mặt trông rất buồn, không một chút phấn son của người đàn bà trên sáu mươi làm tôi không thể nào không để ý đến chị. Không biết từ hồi nào tôi có thói quen hay quan tâm tới những người nữ mặc toàn đen với gương mặt buồn. Dấu hiệu của tang chế. Bình thường đàn bà thích ăn mặc đẹp với những màu sáng và khi ra ngoài thì thường có chút phấn son. Gặp chị tại một buổi tưởng niệm, linh tính cho tôi nghĩ rằng người đàn bà này chắc có điều gì trắc ẩn. Suy từ chính mình, hôm nay tôi đang mặc chiếc áo trắng. Màu trắng để tang cho một ngày buồn thảm. Màu trắng cũng để tự nhắc mình rằng hãy từ màu trắng sáng này mà nuôi hy vọng, mà dắt dìu nhau đi về vùng trời trong sáng hơn. Từ ngày đến Hoa Kỳ hơn 30 năm nay, hàng năm cứ mỗi lần ngày 30/4 đến tôi mặc chiếc áo trắng này. Lúc đầu thì vợ con tôi cũng làm theo để tôi vui lòng, lâu dần họ bỏ cuộc; chỉ còn tôi. Chiếc áo trắng này cũng kiên trì theo tôi từ đó, không sờn rách cũng không đổi màu. Từ chiếc bàn kê bên tôi thấy trên bàn, trước mặt chị 1 bao ny-lon đựng mấy tấm ảnh 4x6 đen trắng và cảnh hoa trắng làm bằng vải, giống như hoa lái. Tôi thầm mong có người nào đó đến ngồi gần chị để chị không cảm thấy lẻ loi và xa lạ.

Gần tới giờ bắt đầu chương trình. Trong hội trường người ra kẻ vào, tiếng nói cười xen với tiếng nhạc nhẹ. Chị vẫn âm thầm ngồi đó. Chiếc bàn chị có thêm hai bà cụ và 1 ông cụ cùng với hai bé gái bốn, năm tuổi, chắc là cháu của ông bà. Các cụ già thường ít nói và các cháu bé thường không làm quen với người lạ nên chị vẫn ngồi đó, không chuyện trò với ai. Chị có vẻ chăm chú nghe các diễn giả nói chuyện, rồi ăn trưa như mọi người và cùng thưởng thức văn nghệ như mọi người. Chiếc bao ny-lon vẫn trước mặt chị. Tôi không đọc được một nổi xúc động nào trên gương mặt chị. Hay chị có xúc động mà tôi không bắt gặp hoặc chị ếm sâu nó vào lòng mình. Hình như chị không thích chuyện trò nên tôi cũng ngại làm quen. Bộ bà ba đen và cảnh hoa lái trắng vẫn là điều bí ẩn đối với tôi.

Khi chương trình chấm dứt, ngó quanh, tôi không thấy chị. Không biết người đàn bà ăn mặc toàn đen ấy đã biến đi từ hồi nào.

Chị đi rồi mà đầu óc tôi vẫn còn vẽ ra nhiều điều về chị. Chị có thể là góa phụ của một người tù đã bỏ thân nơi nào đó trong núi rừng Việt Bắc sau ngày 30/4/75. Chị có thể là người mẹ đã phải

thủy táng con mình trên biển Đông. Chị có thể là người vợ trẻ vài mươi năm trước sống trong giây phút hãi hùng khi chứng kiến chồng mình đã liều thân cứu vợ thoát khỏi nanh vuốt của bọn hải tặc khát máu trong vịnh Thái Lan... *Anh yêu quý, em bây giờ còn sống mà như đã chết. Những tấm ảnh ngày cưới chúng mình và những tấm ảnh giầy saut nón sắt của anh đang sống với em từng giờ từng phút. Từng giờ, từng phút em sống với anh. Còn cánh hoa lái trắng này em sẽ mang theo cho đến cuối đời như 1 giải khăn xô cho duyên phận chúng mình. Và bộ đồ đen này em mặc hàng năm để tưởng nhớ ngày tang khó 30 tháng 4.*

Thưa chị, dù không được nói một lời nào với chị, cũng như không nghe chị nói một tiếng nào, nhưng tôi biết chị. Và biết cả tên chị nữa. Chị chính là một trong hàng triệu phụ nữ Việt Nam sanh ra, lớn lên, lê đôi bàn chân rướm máu trên núi Sọ và gánh chịu muôn ngàn đau thương, oan khiên, khổ nhục của một thời Việt Nam thập tự giá. Thưa chị, cảm ơn chị đã đến với chúng tôi. Màu áo đen của chị và màu áo trắng của tôi đã hòa nhập tuyệt vời trong ngày tưởng niệm 30/4 hôm nay, nơi đây. Trắng hay đen đều là màu tang chế. Chúng ta cùng để tang cho một cái tang chung. Phải không, thưa chị, *chị Nguyễn Thị Việt Nam?*

Chuyện 2.

CẦU BÀ NỘI



Trong mắt bà Tư căn nhà bây giờ bỗng nhiên trống hoác. Nằm trên

giường bệnh bà Tư cũng hình dung được căn buồng bên trái cửa đã đóng kín, cái bàn học kê bên cửa sổ còn xấp bài chưa chấm của con dâu. Chiếc áo lính cũ của con trai còn mắng trên vách buồng. Chai sữa nấu bằng gạo rang thăng cháu nội chưa uống hết đang nằm bên cạnh bà đây. Mới hôm qua cả nhà còn đông đủ. Hôm nay chỉ còn một mình bà. Trống vắng.

Đêm qua trời tối đen như mực, công thằng cháu nội mới hơn 1 tuổi trên lưng, bà Tư lần mò từng bước trên cây cầu khi bắc ngang Rạch Bàn. Mưa lớn và gió mạnh. Cầu lắc lư hay chân tay bà lão sáu mươi đi đứng không vững? Cha mẹ thằng bé đã đi trước với 2 đứa con và mấy túi đồ ăn, thức uống. Hồi chiều có tin cơ quan xã đã nghe phong thanh chuyến vượt biên này. Mọi người phải chạy đua với xã đội, hối hả xuống "taxi" đang đậu chờ ở ngoài vòm để đi ra "con cá lớn". Khi chiếc ghe nhỏ rời bến, bà Tư trở về. Dâu con đã năn ni bà cùng đi, bà nói bà phải ở lại để rùi có bề gì thì còn nhà cửa để con cháu trở về. Bà đi thất thểu dưới mưa mà tưởng chừng như mình bay trong gió. Bà thấy thân thể nhẹ tênh mà trái tim thì nặng như chì. Bà Tư đã vừa bút ruột, nát lòng đưa tiễn những người thân nhứt của bà ra đi. Sống chết thế nào chưa biết. Từ nay một thân già yếu bà Tư cũng không biết mình sẽ ra sao. Bà bước trở lại cây cầu khi. Đi mới được nửa cầu, bà muốn dứt hơi, mắt hoa, chân run, bà dựa vào tay vịn để thở. Khi thân cầu gãy, bà Tư mới hoàn hồn, cố gắng hết sức già, bà Tư mới lội được vào bờ, lê lét về nhà. Con sót bắt đầu ngay sau đó.

Tin vượt biên thành công của con cháu nhắn gởi từ Songkla bà Tư không nhận được. Bà Tư đã vĩnh viễn ra đi chỉ hai ngày sau cái đêm mưa tầm tã ấy.

Lối xóm nói con sót không thể vật ngã được người đàn bà nhà quê dạn dày sương gió ấy. Chắc chỉ tại nỗi buồn quá lớn khi bà bỗng chốc mất hết những người thân yêu.

Gần ba mươi năm trôi qua, Rạch Bàn đã thay bao nhiêu cây cầu khi. Xóm giềng vẫn nghèo xác nghèo xơ. Hôm nay cây cầu đúc bắc qua con rạch vừa xong. Không có lễ khánh thành nhưng một số người ở gần đến chờ giờ khai thông cây cầu. Trong làng ai cũng biết cầu này do một kỹ sư cầu đường trẻ nổi danh của Mỹ tự tay thiết kế và xây dựng cả tháng nay. Đứng trước ba má và anh chị, người thanh niên trạc ba mươi tự tay vén tấm vải điều che mặt bia đặt bên này cầu. Người ta đọc mấy chữ trên tấm bia: "BÀ NỘI, con thương Bà".

Từ đó người làng gọi cầu này là Cầu Bà Nội. Một cây cầu gầy gầy ba mươi năm trước bây giờ đã được bắc lại, đẹp đẽ, vững chắc. Ở một nơi nào đó trên mây, có người đàn bà què nhìn xuống đàn con cháu, niềm vui bùng sáng một góc trời chiều.

Chuyện 3.

CẮT RUỘT THẢ XUỐNG BIỂN ĐÔNG



Con thuyền chật cứng lúc bắt đầu ra Bãi Giá. Bây giờ chắc không ai chột thấy lòng thuyền bỗng rộng hơn. Mọi người đã đói lã, không còn nghĩ gì ngoài cái ăn. Sau 39 ngày lênh đênh trên biển, hơn một nửa đã vắng mặt vì bệnh và vì đói khát. Xác họ đã làm mồi cho cá mập. Con đói khát và mất người thân khiến nhiều người phát điên. Chị Út V. ôm cứng con vào lòng bằng tất cả sức lực còn lại của mình. Con bé mới tuổi rưỡi cũng đang thoi thóp. Từ hai hôm nay những người trên thuyền chỉ muốn ăn thịt con bé. Họ nói dầu gì thì con bé không thể sống được. Chị Út V. biết chị

không thể nào chống trả hay kêu gọi nhân tính của họ, những người tìm mọi cách để sống còn. Nửa đêm chị Út V. lần mò ra trước mũi thuyền, nhẹ nhàng thả con trên lượn sóng biển Đông.

Chị thấy từng đoạn ruột của mình đang rỉ máu trên những ngọn sóng vô tình.

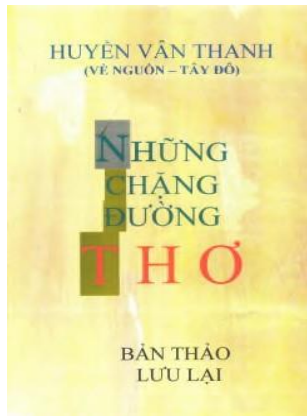
Houston, để nhớ ngày này hơn 30 năm trước

TRẦN BANG THẠCH

II

HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn – Tây Đô)



NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ [BẢN THẢO LƯU LẠI]

Trong những ngày tháng cuối năm 2007, nhà văn Trần Hoài Thư, chủ trương cơ sở Thư Án Quán đã thực hiện cho tôi tập **BẢN THẢO LƯU LẠI** mang tựa **NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ**, tập sách dày 264 trang với 188 bài thơ sưu tập được trong suốt chặng đường tôi “bắt chước” lần dò trong rừng văn chương chữ nghĩa, vốn dĩ mình chẳng có chút năng khiếu nào. Nhưng anh Trần Hoài Thư (Chủ trương Cơ sở Thư Án Quán) đã ghi ở phần

cuối tập sách những câu chữ khiến tôi nghe áy náy vô cùng: **“Phần hình thức, kỹ thuật và in ấn tập sách này được thực hiện bởi cơ sở Thư Án Quán như là món quà tặng văn nghệ của chúng tôi về người bạn thơ đã suốt đời phục vụ nền văn chương chữ nghĩa”**. Cảm ơn anh Trần Hoài Thư đã bỏ công sức, điều kiện hoàn thành tập bản thảo; và cảm ơn các bằng hữu có dịp đọc được dòng chữ đầy tâm tình này của anh Trần Hoài Thư.

Thật tình, trong suốt 188 bài thơ sưu tầm lại được, sau những biến cố tang thương của đất nước, bị thất lạc gần hết, số còn lại là những may mắn mà tôi còn lưu giữ (chưa bị mối mọt gặm nhấm thời bị "tù cải tạo"), là một chuỗi dài từ năm 1961 đến mãi sau này. Phần nhiều là **“những bài thơ tôi viết thời mười lăm mười sáu tuổi; cũng có những bài được viết với nguồn rung cảm đã khô cạn sau những năm bị cuốn trôi trong dòng đời nghiệt ngã, trong cuộc chiến đau thương và máu hận trên quê hương Việt Nam, trong tháng ngày nhục nhằn bởi ý thức hệ của kẻ có quyền. Tôi muốn giữ nguyên những ngôn từ, vần điệu ấy như giữ nguyên trong lòng tôi mối chân tình tha thiết với tình yêu, quê hương, đất nước; vì chỉ có tình yêu, quê hương, đất nước mới thực là niềm tin sáng trong, chân thật, là điểm tựa cho tôi bước vào cuộc đời”** (*).

Những bài thơ trong tập BẢN THẢO này có một số tôi ghi chú xuất xứ, tháng năm và cũng có đôi dòng viết thêm về thực trạng của vài bài thơ trong một giai đoạn xuất hiện của nó nhằm ghi lại một chứng tích có thật trong cuộc sống. Có những điều trước đây tôi che giấu, bây giờ “bạch hoá”, bởi vì... tôi phải trả về sự thật cho nó, như trường hợp chùm thơ mang tên Lê Thị Minh Trang v.v..., hay những bài thơ rời ký tên Trang Yên Linh, Nhật Giang, Linh Hùng, Nguyễn Trần... để không còn bị ngộ nhận, nếu có.

Nghĩ về cuộc đời ngắn ngủi của mỗi con người, ngay từ năm 1963, cuối bài thơ MAI KIA đăng trên báo Dân Tiến (16-9-1963) tôi có viết:

**“Mai kia... chắc rồi buồn lắm.
Những chiều mưa kéo vào đêm.
Chúng mình kẻ còn người mất.
Buồn thay ngày tháng trôi êm...”**

Ông nghĩa sinh thành vô cùng cao đẹp mà phận làm con không thể quên trong cuộc sống. Tôi đã viết những bài thơ nói về Ba, về Má. Đặc biệt về Ba, tôi có ý nghĩ "*phần đông ai ai cũng diễn tả tâm tình người Mẹ mà không hề nói tới người Cha... đó là điều đau xót cho những bậc làm Cha như Ba, như bao nhiêu người Cha trên cõi đời này...*" đặt vào đầu bài thơ GHE ĐĂNG dài 40 câu để kính tặng Ba (tháng 6/1966), mà những câu cuối bài tôi viết:

*"Nghe Ba, con tập đời viết lách
Nhưng kiếp con tầm phải nhả tơ
Nhớ mãi ghe dăng sông nước rộng
Quê hương... con thấy đẹp đôi bờ.*

*Nếu phải non sông ngừng chiến trận
Yên vui thôn xóm rộn hoan ca
Con về bên chiếc ghe dăng cá
Sưởi ấm lòng Ba lúc tuổi già..."*

Ở bên này bờ đại dương khi nghe tin Má mất (năm 2002), tôi đã viết bài thơ 68 câu thăm đậm nỗi đau...

(...)

*"Má của con tám mươi chín tuổi hơn
Tám mươi chín năm làm người cõi thế
Tám mươi chín năm đắm chìm bao đau bể
Tám mươi chín năm - chớp mắt buông xuôi.*

*Má của con đi trọn một kiếp người
Đã in đậm lòng con muôn vàn dấu ấn
Từ tuổi thơ đến những ngày mãn tận
Má chỉ làm dân ruộng rẫy bình thường*

*Má của con - một bà Má miệt vườn
Chơn chất thật thà nói năng bộc trực
Má không thích đái bôi lừa lọc
Nên dạy con hãy ngay thẳng làm người..."*

Trong chùm lục bát "*viết tặng những người thân yêu nhất của tôi*", đoạn viết CHO CON, tôi đã dàn trải lòng mình với đứa con đầu lòng, giao thừa khai bút đầu năm 1971 tại Ngã Tư Cây Dương Phụng Hiệp:

*Chào đời giữa buổi chiến chinh
Con mang tiếng khóc gieo tình cho ba*

*Còn đây giọng trẻ tu oa
Còn đây hình ảnh chia xa ngút ngàn
Biết chăng trận chiến tương tàn
Biết chăng con hồi Lê Hoàng Viễn Phương?
Gọi tên con với quê hương
Cho vơi chua xót đau thương kiếp người
Lấy xương máu dựng cuộc đời
Ba như cơn trốt giữa thời đạn bom".*

Hay như bốn câu đầu bài thơ QUA TRƯỜNG CŨ MÙA KHAI HỌC tôi đã viết (năm 1991):

*"Xa tấp rồi em những tháng năm.
Sân trường, lớp học đã mù tăm.
Bạn bè ngày cũ giờ trôi giạt.
Ai mất, còn ai giữa lặng thâm?"*

Hoặc bài thơ dài 48 câu: THƯ GỎI VỢ HIỀN tôi viết lúc ở trong trại "lao tù cải tạo" (1980), những câu sau cuối:

*Anh sẽ về dưới mái gia đình
Bên em chung gánh nợ ba sinh
Quên đi ngày tháng tràn đau khổ
Và nhớ khôn nguôi chuyện chúng mình.*

*Anh quyết trọn đời không đổi dạ
Bởi em hiền phụ, bởi con thơ
Mặc cho cuộc sống ngàn dâu bể
Nhưng chuyện tình chung một bến bờ.*

Ở bài thơ NHẮC LÀM GÌ NHỮNG CHUYỆN ĐAU LÒNG tôi viết tháng 4/1995, khi đọc được những bài viết, những hồi ký nhằm bươi móc, chửi bới, đổ lỗi cho nhau... để mang đến thảm trạng đau lòng là cả miền Nam VNCH bị CS cưỡng chiếm, 8 câu cuối:

*Cuộc sống đời người khó vượt qua trăm tuổi
Nhưng tiếng lưu danh mãi mãi trường tồn
Xấu tốt... đâu cần tô vẽ thiệt hơn
Bởi "lịch sử đúng" là "cán cân công lý".*

*Nên bây giờ - đã phần tư thế kỷ
Nhắc làm gì những chuyện đau lòng
Đường ta đi hãy giữ mãi sáng trong
Kẻ gian dối - thế lực nào cũng bị đời lật tẩy.*

Trong khi đó hơn 30 năm trước, năm 1966 tôi đã viết bài thơ SẼ KHÔNG CÒN MỘNG THI NHÂN NỮA dài 52 câu khi bắt chợt nhìn thấy một góc cuộc đời, mà 8 câu cuối như sau:

*Tuổi thơ theo với tuổi tên mình
Anh tiếc thắm cho kiếp học sinh
Buổi trước nếu Cô đừng khuyên dạy
Thì anh đâu để khổ nhân tình!*

*Em ơi, bây giờ anh chợt hiểu
Làm thơ đâu đổi được tình yêu
Sẽ không còn mộng thi nhân nữa
Để chuyện trăm năm được mỹ miều.*

Và gần đây nhất, khi hay tin bạn thân Nguyễn Bạch Dương vừa mất (12/2006) tôi đã viết bài thơ 20 câu, mà 8 câu sau cùng:

*Ngôi đây nhằm tính mình tôi
Bạn đi như thế sẽ thôi lụy phiền
Trần gian đông đảo bạn hiền
Tiếc thương xin góp lời khuyên chân tình*

*Ở nơi nào cũng an bình
Dương ơi, rồi lại chúng mình gặp nhau
Bởi chung cõi tạm ưu sầu
Về nơi miền viễn - nhịp cầu thủy chung.*

Tập **BẢN THẢO LƯU LẠI** này không phải là tập thơ tuyển như các bạn thơ đã xuất bản ra mắt bạn đọc khắp nơi mà chúng ta thường bắt gặp, mà thu hẹp trong gia đình và một số bạn bè chí cốt, với số lượng đếm vừa tròn đôi bàn tay. **Điều tôi muốn khi thực hiện tập BẢN THẢO LƯU LẠI** này, là tôi mong nhờ những người bạn chí cốt, những người thân trong gia đình giúp giữ lại giùm tôi chút kỷ niệm của một đời người, một khi tôi không còn có mặt trong cuộc sống này nữa.

Con người ở đời, sống chết là lẽ thường, không ai tránh khỏi được. Nhưng khi nghĩ tới, ai cũng phải chạnh lòng. Chính tôi khi viết cho bạn đồng môn Lê Công Tâm (tức Ưu Thức – Vũ Phan Trần, một cây viết khá nổi tiếng thời học PTG năm xưa) khi bạn vừa qua đời 49 ngày, đoạn cuối cũng thoáng có cái nhìn như thế:

*Có một điều nhỏ thôi
Sự đời không ai nhớ
Thời gian và tình nghĩa
Thoáng chốc đã vèo bay!*

*Đến viếng bạn hôm nay
Mà nghe lòng vương vấn
Nghĩa tử là nghĩa tận
Biết vậy. Vẫn nôn nao...*

(1991)

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ của tôi sưu tập và lưu lại mai sau mang những tâm tư tình cảm riêng lẻ của mình với cuộc sống mà mình có duyên may hưởng được trong cõi nhân sinh, nó tầm thường, đơn điệu như vậy, nhưng ít ra cũng là những điều mà tôi đã chắt chiu, gạn lọc trong gần trọn cuộc đời. Cảm ơn ân nhân, bằng hữu, gia đình - Cảm ơn mọi người bấy lâu nay đã dành cho tôi những cảm thông và ân nghĩa.

Houston, Giáng Sinh 2007
25-12-2007

HUYỀN VÂN THANH

(Về Nguồn – Tây Đô)

(*) Đây là những dòng chữ mà bạn tôi, nhà thơ Lê Trúc Khanh - thư ký thường trực của Văn Nghệ Về Nguồn đã viết trong cuối thập niên 1960 của thế kỷ trước.

Sở tay Văn Học kỳ này xin dừng ở đây. Văn Hoá Việt Nam kính mời quý anh, chị Nhà Văn, Nhà Thơ, Nhà hoạt động Văn Hoá - Giáo Dục... mỗi người góp một bàn tay về xây dựng ngôi nhà Văn Hoá Việt Nam để mỗi ngày thêm khởi sắc. Mong lắm thay.

**MỜI BAN TÌM ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NHIỀU NGƯỜI CÙNG ĐỌC
& ỦNG HỘ TẠP CHÍ "VĂN HOÁ VIỆT NAM" CỦA CHÚNG TA**

VĂN HOÁ VIỆT NAM 69 * 14 * MÙA HÈ 2015



TẠ QUỐC TUẤN

NHẬT BẢN ĐẢO CHÍNH LẬT ĐỔ CHÍNH QUYỀN ĐÔ HỘ PHÁP Ở VIỆT NAM

Cuộc đô hộ Việt Nam của Pháp, bắt đầu từ năm 1862, kéo dài 83 năm, cũng như tình trạng một cổ hai tròng, thực dân Pháp và phát xít Nhật Bản, mà người dân Việt Nam phải chịu đựng từ tháng 9.1940, đột ngột có chuyển biến ngày 9.3.1945 (25 tháng giêng năm Ất Dậu) khi quân đội Nhật Bản, lúc đó đang chiếm đóng Việt Nam (từ tháng 9.1940), đã mở một cuộc đảo chính, mệnh danh là Meigo Sakusen (Chiến dịch Minh nguyệt), lật đổ chính quyền đô hộ Pháp ở Việt Nam. Cuộc đảo chính này đã mở đầu cho việc khôi phục chủ quyền và độc lập của nhân dân Việt Nam.

Sau khi cuộc đảo chính đã hoàn tất, quân đội chiếm đóng Nhật Bản đã thay thế các viên chức và quân sĩ Pháp trong hạ tầng cơ sở thuộc địa; ngoài ra, không có thay đổi gì khác. Tuy nhiên, các lực lượng quân sự Pháp Tự do và một số quân sĩ bản xứ vẫn theo Pháp đã mở những trận đánh du kích chống Nhật Bản cho đến khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh ngày 15.8.1945.

I.- Các Nguyên Nhân Đưa Đến Cuộc Đảo Chính

Sau khi Pháp đầu hàng Đức Quốc Xã năm 1940, Việt Nam là thuộc địa duy nhất của một quốc gia Tây phương mà chính quyền đô hộ ngoại bang không bị Nhật Bản thay thế, như đối với các thuộc địa của Hoa Kỳ (Phi Luật Tân), Anh (Mã Lai), và Hà

Lan (Nam Dương). Đó là bởi vì chính quyền đô hộ Pháp trung thành với chính phủ Vichy bên Pháp theo Đức Quốc Xã và mau chóng đầu hàng Nhật Bản và để cho Nhật Bản mang quân vào chiếm đóng Việt Nam từ tháng 9.1940. Suốt từ đó cho đến đầu năm 1945, chính quyền đô hộ Pháp đã tích cực hợp tác với Nhật, không những để cho Nhật Bản đóng quân ở Việt Nam, mà còn cho Nhật Bản sử dụng các căn cứ quân sự của Pháp tại đây để bành trướng ra khắp vùng Đông Nam Á Châu: Thái Lan, Mã Lai (nay là hai nước Mã Lai Á và Tân Gia Ba), Phi Luật Tân, v.v. Ngoài ra, chính quyền đô hộ Pháp còn cung cấp cho Nhật Bản lúa gạo, tiền bạc, và các nguyên liệu chiến lược. Do đó, trong suốt thời gian này Nhật Bản thấy không cần thiết phải lật đổ chính quyền đô hộ Pháp tại Việt Nam và thay thế bằng một chính quyền của mình.

A.- Các Hoạt Động của Pháp

Tuy nhiên, việc Nhật Bản chiếm đóng Việt Nam năm 1940 đã tạo nên vấn đề quan trọng cho chính phủ Pháp do Thiếu tướng Charles de Gaulle (1890-1970) cầm đầu.

Ngày 8-12-1943, từ Alger, thủ đô nước Algérie (khi đó còn là thuộc địa của Pháp), Ủy ban Giải phóng Quốc gia Pháp (Comité Française de Libération Nationale; lập ngày 3.6.1943) ra thông báo về chính sách của Pháp đối với Đông Dương, trong đó nói rằng:

“... Với các dân tộc đã biết xác định cùng một lúc tình cảm yêu nước và ý thức trách nhiệm chính trị của mình, nước Pháp đồng ý ban hành, bên trong cộng đồng Pháp, một qui chế chính trị mới trong khuôn khổ của tổ chức liên bang, những quyền tự do của các nước khác nhau trong Liên hiệp sẽ được nói rộng và xác lập; tính chất tự do rộng rãi của các chế độ sẽ được nhấn mạnh mà không mất dấu hiệu của nền văn minh và truyền thống Đông Dương; như vậy, rốt cuộc người Đông Dương có thể nhận làm bất cứ công việc gì và chức vụ nào của quốc gia.

“Cùng với sự cải cách qui chế chính trị này, sẽ có một cuộc cải cách qui chế kinh tế của cả Liên hiệp mà, trên căn bản tự trị về quan thuế và thuế khóa, sẽ bảo đảm sự phồn thịnh của Liên hiệp và góp phần vào sự phồn thịnh các lân bang...” (Philippe Devillers, **Paris Saigon Hanoi**, Gallimard-Julliard, Paris, 1988, tr. 23.)

Đến khi ở Âu Châu Đức Quốc Xã bắt đầu thua trận, và Đồng Minh càng ngày càng thắng thế, thì Ủy ban đã thay đổi thái

độ. Ngày 1.2.1944, để chuẩn bị tái chiếm Đông Dương, Ủy ban cử Đại tướng Charles Blaizot (tên đầy đủ: Roger Charles André Henri Blaizot, 1895-1981) làm Tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông (Forces Expéditionnaires Françaises en Extrême-Orient), gồm 2 lữ đoàn thuộc địa là Madagascar và Cameroun, và một Quân đoàn Khinh binh Ứng chiến (Corps Léger d'Intervention), đặt dưới quyền Bộ Tư lệnh Đông Nam Á Châu (South-east Asia Command) do Đô đốc Anh, Bá tước Louis Mountbatten (tên đầy đủ Louis Francis Albert Victor Nicholas Mountbatten, 1900-1979), làm Tư lệnh Tối cao.

Ngoài ra, sau một cuộc họp tại Brazzaville ở Congo từ 30-1 đến 8-2-1944, Ủy ban đã ra một bản tuyên bố, trong đó nói rằng:

“Các mục đích của sự nghiệp thực dân mà nước Pháp thực hiện tại các thuộc địa đã loại bỏ ý định tự trị, mọi khả năng tiến hóa ngoài khuôn khổ đế quốc Pháp: cơ cấu một chính phủ tự trị có thể có tại các thuộc địa dù cho còn lâu mới được thực hiện, phải bị loại trừ.” (Hoàng Hiến, **Vua Duy Tân**, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1996, tr. 90.)

Rồi sau khi được giải phóng, Pháp đã thành lập Quân đoàn Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông (Corps Expéditionnaire Français en Extrême-Orient; thường được gọi là Đoàn Viễn chinh Pháp), do Đại tướng Philippe Leclerc (tên đầy đủ là Philippe Francois Marie Leclerc de Hauteclocque; sau lại đổi tên là Jacques Philippe Leclerc de Hauteclocque; 1902-1947) làm Tư lệnh, nhằm chuẩn bị gửi sang Đông Dương đánh Nhật Bản và chiếm lại Đông Dương. Tuy nhiên, Quân đoàn này đã mất cơ hội vì ngày 15.8.1945, Nhật Hoàng Hirohito (tại vị năm 1926-1989) đã tuyên bố đầu hàng. Ngoại trừ ở tỉnh Thái Nguyên quân đội Nhật Bản không chịu đầu hàng mãi tới ngày 26.8.1945

Mặt khác, bắt đầu từ năm 1942, nhiều phái viên thuộc tổ chức “Lực lượng Pháp Tự do” của tướng De Gaulle, được Anh bảo trợ, đã bắt liên lạc với những sĩ quan Pháp tại các đồn biên giới Việt Hoa để bí mật thành lập những tổ chức kháng chiến chống lại Nhật Bản. Chẳng bao lâu một hệ thống tình báo đã được thành lập bên trong Việt Nam, được sự yểm trợ của các lực lượng kháng chiến Pháp, cung cấp các tin tức về hoạt động quân sự của Nhật Bản cho các cơ quan tình báo Hoa Kỳ đóng tại Hoa Nam.

Ngày 29.2.1944, De Gaulle đã bí mật tiếp xúc với Trung tướng Eugène Mordant (1885-1959), Tư lệnh các lực lượng quân sự Pháp ở Đông Dương, và nhờ vậy đã gián tiếp kiểm soát được Đông Dương mà không thông báo gì cho Toàn quyền Jean Decoux (1884-1963) cả. Từ đó, các lực lượng quân sự Pháp tích cực hoạt động chống Nhật Bản.

Ngày 5.6.1944 quân đội Đồng Minh đổ bộ lên Normandie, một địa khu ở tây-bắc bộ nước Pháp, và thủ đô Ba Lê (Pháp) được giải phóng ngày 25.8.1944. Chính phủ Vichy không còn tồn tại nữa khi Thống chế Philippe Pétain (tên đầy đủ là Henri Philippe Benoni Omer Joseph Pétain; 1856-1951) cùng các bộ trưởng trong Chính phủ Vichy được quân đội Đức Quốc Xã đưa sang Đức. Một chính phủ mới, mệnh danh là Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp, được thành lập ngày 10.9.1944 do Tướng Charles de Gaulle cầm đầu.

Tuy nhiên, ở Việt Nam, chính quyền đô hộ Pháp vẫn tồn tại, mặc dù Toàn quyền Jean Decoux đã công nhận và liên lạc với Chính phủ Lâm thời.

Còn các lực lượng kháng chiến của Pháp ở Việt Nam, kể cả các giới chức cao cấp nhất trong chính quyền đô hộ và quân đội Pháp tại đây, đã tìm cách liên lạc với phe kháng chiến của De Gaulle. Họ do Đại tướng Roger Blaizot, Tư lệnh Lực lượng Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông, từ Pháp tới và 3 tướng lãnh Pháp ở Việt Nam là Trung tướng Eugène Mordant, Trung tướng Gabriel Sabattier (tên đầy đủ Gabriel Camille Ange Sabattier, 1892-1966), Thiếu tướng Marcel Alessandri (1895-1965) lãnh đạo. Họ đã ráo riết gia tăng hoạt động mạnh và liên lạc trực tiếp với De Gaulle nhận chỉ thị. Họ còn được Đồng Minh tiếp tế súng đạn và chuẩn bị nổi dậy tấn công các đồn binh Nhật Bản trong kế hoạch chiếm lại Đông Dương nêu quân đội Đồng Minh đổ bộ vào Đông Dương đánh quân Nhật Bản. Ngoài ra, Cơ Quan Thống Kê Quân Sự, một cơ quan tình báo của quân đội Pháp tại Hà Nội, thường xuyên liên lạc vô tuyến với phái bộ Quân Sự Pháp của chính phủ De Gaulle đặt văn phòng tại Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

Đây là chưa kể một số mạng tình báo của người Pháp đã làm việc với Sở Dịch Vụ Chiến Lược (Office of Strategic Services, OSS), tiền thân của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương (Central Intelligence Agency, CIA), của Hoa Kỳ. Ngoài ra, Lực Lượng 136

(Force 136), đơn vị biệt kích và tình báo của Anh Quốc, đã thả dù các dụng cụ và người (cả Anh lẫn Pháp) vào Việt Nam.

Từ năm 1944 đến năm 1945 các oanh tạc cơ B-24 Liberator trực thuộc Lực lượng 136 của Anh đã thả dù 40 binh sĩ đột kích thuộc cơ quan tình báo Pháp là Sở Tình báo và Công tác Trung ương (Bureau Central de Renseignements et d'Action) và trinh sát viên thuộc Quân đoàn Khinh binh Ứng chiến, do Trung tá Paul Huard chỉ huy, xuống Đông Dương.

Như vậy chưa hết. Ngày 1.1.1945, trong thông điệp gửi cho dân chúng Đông Dương, Toàn quyền Pháp Jean Decoux đã quả quyết rằng Đông Dương vẫn sẽ thuộc Đế quốc Pháp. Hơn nữa, tuy sau khi Pháp được giải phóng và De Gaulle lên nắm chính quyền thì ở Đông Dương Decoux không còn cai trị nhân danh chính phủ Vichy của Thống chế Philippe Pétain nữa, nhưng vẫn được giữ lại chức vụ cũ để làm bình phong che đậy cho Tướng Mordant, bởi vì tuy Mordant chính thức được đặt tên vào danh sách hồi hưu (từ ngày 12.9.1944), nhưng trong thực tế Mordant được De Gaulle bổ nhiệm làm Tổng Ủy viên Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp ở Đông Dương. Vì vậy, ngày 23.2.1945, Decoux đã gửi một điện văn tối mật cho chính phủ De Gaulle, một mặt nói rằng Nhật Bản vẫn tôn trọng chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, nhưng mặt khác đã yêu cầu được báo cho biết trước những biện pháp mạnh để xua đuổi Nhật Bản ra khỏi Đông Dương. Decoux còn nói rằng dân Pháp ở Đông Dương trung thành với De Gaulle.

Đầu năm 1945, Pháp lại cho lập Quân đoàn Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông (Corps Expéditionnaire Français en Extrême-Orient), do Philippe Leclerc làm Tư lệnh, để thay thế Lực lượng Viễn chinh đã nói ở một đoạn bên trên. Quân đoàn này gồm các quân trung binh và tình nguyện lấy từ các thuộc địa của Pháp ở Maghreb, Phi Châu, Madagascar và Đông Nam Á Châu, nhằm trợ lực Lực lượng Pháp ở Đông Dương do Tướng Gabriel Sabattier chỉ huy và các nhóm kháng chiến nhỏ thuộc Quân đoàn Khinh binh Ứng chiến.

Ngoài ra, ngày 6.6.1944 Thiếu tá Langlade nhảy dù xuống Việt Nam rồi đi Hà Nội gặp Trung tướng Eugène Mordant và Thiếu tướng Georges Aymé. Từ đó, các phi cơ của Không quân Hoàng gia Anh bắt đầu thả dù các điệp viên Pháp và vũ khí xuống Việt Nam.

Cũng nên nói thêm một sự kiện quan trọng khác đã khiến cho cuộc đảo chính lật đổ chính quyền đô hộ Pháp ở Việt Nam của Nhật được thêm dễ dàng.

Đồng Minh cần sự hợp tác của người Pháp ở Đông Dương, ít nhất là về phương diện tinh báo đối với những cuộc di chuyển và khả năng của quân đội Nhật Bản. Tuy nhiên, lúc đó lại có sự tranh chấp về vấn đề quản hạt giữa Bộ Chỉ huy Đông Nam Á Châu của Anh đặt ở Tích Lan (Ceylon, nay là Sri Lanka) dưới quyền Đô đốc Bá tước Louis Mountbatten và Trung tướng Hoa Kỳ Albert Coady Wedemeyer (1897-1989), tổng chỉ huy Hoa Kỳ ở chiến trường Trung Quốc (trên danh nghĩa chiến trường này được đặt dưới quyền lãnh đạo của Đại Nguyên soái Tưởng Giới Thạch, 1887-1975). Đông Dương trở thành trung tâm của sự tranh chấp khi bộ Chỉ huy Chiến trường Trung Quốc cáo giác là Bộ Chỉ huy Đông Nam Á Châu muốn mở rộng phạm vi hoạt động của mình tới Đông Dương trong âm mưu kiến lập đế quốc. Tuy vụ tranh chấp này cuối cùng đã được giải quyết bằng việc Bộ Chỉ huy Đông Nam Á Châu được coi là Trung Quốc và Tướng Wedemeyer có quyền quản hạt đối với Đông Dương, nhưng Bộ Chỉ huy Đông Nam Á Châu có quyền tiếp tục hoạt động tới vĩ tuyến thứ 16.

Tuy nhiên, chính sách chính của Hoa Kỳ là gạt Pháp ra khỏi Đông Dương. Vì vậy, trong một bì vong lục (memorandum) ngày 13.10.1944 gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Cordell Hull (tại chức năm 1933-1944), Tổng thống Hoa Kỳ Franklin Delano Roosevelt (tại chức năm 1933-1945) nói rằng Hoa Kỳ không nên làm gì đối với những nhóm kháng chiến Pháp hay có dính dáng đến Đông Dương. Sau đó, ngày 3.11.1944, trong một bì vong lục khác gửi cho các tư lệnh chiến trường Hoa Kỳ ở Á Châu, Tổng thống Roosevelt cấm họ không được tán thành bất cứ phái bộ quân sự Pháp nào được Bộ Chỉ huy Đông Nam Á Châu công nhận.

Hai bì vong lục này đã khiến người Pháp phải bỏ tay trong vụ đảo chính của Nhật Bản ngày 9.3.1945.

B.- Nhật Bản Thua Trận ở khắp Mọi Nơi

Xét về một phương diện khác, tuy ngày 6-12-1941, Tổng thống Hoa Kỳ Franklin Delano Roosevelt viết thư đề nghị với Nhật Hoàng Hirohito ký hiệp ước bất tương xâm giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản, và đề nghị Nhật Bản rút quân ra khỏi Đông Dương, nhưng Nhật Bản đáp lại bằng việc bắt ngờ tấn công Trân Châu Cảng (Pearl Harbor) ở Hạ Uy Di (Hawaii) ngày 7.12.1941, phá tan

hạm đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương và giết chết hơn 2.400 người Hoa Kỳ. Do đó, ngày hôm sau, 8.12.1941, Hoa Kỳ cùng Anh tuyên chiến với Nhật Bản, rồi đến ngày 11.12.1941, Hoa Kỳ cũng tuyên chiến với Đức và Ý.

Tới cuối năm 1944, Nhật Bản liên tiếp thua trận ở khắp mọi chiến trường ở Á Châu và Thái Bình Dương. Ngày 20.10.1944, quân đội Hoa Kỳ đổ bộ lên đảo Leyte thuộc Phi Luật Tân, tiếp theo là đảo Luzon thuộc Phi Luật Tân ngày 9.1.1945, và tấn công quân Nhật Bản ở đây. Ngót 1 tháng sau, ngày 7.2, quân đội Hoa Kỳ tiến vào thủ đô Manila của Phi Luật Tân, kịch chiến với quân Nhật Bản và đến ngày 23.2 thì toàn thành phố lọt vào tay quân đội Hoa Kỳ.

Ngay cả thủ đô Đông Kinh (Tokyo) của Nhật Bản cũng nhiều lần bị phi cơ Hoa Kỳ ném bom dữ dội, như vào ngày 4.3.1945 có tới 150 phóng pháo cơ B-29 của Hoa Kỳ dội bom xuống Đông Kinh khiến nhiều khu bị bốc cháy. Hai ngày sau (6.3.1945), phi cơ Hoa Kỳ thả bom nguyên tử đầu tiên xuống Quảng Đảo (Hiroshima), một thành phố ở tận cùng phía tây đảo Bản Châu (Honshu). Tiếp theo là ngày 9.3.1945, bom nguyên tử lại một lần nữa được thả xuống thành phố Trường Kỳ (Nagasaki) ở tây nam đảo Cửu Châu (Kyushu), còn 334 phóng pháo cơ B-29 của Hoa Kỳ ném 2.000 tấn bom xuống Đông Kinh và nhiều thành phố khác của Nhật Bản, khiến cho 83.793 người bị chết và 267.711 nhà bị phá.

C.- *Đông Minh Oanh Kích Việt Nam*

Một nguyên nhân khác nữa khiến Nhật Bản đảo chính ở Việt Nam là việc Đông Minh oanh kích Việt Nam.

Tuy đối với Đông Minh, Việt Nam không phải là mục tiêu lớn lao quan trọng, nhưng vì chính quyền đô hộ Pháp ở đây trung thành với Chính phủ Vichy và đã nhiều lần nhượng bộ Nhật Bản, kể cả cho quân đội, chiến thuyền và phi cơ Nhật Bản đồn trú tại đây, nên từ năm 1942, Đông Minh bắt đầu đánh phá các cơ sở kỹ nghệ cũng như quân sự, và các hạm đội Nhật Bản ở đây đã bị phi cơ và tiềm thủy đình của Đông Minh đánh tan dần.

Mặt khác, tháng 8.1942, Không Lực 14 Hoa Kỳ (Fourteenth Air Force), căn cứ đặt ở Hoa Nam, bắt đầu những phi vụ oanh tạc Đông Dương. Đến tháng 9.1943, những phi vụ đó gia tăng nhiều, và đã oanh tạc cảng Hải Phòng nhiều lần khiến cho

đến cuối năm 1944 thì tàu bè của Nhật Bản hoàn toàn phải tránh xa Hải Phòng.

Ngoài ra, cuối năm 1943, quân đội Hoa Kỳ bắt đầu oanh kích các mỏ phốt phát ở Lào Cai và Cao Bằng. Không quân Hoa Kỳ thực hiện được những phi vụ này nhờ sự giúp đỡ của mạng lưới gián điệp và tình báo đa quốc gia thường được gọi là nhóm “GBT”⁽¹⁾ ở bên ngoài vòng kiểm soát của cả chính phủ Vichy lẫn nhóm Lực lượng Pháp Tự Do.

Rồi đến tháng 9.1944, sau khi Pháp được giải phóng, các phi cơ Hoa Kỳ thả truyền đơn bằng Pháp ngữ lẫn Việt ngữ với hình ảnh thủ đô Ba Lê được giải phóng. Mặt khác, than khai thác từ những mỏ ở Hòn Gai được chở dọc theo bờ biển bằng xe lửa hay thuyền buồm vào Nam để quân đội Nhật Bản đốt làm than khí thay thế dầu xăng càng ngày càng được tiếp tế ít đi vì Đồng Minh đã oanh kích những chuyến chở hàng này khiến cho đến cuối năm 1944 thì việc chuyên chở than bị ngừng hẳn. Ngoài than ra, quân đội Nhật Bản ở Việt Nam còn đốt gạo thành cồn (ethanol) để chạy máy các xe cộ và dùng chất đĩnh thuần (butanol) để chạy phi cơ. Vì vậy 2 nhà máy sản xuất đĩnh thuần ở Chợ Lớn bị oanh kích tháng 2.1944 và các nhà máy sản xuất cồn ở Nam Định và Thanh Hóa bị oanh kích nhiều lần trong tháng 3.1944. Theo báo cáo của Sở Dịch vụ Chiến lược của Hoa Kỳ, trong mùa hạ năm 1944, số lượng sản xuất cồn ở Bắc Kỳ gia tăng rất nhanh mặc dù lúc đó nạn đói đang hoành hành dữ dội.

Hơn nữa, trong hai tháng 4 và 5, các oanh tạc cơ Hoa Kỳ còn bắn phá các nhà máy dệt ở Hải Phòng và Nam Định; tuy nhiên dân các làng lân cận đã dệt vải bằng tay theo lối cổ truyền. Trong tháng 5, các oanh tạc cơ Hoa Kỳ ban đêm bay đến Sài Gòn, bắn phá những cơ sở thiết bị hải cảng và các nhà ga xe lửa. Dù không cố ý, một đôi lần khu dân cư cũng bị vạ lây, như ngày 16.5.1944, trong một vụ oanh tạc của không quân Hoa Kỳ, 213 thường dân bản xứ bị trúng bom đạn chết và 843 người bị thương, hay ngày 7.2.1945 một pháo đài bay B-29 từ thành phố Calcutta (Ấn Độ) bay sang Sài Gòn, nhưng vì trời đầy mây nên đã thả bom lầm xuống một bệnh viện và một doanh trại Pháp ở đây, giết chết 30 người Âu Châu và 150 người Việt Nam và hàng trăm người khác bị thương mà người Nhật Bản không có một ai bị hại cả. Ngay cả chiến hạm Lamotte-Picquet của Pháp cũng bị phi cơ Hoa Kỳ đánh chìm lằm ngày 12.1.1945.

Đầu năm 1945, Lực lượng 136 của Anh đã thả dù một số trinh sát Pháp Tự Do xuống Đông Dương. Những người này cung cấp cho các bộ tư lệnh Anh ở Ấn Độ và Trung Quốc thông tin chi tiết về các mục tiêu, quan trọng nhất là những di chuyển tàu bè dọc theo bờ biển, để chuyển cho Hoa Kỳ. Nhờ đó mà tháng 1.1945 phi cơ từ một hàng không mẫu hạm của Hoa Kỳ ở ngoài khơi đã xuất hiện tại Sài Gòn và thả bom đánh chìm 24 tàu và làm hư hại cho 13 tàu khác của Nhật Bản đang đậu tại cảng này.

Mặt khác, vì nạn đói vẫn lan rộng tại Việt Nam (sẽ xét trong bài “*Trận Đói Ất Dậu 1945*”), ngày 8.3.1945, Trung tướng Eugène Mordant đã điện cho Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Pháp ở Ba Lê yêu cầu làm áp lực để cho Hoa Kỳ phải ngưng các chiến dịch oanh tạc các hải cảng ở phía bắc thành phố Vinh hầu có thể ngăn ngừa nạn khan hiếm lương thực.

Ngoài ra, tuy có lời yêu cầu của Pháp, Không lực 14 của Hoa Kỳ đã không thể thực hiện những phi vụ chiến thuật để che chở cho Pháp chiến đấu ở Lạng Sơn chống lại cuộc đảo chính của Nhật Bản ngày 9.3.1945, bởi vì quân Pháp và quân Nhật Bản ở những vị trí quá gần nhau nên phi cơ không thể oanh tạc được.

D. - Kinh Tế Khó Khăn

Lại nữa, tình hình kinh tế trở nên khó khăn cho quân đội chiếm đóng Nhật Bản ở Việt Nam. Những vụ oanh tạc của phi cơ Hoa Kỳ đã ngăn cản Nhật Bản không thể chuyên chở hàng hóa tới Đông Dương, và vì các hạm đội của Hoa Kỳ đã phong tỏa bờ biển Việt Nam và phi cơ Hoa Kỳ càng ngày càng gia tăng oanh tạc các đường giao thông trong nội địa, các hàng xuất cảng từ Đông Dương cũng càng ngày càng thêm khó khăn. Thêm vào đó là hai thiên tai, rét và cuồng phong, đã phá hoại mùa màng ở ngoài Bắc, còn gạo ở trong Nam chỉ chờ ra tiếp tế được có rất ít, mà lại là tiếp tế lén lút, khiến cho một trận đói khủng khiếp nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam đã giết chết ngót 2 triệu người từ Quảng Trị trở ra Bắc (sẽ xét trong bài “*Trận Đói Ất Dậu 1945*”).

Trước tình thế này, Nhật Bản e rằng Pháp sẽ không còn hợp tác nữa và nếu các lực lượng Đồng Minh tấn công Đông Dương thì quân đội Pháp tại Đông Dương chắc chắn sẽ theo Đồng Minh chống lại Nhật Bản. Ngoài ra, những tin tức thu lượm được về các hoạt động ngầm của Pháp và cả những chương trình phát thanh trong đó Chính phủ De Gaulle luôn luôn tuyên bố ý định sẽ chiếm lại Đông Dương bằng vũ lực, đã khiến cho Nhật Bản quyết

định thực hiện chiến dịch Meigo đã hoạch định sẵn từ trước để lật đổ chính quyền Pháp tại Đông Dương và tiêu diệt các lực lượng quân sự Pháp để có thể trực tiếp cai trị ở đây.

II.- Cuộc Đảo Chính

Theo thỏa ước quân sự Toàn quyền Jean Decoux ký với Nhật Bản năm 1940 (đã nói trong bài “**Nhật Bản Chiếm Đóng Việt Nam**” (*VHVN số 68 mùa Xuân 2015*) quân đội Nhật Bản được phép đồn trú ở nhiều căn cứ trong toàn cõi Đông Dương. Đến đầu năm 1945, có khoảng 30.000 quân sĩ Nhật Bản ở đây, và lực lượng này đã được tăng cường đáng kể với những đoàn quân từ Miền Điện đưa sang. (*Douglas Porch, The French Foreign Legion: A Complete History of the Legendary Fighting Force, Harper Perennial, New York & London, 1991, tr. 511–513*)

Xin mở một dấu ngoặc ở đây. Có thuyết cho là những đoàn quân này là một sư đoàn bộ binh đang tác chiến ở Hoa Nam được chuyển tới.

Tới đầu tháng 3.1945, khi có cuộc đảo chính, thì quân số Nhật Bản lên tới khoảng 65.000 người. Với lực lượng mới này, bộ Tư lệnh Quân đoàn 38 Nhật Bản (ngày 12.11.1944, Ấn Độ Chi Na Trú Đồn Quân Nhật Bản đã đổi thành Quân đoàn 38) đã có thể tăng cường các lực lượng trú đóng tại Trung Kỳ và thiết lập thêm những đồn khác tại Bắc Kỳ và Nam Kỳ quanh nhiều thành phố có những doanh trại của quân đội Pháp và, trong phần lớn trường hợp, ở trên những trục lộ chính mà quân Pháp phải di chuyển nếu phải rút lui.

Mặt khác, trước ngày Nhật Bản đảo chính, quân đội Pháp ở Đông Dương chỉ gồm có khoảng 16.500 quân chính qui Pháp thuộc một trung đoàn thuộc địa và 3 tiểu đoàn lính Lê Dương, và khoảng 38.500 lính tập bản xứ dưới quyền chỉ huy của các sĩ quan Pháp (*Maurice Rives, Les Linh Tap: Histoire des Militaires Indochinois au Service de la France, Lavauzelle, Panazol, 1999, tr. 93*). Tuy nhiên, từ khi Pháp đầu hàng Đức Quốc Xã năm 1940, quân đội Pháp ở Đông Dương không được thay thế và cũng không nhận được các tiếp liệu từ bên ngoài.

Đến khi quân đội chiếm đóng Nhật Bản mở cuộc đảo chính ngày 9.3.1945 thì các đồn binh Pháp quá mệt mỏi với những vụ bạo động và vì bị cô lập, lại thêm chỉ được trang bị với những

vũ khí lỗi thời, nên đã hết sức ngỡ ngàng. Trong số quân sĩ Pháp ở Đông Dương, có Trung đoàn 5 Bộ binh Lê Dương, với 3 tiểu đoàn vừa có nhiều kinh nghiệm nhất lại có kỷ luật nhất, trong đó 2 tiểu đoàn đã từng chiến đấu có hiệu quả nhất trong trận chiến chống Xiêm La (nay là Thái Lan) tháng 1.1941. Còn không quân thì chỉ ọt vài phi cơ lỗi thời; tối tân nhất thì chỉ có mấy khu trục cơ Morane-Saulnier MS 406 hãy còn dùng được. Các quân sĩ trong Trung đoàn 5 Bộ binh Lê Dương vì bị phân bố quá mỏng nên đã bị tổn thất nhiều.

Mặt khác, ngày 5.3.1945, theo lời yêu cầu của quân đội chiếm đóng Nhật Bản, Toàn quyền Jean Decoux đã bằng lòng sửa lại hiệp định ký với Nhật Bản năm 1941 (đã nói trong bài “**Nhật Bản Chiếm Đóng Việt Nam**”) để tăng số gạo nộp cho Nhật Bản năm 1945.

Đến ngày 8.3.1945, một gián điệp của Pháp làm việc cho cơ quan an ninh của Nhật Bản báo cho Pháp biết rằng Nhật Bản dự trù sẽ tấn công vào đêm 8 rạng ngày 9 tháng 3, nhưng bộ chỉ huy Pháp lại không cho rằng tin đó là đúng, nên không có sửa soạn, báo động gì cả. Chỉ riêng Trung tướng Gabriel Sabattier, Tư lệnh quân Pháp ở Bắc Kỳ, tự động ra lệnh báo động, rồi rời Hà Nội lên Sơn Tây để chuẩn bị. Nhờ vậy toán quân Pháp đóng tại chùa Thông (các tài liệu Pháp và ngoại quốc viết là “*Tong*”, nay thuộc thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội) có thể thoát ra khỏi vòng vây của quân Nhật Bản, chạy sang Trung Quốc (sẽ xét trong một đoạn bên dưới).

Chiều ngày 9.3.1945 (có tài liệu viết là 6 giờ, có tài liệu viết là 7 giờ, có tài liệu viết là 8 giờ), Đại sứ Nhật Bản Matsumoto Shunichi (Tùng Bản Tuấn Nhất, 1897-1987) đến Dinh Norodom, phủ Toàn quyền Pháp ở Sài Gòn (sau này, ngày 7.9.1954, đổi gọi là Dinh Độc Lập) gặp Toàn quyền Jean Decoux, đưa ra một tối hậu thư, đòi Pháp phải: (a) cam kết chống lại Đồng Minh, nếu quân đội Đồng Minh đổ bộ vào Đông Dương; (b) đặt tất cả lực lượng quân sự, hải lực không quân và cảnh sát mật thám cũng như là các cơ quan hành chính, kinh tế và viên chức Pháp dưới quyền điều khiển của Tổng Tư lệnh Nhật Bản ở Đông Dương. Matsumoto hạn cho Decoux phải trả lời trong 2 tiếng đồng hồ.

Đến 9 giờ tối, khi Decoux yêu cầu điều đình về yêu sách của Nhật Bản thì quân đội Nhật Bản liền bao vây phủ Toàn quyền, giam giữ Decoux tại phủ.

Xin mở một dấu ngoặc khác ở đây. Có tài liệu nói là Decoux bị giam giữ ở Lộc Ninh ngay từ đầu. Thực ra, ngày 9.3 Decoux bị Nhật Bản giam giữ tại phủ Toàn Quyền ở Sài Gòn, đến ngày 7.5.1945 mới bị giải tới một đồn điền cao su ở Lộc Ninh và bị giam ở đây.

Mặt khác, biết trước là chắc chắn Pháp không thể chấp nhận những đòi hỏi này, quân Nhật Bản đã tiến hành ngay việc chiếm đóng những cơ sở hành chính và quân sự trên toàn cõi Đông Dương bằng cách là bộ Tham mưu Quân đoàn 38 đã mời các nhà cầm quyền dân sự và quân sự Pháp ở Sài Gòn, đến dự dạ tiệc vào 7g (có tài liệu viết là 6g) chiều ngày 9.3.1945. Tuy nhiên, tiệc xong thì tất cả mọi người dự tiệc đều bị bắt giữ làm tù binh và nhiều người bị giết chết, trong đó có Trung tá Amiguet và Đại đội trưởng Leroy. Phương thức này còn được quân đội Nhật Bản sử dụng ở nhiều nơi khác tại Việt Nam.

Tiếp theo đó, từ 10 giờ tối, quân đội Nhật Bản đã nổ súng đánh quân Pháp ở Hà Nội và các nơi khác trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Ở nhiều nơi, các đồn binh Pháp bị quân Nhật Bản bao vây và quân Pháp đã đầu hàng ngay vì hầu hết các chỉ huy Pháp đều bị Nhật Bản bắt tại nhà họ hay nhà của các sĩ quan Nhật Bản mà họ được mời đến ăn uống (như đã nói ở đoạn trên).

Bị đánh bất ngờ, kháng cự của quân Pháp tương đối rất yếu ớt.

Ở miền Nam, tại Sài Gòn, những sĩ quan chỉ huy quân đội Pháp đến dự dạ tiệc của các sĩ quan cao cấp Nhật Bản đều bị bắt giữ và hầu hết bị giết chết (*Martin Windrow, The Last Valley, Weidenfeld & Nicolson, London, 2004*), còn những quân lính Pháp khác chỉ chống cự được có một đêm rồi phải đầu hàng. Các đồn binh Pháp ở Thủ Dầu Một và Vũng Tàu cũng lâm tình trạng như vậy. Tại Cần Thơ, một vài toán nhỏ quân Pháp rút lui được vào khu rừng tràm và đầm lầy ở Cà Mau và bắt đầu đánh du kích, cầm cự thêm được mười ngày nữa thì phải đầu hàng vì hết đạn dược và lương thực.

Tại miền Trung, các đồn binh Pháp ở Qui Nhơn, Đông Hà và Quảng Ngãi cầm cự được qua đến ngày hôm sau, 10.3.1945, mới đầu hàng. Riêng tại Huế, nhờ có chuẩn bị trước, Pháp cầm cự được lâu hơn và gây thiệt hại khá nặng cho quân tấn công Nhật Bản.

Còn ở miền Bắc, nơi tập trung những lực lượng thiện chiến nhất của Pháp, sức kháng cự cũng không khá hơn bao nhiêu.

Tại tỉnh Hà Giang, quân Nhật Bản dùng đàn bà trẻ con Pháp ở trong các trại binh làm bia khi tấn công các đồn.

Ở Lạng Sơn, Thiếu tướng Émile-René Lemonnier (1893-1945), chỉ huy trưởng tiểu khu Lạng Sơn, cũng nhận được lời mời của quân đội Nhật Bản đến dự dạ tiệc tại trụ sở của sư đoàn quân đội Nhật Bản. Lemonnier từ chối lời mời, nhưng cho phép mấy sĩ quan thuộc hạ đến dự. Tuy nhiên, mấy sĩ quan này đã bị quân Nhật Bản bắt giữ và sau đó đến lượt Lemonnier cũng bị bắt giữ luôn. Một viên tướng Nhật Bản ra lệnh cho Lemonnier ký văn kiện đầu hàng và chính thức trao quân đội do ông chỉ huy cho Nhật Bản. Khi ông từ chối, không chịu ký, chúng đem ông ra khỏi Lạng Sơn, bắt cùng với Công sứ Lạng Sơn (có tài liệu chép là Thống sứ Bắc Kỳ) Camille Auphelle (?-1945) đào các huyệt. Một lần nữa, Lemonnier không chịu ký văn kiện đầu hàng, cả hai bèn bị chúng chặt đầu (*Hugh McLeave, The Damned Die Hard, Saturday Review Press, New York, 1973, tr. 199-204*). Có khoảng 200 người Âu Châu và Việt Nam bị chúng giết chết. Hai ngày sau, Đại tá Robert cũng chung số phận.

Ngoài ra, có 10.000 quân sĩ Nhật Bản tấn công đồn Brière-de-l'Isle, một đồn lũy được xây dựng kiên cố nhất. Quân trong thành kháng cự suốt đêm. Vì Nhật Bản đã dùng nội ứng nên cuộc chiến chỉ kéo dài được có 20 tiếng đồng hồ thì đồn rơi vào tay quân đội Nhật Bản. Tổng cộng có 120 người bị giết chết, 140 người bị trọng thương phải điều trị trong bệnh viện và nhiều người bị thương khác (không rõ bao nhiêu) nhưng nhẹ hơn. Một đội xe cơ giới hóa dưới quyền chỉ huy của Thiếu úy Duronsoy bị tàn sát ở bên đồn Brière-de-l'Isle. Sau trận chiến này, các nhân viên dân sự và những quân sĩ còn sống sót của hai đội của Liên đoàn Hỗ trợ Bộ binh Thuộc địa 19 (19e Régiment Mixte d'Infanterie Coloniale, thành lập tháng 5.1933) bị tàn sát rất dã man, lính Nhật Bản dùng lưỡi lê đâm chết những người còn sống. Trong 3 ngày 11, 12 và 13.3 có 460 người đã trốn thoát nhưng bị bắt lại và những người bị thương nhưng có thể đứng được bị quân Nhật đưa ra bờ một cái hầm hay bờ sông Kỳ Cùng dùng gươm hay rìu chặt đầu, xả súng bắn, dùng lưỡi lê đâm xuyên người, hay cuộc thuồng cho chết.

Tại Đồng Đăng một trung đội lính tập Bắc Kỳ và một pháo đội thuộc địa chống cự lại quân Nhật Bản nhưng chỉ được 3 ngày rồi bị chúng tàn sát. Tất cả 53 người đều bị chúng giết chết. (*Rives, sđd., tr. 95*)

Tại Hà Nội, lệnh báo động của Tướng Gabriel Sabattier bị Tướng George Aymé hủy bỏ, thành ra quân trú đóng trong thành Hà Nội đã bị bất ngờ khi quân Nhật tấn công. Mặc dù vậy, toàn quân này cũng chống cự khá mãnh liệt cho đến ngày hôm sau khi không còn đạn dược nữa mới chịu đầu hàng. Ngoài ra, cũng tại Hà Nội, đại úy Fenautrigues và 120 lính Lê Dương bị bao vây trong thành. Được hai chánh quân Roman và Demont khuyến khích, họ đã kháng cự trong nhiều tiếng đồng hồ. Đại úy là một trong những người tử trận đầu tiên và phân nửa quân sĩ bị loại khỏi vòng chiến.

Ở chùa Thông, quân Nhật Bản dùng lưới lê và kiếm tàn sát binh sĩ Pháp. Ở khắp mọi nơi, lính Lê Dương cũng như những quân lính Pháp khác đều bị giết chết sau khi đã ra đầu hàng.

Ngày hôm sau, 10.3, quân lực Nhật Bản kiểm soát được toàn Đông Dương và thiết quân luật. Hầu hết các đơn vị Pháp đều bị tước khí giới và câu lưu. Đại sứ Matsumoto Shunichi từ Sài Gòn ra Huế, đến gặp vua Bảo Đại (tại vị năm 1925-1945) và nói với vua rằng Việt Nam bây giờ “độc lập” (có tài liệu nói là Công sứ Nhật Bản ở Huế là Massayuki Yokohama, chứ không phải là Đại sứ Matsumoto), còn Bộ Tư lệnh Quân đoàn 38 Nhật Bản ra một thông cáo, nói rằng Nhật Bản chỉ hạ Pháp thôi, chứ vẫn ủng hộ cuộc tranh đấu giành độc lập của các dân tộc Đông Dương. Ngoài ra, trong cùng ngày, chính phủ Nhật Bản ở Đông Kinh cũng ra một tuyên bố, nói rằng Nhật Bản phải lật đổ chính quyền đô hộ Pháp ở Đông Dương vì Pháp đã vi phạm các hiệp định hợp tác Pháp Nhật, và rằng Nhật Bản sẽ giúp Việt Nam và các xứ Đông Dương khác thực hiện độc lập.

Trong vụ đảo chính này, tổng số tổn thất về phía Nhật Bản không được rõ, còn về phía Pháp và Âu Châu thì trong tổng số 14.000 người đã có 2.129 người, cả quân sự (1.700 người) lẫn dân sự (429 người), bị giết chết. Riêng tại Lạng Sơn từ ngày 9 đến ngày 13.3, có tất cả 1.128 lính Pháp và Việt Nam bị giết chết. Hầu hết các viên chức Pháp đều bị quân đội Nhật Bản sa thải, ngoại trừ một số người cần thiết được giữ lại. Ngoài ra, trong 5 tháng kế tiếp 600 thường dân Pháp bị tước khí giới và tập trung trong các trại giam, trong đó tới 400 người bị chết trong tù.

Tuy nhiên, một số quân sĩ được may mắn hơn. Nhờ tin tức tình báo (đã nói ở một đoạn bên trên), Trung tướng Gabriel Sabattier và Thiếu tướng Marcel Alessandri đã dẫn được 5.700 quân lính dưới quyền, kể cả nhiều quân sĩ Lê Dương thuộc Trung đoàn 5 Bộ binh Lê Dương, từ chùa Thông trốn khỏi vòng vây của quân Nhật Bản. Hai Tiểu đoàn 1 và 2 vượt sông Hồng ngày 10.3 và hôm sau là Tiểu đoàn 3 trốn thoát và chạy về phía Sơn La và ngày 24.3 thì tới được Điện Biên Phủ.

Theo kế hoạch dự trù thì quân Pháp sẽ tiếp tục cầm cự với quân Nhật Bản tại vùng rừng núi xứ Thái này. Họ cũng nhận được lệnh của Chính phủ De Gaulle là phải bằng mọi cách cầm cự để giữ sự hiện diện của Pháp tại Đông Dương trong khi chờ đợi chiến tranh kết thúc. Nhưng vì không có sự chi viện của Đồng Minh và sự ủng hộ của quần chúng Việt Nam, họ không thể thực hiện lệnh này được. Tuy bị quân Nhật Bản truy lùng ráo riết, nhưng trong 57 ngày họ đã vượt được 800 cây số đường rừng núi tới được biên giới Việt Hoa và ngày 2.5.1945 họ đã tới được thành phố Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, vẫn còn nằm trong tay Quốc dân quân Trung Hoa.

Theo cuốn hồi ký của Charles de Gaulle, trong số 13.000 binh sĩ Pháp không bị quân Nhật Bản bắt giữ được ngay từ đầu đã có 200 sĩ quan và 4.000 binh lính tử trận trong lúc đánh nhau với quân Nhật Bản trên đường rút lui sang Trung Quốc (*Charles de Gaulle, Mémoires de Guerre, Plon, Paris, 1954-1959, q. 3, tr. 167*). Còn theo Trung tướng Gabriel Sabattier, tất cả có 320 sĩ quan Việt và Pháp, 2.150 binh lính Pháp và 3.300 binh lính Việt đã trốn thoát sang đến tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. (*Gabriel Sabattier, Le Destin de l'Indochine, Plon, Paris, 1952, tr. 455; tr. 466 chép là có 250 sĩ quan bị giết*).

Ngoại trừ quân đội, cảnh sát, và gián điệp theo De Gaulle là bị càn quét, còn những người Pháp khác chỉ bị giam giữ trong một thời gian ngắn. Các viên chức và chuyên viên hạ cấp vẫn được tiếp tục làm việc, còn các thường dân Pháp khác thì ngoài việc bị tước khí giới, máy phát thanh, máy ảnh, máy chữ ra, họ chỉ bị kiểm soát việc đi lại hay bị ép định cư ở nơi khác thôi, còn thì sự an toàn của họ được người Nhật Bản bảo đảm. Các hoạt động khác của Pháp cũng dần dần được mở cửa lại ngày 15.3 và hai tờ báo Pháp ngữ L'Opinion-Impartial ở Sài Gòn và L'Action ở Hà Nội được phép phát hành trở lại.

III. Vai Trò Của Nhật Bản Sau Cuộc Đảo Chính

Tuy nói rằng Nhật Bản “*ủng hộ cuộc tranh đấu giành độc lập của các dân tộc Đông Dương*” (thông cáo ngày 10.3.1945 của Bộ Tư lệnh Nhật Bản ở Đông Dương) và “*giúp Việt Nam và các xứ Đông Dương thực hiện độc lập*” (tuyên bố cùng ngày của chính phủ Nhật Bản ở Đông Kinh), và tuy ngày 20.7.1945 Nhật Bản đã trao trả các cựu nhượng địa Pháp là Hà Nội và Hải Phòng ở Bắc Kỳ cùng là Đà Nẵng ở Trung Kỳ lại cho Việt Nam, trong thực tế nền độc lập mới của Việt Nam chỉ là bánh vẽ thôi. Người Nhật Bản đã thay thế người Pháp tiếp tục cai trị Việt Nam. Sau đây là vài thí dụ.

Ngày 16.3.1945, Tướng Tsuchihashi Yuitsu thuộc Quân đoàn 38 giữ vai trò Toàn quyền Đông Dương (mới đầu phủ Toàn quyền đặt ở Sài Gòn, đến tháng 5.1945 thì dời ra Hà Nội). Đại sứ Matsumoto Shunichi được cử làm phụ tá chính trị cho Tướng Tsuchihashi. Ít lâu sau thì Tsukamoto Takeshi thay thế Matsumoto và, với chức vị mới là Phó Toàn quyền, phụ trách điều khiển các vấn đề quan trọng. Ngoài ra, mọi cơ quan hành chính, kể cả các ngành cảnh sát, tư pháp, tài chính, thanh niên và thể thao, thông tin đều có các cố vấn Nhật Bản trực tiếp kiểm soát.

Mặt khác, tại Bắc Kỳ Nishimura Kumao được cử làm Thống sứ, cho tới ngày 5.5.1945 khi Bắc Kỳ chính thức nhập vào Đế quốc Việt Nam và Tổng đốc Phan Kế Toại (1892-1973) nhậm chức Khâm sai Bắc Kỳ. Còn ở Trung Kỳ thì ngày 17.3.1945 Cố vấn Tối cao Yokoyama Masayuki được cử làm Khâm sứ Trung Kỳ.

Về phần Nam Kỳ thì vẫn bị tách khỏi lãnh thổ Việt Nam như trong thời Pháp thuộc. Thực vậy, từ năm 1862, Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp, rồi sau cuộc đảo chính 9.3.1945 Nam Kỳ trực thuộc quyền cai trị của quân đội chiếm đóng Nhật Bản. Tổng Lãnh sự Nhật Bản ở Sài Gòn Minoda Yoshio (có tài liệu nói là Tổng Lãnh sự ở Hà Nội) được cử làm Thống đốc Nam Kỳ. Ở đây, các sĩ quan Nhật Bản được đặt vào các chức vụ trọng yếu, và chỉ những chức vụ hành chính khác mới được trao cho người Việt Nam. Cũng vì vậy chúng ta mới thấy những việc như sau:

1.- Ngày 24.5.1945 Minoda đã ký nghị định hạ thuế thân xuống 4.50 đồng cho người Việt vô sản hay 5.50 đồng cho người

hữu sản, thay vì 7.50 đồng trở lên như trước, và 15 đồng cho Hoa Kiều thay vì 25 đồng như trước.

2.- Ngày 20.6.1945 Minoda lại ấn định giá lúa là 9 đồng một tạ (60 kí) không bao để xay thành gạo số 1 với 25% tấm.

3.- Ngày 3.7.1945 Minoda đã lập một Hội đồng Nam Kỳ với nhiệm vụ tư vấn. Các hội viên được chỉ định gồm có: ký giả Trần Văn Ân (1903-?), nhạc sĩ Nguyễn Văn Bái, kỹ sư Lưu Văn Lang (1880-1969), giáo sư tư thực Hồ Văn Ngà (1905- kh. 1946), kỹ nghệ gia Kha Vạng Cân (1908-1982), v.v.

Chỉ đến ngày 14.8.1945, sau khi Nhật Hoàng Hirohito họp Nội các và quyết định đầu hàng Đồng Minh, Nhật Bản mới chịu trao trả Nam Kỳ cho triều đình Huế, và ngày hôm sau (15.8.1945), sau khi Nhật Hoàng chính thức tuyên bố đầu hàng Đồng Minh, Nhật Bản mới phóng thích những người bị Hiến binh Nhật Bản bắt giam từ lâu vì lý do an ninh. Ngoài ra, cũng trong ngày này, Nhật Bản còn trao trả phủ Toàn quyền Đông Dương ở Hà Nội cho phủ Khâm sai Bắc Kỳ.

IV.- Nhật Bản Bị Giải Giới và Pháp Trở Lại Việt Nam

Trong khi Nhật Bản đầu hàng, thì ở Việt Nam Toàn quyền Jean Decoux bị bắt giải về Pháp để trị tội vì đã theo Chính phủ Vichy chứ không theo Chính phủ của Charles de Gaulle (tuy nhiên, tòa đã tha không kết tội ông; ngoài ra, năm 1949 ông được phục hồi cấp bậc trong quân đội và các quyền lợi). Để lấp chỗ trống, Chính phủ của De Gaulle bổ nhiệm Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu (1889-1964; ông còn là một linh mục Công giáo, thụ phong linh mục năm 1925, và là Bề trên tỉnh dòng Carmes ở Ba Lê năm 1932-1937) làm Cao ủy Pháp kiêm Tổng Tư lệnh Hải, Lục, Không quân Pháp ở Đông Dương, Tướng Philippe Leclerc làm Tổng Tư lệnh Quân đoàn Viễn chinh Pháp tại Viễn Đông, và Đại tá Jean Cédile (tên đầy đủ là Jean Marie Arsène Cédile; 1908-1984), làm Ủy viên Cộng hòa Pháp ở Nam Kỳ, v.v.

Tuy nhiên, ngay trước khi Nhật Bản đầu hàng, người Pháp ở đây đã chuẩn bị đánh chiếm lại Việt Nam,

Ngày 7.8.1945, Sở Liêm phóng Bắc Bộ khám phá nhiều súng liên thanh, nhiều bô đạn, cùng vài tích trữ ở nhà một số Pháp kiều ở Hà Nội.

Ngày 13.8.1945 vài quân sĩ Pháp nhảy dù xuống Bắc Kỳ và Trung Kỳ, nhưng hầu hết đã bị du kích Cộng sản Việt Nam giết chết hay bắt sống.

Mặt khác, theo quyết định của Tổng thống Hoa Kỳ Franklin Delano Roosevelt, Thủ tướng Anh Winston L.S. Churchill (tại chức lần đầu năm 1940-1945), và Tổng Bí thư đảng Cộng sản Liên Xô Joseph V. Stalin (Tổng Bí thư năm 1924-1952 kiêm Thủ tướng năm 1941-1953) tại Hội nghị Potsdam (nhiều người viết lầm là Postdam), một thành phố ở tây nam bộ nước Đức, từ 17 đến 25.7.1945, thì khi nào Nhật Bản đầu hàng việc giải giới quân đội Nhật Bản chiếm đóng tại Việt Nam ở phía bắc vĩ tuyến thứ 16 trao cho Quốc dân quân của Tướng Giới Thạch, còn ở phía nam trao cho quân đội Anh đảm nhận.

Đoàn Quốc dân quân Trung Hoa, gồm 180.000 người thuộc các lộ quân Vân Nam và Quảng Tây, do Đại tướng Lư Hán (1895-1974) làm Tư lệnh, vượt biên giới Việt Hoa ngày 28.8.1945, tới Hà Nội ngày 9.9 và chiếm phủ Toàn quyền, đẩy Jean Sainteny (còn có tên là Jean Roger; 1907-1978), đại diện của chính phủ Pháp từ Côn Minh tới Hà Nội từ ngày 22.8.1945, ra ngoài. Công việc giải giới quân đội Nhật Bản ở miền Bắc của Quốc dân quân Trung Hoa kéo dài tới ngày 13.3.1946 thì chấm dứt khi được quân đội Pháp thay thế (sẽ xét trong một đoạn sau). Các đơn vị cuối cùng của Quốc dân quân rút về nước ngày 18.9.1946 (Lư Hán đã về trước, ngày 25.6.1946).

Trong 12 tháng chiếm đóng miền Bắc Việt Nam, Quốc dân quân Trung Hoa cướp hết tất cả lương thực và nhiều thứ khác, ép người Việt Nam dùng tiền Trung Quốc, gọi là "**Quan kim**" (vói hồi xuất 1 quan kim = 1 đồng 50, thay vì 1 đồng = 6 quan kim ở Côn Minh), luôn luôn bị phá giá, và các công ty Trung Quốc mua các mỏ, nhà máy và nhiều thương vụ khác của Pháp với giá rẻ mạt.

Còn quân Anh gồm có Sư đoàn 20 Bộ binh Ấn Độ (Indian 20th Infantry Division) do Thiếu tướng Douglas David Gracey (1894-1964) chỉ huy, tới Sài Gòn ngày 12.9.1945.

Điều đáng nói là, vì cho rằng Đông Dương là của Pháp và phải do Pháp cai trị, nên Tướng Gracey đã cho phép một đoàn quân Pháp 1.800 người từ Calcutta (Ấn Độ) được đi theo lực lượng chiếm đóng Anh cùng tới Sài Gòn. Tuy nhiên, Tư lệnh Tối cao Đông Minh Bộ Tư lệnh Đông Nam Á Châu, Bá tước Louis Mountbatten, đã phái sứ giả tới khiển trách Gracey và cảnh cáo

ông không được có hành động nào chống lại người Việt Nam, nhưng không được Gracey tuân theo.

Ở Nam Kỳ, sau cuộc đảo chính của Nhật Bản, một tổ chức được thành lập gọi là Mặt trận Đoàn kết Quốc gia (có tài liệu viết là Mặt trận Quốc gia Việt Nam Thống nhất), gồm hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, cùng Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội (gọi tắt: Phục Quốc), Việt Nam Quốc dân Đảng (gọi tắt: Việt Quốc), Đại Việt Quốc Dân Đảng (gọi tắt: Đại Việt), nhóm Đệ Tứ Quốc tế (Trotskyists) và vài tổ chức khác như là Tịnh Độ cư sĩ, Liên đoàn Công chức, Thanh niên Tiên phong, v.v... Đến khi Nhật Bản đầu hàng, Mặt trận quyết định đoạt chính quyền từ tay Nhật Bản ngày 16.8. Tuy nhiên, vì ít được dân chúng ủng hộ nên ngày 25.8.1945 Mặt trận đã phải nhường quyền cho Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam Bộ (gọi tắt: Lâm Ủy hay Lâm Ủy Nam bộ) của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt: Việt Minh hay Mặt trận Việt Minh) của Cộng sản do Trần Văn Giàu (1911-2010) làm Chủ tịch.

Cũng ngày này ở Sài Gòn hàng trăm ngàn người đi biểu tình để ủng hộ Ủy ban và chống Pháp. Ủy ban khuyến khích dân chúng ngừng đón quân đội Anh và treo cờ các nước Đồng Minh khắp trong thành phố.

Người Pháp ở Sài Gòn lúc đó hành động quá khích khiến cho tình hình trong thành phố hết sức rối loạn. Ngày 2.9.1945, một cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức ở Sài Gòn nhằm biểu dương ý chí tranh đấu chống Pháp. Một cuộc xô xát với Pháp kiều đã xảy ra khiến cho quân Nhật Bản phải can thiệp và đòi giải tán dân quân.

Khi phái bộ quân sự Anh tới, Tướng Gracey liên tục ra lệnh giải giới người Việt Nam và ra lệnh cho quân đội Nhật Bản phải tuân thủ khắp thành phố.

Tuy nhiên, ngày 17.9 một cuộc tổng đình công vẫn được tổ chức ở Sài Gòn. Vài ngày sau, cảnh sát Việt Nam bắt giữ 16 người Pháp. Vì vậy, ngày 22.9, Gracey ra lệnh giới nghiêm tại Sài Gòn, đóng cửa các tòa báo Việt Nam và cấm mọi cuộc hội họp, biểu tình. Đồng thời, Gracey đã thả tất cả những người Pháp và quân nhảy dù Pháp bị Nhật Bản bắt giữ từ trước khi đầu hàng, và còn võ trang cho 1.400 lính Pháp đã bị Nhật Bản giam cầm từ khi đảo chính ngày 9.3.

Ngày hôm sau, 23.9.1945, dưới quyền chỉ huy của Trung tá Pháp Jacques Massu (1908-2002) thuộc Sư đoàn 2 Thiết giáp, quân đội Pháp đã đánh chiếm các ty cảnh sát và các công thự ở Sài Gòn, bắt giữ và đánh đập hàng trăm người Việt Nam trong khi Lâm Ủy Nam bộ bỏ chạy trốn. Jean Cédile ra lệnh thả hầu hết những người bị bắt giữ.

Để phản ứng lại, ngày hôm sau, 24.9, một cuộc tổng đình công khác đã xảy ra. Các cửa hàng và xe cộ vận tải đều ngưng hoạt động. Dân quân tấn công nhà máy điện Sài Gòn, đốt chợ Bến Thành, nhưng các thương gia Hoa Kiều và Ấn Kiều đã dập tắt được lửa để bảo vệ các cửa hàng của họ. Khoảng 28.000 Pháp Kiều đóng cửa ở trong nhà hay trốn đến Khách sạn Continental. Tiếp theo, dân chúng phong tỏa Sài Gòn, ngăn chặn tiếp tế lương thực. Tướng Gracey bèn bắt giữ Nguyên soái Nhật Bản Bá tước Terauchi Hisuichi (Tự Nội Thọ Nhất, 1879-1946), dọa sẽ đem ra tòa xử tội nhân chiến tranh nếu ông không ra lệnh cho quân Nhật Bản đàn áp người Việt Nam. Vì thế quân Nhật Bản đã tổng giam hàng nghìn người Việt Nam.

Sau đó, Louis Mountbatten ra lệnh cho Jean Cédile phải đàm phán với người Việt Nam. Cédile tới Sài Gòn ngày 3.10 và tuyên bố Pháp muốn có một sự thỏa hiệp với Việt Nam. Kết quả là một cuộc ngưng chiến bắt đầu từ ngày đó.

Ngày 5.10.1945, Tướng Pháp Philippe Leclerc dẫn một đoàn quân Pháp đầu tiên từ Pháp tới Sài Gòn và tuyên bố sẽ bình định Nam Bộ. Ngày 9.10 (có tài liệu viết là ngày 11) Bộ trưởng Ngoại giao Anh Ernest Bevin (tại chức 1945-1951) ký một thỏa ước cho phép Pháp độc nhất cai trị miền nam Việt Nam từ vĩ tuyến thứ 16 trở xuống.

Từ đó, cuộc chiến giữa Việt Nam và Pháp đã xảy ra. Pháp dần dần chiếm Mỹ Tho (ngày 25.10), Gò Công (ngày 28.10), Vĩnh Long (ngày 29.10), Cần Thơ (ngày 30.10), Lộc Ninh và Hớn Quản (ngày 11.11), Nha Trang (ngày 19.11) và từ Nha Trang ngày 1.2.1946 tiến chiếm nhiều vùng ở Cao Nguyên Trung Bộ (ngày 1.12), v.v., tới ngày 5.2.1946 thì hoàn toàn chiếm được các tỉnh lỵ từ vĩ tuyến thứ 16 trở vào nam. Sau Tướng Gracey chuyển giao quyền hành cho Pháp ở Sài Gòn và toàn bộ quân Anh rút khỏi Nam bộ ngày 5.3.1946.

Mặt khác, ngày 28.2.1946, Trung Hoa Dân Quốc và Pháp ký **“Thỏa ước Về Việc Pháp Khước Từ Trị Ngoại Pháp Quyền**


và Các Quyền Liên hệ Khác ở Trung Quốc”, theo đó, Trung Hoa Dân Quốc để cho quân đội Pháp thay thế Quốc Dân Quân Trung Hoa giải giáp quân đội Nhật Bản từ vĩ tuyến thứ 16 trở ra Bắc, còn Pháp (a) trả lại Trung Quốc các tô giới ở đại lục, (b) bán rẻ Điền Việt Thiết Lộ, (c) miễn quan thuế cho hàng Trung Quốc, (d) dành mọi dễ dàng cho Hoa Kiều ở Việt Nam. Với thỏa ước này, Pháp đưa quân đội ra Bắc thay thế Quốc dân quân Trung Hoa ngày 1.3.1946 và 17 ngày sau, Tướng Leclerc tới Hà Nội (18.3.1946). Đoạn ngày 29.3 quân Pháp tới Huế, v.v.

Kết quả của việc cả Anh lẫn Trung Hoa Dân quốc nhường quyền cho Pháp ở Việt Nam là Pháp được tự do chiếm đóng các tỉnh ở Việt Nam, mở đường cho cuộc Toàn quốc Kháng Chiến Chống Pháp, thường được quốc tế gọi là Việt Chiến I (Vietnam War I), kéo dài từ ngày 19.12.1946 đến ngày 20.7.1954.

GS TẠ QUỐC TUẤN

Chú Thích

(1) **GBT:** theo chữ đầu của tên ba người lãnh đạo mạng lưới này là Laurence Gordon, Gia Nữ Đại, người đứng đầu các nghiệp vụ của công ty Texaco ở Hải Phòng trước chiến tranh; Harry Barnard, quốc tịch Anh, thương gia thuốc lá; và Frank Tan, nhà doanh nghiệp Mỹ gốc Hoa.



FARMERS[®]

INSURANCE

NGUYỄN VĂN TÂM Agent

13480 Veterans Memorial # C. - Houston - TX 77014
(Trong khu chợ Hong Kong 3)

Tel.: (281) 397-8122 - Fax: (281) 397-8749
tnguyen2@farmersagent.com

BẢO HIỂM:

Đảm nhận tất cả các dịch vụ về Bảo Hiểm

XE HƠI - NHÀ - LỤT

NHÂN THỌ - THƯƠNG MẠI - SỨC KHỎE

DEFENSIVE DRIVING:

- * Lớp Chủ Nhật từ 9:00am - 3:00pm
- Học xóa giấy phạt
- Bớt bảo hiểm xe cho 3 năm

DỊCH VỤ:

- * Xin trợ cấp an sinh xã hội:
 - Medicaid - Food Stamp
 - Child Health Insurance Program
 - SSI và SSA (trợ cấp tiền già, bệnh tật, tiền hưu)
- * Dịch: Khai Sanh - Hôn Thụ - Bằng Cấp
- * Thi thực chữ ký
- * Vay tiền (Mortgage)

Ki«u mựng hà

(Về Nguồn - Tây Đô)

nợm bên ḡ c mực

Nằm bên gốc mộc ngủ vùi
Hỡi người qua lại, ta vui hay buồn?
Lao xao vài chiếc lá buông
Chim đang thuyết giảng Kim Cương... ngộ rồi

Tựa lưng dựa gốc cây Sồi
Lặng nghe tĩnh lặng giữa thời khắc qua
Thấy ta trong cõi Ta Bà
Chỉ là hạt cát lạc xa sông Hằng

Tàn đêm thiên toạ bên trăng
Thấy vô lượng kiếp cõi trần rong chơi
Trần luân trôi nổi kiếp người
Bên hiên trăng vẫn rạng ngời soi đêm

Bóng lơ lửng đứng bên thềm
Trăng nghiêng lâu Thuý len rèm nhìn ta
Ồ trăng! Thoáng chớp sát na
Giật mình ta bỗng nhận ra TA rồi

April 13, 2015

THÁI TỰU

Houston - Texas

m×ng tu±i bậy m฿½i

(bài 1)

Thấm thoát mà nay đã bảy mươi,
Tuy già lòng vẫn mãi vui tươi.
Xưa lên Thất thập đâu nhiều vị? (1)
Nay đạt Tùng tâm cũng lắm người! (2)
Gắng sức tu nhân, Trời định phước;
Cố công tích đức, Phận ban ngôi.
Một thân cù mộc, sân hòe quế
Nhẹ bước thông dong thỏa nguyện đời.

(1) Nhon sanh thất thập cổ lai hy: Người sống đến 70 tuổi xưa nay hiếm (Khúc Giang - Đỗ Phủ)

(2) Thất thập nhi tùng tâm sở dục bất du cù: Bấy mười tuổi thì có thể làm theo ý muốn của mình mà không vượt khỏi quy tắc sống của bậc quân tử (Luận ngữ).

m×ng tu±i bãy mB½i

(bài 2)

*Ba mươi năm nữa chẵn mười mười,
Nặng hạn xương rồng (*) mãi tốt tươi.
Tuổi hạc mà vui, nhờ lạc đạo;
Niên tùng vẫn khoẻ, bởi trau người.
Yêu thơ, thích kiếng, mê thư hoạ;
Dưỡng tánh, tu thân, chuyển nghiệp ngôi.
Đạo bước vườn thiền tầm đức tuệ
An nhiên, tự tại thành thời đời.*

Houston, Thái Sinh Tiểu Trang
Tết Ất Dậu năm 2005

(*) "Ta, Xương Rồng trên cát", tựa một bài thơ của tác giả tự ví mình.
[(trong tập Thơ Xướng Họa - TÙNG TÂM - tr 10-11, xb 2015)]

HUY TRÂM

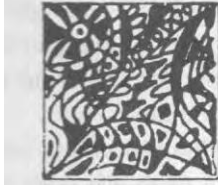
Westminster - California

ngày mợu thân

*Ngày mẫu thân Anh đâu còn Má nữa!
Bây con về hoa trái, bánh dâng em
Bốn mươi năm - tiềm thức vọng đôi niềm
Lòng hiếu thảo phải song hành nhân ái.
Chỉ quý Mẹ thôi - còn ngoài đời gian dối
Thì mẫu thân thêm ruột thắt lòng đau
Tạo hoá ban cho lắm cái nhiệm mẫu
Con với Mẹ đúng là hai giọt nước.
Giọt nước này trong - rơi theo giọt trước
Mẹ là gương - con bắt chước một đời
Mẹ trải tâm ra nên con biết thương người
Những từ mẫu khó lòng sinh ác quỷ
"Phụ mẫu chi niên - bất khả bất tri hỷ"
Ấm làm sao là phúc Mẹ - tình Cha!*

(Mây Giốt Trĩ Đêm - th½ Huy Trâm - HB½ng Văn xb 2003)

NGHIÊN CỨU



NGUYỄN VĂN SÂM

Phiên âm và giới thiệu
2011

SỰ TÍCH
BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM
TỨC
BÀ THỢ ĐI TÂY PHƯƠNG VẤN

妃署 西方挽

(Trích trong quyển sách *Nôm
Thập Sám Diễn Nghĩa Văn*

十懺演義文)

Trong tập văn *Nôm Thập Sám Diễn Nghĩa Văn*¹, khắc in ở chùa Long Hoa 隆華, Sa Đéc do Hòa thượng Từ Tuệ 慈慧 trông coi, có bài văn ngắn ngắn từ trang 13a đến trang 16a tựa là *Bà Thợ Đi Tây Phương Vấn* 妃署 西方挽 nói về sự tích Bà Chúa Xứ Núi Sam khi còn sanh tiền và nguyên nhân bà được thờ phượng trọng thể sau này. Đây là một trong mấy bài sám giảng bằng văn Nôm của Đại sư Thiện Đạo 善道 lưu thế từ lâu ở đồng bằng sông Cửu Long mà học giới chưa từng bàn đến dầu sự phổ biến của nó rất rộng rãi ở miền Tây. Chúng tôi xin phiên âm ra

¹ Đây là bản phiên âm và công bố lần đầu tiên của bài văn này.

quốc ngữ vì đây là sự tích – trên văn bản -- có thể nói là sớm như về vấn đề Bà Chúa Xứ. Bản văn giản dị, chữ Nôm chính xác, có nhiều chữ viết theo cách Nôm Nam rất đáng cho ta để ý tới, nội dung lại nói về một điều ít người biết cho nên có thể gọi là tài liệu quý cần được phổ biến. Chỉ có một điều đáng tiếc là bản văn tuy được khắc in nhưng bản chúng tôi có lại mất bìa nên không biết là trang bìa có đề năm tháng hay không. Căn cứ trên cách viết Nôm dễ đọc, câu văn mộc mạc trôi chảy, một vài từ ngữ đặc biệt (thầy thông, Chệt, Miên..) chúng tôi phỏng đoán là bản văn xuất hiện vào những năm cuối cùng của thế kỷ XIX.

*

Bà chúa Xứ tục gọi là bà Thợ, nguyên là một vĩ tu hành ở chùa Tây An, sau đó qua tu ở chùa Hang. (Ta biết chùa Tây An tới nay vẫn còn, chùa Hang không biết do tên gọi đã thay đổi hay chùa qua thời gian đã không còn nữa, chúng tôi không còn biết gì về chùa này đâu đã đến địa phương tìm hỏi.) Bà tu hành cần mẫn và luôn luôn ước vọng mình được đi đến Tây Phương bằng chính cuộc đời này. Bữa kia bà thiếp đi ba ngày, vía thấy mình đi đến cõi Trời rồi được chỉ đi sang cõi Phật. Bà hỏi chuyện Đức Phật và được dạy là nên tu hành tinh tấn, chuyên cần, rồi sẽ được rước về Tây Phương. Tinh dậy bà vui mừng coi như ước nguyện đã thành, coi như sự tu hành của mình đã có cơ may thành tựu. Bà mất sau đó không lâu, người đương thời trọng sự tu hành tinh tấn của bà, lập miếu thờ phượng. Miếu lớn dần với những sự linh hiển, biến thành nơi thờ phượng khá khang trang, uy nghiêm, không phải chỉ vùng đồng bằng sông Cửu Long mà thôi, còn là biểu tượng uy linh của cả nước. Ngày nay nơi thờ phượng được gọi là Miếu Bà Chúa Xứ Châu Đốc. Hằng năm có những ngày tế lễ rất lớn, qui tụ nhiều vạn người trong cả tháng...

Bản khắc in mộc bản do ông Nguyễn Văn Thoa, chuyên viên Hán Nôm sưu tầm được ở Sa Đéc năm 2009, tặng cho tôi cùng năm. Toàn quyển có nhiều bài kinh, bài văn khuyên tu hành làm lành lánh dữ, hầu hết đều nặng về chuyện đạo, chỉ có bài văn *Bà Thợ Đi Tây Phương* nói về sự tích, một sự tích tôi cho là rất quan trọng. Trong thời gian về Việt Nam gần đây để sưu tập sách Nôm, tôi dùng thời gian rảnh rỗi của mình phiên âm và viết bài này.

Người bạn thân, rất giỏi về chữ Nôm của tôi là Giáo Sư Nguyễn Hiền Tâm có góp ý và phủ chính vài chữ. Xin cảm ơn hai ông Thoá và Tâm.

(Sài Gòn, đầu năm Tân Mão 2011-- Nguyễn Văn Sâm)

13a. Núi Sam có vãi chân tu².

Tên là Bà Thợ³ ở chùa Tây An,

Sau đời qua ở chùa Hang,

Quyết lòng cầu đạo vẹn toàn tu thân.

13b. Sớm khuya tụng niệm ân cần,

Bồ Đề chuỗi hạt tay lần tinh chuyên⁴.

Lòng không vá dính trần duyên⁵,

Xem coi hình tướng tự tiên non Bồng⁶.

Một mình đến ở hang không,

Bấy giờ bỗng đạo đầy trong chật ngoài⁷.

Bên lòng giữ giới trì trai⁸,

Bấy mười chín tuổi⁹ ai ai kính nhường.

2. **Vãi chân tu** 媿真修 : người đàn bà tu hành thật sự, nghiêm chỉnh. Giới thiệu này tuy tổng quát nhưng có giá trị rất lớn về hạnh tu của nhân vật chánh.

³ **Bà Thợ** 娼 署 , không chắc đây là tên, có thể là tên gọi theo nghề nghiệp - của bà hay của chồng bà trước đây. Sự kiện dùng tên nghề để gọi tên người phổ biến nhiều nơi trên thế giới trước đây, nhất là Anh, Mỹ.

⁴ Cả hai câu: Chăm lo việc tụng niệm. Trì chí tu hành.

⁵ Cả câu: Chẳng ham hồ dính dấp gì việc đời như của cải, gia đình... Hai chữ *vá dính* này khó đọc và có thể tranh cãi. Ta có thể đọc *vá dính, vớ dính, bạ dính*... Tuy nhiên ngay cả tự điển của Huỳnh Tịnh Của cũng không thấy các từ kép nêu trên!

⁶ **Tự Tiên non Bồng** 似仙 · 蓬 : đẹp như tiên ở đảo Bồng Lai. Lòng không tạp niệm nên hình hài chậm biến thái, trẻ lâu. Mấy chữ này làm cho người viết lười suy nghĩ tìm chữ mới, ta gặp hoài trong văn xưa.

⁷ Thiên hạ tin sùng theo rất đông dầu đã bỏ chùa đi tu trong chỗ quanh vắng..

⁸ Quyết lòng tu nên giữ gìn giới hạnh...

Đức bà¹⁰ lớn nhỏ đều thương,
Lòng thành đi tới Tây Phương ba ngày¹¹.
Hồi đi gặp đặng ba thầy¹²,
Đắt đường đi trước chỉ rày qua sông.
Thuyền tàu chẳng thấy, đứng trông,
Một hồi lại thấy đất không thẳng bằng¹³.
Rồi bà đi tới phẳng phẳng¹⁴,
Thấy tòa lầu các những hằng tiên nga.
Các tiên mừng rỡ rước bà,
Đem vào thết đãi nước trà nghĩ ngơi.
14a. Rồi bà han hỏi mọi lời,
Tây Phương chẳng biết ở nơi chỗ nào?
Tiên nga chỉ khỏi vườn đào¹⁵,
Có đường đi tẻ thẳng vào Tây Phương.
Có xe để sẵn bên đường,
Cô lên ngồi đó chạy thường rất mau.
Lên xe chẳng thấy ngựa trâu¹⁶,
Bon bon mà chạy ngỡ đâu xe ngừng¹⁷,
Thấy tòa đèn ngọc từng từng¹⁸,

⁹ Con số cho thấy: Sống thọ và còn mạnh khi quyết tâm đi Tây Phương..

¹⁰ Ở đây hai chữ Đức Bà nên hiểu đức hạnh của bà cao trọng nên được mọi người thương mến.

¹¹ Bản văn nói thiệt vẫn tất về việc bà bị chết mấy ngày rồi tỉnh lại.. Những sự kiện bà ‘*thấy*’ trong lúc này là do bà kể lại sau này. Tin hay không tùy lòng mỗi người.

¹² Con số ba này không hiểu có tượng trưng gì hay không.

¹³ Sông trở thành đất liền. Vói quyết tâm mọi gian khổ đều là chuyện nhỏ, rồi sẽ vượt qua.

¹⁴ Đi thiệt là mau, không mệt mỏi.

¹⁵ Thường theo sự suy nghĩ của người xưa, hễ có vườn đào là đã gần cõi tiên, cõi Phật...

¹⁶ Ý niệm về xe cần phải ngựa trâu kéo cho ta vững tin hơn về thời gian xuất hiện của truyện là thế kỷ XIX.

¹⁷ Xe chạy quá êm.

¹⁸ **Đèn ngọc từng từng:** Lầu cao, quý giá. Văn chương xưa hễ thứ gì quý thì nói bằng ngọc.

Hào quang chói lọi, bà mừng xuống xe.
 Lầu đài trướng bữa màn che,
 Bữa điện Ngọc Đế tiếp tề rước vô.
 Ngọc Hoàng chào hỏi: 'Ớ cô.
 Chuyện chi nên mới tới phở¹⁹ cỡi này?'
 Bà tâu niệm Phật ăn chay,
 Dốc lòng tâm tới cỡi Tây Di Đà.
 Ngọc Hoàng lời mới phán ra,
 Tiên đồng quả phẩm nước trà mời khuyên²⁰.
14b. Bảo bà xe nọ lên liền,
 Cứ theo đại lộ tới miền Tây Phương.
 Bà chờ xe đã lên yên,
 Chạy nghe thiên nhạc nhật khoan vui lòng,
 Bảy hàng cây báu bá tòng,
 Bảy hàng lưới bữa, bảy giồng câu lợn²¹.
 Chim kêu tiếng pháp, suối đờn²²,
 Xem coi cỡi Phật báu hơn cỡi Trời.
 Vàng ròng lót đất khắp nơi,
 Đèn vàng rực rỡ tốt tươi lạnh lùng.
 Ao sen, vàng trắng các bông,
 Mỗi ông Phật tử ngồi trong liên đài²³.
 Xe bà đi đã tới nơi,
 Có chùa, cô vải ra mời bà vô,
 Bà thưa cung kính các cô,
 Tôi người hạ giới tặng đồ Thích Ca.
 Quyết lòng ra mắt Di Đà,
 Chỗ nào đèn Phật chỉ mà cho tôi?
15a. Các bà trải chiếu bà ngồi,
 Nghỉ ngơi cho khỏe rồi thì sẽ đi.
 Các cô dọn đãi đồ chay,
 Bà ăn ít miếng no thay hoài hoài.

¹⁹ Chữ **phở** này rất xưa.

²⁰ Có căn tu nên Ngọc Hoàng cũng ân cần.

²¹ **Câu lợn:** Lan can.

²² Cảnh trí có vẻ Phật đạo, chim kêu ra tiếng kệ kinh.....

²³ Mỗi ông Phật ngồi một đài sen. Để ý chữ Phật tử khác nghĩa ngày nay.

Dắt bà vào chốn kim giai,
Nói rằng đây thiết là đài Như Lai.
Phật ngồi sen trắng tốt tươi.
Hằng hà chư Phật đông thôi vô cùng.
Bà vào đầu lạy cúc cung,
Nay đà thấy Phật xin trông dạy truyền.
Bấy lâu tôi cũng cần quyền,
Trong lòng ao ước về miền Tây Phương.
Bây giờ thấy Phật tỏ tường,
Muôn trông dạy bảo dắt đường tử sanh.
Phật rằng: “Người có lòng thành,
Chuyên ròng niệm Phật đặng sanh cõi này.
Xưa ta lời thệ trọng thay,
Bốn mươi tám nguyện tiếp loài chúng sanh.
Tiếp người niệm Phật làm lành²⁴,
Tây phương Cực Lạc để dành dưỡng an.
Rước lên ngôi chốn sen vàng,
Quang minh thọ mạng hết đường tử sanh.
Người về gắng sức tu hành,
Mãn duyên ta rước đặng thành Phật Tiên.”
Dạy rồi bà tạ ra liền,
Các cô tiếp rước mời khuyên vô chùa.
Lòng bà không dám hơn thua,
Các cô công quả xin cho tôi mãn²⁵.
Bảo bà nằm nghỉ an thân,
Bà nằm một thí về gần canh năm.
Thức rồi định tính hồi tâm²⁶,
Thấy trong bồn đạo tới thăm trong ngoài.
Trẻ già những đến gái trai,
Nghe bà nói chuyện ai ai mừng lòng.
Ngoài thành lại có thầy thông²⁷,

²⁴ Tây phương chỉ tiếp nhận người tu hành, giác ngộ thôi, kẻ dữ phải ở ngoài.

²⁵ Chữ *mãn* gần như không thấy trong thơ văn. Nay gặp mừng quá. Chỉ có trong Nam ngày xưa mới có, nay chữ/tiếng này đang trên đà bị tiêu diệt.

²⁶ Tỉnh dậy sau ba ngày đi Tây Phương.

Thấy bà đức hạnh vợ chồng kính thương.
Ra vô sớm tối thường thường²⁸,
Cúng tòa bửu tháp hiển dương cho bà.
Bạc ngàn không tiếc đem ra,
Nguyện làm thành tựu để mà đời sau.
Thiệt bà phước đức thăm sâu,
Khắp trong thiên hạ đâu đâu kính nhường.
Tây, Mên, Chệt, Khách đều thương²⁹,
Các cô lo liệu cho bường thời nên,
Núi Sam bà Thợ là tên,
Hồn đi ba bữa cõi trên trở về.
Vậy có kệ rằng:
Lòng thành vượt khỏi bến sông mê,
Bà Thợ chùa Hang báu lẫm *thê*³⁰.
Cõi Phật cõi Trời đi đã tới,
Tây phương sau cũng đặng gần kề.

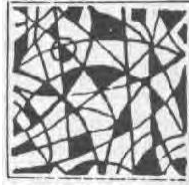
(Phiên âm trong sách *Thập Sám Điển Nghĩa Văn* 13a-16a)

²⁷ Hình ảnh giai đoạn Pháp có mặt ở VN với lớp thầy thông thầy ký cũng như Tây, Mên, Chệt, Khách... ở dưới cho biết văn này được viết sớm nhất là nửa thế kỷ sau của XIX.

²⁸ Thăm viếng thường xuyên.

²⁹ Đức hóa và hành trạng của bà phổ cập đến những giống dân khác nhau.

³⁰ Chữ *thê* cũng là từ xưa trong Nam ít thấy trong văn chương.. Chữ báu cũng vậy, có gốc Hán ngoài nghĩa thường còn thêm nghĩa rộng hơn như quý trọng, kính trọng, tôn kính.



NGUYỄN NHUNG

(Houston - Texas)

NGƯỜI LÍNH GIÀ TRÊN CHUYẾN TÀU ĐÊM

Con tàu chuyển mình ra khỏi ga Hoà Hưng vào lúc hoàng hôn, đuổi theo là những mảng mây tím trên nền trời. Sài Gòn nằm lại đằng sau với phố phường rực rỡ ánh đèn, xe cộ chen nhau trên đường phố, nóng và bụi khiến con người tưởng như đang chìm lìm trong bầu không khí đặc quánh đầy ô nhiễm.

Hơn mười năm trở lại quê nhà, lúc bước xuống phi trường Tân Sơn Nhất, buổi xế trưa trời nóng bức, không khí ngột ngạt. Ông Bảo lặng lẽ nối đuôi sau đám hành khách đang lục tục xếp hàng làm thủ tục hải quan, mồ hôi vã ra đầy người. Người về lặng lẽ chờ, cảm giác có nôn nao nhưng không láo nháo bằng đám người nhà đang đứng ở phía ngoài chờ đợi thân nhân. Khi ngồi trên chiếc taxi chạy ra khỏi phi trường, ông Bảo mới ngỡ ngàng nhìn một Sài Gòn thay hình đổi dạng. Sài Gòn đây rồi, hơn mười năm biến biệt vắng xa, ông Bảo cố tìm lại vài nơi chốn quen ngày xưa khi chiếc xe tắc xi len lỏi trong dòng xe đầy nghẹt trên đường phố.

Thay đổi nhiều, nhưng ông Bảo không phải về để tìm điều gì trong cái thành phố diện tích chật chội với tám triệu người dân, đang chen chúc nhau gần như không có không khí để thở. Ông chỉ lướt qua Sài Gòn, rồi về nghỉ ở nhà bà con vùng ngoại ô thành phố, chờ chuyến xe lửa ra Trung, ở đó có bà mẹ già của ông đang thời thóp những ngày cuối đời chờ đưa con xa trở về.

Đã quen với những xa lộ thênh thang của nước Mỹ, những khu nhà ở cách xa nhau nằm ẩn mình sau những bóng cây xanh, phố xá cũng ít bộ hành trên đường phố. Ông Bảo cảm thấy hơi

ngọt thờ trước cái nóng, cái bụi, cái ngọt nhạt của một Sài Gòn đang chuyển mình để ngoi lên với những đô thị lớn trên thế giới.

Hồi xưa ông ít khi có dịp về Sài Gòn, bởi thế với ông sự thay đổi ấy không làm ông choáng ngợp bao nhiêu. Mười hai năm ở quê người, mỗi lần nhớ về quê hương, trong óc ông hỗn độn nhiều hình ảnh khắp ba miền đất nước, nhưng quả đáng tội, hồi niên thiếu ông sống ở miền Trung, dải đất nghèo nhất trong ba miền Trung Nam Bắc, đã để lại nhiều nỗi nhớ sâu đậm trong lòng ông, dù ông được sinh ra ở miền Bắc.

* * *

T
rời dần tối, những vì sao giờ này mới nhấp nháy trên nền trời tối thẫm như nhung. Bỏ lại Sài Gòn hòn ngọc Viễn Đông, thành phố ánh sáng của những người giàu và cũng nơi trú ẩn cho những người nghèo trong những hẻm hóc tối tăm không bình yên. Nơi nào cũng vậy, ở Mỹ người ta vẫn có thể bắt gặp được những hình ảnh tương phản của sự nghèo giàu, nhưng không quá chênh lệch như ở Việt Nam. Chẳng cần nhìn đâu xa, ngay trên chuyến tàu này, những người như ông từ nước ngoài về, những du khách ngoại quốc muốn tìm cảm giác của chuyến tàu đêm, hoặc những người thành phần khá giả ở trong nước thường vẫn kiếm một chỗ khá đầy đủ tiện nghi trên xe lửa. Còn ở những toa tàu ngồi, giữa khoảng trống của hai hàng ghế, lổn nhổn những chân cẳng và hành lý ngổn ngang, người đi tàu đang thu dọn để tìm một chỗ nghỉ lưng suốt đoạn đường dài ra Trung, Bắc. Toa ông ở có bốn người, hai anh Tây ba lô đi du lịch Việt Nam, một người Việt có vẻ thuộc hạng khấm khá về thăm nhà ngoài Trung. Khi vào phòng, loại giường hai tầng khá bất tiện khi ban đêm có người lục đục treo xuống để ra ngoài. Mọi người chỉ gật đầu mỉm cười với nhau rồi tìm chỗ của mình. Chiếc giường nệm trắng toát, có bàn để ngồi uống trà, vài cuốn quảng cáo về du lịch để trên mặt bàn, ông bỗng nghe tiếng nhạc dật diu vang lên, có lẽ từ lúc chuyến tàu đêm chuyển bánh mà ông không để ý.

Quái lạ! Bản nhạc "Tàu Đêm Năm Cũ" được một cô ca sĩ có giọng trầm buồn vẫn lờng lờng vang lên trên chuyến tàu đêm ra miền Trung, khiến ông bàng hoàng lặng đi một chút khi nghĩ về những cánh chia ly trên sân ga hiu hắt ánh đèn mờ, ở những thập niên trước khi chiến tranh còn đang sôi sục.

"Trời đêm dần tàn, tôi đến sân ga nơi tiễn người trai lính về ngàn, tàu cũ năm xưa mang về trả cho tôi người xưa..."

Thốt nhiên, ông nghe mắt mình nặng nặng, cảm giác những chuyến tàu đêm năm cũ hồi ông còn là một người lính bỗng ào át trở lại, như là ông lại một lần nữa nhìn thấy bóng dáng người lính năm xưa, bụi ngùi nắm tay người yêu trước giờ chia biệt. Và tiếng còi tàu, ôi tiếng còi tàu sao lúc ấy nó nào nùng như hồi kèn truy điệu. Ông vội nhắm mắt lại để đừng nghĩ gì nữa. Chung quanh ông còn lại gì, chập chờn ảo giác của những hình xưa trở lại. Không, ông vẫn đứng đây, bên khung cửa sổ của toa tàu hạng nhất, tóc đã bạc, đôi mắt xẹp mí khi về già, nhìn mãi miết vào bóng đêm mịt mù để tìm lại những hình bóng cũ.

Con tàu tăng tốc độ, hé mở cửa sổ phía bên ngoài ông không nhìn rõ gì lắm, chỉ nghe vù vù tiếng gió đêm thổi bạt hai bên tai. Có lẽ sau hai tiếng đồng hồ hay hơn một chút, ông lại thấy con tàu đi vào khu thành phố rực ánh đèn. Khung cửa lưới của toa tàu khá rộng, hai người Tây ba lô đang nhai mỗi anh một ổ bánh mì thịt, vừa rù rì nói chuyện, người đàn ông Việt Nam cùng phòng cũng đứng ở đó từ bao giờ, ngắm cảnh lên xuống ở sân ga. Ông quay sang người bạn đồng hành hỏi trỏng:

"Đây là đâu nhỉ?"

Ông ta cũng trả lời trỏng không, giọng miền Bắc:

"Tới Long Khánh rồi". Rồi nhìn đồng hồ ông ta tiếp:

"Hơn chín giờ. Ông về đâu?"

"Tôi ra Quảng Ngãi."

Ông trả lời vắn tắt. Người khách tò mò hỏi thêm:

"Ông từ nước ngoài về?"

Ông lắc đầu, nói "Không, không". Có gì chứng minh được ông là người xa quê mới về thăm nhà, bộ quần áo tầm thường khiến ông trông giống một người lính già đã giải ngũ hơn là một ông Việt Kiều. Mà ông chính là người lính già về thăm quê thật, cho là cái lẩn Nam, Bắc năm chinh ịch ngay chính giữa, thì ông vẫn chỉ là một người lính già không hơn không kém.

Bốn chữ "Nhà Ga Long Khánh" lộng lẫy đóng khung trong những bóng đèn xanh đỏ đập vào mắt ông, khiến ông chợt buồn rầu khi nhớ rằng có một thời vợ ông đã vất vả đi lên đi xuống cái sân ga này. Từ đây đi thêm một cuộc xe "Lam" nữa, cách thị xã khoảng mười cây số. Hai bên đường là những làng mạc của dân di cư miền Bắc, đi khoảng 2 cây số là đã thấy nhà thờ. Chỗ đây có

một trại tù, ngày xưa vợ ông đã đi tìm chồng hủ họa ở cái địa chỉ mang những con số đầy bí ẩn và tối tăm như đời tù tội của ông.

Gần ba mươi năm trước, vợ ông già dạng thành một người bán rong gánh trái cây lặn lội lên Long Giao tìm chồng. Long Giao là căn cứ quân sự của sư đoàn 18 Bộ Binh để lại, khu quân sự rộng lớn bao xung quanh là những con đường đất đỏ bụi mù. Sau vùng này trồng chuối bạt ngàn xen lẫn với những vườn tiêu của dân địa phương, len lỏi vào khu vườn chuối là những con đường đất nóng bỏng.

Năm đầu ở Long Giao, vợ ông vẫn bỏ lũ con thơ ở nhà, đi tìm chồng với cái hy vọng mong manh là tìm được chồng trong đám đàn ông ngày ngày vác cuốc đi lao động xung quanh trại. Mỗi lần đi, bà lại quảy trên vai một đôi gánh, dưới thúng đựng dăm thứ đồ ăn tiếp tế, trên chiếc mẹt nguy trang vài thứ trái cây. Từ một khoảng xa đến hai lớp hàng rào kẽm gai, đám đàn ông thất trận ngừng tay cuốc ngóng mắt nhìn theo một đám phụ nữ dáng dấp thon thả đang ló nhô đứng ngoài khu vườn chuối ngó vào. Kẽ nhóng ra, người ngó vào, bụi và nắng nhấp nhóa nên khó nhận ra nhau, thỉnh thoảng đám phụ nữ trẻ lại mon men xắn vào gần hàng rào kẽm gai để được gần gũi hơn đám tù đang cuốc đất, lại bị đuổi ra xa như một bầy gà nhao nhác. *"Làm sao gần được em ơi, hai hàng rào kẽm gai với lại những cây sừng kè kè như vậy"*. Họ í ới gọi nhau hỏi chuyện, lần ấy may mắn ông đã nhận ra vợ trong chiếc áo cánh trắng, trên đôi vai nhỏ bé là đôi đòn gánh mà ông không hiểu làm sao vợ ông lại có thể gánh được, khi từ bé đến lớn bà chưa hề biết gồng gánh là gì. *"Cạn ao thì bèo xuống đất"*, ông thương vợ quá, nhưng cũng phải công nhận sự khéo léo và nhẫn nhục của vợ trong thời buổi nhiều nhưong ấy.

Chỉ lần ấy thôi vợ chồng nhìn thấy nhau để rồi ông lên đường ra Bắc. Đêm ấy khi ngồi trong chiếc xe buýt bùng để đi xa, ông có nghe tiếng còi tàu. Tiếng còi rúc lên lạnh lùng như tiễn biệt, lòng ông quặn đau khi nghĩ đến vợ con. Sau này ông có nghe bà kể, nhà ở gần sân ga, chiều nào bà cũng tìm một nơi yên lặng để ngóng tiếng còi tàu, cứ hy vọng con tàu ấy sẽ là chuyên tàu đêm năm cũ trở về sân ga, có ông tàn tạ trở về với bà và lũ con. . . .

Mới đó mà gần ba mươi năm. Mười ba năm trong tù ông không quên. Giờ này khi tàu ngừng trên sân ga Long Khánh, ông vẫn nhớ cái khởi đầu của một cuộc hành trình mười ba năm ông bị bút ra khỏi mái ấm gia đình. Hủ vĩa! Ông còn đây, thân hình có

tiêu tụy nhưng vẫn còn đây, ông sờ vào hai lỗ tai lạnh để biết rằng mình vẫn còn đây, người tù mười ba năm vẫn còn đây, với những vết sẹo đã lành da vẫn ngứa ngáy một cách dị kỳ khi nhớ lại. . .

Sau thời gian dừng lại để khách lên khách xuống, con tàu lại rùng rùng chuyên bánh, ông đề ý hễ tàu đến tàu đi, đều có kèm theo một hồi còi rất dài, nó kêu tu tu trong đêm vắng, buồn thất ruột. Nhạc lại vang vang trong những cái loa gắn trên thân tàu, toàn những bản đã cũ:

"... Chiều nay có phải anh ra miền Trung, về thăm xứ mẹ cho em về cùng. Rồi ta sẽ đi chung chuyến tàu..."

Tiếng hát vang vang một âm điệu rộn rã, những bản nhạc một thời viết cho lính lại được sống lại trong chuyến tàu đêm. Giờ này ở đây chỉ có người lính già đi tìm quá khứ, dường như những người lính sống hay chết đã đồng loạt tử trận từ tháng Tư năm ấy. Ông rút một điếu thuốc phì phà trong bóng tối, đóm lửa lập loè như lóe sáng dậy một thời trẻ tuổi. Con tàu trong đêm tối cứ băng mình lặng lẽ xập xình đi vào vùng biển mặn, hình như có mùi nước mắm biển Phan Thiết quyện trong gió. Trong đêm tối, mắt ông không nhìn thấy gì vì cảnh vật mập mờ, nhưng ông đánh hơi được nơi chôn bằng khứu giác.

Tàu lại vào sân ga, người lên kẻ xuống, những người bán hàng rong và người đi tàu đang kỳ kèo trả giá những túi khô mực, những thùng nước mắm. Ông nhớ những lần nhậu thâu đêm suốt sáng với bạn bè, con khô nướng vội và những chai bia 33 lăn lóc dưới gầm bàn, ngã nghiêng đi về với một vàng trắng khuya. Vây mà không ngã, vẫn ngất ngưỡng đi về đến nơi đến chốn. Thời ấy hết rồi, Phan Thiết, Phan Rang, Nha Trang chỉ là những nơi ghé vào ngắn hạn, nhưng ông nhớ hoài mùi biển mặn. Nhớ xa hơn một chút về biển, chuyến tàu Hải Quân cuối cùng từ bãi biển Đà Nẵng lui về phương Nam, hỗn độn, chen lấn, quan không ra quan, quân chẳng ra quân, chuyến ấy ông mát sạch sành sanh, khi về đến Vũng Tàu mỗi người chỉ còn cái túi vải đeo trên vai, vải bộ quần áo, đúng là "trên răng, dưới... đẻ". Ông nhớ ngày hôm ấy, chiếc xà lan quá tải ngã nghiêng trên mặt biển, người ta rơi lồm tồm xuống nước, chết vô số. Ôi lại biển, kinh khủng lắm, hễ ném phải nước biển là ông lại nghĩ đến hương vị nước mắm, hai thứ ấy nó giống nhau lạ lùng.

Nha Trang biển đêm vẫn rì rào sóng vỗ, từ xa đã nghe được tiếng sóng, người được mùi biển mặn. Chỉ tiếc là lúc ấy đã khuya,

ông không nhìn thấy gì bằng cách lại đánh hơi ra những nẻo đường quê hương bằng khứu giác, bằng đôi mắt lập lờ nhìn không rõ của tuổi già. Ông đi vào giường nằm nhưng vẫn không ngủ được. Trần trọc, thao thức, chiếc giường êm ái làm ông lại nhớ tới chuyến tàu về Nam cách đây trên hai mươi năm, ông và người bạn tù xa lạ kết tình "huynh đệ" nhờ chiếc còng gắn vào cổ tay hai người. Đêm tối, anh bạn tù bàn tay nhỏ nhắn, rút được cái tay ra khỏi còng, vì thế mà ông được giải thoát một chặng đường dài. Kỷ niệm ấy ông nhớ mãi... Bây giờ anh ta trôi dạt đâu nhỉ?

"Một đêm mùa hè, tôi đến sân ga đi đón người trai lính trở về. Tàu cũ đêm nay có trả lại cho tôi người xưa, để đêm nay ngồi đây..."

Giọng ca buồn buồn của cô ca sĩ vẫn ni non trên chiếc loa suốt đoạn đường dài, hình như tàu mỗi lúc một đi nhanh hơn khi ra ngoài vùng đồng quê, đã thấp thoáng những rừng dừa bạt ngàn đê bước vào ranh giới tỉnh Bình Định. Bây giờ thì dường như trong ký ức của người lính già, kỷ niệm lần lượt trở về rõ mồn một, không nổi lại chỉ toàn kỷ niệm thời chinh chiến. Năm 72, nơi ấy những trận đánh ác liệt nhất đã diễn ra ở đây, trở ra những vùng khốc liệt như Sa Huỳnh, Đức Phổ, Mộ Đức. Đơn vị thám sát của ông toàn là những người lính tiên phong cắm túp đi vào miền đất chết, trước khi quân bạn được dàn trận đi đằng sau.

Trong bóng đêm mập mờ, mỗi một bên ga ông lại thấy mình gần gũi với kỷ niệm thời quân ngũ. Những địa danh gợi nhớ đến quay quắt từng vuông rừng, từng hóc núi, từng ngọn đồi hay những trảng cỏ tranh cao hơn đầu người. Màu xanh của rừng dừa Tam Quan vẫn không là cảnh đẹp yên bình để người lính mơ mộng, nó rình rập nổi chết trong đó. Bồng Sơn, Quê Sơn, tên đẹp chi lạ mà đầy oan khiên của máu và nước mắt. Tàu ra khỏi Qui Nhơn, khoảng hai giờ sáng là đến Sa Huỳnh, rặng núi biếc giờ này đã tối đen khi con tàu chui qua lòng núi càng đen kịt lại như mực, giá ban ngày ông đã có thể thấy những đồi cát, những mảng rừng thưa bông cỏ lau trắng xóa tiếp giáp để đi vào ranh giới Quảng Ngãi. Ngày xưa, ông đã mòn gót giày trên những vùng đất chỉ có những bom đạn và nổi chết, những đồng cỏ lau trắng xóa buồn u uẩn như người goá phụ đôi mươi quấn chiếc khăn tang trên đầu.

Vẫn nghe như hơi gió biển thổi qua triền núi thấp, vẫn nghe như hàng nghìn âm thanh thì thầm của những hồn xưa sống dậy. Những ngôi sao sáng và một mảnh trăng khuya, ở những vùng hiu

quạnh hình như nền trời bỗng sáng hơn. Ông dùng thêm ly cà phê đen để đầu óc được tỉnh táo, mắt ông cay xè vì thiếu ngủ nhiều đêm, nhưng vẫn không làm sao ngủ được. Gần ba mươi năm mới có một đêm như đêm nay, trở về những vùng đất thân yêu đã gắn liền với ông suốt thời trai trẻ. Trong khung cửa sổ của toa tàu chỉ mình ông đứng đó, hai gã Tây ba lô đã ngủ say, còn người đàn ông kia chắc quá quen với đoạn đường này, ông nghe tiếng ngáy nhỏ nhỏ vang lên trong buồng tàu.

Con tàu cứ lăm lăm băng mình trong đêm tối, thỉnh thoảng lại tu tu lên khóc. Nhất là ban đêm, giữa cảnh huyền hoặc của một nửa vàng trắng và những ngôi sao, gió thổi vù vù khi con tàu đi vào núi rừng miền Trung, ông gần như sống lại hoàn toàn cảm giác của đời lính thám sát nơi chiến trường miền Trung trên ba mươi năm trước. Cảm giác lần này lạ hơn, có lẽ vì ám ảnh chuyện cũ, ông nhìn những cành cây lay động dưới ánh trăng mờ khi con tàu vùn vụt đi qua, mà cứ ngỡ là những cánh tay của bao linh hồn anh em đồng đội năm xưa, đang vẫy tay đón ông về thăm chốn cũ. Thế giới vô hình làm sao hiểu được, nếu hiểu được người ta đã chẳng phải than khóc trước sự ra đi vĩnh viễn của người thân hay bè bạn.

Sa Huỳnh ơi! Nhớ quá đi thôi mặt trận đêm ấy. Những người lính thám sát lăm lăm đi trong bóng tối, những ụ đất ngày xưa giờ đã xanh cỏ, những vạch đạn cứa vào bóng đêm ghim vào cây cỏ, vào thân thể người lính đang di động trong đêm, tiếng rên la của người lính bị thương đòi uống nước.

"Nước, cho xin hộp nước..."

Tiếng rên rí đầu đón và đứt đoạn của người đàn em bị trúng đạn đòi xin hộp nước giờ này hình như cứ vọng mãi trong đầu ông. Ông nhớ có những đêm hành quân trời mưa rét công, lúc hai bên im tiếng súng rút vào cổ thủ, khi dừng quân ông được một người lính tiếp vụ đưa cho ly cà phê đựng trong chiếc ca sắt nóng hổi. Chưa bao giờ có một thứ cà phê nào ngon bằng hôm ấy, nó làm ông tỉnh táo và lòng ngập tràn tình thương yêu đồng đội, gắn bó với nhau trong nhiều khoảnh khắc chết sống của đời người. Ôi những ngày như thế, bạn bè ông, đồng đội của ông đã ra đi mà vẫn thềm rít một hơi thuốc cuối cùng, không biết ở cõi bên kia linh hồn họ có tìm lại được mùi cà phê, hơi thuốc lá như cõi dương gian này không?

Ở đây, khi cuộc hành quân tạm yên, ít nhiều gì đơn vị ông hay đơn vị bạn cũng bỏ lại rừng xanh những dòng máu đỏ, những bàn tay, cái chân cho cuộc chiến ấy, chưa kể có những người đã ra đi vào miền đất lạnh. Thiếu úy Kha, trung úy Điền, trung sĩ Nghiã, những người đàn em dễ thương mà ông còn nhớ, họ chết ở đây, trong đám rừng đen đặc kia. Ông nhớ lúc ấy đã vét túi tìm gói thuốc "Quân tiếp Vụ", chỉ còn duy nhất một điếu cong queo, ông vuốt lại cho thẳng rồi gắn lên môi người đàn em bị thương nặng, làm món quà tiễn chân kẻ ra đi không bao giờ trở về. Điếu thuốc cuối cùng ấy là món quà quý dành cho người sắp chết, ông thèm lấm mà không dám hút. Ông giơ tay vuốt mắt cho người lính cùng đơn vị, mắt cũng cay xè. . .

Tiếng gió giữa canh trường qua rừng cây đen thẫm như tiếng reo của linh hồn những người đàn anh, đàn em năm cũ vọng u u trong đầu ông, ông thấy nước mắt mình trào ra ướt đầm trên má. Ông thò tay vào túi, gói thuốc còn nguyên, ông bóc gói thuốc rồi nâng lên trước mặt thì thầm nói một mình:

"Hút, hút đi các bạn, hút cho thoả trước khi để linh hồn tan vào cõi hư vô".

Ông ném từng điếu thuốc vào cái khối đen ngòm của rừng cây ven đường, không thét ra được khối lồng ngực phập phồng hai lá phổi héo, nhưng trong đầu ông lờng lờng:

"Hết chiến tranh rồi. Hết lâu rồi các bạn ơi! Thuốc đây, hút đi, hút đi rồi các bạn muốn đi đâu thì đi. Đừng ở lại đây nữa..."

Những điếu thuốc bay lả tả theo đường tàu, nước mắt ông cứ trào ra ướt đầm trên má, nhỏ giọt xuống trên thân áo. Vô tình hay cố ý, đêm nay ông về thăm lại chôn cũ, phong phanh chiếc áo sơ mi và chiếc quần màu ô liu, y như một người lính kỳ nghỉ phép về thăm nhà. Trong cái loa tiếng nhạc lại vang vang:

"Ngày tháng đợi chờ, tôi đến sân ga nơi tiễn người trai lính ngày nào. Tàu cũ năm xưa có trả lại cho tôi người xưa, để đêm nay ngồi đây, viết lại câu chuyện này..."

Ông bật hai lỗ tai để đừng nghe âm thanh rên rỉ buồn buồn của bài hát lặp đi lặp lại trên chuyến tàu đêm. Tạm biệt các bạn thân quý của tôi, ba mươi năm gặp lại nhau như thế đủ rồi, khi ra đi đầu các bạn còn xanh, nay trở về đầu tôi đã bạc. Khác nhiều lắm rồi, những mỏ đất, những đồi cỏ, những rừng dày, rừng thưa, đã phủ kín một màu xanh, cho quê hương thôi máu lửa...

Ba mươi năm sau cuộc chiến, người lính năm xưa đã hy sinh còn để lại những gì cho Tổ Quốc. Ngoài những vết sẹo kéo da non của người còn sống, ông Bảo chạnh nghĩ đến những thương binh đã lây lất sống sót đời mình trên vỉa hè thành phố, dựa dẫm vào vợ con để thành một gánh nặng buồn tủi. Thế còn những đứa con của người tử sĩ thì sao? Trung úy Điền xuất thân trường Đà Lạt, khi chết trận bỏ lại người vợ trẻ và hai đứa con thơ, trung sĩ Nghĩa có một đứa con không biết là trai hay gái trong bụng vợ. Gia tài người lính để lại chỉ có chiếc ba lô, đựng dăm thứ lặt vặt cho những cuộc hành quân dài ngày nơi rừng núi, khi nằm xuống họ đã kéo theo sau lưng mình sự đổ vỡ, tan tác, rách nát, thảm thương của một hệ lụy máu thịt cùng chịu chung số phận...

* * *

Bình minh đã lên. Ở miền nhiệt đới bình minh bao giờ cũng dậy sớm, chuyến tàu đi qua những quận lỵ cũ để vào thị xã. Lúc tàu đi ngang Đức Phổ, Mộ Đức, lại những chiến trường xưa, những chiếc xe nhà binh năm cũ ở đâu trong đầu ông ào ào chờ đây lính ra mặt trận. Tàu ghé vào ga, những người bán dạo trên bến ga mời chào í ới. Nhìn đĩa xôi gà trên tay một chú bé độ 12 tuổi, mà bé choắt vì phải ra đời sớm, ông gọi mua một đĩa xôi mà không cần trả giá. Nhìn cậu bé 12 tuổi sáng sớm bụng trên tay mâm xôi đi bán dạo, cái đùi gà vàng lươm được rơ ti thật hấp dẫn, ông hiểu cái nghèo đè nặng trên đầu dân tộc ông, mắt ông bỗng nặng nặng như đêm qua ông về ngang chón cũ. Ông ăn mà không biết ngon, chỉ ăn cho đỡ đói, để tìm hương vị cũ, niềm đau cũ. Chú bé bán xôi được ông cho một món tiền lớn gấp mười đĩa xôi gà, cứ đứng trân trân nhìn ông tưởng như là phép lạ đang xảy ra trên sân ga.

"Nhìn làm gì em ơi, giá hơn mười năm trước tôi cũng làm gì dám ăn đĩa xôi gà trên tay em, chẳng phải thịt gà phong độc như dân địa phương thường nói, mà vì nghèo, cái nghèo là thứ quả báo lớn nhất mà ông Trời bắt con người phải chịu". Lúc này đầu óc ông tỉnh táo hơn, nôn nao hơn, vì ông sắp về tới gia đình, về với bà mẹ già vừa lòa vừa điếc, chưa chắc gì đã nhận ra con.

Người ta lại tấp nập lên tàu, xuống tàu. Ông ăn xong đĩa xôi, gọi một ly cà phê đá nhâm nhi nhìn kẻ lên người xuống, bỗng liên tưởng cuộc đời y hết một chuyến tàu, mà những người lính già

như ông còn ngồi lại với nỗi buồn chiến tranh đọng lại trong mỗi hồi tưởng. Đêm qua khi đi ngang Sa Huỳnh lúc hai giờ sáng, hình như ông đã gặp lại bạn bè năm xưa trở về, họ là những người đã xuống tàu ba mươi năm trước. Ba mươi năm sau trên chuyến tàu đò, những lớp người đi sau như thằng bé bán xôi, cô bé đáng học trò ngồi bán cà phê ở toa ăn uống là lớp người sau lên tàu muộn. Bây giờ nếu ông kể chuyện cũ ba mươi năm trước, chắc hẳn chúng nó sẽ tròn mắt lên mà nghe như chuyện cổ tích. Một câu chuyện cổ tích rất buồn, chỉ còn mỗi người lính già như ông ngồi lại trên chuyến tàu đêm, khắc khoải. Tiếng nhạc vẫn lờng lộng trên sân ga, không phải bài "Tàu Đêm Năm Cũ", mà nghe rất lạ, như bài cầu kinh sắp tới hồi kết thúc:

*"Rời tàu xa rời, xa rời kỷ niệm
Trá lại cho mình, nửa phần yêu thương
Tìm lại xót xa, tìm lại vui buồn
Đi vào nhân gian, với lòng yêu thương.
Đi đi, đi thấu kiếp người...
Ôi niềm đau, hồi nỗi vui
Đi đi, đi thấu kiếp người
Đi đi, để biết khóc cười hồi... oi!"*

Hơn mười giờ, tàu vào ga Quảng Ngãi. Ông xốc cái ba lô trên lưng, chậm rãi chờ người ta chen chúc nhau xuống sân ga, con tàu lại tu tu lên khóc. Ông sắp về với mẹ ông, căn nhà xưa trong một ngõ nhỏ. Con ngõ này hồi xưa thế nào nay vẫn vậy, nhưng nhà cửa được nâng cao, xây dựng lại khiến thoát nhìn tưởng mọi điều đã đổi khác.

Ông về với mẹ, biết đâu không phải là lần cuối được cầm lấy tay mẹ, tay con cũng nhăn nheo huông gì tay mẹ ông chỉ còn là một rúm da bọc xương khẳng khiu. Mẹ ông năm đó, chả biết ai với ai, đôi mắt loà quáng lên một vùng ánh sáng mù mờ, như ngọn đèn cạn dầu leo lét chờ tắt.

Bên cạnh bà mẹ già vừa loà, vừa điếc, vẫn không biết là có một đứa con đi xa vừa trở về. Không còn cách nào khác hơn, ông cầm lấy bàn tay nhăn nheo, gầy guộc của mẹ, để bà sờ mặt con với những giọt nước mắt ướt đầm trên những ngón tay. Không biết trong cõi mịt mù của đời người sắp tàn ấy, bà có sờ ra được khuôn mặt của đứa con từ lâu rồi không gặp.

NGUYỄN NHUNG

(Tháng Tư, 2004)

TR...N V,,N L®

**th β $\frac{1}{2}$ ng quá nø hoa vàng
không ai v« ngang ngõ**

Những cơn mưa rả rích đã chấm dứt thật rồi. Ba ngày mưa bốc hơi... bây giờ, sáng, đang nắng...

Hơi mưa bay lãng đãng. Mặt sân gạch đỏ hồng... và hoa hồng cũng đỏ. Màu hồng là màu nhớ...

Nhớ áo em trong gió, vén xuống đò sang sông. Nhớ má em hồng hồng... hình như vì e then...

Đường bay đàn chim én vẽ từng vòng trời xanh. Sau mưa lá mong manh nhẹ nhàng mà chằng rưng...

Em ơi trong đời sống, nhớ chiếm giữ mấy phần? Một đời người trăm năm, tuổi Xuân dài mấy chốc?

Tôi đi con đò dọc, dòng sông dài thê lương. Tôi ra tới đại dương, dòng sông thành chi nhi?

Phải chăng những giọt lệ long lanh sáng nắng này? Phải chăng những đám mây trong trời kia thăm thăm?

Tôi nhặt vài giọt nắng thấy con mắt của tôi! Tôi nhớ em xa xôi bỗng thấy trong gần gũi!

Nắng ấm nồng sẽ nguôi, chuyện đó của thời gian. Miên man và miên man, tôi nói thầm với nắng...

Tất cả là im lặng. Tất cả cũng thời gian... Thương quá nụ hoa vàng không ai về ngang ngõ...

tôi nh $\frac{3}{4}$ ng β ¶i tôi c \tilde{N} ng!n ng $\frac{1}{2}$

Hôm nay trời mưa. Mai cũng mưa.
Mưa vui chút xíu, buồn đang thừa!
Không mưa, ai cũng đều than thở
Mưa có người buồn, người ngẩn ngơ!

Khó hiểu thay lòng thiên hạ quá
Nắng mưa không khéo bệnh con người!
Ngày xưa, Nguyễn Bính nhìn mưa gió
Làm một bài thơ thơ-trương-tư...

Minh nay, đang cũng nhìn mưa gió
Bỗng nhớ con đò một bến sông...
Đò đã xa rồi, sông nước lặng
Ngộ thay ai đó áo luôn hồng!

Trời nắng không mưa thì muốn mưa
Mưa rồi làm nhớ bến đò xưa
Bến đò xưa ấy, ngày xưa nắng
Mưa bỗng dung về trong mắt trưa...

Hôm nay trời mưa, mai chắc tạnh?
Mong tin thời tiết báo sai giùm...
Em ơi anh chẳng làm sao cả
Bỗng ngó trời mong thấy bóng trăng!

*Bỗng ngó trời mong thấy Huế mình...
Thấy rong rêu bám bức tường thành...
Thấy ai nón lá che mưa nhẹ
Nhớ áo dài ai lúc đó xanh...*

Cảm tạ cơn mưa, mưa bất chợt
Chiều nay trên thành phố Temple
Chiều nay, mai, một, mưa hay nắng
Tôi nhớ người tôi cứ ngẩn ngơ...

TRẦN VĂN LỆ

QUÊ HƯƠNG TRONG TRÍ NHỚ



VÂN ĐÌNH DƯƠNG ẬU OANH

(Houston - Texas)

SÀI GÒN ƠI, NỖI NHỚ KHÔN NGUÔI

Tôi sinh ra tại Hà Nội, cố đô của ngàn năm văn hiến, nhưng lại lớn lên ở Sài Gòn, thành phố đã một thời được mệnh danh là Hòn Ngọc Viễn Đông. Hà Nội với đường Cổ Ngư êm đềm và thơ mộng, với Hồ Gươm hai bờ liễu rủ, ảo mờ trong màn sương những sáng mùa đông, tuy có để lại trong tôi ít nhiều xao xuyến nhưng nỗi nhớ chỉ bằng bạc như khói sương, ẩn khuất đâu đó như những bóng hình trong huyền thoại.

Với Sài Gòn thì khác. Sài Gòn với tôi là tất cả. Mảnh đất này là nơi ôm giữ gần trọn cuộc đời tôi, từ khi tôi tập tành làm thiếu nữ, biết soi dung nhan mình trong tấm kính xinh xinh, đến khi rời xa thì đầu đã pha hai màu tóc. Sài Gòn, nơi chôn dấu tất cả các kỷ niệm tôi, sung sướng lẫn khổ đau của một kiếp làm người.

Năm 1954 gia đình tôi theo đoàn người di cư bỏ miền Bắc, dắt dìu nhau đặt chân lên mảnh đất miền Nam với bao nhiêu lạ lẫm thuở ban đầu. Từ đồng bạc giấy xé đôi để thành hai tờ năm các đến trái cóc giâm tẻ hoa xanh xanh vàng vàng, cắn vào giòn tan vị chua chua ngọt ngọt nhớ đời. Bản chất người dân miền Nam chân chất và thành thật, thân thiện và xởi lởi, khiến những người bở xứ ra đi như chúng tôi cảm thấy thật ấm lòng.

Dần dà theo năm tháng, Sài Gòn, thủ đô của miền Nam tự do trở thành thành phố đẹp đẽ và sung túc nhất nhì vùng đông nam châu Á. Thành phố với sức sống ào ạt, hầu như không lúc nào im tiếng động. Mới 3, 4 giờ sáng, người ta đã bị đánh thức dậy bởi tiếng nổ inh tai của những chiếc xe ba bánh hay xích lô máy chát

đầy rau quả đưa về các chợ. Tiếng xe ngựa lóc cóc trên mặt đường nhựa chờ những người buôn thúng bán bưng bắt đầu cho một ngày mới. Trong các xóm nhỏ vang vang tiếng trẻ con rao bán, tiếng hàng quà rong, nào xôi nào cháo, nào bánh nào rau, ôi thôi không thiếu một loại hàng nào.

Sài Gòn đây rầy những quán cóc ở đầu mỗi hẻm nhỏ, sáng tinh mơ đã sực nức mùi cà phê thơm ngát. Nơi đây là chỗ gặp gỡ đầu ngày của giới bình dân, xích lô, ba gác, công nhân các hãng xưởng, cầu đường... Phì phèo điếu thuốc, nhâm nhi ly nước đen ngòm, chút vị ngọt pha đây vị đắng mà thiếu nó thì sẽ ra ngán vào ngơ như thiếu người tình...

Sài Gòn với tôi còn là một thời áo trắng Trưng Vương, đây ắp kỷ niệm ngọt bùi với phấn trắng bảng đen, với bạn bè chia nhau những niềm vui tuổi ngọc, những mộng ước thanh xuân. Con đường Nguyễn Bình Khiêm với hai hàng cây cao bóng mát, những lá me xinh xinh rơi đầy trên vai áo, phủ kín mặt đường vào lúc chớm thu. Quanh quần đầu đó, hình ảnh những anh chàng tình si, đôi mắt ngẩn ngơ tìm kiếm trong đàn thiên nga vừa vỡ tổ, hình bóng nàng thơ mà chàng đang ấp ủ :

*Em tan trường về,
Đường mưa nhỏ nhỏ
Chim non đầu mỏ
Trong cội hoa vàng...*

(Ngày xưa Hoàng thị - Phạm Thiên Thư)

Trong cặp của biết bao cô nàng Trưng Vương, có một ngăn kín đáo nhất, là nơi cất giữ những tờ giấy pelure mỏng tanh màu hồng phấn, màu xanh phơn phớt da trời chép chi chít những bài thơ tình học trò của Nguyễn Sa, những bài thơ đầy hấp lực với những nàng con gái vừa đến tuổi mộng mơ, biết thẹn thùng giấu mặt khi vô tình chạm vào ánh mắt ai đó đang đắm đắm hướng về mình:

*Áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu đương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím...*

(Màu kỷ niệm)

*Không có anh nhờ một mai em chết
Thượng đế hỏi anh sao mắt em buồn*

*Sao tay gầy, sao đôi mắt héo hon
Anh sẽ phải cúi đầu đi vào địa ngục...*
(Cần thiết)

*(Ôi bạn bè ta, những người đã chia sẻ với ta cả một thời
hoa mộng, nay đã tan tác nơi đâu, ai còn, ai mất?)*

Nhớ đến Sài Gòn, người ta không thể không nhớ đến chợ hoa Nguyễn Huệ mỗi độ xuân về. Mai, đào, hồng, cúc, thủy tiên, mận đình hồng... thôi thì trăm nghìn thứ hoa, trăm nghìn màu sắc, muôn hồng ngàn tía khoe sắc khoe hương. Nam thanh nữ tú, ông già bà trẻ chen vai thích cánh nhau trên con lộ rộng nhất nhì thành phố. Lòng người vui theo cái vui của mọi người, rộn rã theo cái rộn rã của phố phường ngày giáp Tết.

Sài Gòn còn là những đêm Giáng sinh ngập tràn dòng người trên khắp các con đường Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Tự do... dẫn về nhà thờ Đức Bà. Người ta đi lễ thì ít mà đi ngắm nhau thì nhiều. Ở đó có bao nhiêu cặp tình nhân tay trong tay, mắt trong mắt. Đêm của gặp gỡ, đêm của hẹn hò. Đêm như trăng hội, đêm như thác lũ...

*Ta đi bên nhau giấu tình trong đôi mắt.
Giấu lời hẹn hò trong mỗi bước chân êm...*

Sài Gòn còn là những cơn mưa đầu mùa hạ. Trời đang nắng chang chang, nắng như đổ lửa, nắng rát thịt da... bỗng đâu cơn mưa ập đến. Mưa ào ạt, mưa tới tấp. Mưa như trút nước rồi... tạnh rất mau.

*Anh còn nhớ không anh, chiếc xích lô chở đôi ta đi dưới cơn
mưa tầm tã. Lời thầm thì ngọt ngào hơn khúc hát tình ca. Mưa ơi
cứ dài thêm đi nhé cho tim ta thom đũ một vườn hồng...*

*Sài Gòn ơi, một thời ta mới lớn
Mỗi con đường đều ngát hương ngọc lan
Mỗi hàng cây đều có tổ chim non
Riu rít hót bài ngợi ca hạnh phúc...*

Tình yêu lớn dần theo năm tháng và những đứa con bé bỏng lần lượt chào đời.

Tôi dắt con đi giữa lòng Sài Gòn êm ả. Đây Givral với những ly kem mát lạnh, món giải khát không thể thiếu mỗi lần dạo phố cho các cô cậu bé con. Đây nhà sách Khai Trí với vô vàn sách truyện mà mẹ thường say mê đọc cộp thời còn là nữ sinh. Đây quán cà phê La Pagode, nơi không hẹn mà thường xuyên có mặt bố với các bạn bè.

Biết bao nhiêu tên gọi của Sài Gòn thân yêu đã đi qua trí nhớ non nớt của các con tôi...

*Đêm về trên bánh xe qua
Nhớ tôi Xa Lộ, nhớ nhà Hàng Xanh
Nhớ em kim chỉ khâu tình
Trưa ngoan lớp học, chiều lành khóm tre
Nhớ mưa buồn khắp Thị Nghè
Nắng Trương Minh Giảng, lá hè Tự Do...*

(Đêm nhớ trăng Sài Gòn - Du Tử Lê)

Tháng 3/1975, hàng ngày tin tức chiến sự từ xa đưa về toàn là tin xấu. Pleiku mất. Đà Nẵng mất rồi Nha Trang cũng chẳng còn... Từ miền Trung xa xôi, miền Tây trù phú dòng người lũ lượt kéo về, Sài Gòn trở thành một thành phố cực kỳ rối loạn. Rối loạn từ ngoài đường phố đến trong lòng mọi người. Nhìn đâu cũng thấy những khuôn mặt hốc hác, lo âu, những đôi mắt thất thần, những đôi môi khô héo, gặp nhau chỉ hỏi một câu duy nhất "ở hay đi?" Mà đi thì đi đâu chứ? và đi bằng cách nào?

Đầu tháng 4/75 những biến động chính trị ở miền Nam càng ngày càng dồn dập và anh, dẫu đang là luật sư của Văn Phòng phụ tá về luật pháp Phủ Tổng Thống lại bị chính ông Tổng Thống ra lệnh bắt giữ. Em cuống cuống như con chim mắc bẫy, giẫy giụa trong tuyệt vọng, nào biết đâu số phận đang an bài cho mình những chia lìa, những mất mát, những khốn cùng...

Bất ngờ trưa ngày 27/4 anh được thả về, đứng vào lúc Sài Gòn đang giãy chết.

29/4 chúng ta tìm đường chạy trốn nhưng mọi ngã đường đều là tuyệt lộ!

Trưa 30/4 lệnh đầu hàng của Dương Văn Minh như tiếng đạn pháo kích phá toang lòng ngực người dân Sài Gòn. Nổi bàng hoàng làm thân thể tôi dường như mất hết gân cốt...

Cơn bão lốc đã hoàn toàn ngự trị thành phố. Rực khắp nơi chỉ thấy một màu cờ:

*Tôi bước đi,
Không thấy phố,
Không thấy nhà,
Chỉ thấy mưa sa trên màu cờ đỏ...*

(Trần Dần)

Mỗi sáng tiếng loa phóng thanh vang lên chất chứa lời người xướng ngôn viên, toàn là một giọng điệu xảo trá, bịp bợm, ca tụng

cái xác ướp đã bao năm, ca tụng cái chiến thắng đầy máu xương và hận thù. Những bài hát hoàn toàn lạ lẫm: "Nhu có bác Hồ trong ngày vui đại thắng..". Đại thắng ư? Thành phố của ta – thành phố có người lãnh đạo vừa lên tiếng đầu hàng, đang thấm thương như người mẹ tuyệt vọng ôm lũ con mình đầy thương tích trong vòng tay run rẩy mà lau đi những giọt lệ bi ai – mĩa mai thay cho hai từ "đại thắng"!!

*Thành phố của anh
Nhục nhằn duyên cưỡng ép
Cay đắng phận rau răm
Tim lay lắt chập chờn nổi đờ
Mòn môi nén nhang khuya...*

(Giã biệt - Tô Thùy Yên)

Tiếp theo là hàng loạt thanh trừng dành cho kẻ bại trận.
Trước hết là lệnh tập trung toàn bộ sĩ quan và công chức chế độ miền Nam.

Không chút nghi ngờ, anh bảo: "Em đừng xếp nhiều quần áo cho anh, chỉ đi có 10 ngày thôi mà".

Chỉ 10 ngày thôi ư? Chính phủ cách mạng sao mà khoan dung độ lượng thế nhỉ?

Thương thay cho cái ngu ngơ của dân miền Nam và cái gian manh, xảo quyệt của những con người trí trá, hiểm ác.

10 ngày đã trở thành 10 năm hay hơn thế nữa, nào ai học được chữ ngờ!

Các trại tù mọc khắp từ Nam ra Bắc để giam giữ những người bại trận. Bao nhiêu người đã ngã xuống trước họng súng của cai tù? Và bao nhiêu người đã vùi thây nơi thâm sơn cùng cốc vì nhục hình, trốn trại, đói khát, bệnh tật?

Không bị nhốt trong các trại Hàm Tân, Thanh Hóa, Nam Hà, Xuân Phước...v..v.. nhưng người dân Sài Gòn và cả miền Nam cũng sống trong một trại tù khác, khổng lồ hơn và ghê tởm với các đợt trả thù: đốt tiền, đốt sách, đánh tư sản, đuổi đi kinh tế mới, giam giữ..v..v...

Kẻ chiến thắng đóng các cửa ngõ với thế giới bên ngoài, ôm cái vinh quang thấm đầy máu và nước mắt để hát hò, để xung tưng... trong khi gạo và thực phẩm thì cạn kiệt. Từ cuối năm 1977 bước sang đầu năm 1978 gạo hết, người dân phải ăn khoai lang, khoai mì hà, mà chất độc có thể làm mất mạng như đũa. Tiếp theo là thời gian ăn bột mì. Người người bỗng chốc đều trở thành bà

nội trợ khéo léo vì phải tự nghĩ ra cách chế biến bột thành những thứ có thể nuốt trôi qua cổ họng, ngoài cách nặn bột thành một cục tổ bố, luộc chín rồi chấm với muối (không dùng mè vì làm gì có thứ quý giá đó!!!). Cuối cùng khoai lang, khoai mì, bột mì cũng chẳng còn, lương thực chính cho dân là bo bo, thứ thực phẩm chỉ dành để nuôi ngựa!!

Tôi nghiệp con bé út 3,4 tuổi của tôi. Trông thấy bát bo bo là nó vừa cười méo xệch cái miệng thật xinh vừa giả bộ xoa xoa cái bụng lép xẹp mà nói: "*Mẹ ơi con no rồi*", để khỏi phải nhai cái bát bo bo đến trọ quai hàm! Vì tôi vẫn còn là công nhân viên nên tháng tháng được mua 13kg gạo, do đó bữa tối sang nhất là có chút cơm với 3 phần gạo hầm và 1 phần sụn, những cục sụn vừa bằng hạt đậu xanh, hạt mè, nếu nhặt không kỹ thì sẽ vỡ răng như chơi!

Đó là những năm tháng Sài Gòn chìm trong bể khổ. Quanh mình từ xóm giềng đến trường lớp, con mắt nào cũng là con mắt soi mói, dò xét. Mỗi lời nói ra dường như có cái máy thu âm vô hình đặt ở đâu đó sẵn sàng ghi lại. Người bạn đồng nghiệp mới ngày hôm qua còn đùa giỡn, vui cười với nhau, hôm nay đã điếm mặt mình: "*lời nói và hành động của chị thể hiện tính chất tiểu tư sản, thiếu kiên định lập trường, phải đưa ra buổi họp để kiểm thảo...*". Đó là nhẹ nhất. Còn nặng hơn ư? Cánh cửa vùng kinh tế mới đã mở sẵn sàng hoặc trại giam cũng đang chờ đợi...

Ồi Sài Gòn thân yêu, còn đâu hình ảnh của Hòn Ngọc Viễn Đông vui tươi, phồn thịnh ngày nào. Sài Gòn đang khô héo như hoa cỏ mùa nắng hạn. Sài Gòn đang quằn quại như người thiếu phụ trong giờ vượt cạn mà kẻ phụ tình đã cao chạy xa bay...

*Ở đây địa ngục chín từng sâu
Cả giống nòi căm lạng gục đầu
Cắn chết hàm răng ứa máu mắt
Chung xiềng nhưng chẳng dám nhìn nhau...*

(Mùa hạn - Tô Thùy Yên)

Làm thân cô giáo như tôi, sớm chiều phải túc trực tại trường sở để học tập đường lối chính sách mới, để được dạy dỗ rằng mình là vợ một tên lính "ngụy", kẻ tội đồ của dân tộc! Cuộc sống là những ngày nối tiếp ngày tràn ngập lo lắng và sợ hãi. Đêm đêm trên đường đến dạy lớp bổ túc văn hoá tại trường Lê Quý Đôn, khi chiếc xe đạp lọc xọc chạy ngang qua câu lạc bộ thể thao (cercle sportif) trên đường Hồng Thập Tự, trái tim tôi dường như bị mũi

đạo đâm trúng. Trời có mưa không mà mặt tôi đầm ướt... "*Anh ơi anh đâu rồi?*" . Hình như mới hôm qua hay hôm kia thôi, chiều đến, sau giờ tan sở, chồng tôi còn về đón mấy mẹ con đến cầu lạc bộ này cho các con bơi lội, chơi đùa...

Thời giấc mơ đời đã vội tan!

Sài Gòn còn chứng kiến biết bao cảnh chia lìa vì những cuộc trốn chạy trên những chiếc bè mỏng manh như chiếc lá giữa mặt bể mênh mông trùng trùng sóng dữ hay những cuộc vượt rừng, một sóng mìn chết giữa cạm bẫy của súng đạn, thú dữ, rắn độc, bọ cạp và lạc đường... Hình ảnh hai anh tôi quỳ lạy mẹ rồi ôm tôi gửi gắm mẹ già và từ biệt trước khi ra đi là những kỷ niệm đau đớn tận cùng, đầu đã cố chôn vùi để quên đi nhưng mỗi năm cứ đến tháng tư thống hận hay tháng bảy giỗ kỵ, nước mắt tôi tự nhiên chứa chan không sao cầm giữ được. Đứa cháu trai 16 tuổi, đứa con trai độc nhất của anh cả tôi đang giam thân trong trại tù đã do chính tay tôi dắt cháu ra chợ cũ Sài Gòn để xuống tàu ở bến Bạch Đằng trong cái ngày oan nghiệt đó. Trước lúc chia ly, cháu nắm chặt bàn tay tôi, đôi mắt trong sáng đầy tin yêu nhắn lại "*Cô ơi, bố về cô nói giùm con yêu bố, con đi sẽ lo cho cả nhà!*". Chuyến tàu định mệnh đó mang theo 10 người thân yêu của tôi ra đi và đi mãi vào trong lòng biển thẳm.

"Khôi ơi, cô xin lỗi con, lời nhắn của con cô đã vĩnh viễn chôn vùi vì không dám khơi lại trong lòng bố con vết thương mãi mãi chẳng lành!"

Đêm đêm tôi thường mất ngủ vì những toan tính lúc nào cũng ngập ngụa trong đầu. Làm sao với cái thân thể còm cõi, cô đơn này, tôi có thể gánh vác nổi một gia đình 6 con còn thơ dại, chồng mòn mỏi trong ngục tù đói khát, ốm đau, mẹ già liệt nửa thân mình kèm với những con đau tim vật vã xác thân kể từ sau ngày các anh và các cháu ra đi mà biệt vô âm tín? Làm sao để các con tôi đừng biết rằng ngày mai mẹ chúng không còn đồng xu trong túi, sẽ sẵn sàng bỏ học để lao ra chợ đời phụ mẹ kiếm sống với cái tuổi lên 10, 12, 13? Những câu hỏi cứ chằng chịt ám ảnh tâm trí tôi mà không có lời giải đáp. Tôi sụm xuống như một bà già tàn tạ. Hình như tôi không còn nước mắt để khóc cho thân phận mình mà trong cõi lòng lúc nào cũng chỉ đầy ắp sự lo lắng và nỗi sợ hãi tận cùng...

Năm 1992 gia đình tôi rời Việt Nam đi định cư tại Mỹ. Tôi bỏ lại sau lưng năm tro xương của Mẹ, bỏ lại người anh ruột độc nhất còn lại trên thế gian này, bỏ lại thành phố Sài Gòn mà mỗi cành cây, ngọn cỏ, mỗi con đường, khu phố, căn nhà... còn âm vang, còn réo gọi trong tôi những kỷ niệm thiết tha của gần 40 năm gắn bó.


Khi chiếc phi cơ rời khỏi phi trường Tân Sơn Nhất, bay vút lên trời cao, lòng tôi bỗng vỡ vụn những cảm giác xót sa, mất mát!

*Sài Gòn ơi tôi đã mất người trong cuộc đời
Sài Gòn ơi, thôi đã hết thời gian tuyệt vời
Giờ còn đây, những kỷ niệm sống trong tôi,
Những nụ cười nát trên môi,
Những giọt lệ ôi sâu đắng...*


(Vĩnh biệt Sài Gòn – Nam Lộc)

Những tháng năm dài nhớ quê hương...

**Vân Đình
DƯƠNG ẬU OANH**



NHA SĨ
NGUYỄN VĂN NĂM
Nha Khoa Gia Đình & Thẩm Mỹ

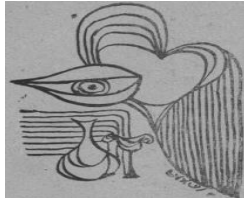


*** Địa chỉ mới:**
2808 MILAM ST. Suite B
(trong khu Mekong Center)
HOUSTON, TEXAS 77006
*** Điện thoại (không thay đổi)**
713 – 520 – 7950

Ngày giờ làm việc:
* Thứ Hai đến Thứ Sáu: **09:00 AM – 5:00 PM**
* Thứ Bảy – Chủ Nhật: **09:00 AM – 02:00 PM**
* Thứ Năm: **NGHỈ**

Vui lòng gọi trước để lấy hẹn
ĐẶC BIỆT GIẢM 25% trong 6 tháng
cho Khay làm trắng răng (Custom made Bleaching Tray)

NGHỆ THUẬT



NHƯ KHÔNG

(San Jose - California)

VU LAN NHỚ MẸ



Hàng năm, ngày Vu Lan tôi thường đưa Mẹ lên Chùa. Nếu có lễ “Bông Hồng Cài Áo”, tôi luôn nhận được bông hồng đỏ cài lên áo. Ít người ở tuổi tôi còn điễm phúc được cài bông hồng màu đỏ. (Bông hồng màu trắng dành cho người không còn Mẹ).

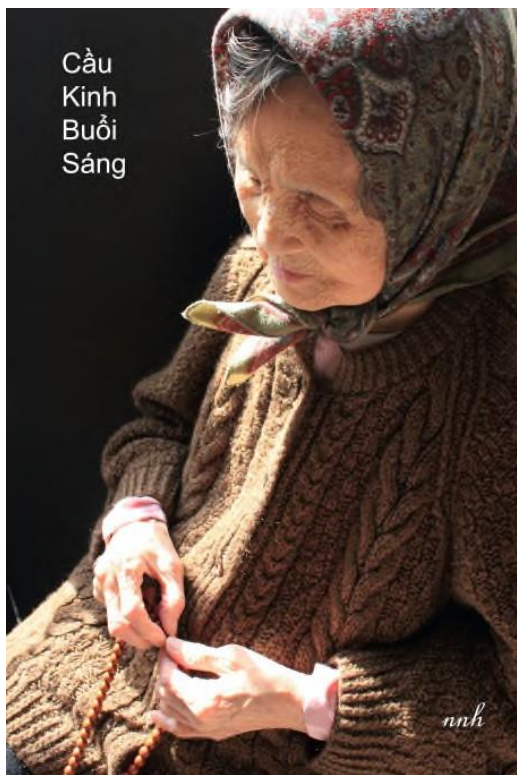
Năm nay, mùa Vu Lan thiếu vắng Mẹ. Nhưng hình bóng Mẹ treo đầy quanh phòng, hình

Khâu áo

“70 năm khâu áo cho chồng con”

khâu vá, hình quét sân, hình đọc sách, hình vấn tóc, hình ngồi viết thư, hình li xì cho chất, hình dạo quanh sân chùa, hình bước lên chánh điện, tay phải chống gậy, tay trái nắm chặt lan can, hình vái Phật, và... còn nhiều nữa hình ảnh của Mẹ.

Cách nay 2, 3 ngày, một NAG, thành viên của hội Nhiếp Ảnh trong vùng, ghé thăm. Ông chú ý 2 bức hình: hình “**Khâu áo**” và hình “**Câu kinh**”. Ông đánh giá cao bức “**Khâu áo**” và xin một bài viết ngắn cho trang nhiếp ảnh của tờ báo địa phương. Với tôi, 2 tấm hình này chỉ có giá trị trong gia đình với tính cách kỷ niệm. Tôi không hiểu sao ông ta lại thích bức ảnh “**Khâu áo**”. Có thể là chiếc khăn nhung đen quấn trên đầu, trang phục quen thuộc của phụ nữ miền Bắc thời xưa mà lâu nay không còn thấy ở hải ngoại. Có thể bức hình gợi nhớ bóng dáng người Mẹ hiền phương trời xa mà lâu ngày không gặp. Tôi lục tìm files hồ sơ cũ trong computer, không thấy. Chợt nhớ ra là tấm hình đó chụp bằng phim,



cách nay đã lâu, trên cả chục năm trời. (Bức “**Khâu áo**” ở đây là hình chụp lại.)

Hai hình này thuộc loại chân dung mà chẳng theo quy tắc gì cả, không dùng chân (tripod), không dùng đèn (flash). (Phòng chụp chân dung của NAG nhà nghề thì linh kinh nhiều thứ lắm).

Một buổi sáng hè, Bố điễm tâm ngoài phòng ăn. Mẹ ngồi **khâu áo** cho Bố trên salon, bên cạnh cửa sổ, tôi vội

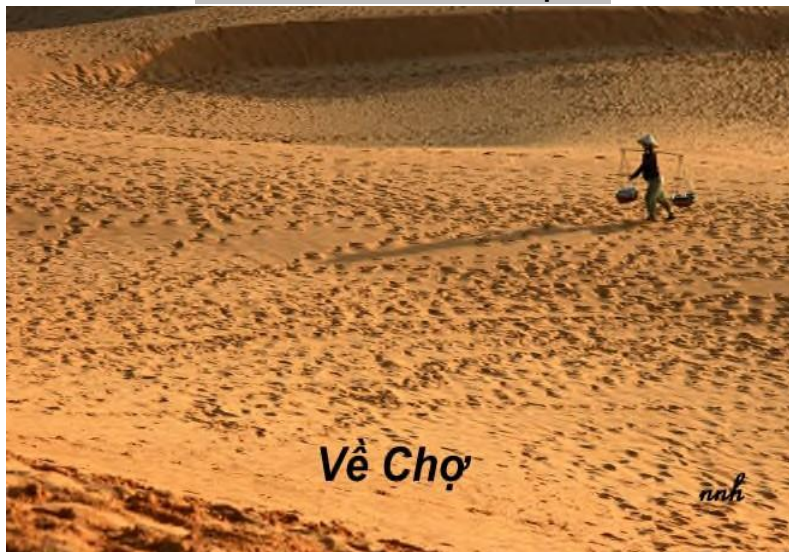
**Cầu kinh
buổi sáng”**

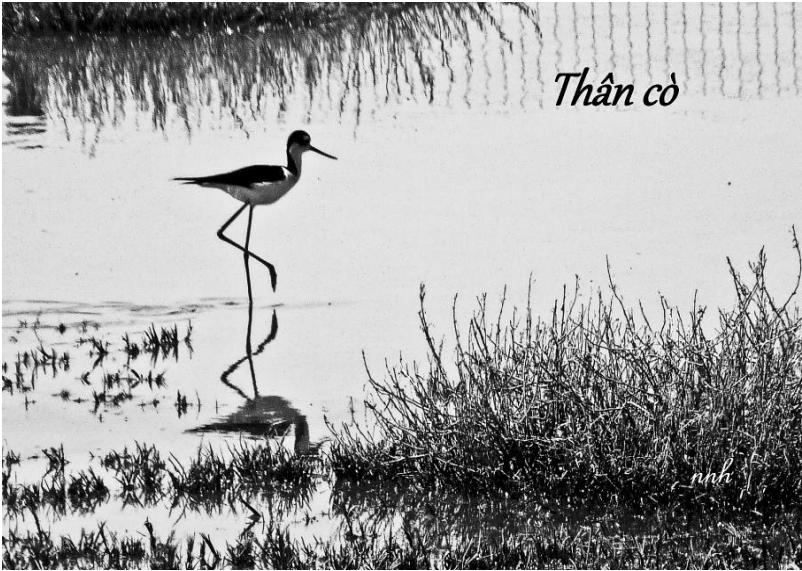
lấy máy ra bấm vài kiểu. Rồi ra tiệm in hình, đóng khung, tặng Mẹ, nhân mùa Vu Lan, với hàng chữ nhỏ ghi dưới “**70 năm khâu áo cho chồng con**”. Quần áo đũa lớn truyền cho đứa bé. Tất cả 10 đứa. Mẹ khâu vá quen rồi, nhứt là thời kỳ thiếu thốn chạy tản cư 1945-1950. Mẹ thích làm việc. 90 tuổi, tóc vẫn còn đen. Ngoài giờ đọc kinh sách, xem báo chí, Mẹ thường quét sân, lật rau, nấu cơm, đôi khi rửa chén. Mẹ rất sốt khi thấy con trai của mẹ phải đứng rửa chén. Phụ giúp được phần nào cho con cháu là niềm vui và hạnh phúc của Mẹ.

10 năm sau, máy digital đã thông dụng, bức hình “**Cầu kinh buổi sáng**” chụp lúc Mẹ đã yếu nhiều, không còn vắn khấn hàng ngày được nữa, suốt ngày đêm phủ quanh đầu chiếc khăn dạ màu xẫm. Mùa hè cũng như mùa đông, Mẹ không rời chiếc áo len của cô con gái tự tay đan tặng, từ khi Bố Mẹ sang Cali đoàn tụ với con cháu. Bây giờ Mẹ không cần đến kiếng để đọc kinh sách hay khâu vá nữa, suốt ngày lim dim lẫn tràng hạt.

Đó là những hình ghi lại sinh hoạt hàng ngày của Mẹ, rất bình thường, tự nhiên. Người trong hình không hề biết có ai đang thu hình. Tôi nghĩ, có như thế mới đón bắt được **cái bất chợt trong tích tắc** để tạo ra cái hồn cho bức hình.

Vài hình ảnh về Mẹ:





NHƯ KHÔNG
(San Jose - CA)

MÁ CỦA CON... (trích)
(...) Má của con dạy lễ nghĩa ngàn xưa
Qua kinh nghiệm bản thân đơn giản
Con cảm nhận từ thâm sâu cuộc sống
Đạo đức làm người trong cõi nhân sinh.

Má của con đã gây dựng đức tin
Khiến lòng con hoài hoài kiêu hãnh
Trong vũ trụ kỳ quan lấp lánh
Trái tim Mẹ hiền - Má của con ơi!

Má của con lỏng lẻo cả khung trời
Con như thấy vầng hào quang toả rộng
Bên này bờ đại dương nhà nhiều tầng soi bóng
Đâu che được tầm con nhìn Má ở trên cao (...)

HUYỀN VÂN THANH (2002)

CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ



GS LƯU KHÔN
(San Jose - California)



KỶ NIỆM MỘT BUỔI LÊN LỚP

Bây giờ là sau năm 1975, tôi dạy một lớp năm thứ Tư, Hán Nôm, Khoa Văn, trường Đại học Tổng hợp thành phố HCM.

Lớp tôi dạy có khoảng 12 đến 25 sinh viên, phân đông là các anh em bộ đội phục viên.

Tôi đang giảng về Đỗ Phủ, một nhà thơ của Trung Quốc đời Đường.

Có lẽ chúng ta đều biết câu:

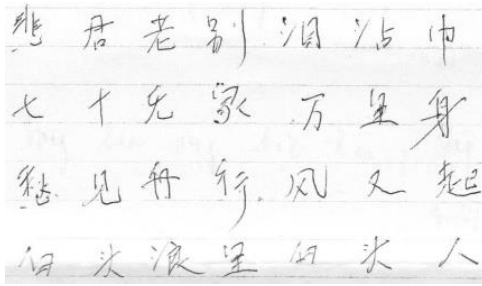
"Nhân sinh thất thập cổ lai hy" của ông.

Câu này có nghĩa:

Trong đời người, sống đến 70 tuổi, xưa nay rất hiếm.

Thật ra, ngày nay không ít người sống trên 80, 90 tuổi.

Trở lại bài thơ của Đỗ Phủ. Bài thơ có tên "Lâm giang tổng hữu" (ra bờ sông tiễn bạn). Đó là một bài thất ngôn tứ tuyệt Đường luật, gồm 4 câu như sau:



Bi quân lão biệt, lệ triền cân
Thất thập vô gia, vạn lý thân.
Sầu kiến chu hành, phong hộ khởi
Bạch đầu lũy lý, bạch đầu nhân.

Ý nghĩa các câu thơ như sau:

Thương anh già rồi mà còn phải ra đi, lúc chia tay nước mắt thấm ướt khăn.

Tuổi đã 70, không cửa không nhà, tâm thân phải lê ngoài muôn dặm.

Buồn khi thấy thuyền vừa tách bến, thì gió lại nổi lên.

Trong làn khói bạc đầu, thấp thoáng có bóng người đầu bạc.

Điều khiến tôi vô cùng sùng sốt là, khi bài thơ được giảng xong, cả lớp đều đồng loạt đứng dậy vỗ tay.

Hiện tượng này không lạ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa vốn có truyền thống sùng bái lãnh tụ.

Thật vậy, trong các dịp lễ lớn, khi chiếu hình Lenin là cả hội trường đều đứng dậy vỗ tay.

Lẽ dĩ nhiên, tôi không phải là Lenin thì làm sao được chiếu cố đến thế.

Như vậy, tại sao anh em vỗ tay?

* Hay là vì lời giảng bài của tôi đã đánh động được con tim bấy lâu bị nhồi nhét bởi những văn thơ sắt máu, và khiến nó bùng tỉnh trước tình người cao cả, chỉ có yêu thương mà không có hận thù?

* Hay là vì, cũng như tôi, anh em đã thực sự xúc động khi nghĩ đến thân phận con người, nhất là thân phận hẩm hiu của một ông cụ 70 tuổi, vô gia cư, phải sống vất vưởng theo dòng đời, cuộc

sống bấp bênh này chúng ta có thể cảm nhận được qua hình ảnh
mặt mái đầu bạc nhấp nhô giữa làn sóng bạc đầu?

Ôi, một mảnh đời, một hình ảnh, thật là tuyệt vời!

Và kỷ niệm một buổi lên lớp này đã theo tôi cho đến ngày
nay.

Trong bữa tiệc mừng sinh nhật thứ 85 của tôi, khi nhắc lại
bài thơ này, tôi có đưa ra một nhận định như sau:

*"Đọc bài thơ "Lâm giang tổng hữu" của Đỗ Phủ rồi gẫm
lại mình, tôi cảm thấy tôi thật có phước.*

*Xin cảm ơn Trời Phật, cảm ơn gia đình, cảm ơn bè bạn, cảm
ơn tất cả những ai, bằng cách này hoặc bằng cách khác, giúp tôi
có được cái phước lớn lao này".*

Ngày 14 tháng 2 năm 2015

GS LƯU KHÔN

(San Jose - California)

TIỆM VÀNG VÀ HỘT XOÀN
THÀNH LỢI
JEWELRY
(trung khu HONG KONG 4)
11209 Bellaire Blvd # C9B
Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9696

Chuyên môn về vàng 24k, 18k, 14k
Cẩm Thạch và Hột Trai Quý
Nhập cảng Hột Xoàn từ Âu Châu có certificate
bảo đảm của hãng GISA, EGL.HRD, IGI

Đã chuyển về địa điểm mới (từ tháng 11/2007) trong khu HONG
KONG 4, bãi đậu xe rộng rãi, cửa hàng mặt tiền dễ tìm, rất thuận tiện
cho quý vị khi muốn mua nữ trang trong dịp cưới, hỏi, hoặc tặng quà
trong dịp Tân Gia, Khai Trương.

* Mở cửa 7 ngày (Open 7 days a week)
Rất mong được sự ủng hộ của quý khách

THÀNH LỢI
kính mời

CHUYỆN BÂY GIỜ MỚI KỂ



TRẦN BÁ XỬ

(Springfield - MA)

MỐI TÌNH ĐẦU DANG DỜ

"Tình chi đẹp khi còn dang dở"

(Hồ Dzếnh)

Lời Mở Đầu

Ở độ tuổi học trò, chắc hẳn có khá nhiều học sinh thường
nghêu ngoao hai câu thơ quen thuộc dưới đây:

"Tình chi đẹp khi còn dang dở

Đời mát vui khi đã vẹn câu thề"

Thuở ấy tôi cũng không phải là biệt lệ nên cũng mày mò tìm
xem tập thơ Quê Ngoại của thi sĩ Hồ Dzếnh để thấy được những
câu thơ trữ tình trong bài "Ngập Ngừng", lúc bấy giờ được phổ
thành nhạc mà tôi rất tâm đắc với câu *"Em cứ hẹn nhưng em đừng
đến nhé, Để lòng buồn tôi dạo khắp trong sân..."* để mở đầu cho
những vần thơ ướm át tiếp nối như:

"Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé,

Tôi sẽ trách - cố nhiên - nhưng rất nhẹ,

Nếu trót đi, em hãy gắng quay về,

Tình mát vui lúc đã vẹn câu thề,

Đời chi đẹp những khi còn dang dở... "

Chữ "dang dở" trên đây dường như cứ quán quít mãi bên tôi
nên tôi thường hay gặp những tình huống dở khóc dở cười trong
các hoàn cảnh dang dở không trọn vẹn như thế trên bước đường
học vấn cũng như trong cuộc sống sau này.

Về học vấn, vào cuối thập niên 1940, cha tôi đã lo lắng và chuẩn bị mọi thủ tục cho tôi xin vào học năm đầu tiên (lớp sixième) của Trường Chasseloup Laubat, Sài Gòn từ hành trang quần áo đến giấy vở, sách vở theo quy định của trường, nhưng cơ may không đến khi gần đến ngày tựu trường mà chưa nhận giấy chấp thuận cho nhập học vì nhà trường còn đợi quyết định cho miễn tuổi (*dispense d'âge*) của viện đại học Đà Lạt (*Recteur de Dalat*). Cuộc học bị dở dang vì khi giấy chấp thuận gọi về thì trường đã khai giảng được một tuần rồi!

Sau đó, một phú ông có quốc tịch Pháp ở cùng quê cho phép tôi qua Pháp để học chung với hai cậu con trai của ông là bạn học cùng lớp với tôi nhưng Mẹ tôi khóc suốt mấy tháng không chịu vì không nỡ đành xa tôi một thời gian dài. Thế là dở dang trên bước đường học vấn mà tương lai có lẽ sẽ sáng sủa hơn.

Tôi cũng đã để vượt khỏi tầm tay một dịp may cuối cùng của thời học sinh khi tôi và vài anh bạn học giỏi cùng lớp được phép tham dự buổi trắc nghiệm xem có đủ khả năng lên trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn dự kỳ thi BEPC (*Brevet d'Études Premier Cycle*) của Pháp tương đương Trung Học Đệ Nhất Cấp khi đang học năm thứ 3 (*Troisième Année*) để nhảy một lớp, nhưng trời xui đất khiến thế nào mà trưa hôm đó tôi bị nhức đầu và ngủ quên, đến khi thức dậy thì đã trễ giờ thi rồi nên tôi đã đành phải chịu dở dang đánh mất một cơ hội bằng vàng.

Mối Tình Đầu Dang Dở Những ngày tháng mới quen nhau.

Riêng tập hồi ký nhỏ này nêu lên sự dang dở rất đáng tiếc trong mối tình đầu đầy thơ mộng của đôi trai gái sống chung dưới một mái nhà, thương yêu nhau thắm thiết từ thuở còn rất trẻ khi nàng sắp đến tuổi trăng tròn và chàng chỉ hơn nàng bốn tuổi, với một mối tình trong sáng theo đúng khuôn phép Không giáo, một mối tình đầu keo sơn tưởng như không bao giờ có thể phân ly được để trở thành một cặp uyên ương lý tưởng của trần gian trong tương lai.

Ngày ấy, chàng là cậu học sinh mới lớn lên vừa tốt nghiệp Trung học đệ nhất cấp Pháp (*BEPC/Brevet d'Études du Premier Cycle*), và mới vượt qua kỳ thi đua gay go với các thí sinh đến từ

đồng bằng sông Cửu Long như Long Xuyên, Châu Đốc, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá, Sa Đéc, Vĩnh Long, Trà Vinh và Cần Thơ để vào học lớp *Seconde Moderne* của *Lycée Phan Thanh Giản* Cần Thơ.

Gia đình nàng và chàng rất thân thích như ruột thịt vì cha của hai người nguyên là anh em kết nghĩa cùng với một ông bạn khác được ví như như bộ ba "đào viên kết nghĩa" thời Tam Quốc (Lư Bị, Quan Vân Trường và Trương Phi) hay "ba người ngự lâm pháo thủ" của đại văn hào Pháp *Alexandre Dumas (Les Trois Mousquetaires là Athos, Porthos, và Aramis)*. Riêng về ba người ngự lâm pháo thủ Việt Nam này thì ba của chàng là anh cả còn ba của nàng là em út, họ kết thân với nhau như anh em ruột thịt trong gia đình vậy, nên khi chàng trai được chấp thuận nhập học Trường Phan Thanh Giản nổi tiếng của miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ thì thân phụ chàng đã vui mừng giao trọng trách nuôi dưỡng cậu trai út cho vợ chồng người em kết nghĩa của mình. Bởi lý do trên nên tuy có tiếng là ở trọ nhưng trên thực tế cũng như ở chung trong một gia đình vậy. Cậu học sinh này thứ bảy, học cũng khá giỏi và được nuông chiều từ thuở còn bé, vì là con trai út trong gia đình, nhưng khi qua Cần Thơ cậu bỗng nhiên trở thành người anh cả trong gia đình thứ hai này. Vì ba nàng mới lập gia đình, đặc biệt là do ba của chàng làm chủ hôn, nên năm người con đều còn rất trẻ mà cô gái lớn nhất chỉ gấp nghé tuổi trăng tròn mà thôi cùng với hai em trai và hai em gái còn nhỏ dại ngây thơ. Ngày ấy, dưới tầm mắt của chàng, nàng chỉ mới là cô bé mà chàng thâm nghĩ như là "con nít con nôi hôi bọ chết" nên trong suốt nửa năm đầu, chàng có vẻ bất công khi xem nàng như cô bé "mũi dài lòng thông" không đáng quan tâm nên ra cái điều là kẻ cả tuy không dám bắt nạt nàng mà thôi. Mà cũng bất công thật khi mấy chị em đều rất trắng trẻo giống như cha mẹ chứ không đen ngòm xấu xí như chàng trai này đâu. Có lẽ vì chàng trai không quan tâm đến mấy chị em cô nàng do phải chăm lo việc học kéo thua sút bạn bè. Về phần cha mẹ nàng thì rất mực thương yêu chàng và xem chàng như con ruột mình vậy nên chàng trai rất yên tâm chuyên chú vào việc học.

Trong hai năm theo học Tú Tài I, chương trình lớp *Seconde (Tân Đệ Nhị)* có phần nhẹ nhàng hơn lớp *Tân Đệ Nhất* nên ngoài việc cần cù học tập chàng còn có một số thời gian rảnh rỗi để rèn luyện thân thể như tập thể dục, thực tập các môn xà đơn (*barre*

fixe), xà dôi (*parallèle*), leo dây, nhảy xa, nhảy cao, chạy bộ hay học nhu đạo, đánh bóng chuyền, bóng bàn, bơi lội qua sông Cần Thơ, v.v... Theo thời gian, càng ngày cô chị cả càng "trở mã" trông cũng xinh xắn tề, nằng tránh nhìn thẳng vào mắt chàng và có dáng vẻ bên lên hơn trước khi chàng mới đến ở trọ. Da các em nằng rất trắng, riêng nằng có thêm vẻ phơn phớt hồng trông rất dễ thương, nhưng lúc bấy giờ chàng chưa thấy rung động khi đứng trước mặt nằng.

Từ thuở còn ở bậc Trung Học Đệ Nhất Cấp, chàng đã ôm giấc mộng được đứng lên bâng đen để giảng dạy tuy ngày ấy chàng vẫn chưa bộc lộ được khả năng này. Đến khi qua Cần Thơ, nhất là vào năm *Seconde Moderne*, vì anh chàng thấy có một số thời gian rỗi rảnh sau giờ học nên mới manh nha nảy ra sáng kiến đi dạy kèm học sinh như một gia sư (nói cho có vẻ oai vậy mà) hoặc mở lớp dạy kèm một vài em học sinh có ý định luyện thi vào năm thứ nhất bậc Trung học (đệ thất hay lớp sáu). Một dịp may đến vừa đúng lúc cô bé chung nhà chàng (người chị cả trong nhà tức là nằng đó mà) cũng cần có người hướng dẫn để luyện thi vào lớp 6 nên khi chàng nêu lên ước muốn mở lớp luyện thi với cha mẹ nằng thì cha nằng, cũng là Chú của chàng, tán đồng ý kiến ngay. Cha nằng là một người có trình độ học vấn cao, dường như có bằng Tú Tài Pháp thời bấy giờ nên rất quan tâm đến việc học của các con mình. Thế là nhờ sự động viên của cha nằng và sự giới thiệu của cha mẹ nằng với hàng xóm láng giềng và nhất là nằng, nên chỉ trong một thời gian ngắn, số ứng cử viên, ủa quên không phải là ứng cử viên mà là vài cô bé đang học gần xong lớp 5, cùng với nằng rầm rộ kéo đến căn nhà bé nhỏ của nằng để xin "thọ giáo" cùng anh chàng giáo viên bé tí tẹo chỉ hơn các cô nằng học sinh khoảng bốn năm tuổi mà thôi. Ngày ấy, sĩ số lớp học đầu tiên của chàng chỉ vồn vẹn có tám "cô nương" tham dự, điểm đặc biệt là không có một cậu "nhóc tí" nào cả, có lẽ con trai trong xóm của chàng còn kỳ thị cậu giáo viên cũng còn nhóc con như họ chẳng?

Ngày còn mài đũng quần dưới mái trường *Collège de Vĩnh Long*, chàng rất chăm chỉ học và thường mua những quyển sách dành cho giáo sư giảng dạy (*livre du maitre*) thay vì *livre d'élève* dành cho học sinh vì có phần giảng thêm mà đôi lúc học sinh có thể chưa biết đến, đồng thời chàng cũng rất chú ý nghe lời chỉ dạy của các giáo sư nhiều kinh nghiệm trong lãnh vực giáo dục để

trang bị những kiến thức căn bản tối thiểu rất hữu ích cho việc giảng huấn sau này. Khi bắt đầu mở lớp dạy kèm mấy cô nữ sinh bé tí nhí nha nhí nhánh này, chàng đã chú tâm đem những kinh nghiệm quý báu đã học hỏi được ở trường để truyền đạt lại cho các em và ước mong sao đạt được kết quả khả quan trong kỳ thi vào lớp 6 sắp tới đây. Sự miệt mài giảng dạy của chàng đã không khiến chàng thất vọng khi biết tin tất cả tám cô học sinh "đầu tay" của chàng đều đậu hết. Niềm vui được chia đều cho tất cả học sinh và gia đình có con em thi đậu, nhưng chắc hẳn có lẽ có hai người vui nhất, trước tiên là người học trò ruột của chàng, cô nàng học sinh con gái đầu lòng cung của Chú Thím chàng chứ còn ai vào đây nữa, và kế đó dĩ nhiên phải là chàng, một cậu giáo viên "bất đắc dĩ", được xếp hạng như "*le maitre malgré lui*". Ngoài ra, niềm hân hoan này được nhân lên gấp bội vì sau đó chàng đã nhận được một phần thưởng rất đáng khích lệ khi các bà mẹ và phụ huynh các cô nương học sinh khệ nệ mang đến biếu "thầy giáo bé con" nào xoài cát, xoài thanh ca, và không biết cơ man nào là chuối, cam, quit, mận, ổi, v.v., tóm lại là những thứ mà anh chàng rất thích, rất hầu hực!

Tiếng lành đồn xa nên sau đó lớp học tư bé nhỏ của chàng được mở rộng hơn trước để đón nhận nhiều học sinh hơn trong suốt thời gian chàng theo học lớp *Seconde Moderne*. Rồi kỳ nghỉ hè cũng đến, chàng phải trở về quê để gặp cha mẹ và gia đình. Không ngờ, ở tỉnh lỵ quê chàng cũng có một trường trung học tư thực mà người chủ của chàng là hiệu trưởng. Khi biết cậu cháu về quê nghỉ hè và nghe qua vài thành tích khiêm nhường của người cháu có lẽ do cha chàng thổi phồng nên ông chủ mời chàng phụ giúp chú giảng dạy môn Pháp văn, đặc biệt chú trọng về vở bi hài kịch *Le Cid* (*tragic-comédie Mocedades Del Cid*) vào thế kỷ 17 do đại thi hào Pháp *Pierre Corneille* (6/6/1606 - 1/10/1684) sáng tác. Cuối cùng, chàng đã nghe lời cha để phụ giúp ông chủ giảng dạy cho xong năm chương diễn từ 1 đến 5 (*Acte I đến Acte V*) mà hai chương đầu đề cập đến mối tình thơ mộng của chàng trai anh tuấn tài ba *Don Rodrigue* con của *Don Diègue* và nàng kiều nữ xinh đẹp con của Bá tước *Don Gormas là Chimène*. Ngày còn ở trường học, chàng rất say mê vở kịch nổi tiếng này và rất thích thú về mối tình tuyệt đẹp nhưng đầy trắc trở của cặp tình nhân trai tài gái sắc này nên khi giảng đến đoạn này, chàng đã say mê đem hết tâm trí vào việc diễn tả những tình tiết gay cấn trong vở kịch khi nàng

Chimène bị giảng co giữa tình phụ tử và tình yêu nên chàng đã vô tình quên bém mắt bản thân mình cũng chỉ là một cậu trai mới lớn lên mà thôi. Khi bài giảng chấm dứt, chàng ung dung ra về và chợt nghe có tiếng cười khúc khích khá gần chỗ chàng đang rảo bước với lời nhận xét dường như cố tình đủ để chàng nghe thấy "*anh thấy giáo bé con này mà cũng bày đặt giảng dạy về tình yêu, thật ngộ nghĩnh vô cùng phải không các bô?*". Trên đường về, anh chàng thấy quá ngượng ngùng và có ý định xin phép ông chú cho nghỉ dạy nhưng không được cả người cha và chú chấp nhận.

Khi trở lại Cần Thơ, chàng trai vẫn duy trì lớp học một thời gian nữa rồi bắt buộc phải chấm dứt để chuyên lo luyện thi Tú Tài I cho chính bản thân mình, tuy nhiên chàng vẫn tiếp tục hướng dẫn riêng cô nàng học thêm để khỏi thua sút bạn bè nhất là khi có một "gia sư" luôn luôn ở bên cạnh. Lửa ở gần rơm có ngày cũng xảy ra hoả hoạn nhưng đây không phải là lửa cháy rừng mà là ngọn lửa tình đang âm ỉ cháy trong lòng cặp trai gái vẫn gặp nhau hằng ngày dưới một mái nhà. Rồi có một hôm, việc gì đến ắt sẽ đến, chiều hôm ấy, nhân lúc cha nàng đang làm việc tại hãng xe Đại Đồng, một hãng xe lớn của tỉnh lỵ Cần Thơ và mẹ nàng bận ra chợ Cần Thơ mua thức ăn cho gia đình, chàng đã lợi dụng cơ hội ngàn năm một thuở này để ngồi kế bên nàng và tâm sự, nhưng tựu trung vẫn là chuyện trên trời dưới đất, chuyện nắng chuyện mưa, nghĩa là những chuyện không vào đâu cả mà chưa bao giờ đá động đến chuyện tình cảm càng ngày càng sâu đậm giữa hai người. Mà nói gì bây giờ vì khi nhìn thấy mặt nhau thì nàng vội bẽn lễn cúi đầu không dám ngược lên nhìn thẳng vào mắt chàng trong khi chàng cũng ngượng ngịu hết vò nát chiếc lá cây đang cầm trong tay đến dẫm chân trên mặt đất dường như đang nghiền nát một con kiếng vô tội nào đó đang vô tình chạy qua. Cuối cùng chàng cũng ráng lấy hết can đảm để báo một cái tin lảng vẹt là vào cuối niên học này chàng sẽ phải lên Sài Gòn học tiếp nên không còn ở Cần Thơ nữa để hướng dẫn việc học của nàng nữa, nhưng không ngờ câu nói ấy khiến nàng buồn bã đứng lặng người một thoáng chốc rồi vội vã chạy vào nhà nằm úp mặt vào gối và thút thít khóc một mình. Chàng hốt hoảng rượt theo nàng thì cũng vừa đúng lúc mẹ nàng đi chợ về làm chàng khựng người lại để chạy ra phụ mang thức ăn vào nhà. Sau đó, chàng đã tỏ ra tiếc hùi hụi vì đã bỏ dịp may quý hơn vàng để tâm sự nhiều hơn với nàng, nhưng thật sự chàng cũng chẳng có đề tài gì để nói với nàng ngoài những chuyện

bằng quơ không đâu vào đâu cả. Nhưng cũng kể từ dạo ấy nàng tỏ vẻ chăm sóc chàng nhiều hơn ở một chừng mực hạn chế trong vòng lễ giáo. Như đã đề cập ở trên, cha nàng là người có ăn học, các anh của cha nàng là những bậc khoa bảng mà hai ông anh đều là hiệu trưởng trường trung học tư thục Tân Thanh, một trường tư thục nổi tiếng của Sài Gòn lúc bấy giờ, nên tỏ ra rất dè dặt trong cách ứng xử với mọi người. Chàng rất hiểu cha nàng rất thương quý chàng nhưng không bao giờ nói ra những điều thầm kín trong lòng. Riêng đối với mẹ nàng thì cách ăn nói dịu dàng âu yếm chứng tỏ chàng đã có một vị trí rất thuận lợi qua ánh mắt dịu dàng của một người mẹ rất mực thương yêu con gái rượng của mình. Tuy gia đình nàng không được khá giả như gia đình chàng nhưng mỗi khi có dịp tốt là mẹ nàng thường hay mua bánh trái về để thết đãi các con mà chàng lúc nào cũng được ưu tiên hơn nên chàng rất cảm động xem như đây là gia đình ruột thịt của mình vậy. Dần dà mối tình đầu chớm nở một cách kín đáo giữa đôi trai gái và càng ngày càng thăng hoa với thời gian. Sau đó không lâu, một dịp may lại đến khi đôi trẻ có dịp gần nhau để tâm tình cởi mở hơn nhưng vẫn trong vòng lễ giáo mà chàng ước mơ sẽ có ngày cùng nàng lên hoa và dành cho nàng tất cả những gì trân quý nhất trong lễ vu quy của nàng. Và chỉ đến ở chừng mực ấy mà thôi nên lúc nào chàng cũng tôn trọng nàng không bao giờ dám làm điều gì lỗ mãng trái ngược với lễ giáo, ngay đến cả việc nắm lấy bàn tay nàng chàng cũng không dám.

Thời gian đã trôi qua thật nhanh, thật vô tình. Thấm thoát mà sắp đến ngày phải xa gia đình nàng để lên Sài Gòn chuẩn bị thi Tú tài I tại Trường *Chasseloup Laubat* Sài-Gòn. Lúc bấy giờ ở xóm nàng cư ngụ nói riêng và ở tỉnh lỵ Cần Thơ nói chung thường xảy ra trộm cướp vào ban đêm nên thường có tiếng chó sủa suốt canh thâu làm nhiều gia đình nơm nớp lo sợ, kể cả gia đình của nàng vì mỗi lần cha nàng đi công tác ở Sài Gòn thì ở nhà, ngoài chàng ra, thì chỉ còn lại vốn vẹn có mỗi một người đàn bà và ba cô con gái còn rất trẻ.

Chàng còn nhớ mãi cái đêm sau cùng trước khi lên Sài Gòn chuẩn bị thi Tú Tài I, cũng như mọi đêm, chó thường hay sủa rất lâu và nhiều. Chàng đang miên man suy nghĩ và lo lắng cho những ngày sau này khi vắng bóng chàng thì mẹ con gia đình nàng sẽ đối phó ra sao khi có kẻ cướp, rồi dần dần đi vào giấc ngủ chập chờn thì chợt giật mình khi thấy có bóng một người con gái đến gần cái

divan nơi chàng đang ngủ. Chàng hoảng tỉnh dậy và nhớ loáng thoảng có lẽ khi đang mơ màng chàng đã vô tình gây tiếng động nên nàng cứ ngỡ chàng có ý gọi nàng để đề phòng ăn cướp nên mới đi ra gặp chàng. Vẫn chưa tỉnh cơn mơ, chàng vội ngồi dậy để hỏi nhỏ nàng có chuyện gì thì nàng khẽ bảo chàng "*em lo sợ ăn cướp quá anh ơi!*" Cũng không kém phần sợ hãi như nàng nên trong một vài giây phút quỳnh quáng như còn đang trong giấc mơ, chàng bất chợt vén mùng lên để mời nàng chui vào cho có vẻ an toàn hơn? Trời đất quỷ thần ơi, đây là lần đầu tiên hai người cùng nằm chung trên bộ ván divan nên chàng không biết nói năng làm sao mà nàng có lẽ vì có cảm tình với chàng nên cũng riu riu nằm xuống cạnh bên chàng mà không thốt nên một lời nào. Như đã nói ở trên, hai người luôn luôn tôn trọng lẫn nhau nên hai người chỉ đề cập đến chuyện cướp và chàng khuyên nàng nên cẩn thận đề phòng khi chàng vắng mặt mà thôi, và không biết nói thêm câu nào cho ra hồn nữa. Tay chân của chàng bỗng nhiên thừa thãi không biết phải làm gì, cuối cùng lần đầu tiên trong đời, chàng cảm thấy thương yêu nàng vô cùng nên đã bạo gan thủ thủ bên tai nàng "*Cho anh hôn em một cái nghe em?*", và không kịp có thời gian nghe câu trả lời của nàng, chàng vội choàng qua người nàng và hôn phớt lên trán nàng một cái thật nhẹ như gió thoảng qua vậy. Nàng co rúm người có lẽ vì mắc cỡ chớ không nói năng gì cả, chàng càng thấy nàng quá mong manh tựa như hơi sương có thể tan biến lúc nào không biết nên tình thương yêu nàng càng tăng lên bội phần nhưng chỉ biết thủ thủ bên tai nàng với lời khuyên nên tự biết bảo vệ mình trong thời gian vắng xa nhau, ráng lo học hành và giúp đỡ ba mẹ và các em nàng. Ngoài ra, điều quan trọng nhất chàng muốn nhắn nhủ để nàng yên tâm là chàng sẽ nhờ ba má qua gặp ba má nàng để dạm hỏi nàng trong khi chờ đợi chàng tốt nghiệp Tú Tài toàn phần và có công ăn việc làm vững chắc sau này. Nàng không nói gì cả, chỉ tiếp tục tựa đầu vào vai chàng và dường như đang nghẹn ngào trong tiếng nấc khe khẽ khiến lòng chàng xốn xang vô cùng. Sau đó, vì thấy thời gian gần nhau đã khá lâu nên chàng vội vàng bảo nàng về ngủ vì ngại sẽ đánh thức mẹ nàng đang ngủ chung giường với nàng ở bên cạnh. Nàng riu riu nghe lời chàng và trở về ngủ tiếp. Trong tận đáy lòng chàng, dường như có cái gì còn vương vấn và tiếc ngẩn tiếc ngơ nhưng chàng kịp kềm chế lòng mình với ước mơ sau này sẽ dành cho nàng thật trọn vẹn trong ngày cưới hỏi đàng hoàng có sự chứng

kiến của cha mẹ hai bên. Chàng không ngờ đó là cái đêm định mệnh chứng kiến khúc quanh của một mối tình vừa chớm nở của hai người thương yêu nhau thắm thiết để rồi chàng không giữ được lời hứa ban đầu khiến cho cuộc tình bị dở dang một cách oan uổng gây tiếc nuối cho cả hai trong suốt cả cuộc đời.

Những Ngày Xa Cách - Thời Gian Ở Quân Trường

Sau cái đêm đầy ắp kỷ niệm đó, nàng đã ôm mối tình đầu đầy mộng mơ khi vừa mới bước qua ngưỡng cửa của tuổi 16. Nàng vẫn tiếp tục việc học ở trường Trung Học Phan Thanh Giản Cần Thơ với ước mơ sẽ gặp lại người trong mộng trong một tương lai không xa.

Phân chàng, con đường còn xa ở phía trước vì nay mai rắt gần chàng phải thi đậu Tú Tài I, sau đó tiếp tục phân 2 để có đủ điều kiện thi vào Trường Đại Học Sư Phạm với hy vọng thực hiện giấc mơ trở thành thầy giáo mà chàng đã mong ước từ rất lâu. Tuy nhiên, trong cuộc đời có những ước mơ không bao giờ trở thành hiện thực được. Khi chàng vừa đủ điều kiện để thực hiện mộng làm nghề gõ đầu trẻ thì cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc bỗng chốc trở nên khốc liệt. Lúc bấy giờ, vài anh bạn cùng lớp với chàng bị động viên vào Liên Trường Võ Khoa Thủ Đức hay tình nguyện vào Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt để đáp ứng nhu cầu chiến trường, có một số phải đi ra tận miền Bắc để chiến đấu ngay, và có một vài anh đã tử trận khi chưa kịp hưởng lương sĩ quan!

Đạo ấy, chàng có người anh bà con là Đại úy đang phục vụ tại Bộ Tổng Tham Mưu cho biết Thủ Tướng Ngô Đình Diệm vừa mới về nước chấp chánh, một người đã từng du học và hoạt động nhiều năm ở các nước tân tiến, một người có đầu óc cấp tiến, muốn phát triển và nâng cao hiệu năng của quân lực hầu có thể theo kịp đà tiến bộ của các nước văn minh trên thế giới. Ông đã phối hợp chặt chẽ với chính phủ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ để mở lớp huấn luyện đào tạo sĩ quan hiện dịch tại Trường Võ Bị Đà Lạt hoàn toàn theo chương trình huấn luyện của Mỹ thay vì Pháp với thời gian học 2 năm và tu nghiệp 1 năm tại Hoa Kỳ để nâng cao phẩm chất của Quân đội. Nghe tin trên, chàng vừa làm đơn gửi Trường Đại Học Sư Phạm vừa gửi về Bộ Tổng Tham Mưu để tham gia lớp đào tạo sĩ quan hiện dịch. Vài tuần lễ sau, chàng nhận

giấy gọi nhập học của cả hai nơi. Khi trình giấy gọi cho phụ thân thì cha chàng cương quyết từ chối cho chàng theo binh nghiệp mặc dù chàng đã trình bày các lợi ích trước mắt là thời gian học khá dài (khoảng 3 năm) khỏi phải ra chiến trường đang trong giai đoạn dầu sôi lửa bỏng đầy hiểm nguy như lúc bấy giờ nhưng cha chàng chỉ muốn chàng trở thành giáo chức mà thôi. Cuối cùng, chàng phải nhờ mẫu thân là người rất mực thương chàng là con trai út nên không muốn chàng gặp nguy hiểm táng mạng. Cuối cùng, mẹ chàng đã thắng, và như vậy là chàng đã đánh mất giấc mộng làm giáo viên và xếp bút nghiên theo việc kiếm cung. Trước khi khởi hành lên Đà Lạt, chàng tạm trú ở nhà ông bác "đào viên kết nghĩa" thứ hai và cũng là anh kết nghĩa của cha người yêu bé bỏng của chàng đang ở Cần Thơ đó mà. Vì còn mong mỏi con trai mình theo ngành giáo dục nên cha chàng đã theo chàng lên Sài Gòn và nhờ chú của chàng đến nhà ông bác để thuyết phục chàng cả một đêm yêu cầu chàng bỏ ý định đi Đà Lạt, nhưng không thành vì chàng đã nhất quyết chọn binh nghiệp cho đời mình rồi.

Nghe tin chàng theo võ nghiệp, nàng cũng có vẻ buồn vì theo thiện ý của nàng, việc chàng phục vụ trong quân ngũ không hẳn đã được an toàn nhưng nàng chỉ nhấn người nhà của chàng ở Sa Đéc báo cho chàng biết nàng không phản đối, chỉ thiết tha mong sao chàng sớm về đoàn tụ với nàng để tránh những ngày sống lẻ loi ở quê nhà không có chàng ở bên cạnh để chờ che an ủi.

Những ngày tháng dài ở quân trường nổi tiếng vùng Đông Nam Á đã rèn luyện chàng trở thành một sĩ quan gương mẫu có kỷ luật thép và kỹ thuật hiện đại như ở quân trường *Saint Cyr* của Pháp hay *West Point* của Hoa Kỳ.

Trong suốt thời gian dài đằng đẵng xa nhau, tuy chỉ cách xa nhau hơn ba trăm cây số nhưng cặp tình nhân thấy dường như họ là cặp Ngưu Lang - Chức Nữ không biết bao giờ mới gặp lại nhau! Trong ngần ấy thời gian xa nhau, chỉ hơn một năm trước khi sang du học tại Hoa Kỳ sau khi tốt nghiệp Trường Võ Bị Đà Lạt, họ chỉ liên lạc với nhau qua thư từ chừng ba hay bốn lần là cùng vì chương trình học quân sự và văn hóa ở quân trường rất vất vả và không còn thời gian trống để biên thư cho nhau. Trong thời gian này, nàng vẫn tiếp tục học ở trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ cùng ngang lớp với người em con ông chú của chàng ngụ tại Đầu Sáu tỉnh lý Cần Thơ, do vậy chàng vẫn luôn luôn nhận

được tin tức của nàng qua trung gian của cậu em con ông chú của chàng.

Thời gian thắm thoát như thoi đưa, cuối cùng rồi chàng cũng tốt nghiệp Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt với sự chủ tọa của Tổng Thông Ngô Đình Diệm trong ngày lễ mãn khóa với tên khóa "Cộng Hòa" để đánh dấu khóa học đầu tiên của nền Đệ Nhất Cộng Hòa do Ông đề xướng và theo dõi từng bước chân đi của khóa học mà mỗi lần Ông lên viếng trường đều luôn luôn được sinh viên sĩ quan cả khóa ra tận phi trường Liên Khương dàn chào và tiếp đón.

(mời xem tiếp kỳ tới trên VHVN số 70 - mùa Thu 2015)

TRẦN BÁ XỬ
(Spring Field - MA)

VISION OUTLET

8200 Wilcrest, suite 26 B
Houston Texas 77072
(at Beechnut cạnh Kim Video
và Quê Hương Restaurant)



Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật
và uy tín từ 17 năm qua
Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
Contact Lenses đủ loại, đủ mẫu
Bảo đảm giá hạ nhất Houston
Gọng hạ giá từ \$10.00,
1 cặp kính từ \$38.00 (gọng và tròng)
Lấy độ kính cũ làm kính mới
Có giá đặc biệt cho gia đình khó khăn
Nhận làm kính gửi đi xa không tính tiền cước phí

**LẤY ĐỘ KIẾNG CŨ LÀM KIẾNG MỚI
CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHÓ KHĂN**

Chúng ta yêu cuộc sống
bằng trái tim
và nhìn rõ
những xuân sắc thân
thương qua đôi kính

Hãy đến VISION
OUTLET để được săn sóc
xứng đáng.

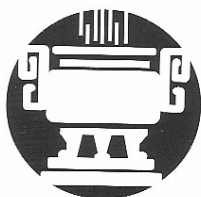
ĐT/Fax: (281) 495-1403

**COUPON
\$10.00
(gọng & tròng)**

Mở cửa: Chủ Nhật: 12 pm-3 pm
Thứ Hai-Thứ Bảy: Từ 10 am-7 pm
Đóng cửa: Thứ Ba

- Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO
- Một trong những tiệm BEST của Texas trong sách Underground shopper

NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ



*Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư,
Tiệt Nhiên Định Phận Tại Thiên Thu.
Như Hà Nghịch Lỗ Lai Xâm Phạm,
Nhữ Đẳng Hành khan Thủ Bại Hư!*

Lý Thường Kiệt

Lời Giới Thiệu:

Đất nước Việt Nam một dải giang sơn gấm vóc từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, có được như ngày nay là do biết bao công lao xương máu của ông cha đã tạo thành.

Là một nước lúc nào cũng bị nước láng giềng phương bắc đe dọa, do đó đã xảy ra nhiều cuộc chống xâm lăng của dân tộc ta để bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải và chủ quyền dân tộc. Ngày 19 tháng giêng năm 1974, nhân lúc nước ta đang có nội chiến giữa hai miền Nam Bắc, Trung Cộng mang quân xâm đoạt Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa. Sau hai ngày chống trả mãnh liệt, vì sức yếu quân thưa nên Hoàng Sa đã thất thủ vào ngày 20 tháng giêng năm 1974. Đây là ngày uất hận của dân ta, ngày chúng ta cảm thấy muôn vàn hổ thẹn vì chúng ta đã không gìn giữ được một phần lãnh thổ của ông cha để lại. Quân dân miền Nam chưa kịp củng cố lại lực lượng để tái chiếm Hoàng Sa thì với sự trợ giúp của Nga Sô và Trung Cộng, Cộng Sản Bắc Việt đã xua quân cưỡng chiếm miền Nam vào ngày cuối tháng 4 năm 1975.

Hàng triệu người Việt Quốc Gia đã phải bỏ nước ra đi, sống cuộc sống lưu vong nơi đất khách quê người. Dù xa cách quê hương tổ quốc, nhưng lúc nào chúng ta cũng hằng quan tâm đến tiền đồ dân tộc, đến một dải giang sơn cẩm tú của ông cha để lại, lúc nào cũng tha thiết đến phần lãnh thổ của chúng ta đã bị Trung Cộng xâm chiếm bằng võ lực. Do đó chúng tôi cùng một số học giả, giáo sư, nhà văn, nhà thơ... xuất bản cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư...2001 (tập 1) và Nam Quốc sơn Hà Nam Đế Cư ...2002-2003 (tập 2) để chứng minh Hoàng Sa thuộc chủ quyền của dân tộc chúng ta và nhắc nhở mọi người Việt và giới trẻ tại hải ngoại rằng Trung Cộng đang cưỡng đoạt một phần lãnh thổ của đất nước Việt Nam.

Nhận thấy hai cuốn Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... 1 và 2 cũng khá đầy đủ những dữ kiện để chứng minh chủ quyền của dân tộc Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa. Chúng tôi đính bản bộ Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư... Và để theo sát những biến động về lãnh thổ, lãnh hải những năm gần đây, kể từ số này chúng tôi sẽ mở chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ trên tạp chí Văn Hoá Việt Nam với mục đích tiếp tục đăng tải những bài viết mới nhất của các học giả, giáo sư, nhà văn đang quan tâm, theo dõi về vấn đề này. Đây là một vấn đề rất hệ trọng của dân tộc Việt Nam. Rất mong sự hợp tác của quý vị.

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ chúng tôi đã giới thiệu 2 BẢN LÊN TIẾNG VỀ VỤ TAM SA của Ủy Ban Bảo Vệ Sự Toàn Vẹn Của Lãnh Thổ liên quan đến hai quần đảo HOÀNG SA và TRƯỜNG SA của Việt Nam bị Cộng Sản Trung Quốc lập thành huyện Tam Sa trước sự phẫn nộ của toàn dân trong khi đảng cầm quyền CSVN im hơi lặng tiếng lộ rõ ý đồ dâng đất cho kẻ thù. Chính thái độ nhu nhược của nhà nước cầm quyền CS nên chúng tôi cũng dành thêm nhiều trang để phổ biến những bài viết ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam chống quân Trung Quốc Xâm Lược trong công cuộc dựng nước và giữ nước suốt dọc chiều dài lịch sử trên VHVN số 40 Chúng tôi rất xúc động trước làn sóng nổi dậy chống Trung Cộng của nhiều thế hệ trong nước nhất là lực lượng sinh viên các trường Đại Học Hà Nội và Sài Gòn; cũng như các hoạt động tích cực của đồng bào hải ngoại trong việc tố cáo nhà cầm quyền CSVN đã chuyển giao một phần lãnh thổ, lãnh hải cho Trung Quốc. Chúng tôi cực lực lên án đảng CSVN dâng đất và bòn bá quyền Trung Quốc cướp đất đã thuộc chủ quyền lâu đời của Việt Nam.

Đối với Trung Quốc từ ngàn xưa, ý đồ thôn tính đất nước Việt Nam lúc nào cũng nung nấu trong lòng bọn chúng. Nhưng nỗi nhục mà những người lãnh đạo đảng CSVN đã và đang làm dẫn đến mất nước, qua tài liệu mà VHVN số 64 đã đăng bài viết của nhà văn Trần Nhu "**Đường đến thành đô Bắc triều vừa nhục vừa mất nước**", trong đó tác giả đã viết: *"nhìn lại lịch sử Đảng CSVN, chúng ta thấy rất rõ những người lãnh đạo đảng CSVN từ Hồ Chí Minh, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh đến Nguyễn Phú Trọng không một ai có tư cách và bản lãnh chính trị, trong họ thiếu vắng hẳn đức tính "tự tin", họ luôn luôn phải nương tựa vào một thế lực bên ngoài, khi thì dựa vào Liên Xô, khi thì dựa vào Tàu để tồn tại"*. Chính Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) lên nắm chức Tổng bí thư, tức khắc nói lại bang giao với Trung Quốc bằng một câu nói để đời trong lịch sử: "**Tôi cũng biết rằng, dựa vào Trung Quốc là mất nước nhưng còn hơn mất đảng**".

Chuyên mục NAM QUỐC SƠN HÀ NAM ĐẾ CƯ kỳ này, chúng tôi đặc biệt giới thiệu bài viết rất công phu của GS Đàm Trung Pháp về

HAI BÀ TRUNG chống quân xâm lược phương Bắc là Nữ Vương đầu tiên dựng nền độc lập trong lịch sử Việt Nam qua bản tiếng Anh dưới đây. Đặc biệt, GS Nguyễn Văn Canh vừa gởi đến bài viết mới nhất liên quan đến tình hình Biển Đông với những tài liệu cần biết "HỆ THỐNG CĂN CỨ HẢI QUÂN CỦA TRUNG CỘNG VÀ CỘNG SẢN VIỆT NAM". Mời quý bạn đọc cùng theo dõi hai bài viết này trong chuyên mục NQSH

Trân trọng,
PHẠM QUANG TÂN



I

ĐÀM TRUNG PHÁP

Giáo sư Ngôn Ngữ Học
Texas Woman's University

THE TRUNG SISTERS: VIETNAM'S REVERED HEROINES

The two paragons of heroism

Lady Trung hailed from the Phong prefecture.

Enraged by a greedy tyrant and determined to avenge her husband,

*she and her younger sister, who shared a solemn oath,
raised the lady-warrior flag asserting their command ...*

The popular verses above refer to Vietnam's revered heroines Trung Trắc and Trung Nhị. In the year 40, these two sisters recruited thousands of followers who helped them rout the greedy and cruel Chinese governor Su Ding (Tô Định), who had killed Trung Trắc's husband Thi Sách. Su Ding's cowardly escape to China marked the end of Vietnam's first Chinese occupation, which had lasted 150 years [1]. Trung Trắc became the reigning queen of Vietnam until the year 43, when she and her younger

sister were defeated by the Chinese marshal Ma Yuan (Mã Viện) and subsequently killed themselves by jumping into a river. Since their deaths almost two thousand years ago, they have been reverently commemorated as the nation's paragons of heroism on their death anniversary (the sixth day of the second month of the lunar year). Shrines in their honor exist in many places, even in southern Guangdong (Quảng Đông) in China, but the two best-known ones are in Đồng Nhân village near Hà Nội and Hát Môn village in Sơn Tây province.

According to the book *Lĩnh Nam Chích Quái* (Wonders Plucked from the Dust of Lingnan) written in the fifteenth century, the Trung sisters were born in Mê Linh village, Phong prefecture. Their father was a Lạc lord in Giao prefecture. Trưng Trắc was a strong and brave woman who was married to Thi Sách, a resident of Diên prefecture. When the egregious Chinese governor Su Ding killed Thi Sách, Trưng Trắc and her sister Trưng Nhị started an uprising against the Chinese occupation. Supported by the people of Cửu Chân, Nhật Nam, and Hợp Phố districts, the sisters pacified sixty-five strongholds throughout Lĩnh Nam [2]. As the country's new sovereign, Queen Trưng Trắc set up her court in Mê Linh, abolished the insidious tribute taxes imposed by the Chinese, and restored a simpler form of government reflecting traditional Vietnamese values. Su Ding escaped to China and was dismissed by the Han court, which later dispatched Ma Yuan (Mã Viện) and Liu Long (Luu Long), two seasoned generals, to Lĩnh Nam to reclaim it. The fighting lasted for more than a year in Lạng Sơn. Outnumbered by the much more adept enemy, the Trung sisters and their troops had to retreat to Cẩm Khê, where they were defeated. As their troops dispersed, our heroines killed themselves by drowning.

In the thirteenth century, the historian Lê Văn Hưu [3] did not mince his words when he wrote about the heroic deeds of the Trung sisters, as recorded in *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (Complete

Book of History of Great Viet) compiled by the historian Ngô Sĩ Liên [4] in the fifteenth century:

“Trung Trắc and Trung Nhị were women. They gave one shout and the Cửu Chân, Nhật Nam, and Hợp Phố districts, along with sixty-five strongholds, responded to them. Their setting up the nation and proclaiming themselves as queens was as easy as turning over their hands. This shows that our land was able to establish a royal tradition. Alas, for a thousand years after this uprising, the men of our land bowed their heads, folded their arms in servitude to the Chinese. How shameful this is in comparison with the Trung sisters!”

The glorious “we are we” legacy

Reflecting on the astute thinking of the scholar Phạm Huy Thông [5] in his 1975 article on a new synthesis of Vietnamese history inspired by recent archeological discoveries, published in *Học tập* 21(237), two highlights in which were that the destruction of the ancient Viet civilization by the Chinese victors after the Trung sisters’ short-lived era was a “death that did not become death,” and that “though oppressed by a foreign country for a thousand years, the will that **we are we** among our people was not something that could be shaken loose,” Taylor (1983, p. 339) cogently summarized how contemporary Vietnamese evaluate the Trung sisters:

“It implies that if the Trung sisters had not resisted, there would be no Vietnamese nation today, that the uprising of A.D. 40 effectively ‘froze’ the Dong-son heritage [6] in a moment of historic courage, insuring that it would not degenerate and invite the scorn of later generations. The Trung sisters were the last of the pre-Chinese popular leaders; their deeds echoed across the centuries of Chinese rule, calling the Vietnamese back to an ancient inheritance.”

Poetry written about the heroines

Two poems written in honor of the Trung sisters are translated and annotated below. The first one, translated by the

scholar Huỳnh Sanh Thông (1996, p. 30), is from the *Hồng Đức Anthology* compiled in the fifteenth century by the highly literary court of King Lê Thánh Tông. The second one is from the *Đại Nam's National History Explained in Verse*, a work by a group of poets that was revised by Lê Ngô Cát and Phạm Đình Toái in the nineteenth century, during the Nguyễn dynasty.

Vịnh Hai Bà Trưng

Giúp dân dẹp loạn trả thù mình,
Chị rủ cùng em kết nghĩa binh.
Tô Định bay hồn vang một trận,
Lĩnh Nam mở cõi vững trăm thành.
Mới dày bảo vị gia ơn trọng,
Đã đội hoa quan xuống phúc lành.
Còn nước còn non còn miếu mạo,
Nữ trung đệ nhất đáng tài danh.

[*Hồng Đức Quốc Âm Thi Tập*]

Homage to the Trưng queens

*To slay the people's foe and wreak revenge,
two sisters took up arms for their just cause.
One battle put Su Ding's scared wits to rout;
a hundred tribes rose up to guard Lingnan.
They climbed the throne – large bounties they bestowed.
They donned their crowns – sweet blessings they
conferred.
While streams and hills endure, their shrine shall stand,
a monument to peerless womanhood.*

[*Hồng Đức Anthology*]

Hai Bà Trưng dựng nền độc lập

Bà Trưng quê ở châu Phong
Giận người tham bạo thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyện,
Phất cờ nương tử thay quyền tướng quân,
Ngàn Tây nổi áng phong trần,
Ầm ầm binh mã xuống gần Long Biên.

Hồng quân nhẹ bực chinh yên,
Đuổi ngay Tô Định dẹp tan biên thành.
Đô kỳ đóng cõi Mê Linh,
Lĩnh Nam riêng một triều đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn hà,
Một là báo phục, hai là bá vương.
Uy danh động đến Bắc phương,
Hán sai Mã Viện lên đường tiến công.
Hồ Tây đua sức vẫy vùng,
Nữ nhi chống với anh hùng được nao?
Cấm Khê đến lúc hiểm nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.
Phục Ba mới dựng cột đồng,
Ái quan truyền dấu biên công cõi ngoài.
Trung Vương vắng mặt còn ai?
Đi về thay đổi mặc người Hán quan.

[Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca]

The Trung Sisters established independence

Lady Trung hailed from the Phong prefecture.

Enraged by a greedy tyrant and determined to avenge her husband, she and her younger sister, who shared a solemn oath, aised the lady-general flag asserting their command [7].

From the west surged wind and dust,

troops and horses thundered toward Long Biên.

On horseback, the ladies agilely deployed their soldiers, quickly routing Su Dinh and flattening his fortress.

Mê Linh was to become their capital,

and Lĩnh Nam was where they held their own court.

For three years they served the country,

having both taken vengeance and ascended the throne.

Their heroic reputation reached the north

causing the Han court to dispatch Ma Yuan to topple them.

In Hồ Tây the two sides battled,

*but how could women match seasoned male warriors?
Held at bay in Cẩm Khê,
the defeated sisters drowned themselves in a river.
The Wave-Calming general [8] erected a bronze pillar [9]
to mark the southernmost border of his country.
with Queen Trưng gone, who could be counted on?
A Han mandarin would be free to rule the land.*

[Đại Nam's National History Explained in Verse]

NOTES

[1] Vietnam was under Chinese rule four times, totaling 1,007 years. The first time lasting 150 years (111 BC – 39 AD) was ended by Queen Trưng Trắc. The second time lasting 501 years (43 – 544) was ended by Lý Nam Đế. The third time lasting 336 years (603 – 939) was ended by Ngô Quyền, and the fourth time lasting 20 years (1407 – 1427) was ended by Lê Lợi.

[2] Lĩnh Nam (Lingnan) literally means “south of the mountain range” and is an ancient Chinese name for the area that covered China’s Guangdong (Quảng Đông), Guangxi (Quảng Tây) and northern Vietnam.

[3] Lê Văn Hưu was Vietnam’s first historian. At the request of King Trần Thái Tông, he became the chief compiler of the 30-volume *History of Great Viet* (Đại Việt Sử Ký) which was completed in 1272.

[4] Ngô Sĩ Liên was asked by King Lê Thánh Tông to compile the 15-volume *Complete Book of History of Great Viet* (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư) which was completed in 1479.

[5] The French-educated archeologist Phạm Huy Thông (1916-1988) was also a noted poet and educator. He directed the Institute of Archeology in Hanoi from 1967 to 1988.

[6] The Đông Sơn culture flourished during the Bronze Age in Vietnam, when the first Vietnamese kingdoms named Văn Lang and Âu Lạc existed. Also known as Lạc Việt, the Đông Sơn people were good at growing rice, raising buffaloes and pigs, fishing, and sailing. They were also skilled bronze casters whose amazing works included the famous Đông Sơn and Ngọc Lũ drums.

[7] The image of two brave young women on top of elephants leading the troops and raising swords and flags of command is such a sublime icon of heroism!

[8] Wave-Calming is the translation of the honorific title *Fu Bo* (Phục Ba) that was bestowed upon marshal Ma Yuan when he was dispatched to battle the Trung sisters.

[9] Before Ma Yuan returned to China, he had a bronze pillar erected to mark the southernmost border of China. On the pillar was engraved this haughty warning: “If this pillar breaks, Giao Chi will perish.” Giao Chi was the name of Vietnam at that time.

REFERENCES

Hoàng Thúc Trâm (1941). *Dâng hương Miếu Hát*. Hanoi: Tri Tân.

Hoàng Xuân Hãn (1956). *Đại Nam quốc sử diễn ca*. Saigon: Trường Thi.

Huỳnh Sanh Thông (1996). *An anthology of Vietnamese poems*. New Haven and London: Yale University Press.

Trần Thế Pháp (Lê Hữu Mục dịch, 1982). *Lĩnh Nam chích quái*. Hoa Kỳ: NXB Trăm Việt.

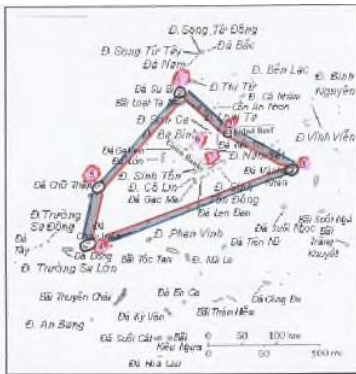
Trần Trọng Kim (1971). *Việt Nam sử lược*. Saigon: Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục.

II

NGUYỄN VĂN CANH

23 tháng 5, 2015

HỆ THỐNG CĂN CỨ HẢI QUÂN CỦA TC VÀ ĐẢNG CSVN



HỆ THỐNG CĂN CỨ HẢI QUÂN TC
1) Đ. Bắc Bình (Mushid Reef): 10° 12' N 114° 14' E, 2) Đ. Bắc Bình (Mushid Reef): 10° 21' N 114° 42' E, 3) Đ. Vạn Khẩu (Mushid Reef): 10° 30' N 115° 42' E, 4) Đ. Đá Chấu (Cartier Reef): 10° 30' N 115° 42' E, 5) Đ. Đá Chấu (Cartier Reef): 10° 30' N 115° 42' E
HỆ THỐNG CHU VI
Đ. Đá Chấu: 10° 12' N 114° 14' E, 7) UNION BANKS

I. Hệ thống căn cứ Hải quân của TC trên vùng Trường Sa

Hệ thống Căn Cứ này bao gồm: Theo hướng Nam Bắc, từ Bãi Đá Ngầm Châu Viên (ở vĩ tuyến 8), qua Bãi Đá Ngầm Chữ Thập (vĩ tuyến 9), lên Bãi Su Bi (vĩ tuyến thứ 10), rồi hướng về phía Đông: xuống Bãi Ớn Đất, sang Bãi Vành Khăn (gần Phi luật Tân). Rồi trở về Châu Viên.

Như vậy, hệ thống gồm một chu vi lớn: Châu Viên, Chữ Thập, Subi, Ớn Đất, Vành Khăn.

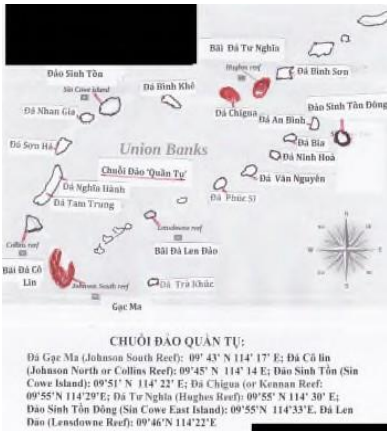
Nếu nhìn vào tọa độ, ta thấy:

VĂN HOÁ VIỆT NAM 69 * 91 * MÙA HÈ 2015

- theo hướng Nam Bắc, thì bắt đầu từ vĩ tuyến 8 (Châu Viên) lên vĩ tuyến 10 (Su bi). Như vậy chiều cao là khoảng 100 hải lý;

-và nếu nhìn theo hướng Tây- Đông, thì từ kinh tuyến 12 (Châu Viên, Chữ Thập) sang Vành khăn (kinh tuyến 15). Như vậy, chiều ngang: khoảng hơn 150 hải lý."

Bên trong Chu vi này, nằm ở giữa là vùng Chuỗi Đảo Đá Ngâm có tên là Quần Tụ (Union Banks).



Trong khu vực này có các căn cứ sau đây: Gạc Ma, Chigua, Tư Nghĩa và Ga ven, nằm ở phía trên Union Banks.

Tại nhiều căn cứ này, TC xây phi trường, hải cảng, kho chứa quân trang quân dụng, doanh trại cho quân trú phòng, các trạm vi viễn thông... Phi trường trên Bãi Chữ Thập, đủ dài cho máy bay phản lực J11 hay J11B, với tầm xa 1600 km,

đã xây xong.

II. VC và hoạt động bành trướng của Bắc Kinh.

TC biết rằng chúng không thể chiếm được Biển Đông, nếu không buộc được lãnh đạo VC đóng vai trò tích cực trong âm mưu của chúng, nhất là VC là chủ nhân của vùng Biển này.

Để tiến tới việc chiếm trọn Biển Đông, TC đưa ra chiến lược với VC dưới danh nghĩa là “**TÌM MỘT GIẢI PHÁP CHO VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG.**”

Ngày 12 tháng 4 năm 2011, Tướng Quách Bá Hùng, phó chủ tịch Quân Ủy Trung Ương sang Hà Nội, gặp Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Tấn Dũng, các lãnh đạo khác. Về đường hướng và cơ cấu tổ chức mà VC phải thi hành để giúp chúng tiến chiếm Biển Đông của Việt Nam.

Trước hết là về đường hướng, TC buộc VC phải thực hiện 3 nguyên tắc sau đây để giải quyết vấn đề Biển Đông:

Thứ Nhất: Thương thảo song phương, và tham khảo ‘thân thiện’ để giải quyết mâu thuẫn.

Thứ Hai: Không cho phép một nước thứ ba can thiệp vào vấn đề Trường Sa

Thứ Ba: Phải hướng dẫn dư luận, và cảnh giác về các lời tuyên bố hay có hành động có thể làm, tổn thương tình hữu nghị hay làm mất lòng tin của hai dân tộc.

Về cơ cấu tổ chức và thi hành:

1). Quách Bá Hùng, ngày 13 tháng 4 họp với Phùng Quang Thanh, về Hợp tác toàn diện giữa 2 quân đội, gồm cả hướng dẫn và kiểm soát quân đội khi thực hiện các nguyên tắc trên. Điều quan trọng là quân đội VC không được chống lại các hoạt động của TC trên Biển Đông và TC còn giúp cả việc ngăn chặn nếu quân đội VC chống lại lãnh đạo VC về sự thực thi các đường hướng trên, như đảo chánh chống lại việc làm của Đảng.

Hợp tác toàn diện trong lãnh vực này đặc biệt gồm sự quan TC ngầm theo dõi đơn vị VC để ngăn chặn các âm mưu trên.

2). Vương Thế Tuấn, Chánh Án Toà Án Nhân Dân Tối Cao cùng thời gian này, ngày 17 tháng 4, sang Hà Nội gặp Nguyễn Minh Triết để Triết lo vận dụng toàn thể guồng máy công quyền: Công an, cảnh sát, quân đội, toà án, nhà tù để "trấn áp" quân chúng chống đối hoạt động bành trướng của TC. Những ai dù chỉ hô khẩu hiệu HS, TS của VN là bị bắt và bỏ tù.

3). Lê Hồng Anh, thường trực Bộ Chính Trị cũng trong vòng 6 ngày trong thời gian Quách Bá Hùng ở Hà Nội, được gọi sang Bắc Kinh gặp Mạch Kiên Trụ, Bộ trưởng Công An để giao phó trách nhiệm về an ninh toàn diện.

Đây rõ là mệnh lệnh của Đảng CSTH cho Đảng CSVN thi hành trong cái mà TC gọi là **“tìm giải pháp cho Biển Đông”**. Bên ngoài, thì các mệnh lệnh này của 2 Đảng được nguy trang bằng một Thỏa Hiệp của 2 nhà nước mà Đại diện 2 Bộ Ngoại giao ký vào tháng 10 năm đó tại Bắc Kinh. Thỏa Hiệp được mệnh danh là **“Thỏa Hiệp Hồ Tương về Giải Pháp cho tranh chấp Biển Đông”**.

Như trên, ta thấy có một hệ thống ràng buộc tập thể lãnh đạo Đảng CSVN vào Đảng CSTH, và còn ràng buộc cả mỗi cá nhân lãnh đạo đảng VC nữa. Sự ràng buộc mỗi cá nhân được thể hiện qua tiếp xúc từng người với lãnh đạo TC.

Sự ràng buộc ấy được tính toán và tổ chức chặt chẽ trong hệ thống giữa 2 đảng song song với nhau từ trên xuống dưới, và theo hàng ngang giữa các cấp của hai đảng. Còn nữa, ràng buộc này còn được tổ chức qua hệ thống chính quyền giữa hai nhà nước TC và VC.

Sự ràng buộc ấy chính là các dây, như chằng chịt của Bắc Kinh đưa ra buộc lãnh đạo VC qua phương thức ban cấp chức vụ và cho hưởng thu quyền lợi.

a.- Về chức vụ. Trong kỳ bầu cử vào Đại Hội kỳ XI, Nguyễn Phú Trọng chỉ được đứng thứ 8. Giả Khánh Lâm, Ủy Viên Chính Trị Bộ của TC sang Hà Nội đã ‘chỉ định’ Trọng làm Tổng Bí Thư, thay vì chức vụ đó là của Trương Tấn Sang, vì y đứng số 1. Hầu hết các chức vụ quan trọng trong đảng ở nhiều cấp đều được xây ra như thế. Nguyễn Cơ Thạch trước đây bị loại ra khỏi guồng máy quyền hành vì chống Bắc kinh. Phạm Gia Khiêm mất chức Phó Thủ Tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao vì lý do vào tháng 8 năm 2010 đã về hòa với đa số thành viên ASEAN ủng hộ quan điểm của Hilary Clinton về giải pháp đa phương cho vấn đề Biển Đông. Trong phiên họp Hội Nghị Bộ trưởng Ngoại Giao này ở Hà Nội, Phạm Gia Khiêm là nước chủ nhà đã bị Dương Khiết Trì hạ nhục vì đi ngược lại quan điểm của Bắc Kinh.

b.- Về quyền lợi. Quyền lợi gồm bổng lộc và lợi ích vật chất do chức vụ mang lại.

1) Bổng lộc có loại trực tiếp như vụ Bauxite ở Tây nguyên. Tổng bí thư Nông Đức Mạnh được 300 triệu MK, Dũng được 150 triệu. Vì có chống đối, Dũng biện hộ rằng đây là chính sách lớn của Đảng.

2) Bổng lộc gián tiếp: Đây là các lợi ích vật chất do chức vụ mang lại. Thí dụ như Vụ Vinashin và Vinalines đã giúp cho nhóm Dũng rút ra trên 4 tỉ MK để chia nhau

Để có thể được ban cấp quyền lợi này, mỗi cá nhân phải phấn đấu gay gắt để chinh phục được “lòng tin” (danh từ mà Quách Bá Hùng dùng khi họp với lãnh đạo VC) của Bắc Kinh. Mỗi cá nhân còn phải có thành tích nghĩa là chứng tỏ cụ thể về kết quả việc làm để lòng trung thành với quan Thầy TC. Trong Ban lãnh đạo VC, các phần thưởng (chức vụ và quyền lợi) là mỗi như, sẽ gây ra những cuộc chạy đua, cạnh tranh lẫn nhau, đi tới cạnh chừng nhau, sát phạt nhau, tố cáo nhau với quan Thầy, kể cả tố cáo cho công chúng biết như bề tham nhũng để loại bỏ nhau khỏi hệ thống quyền lực, kể cả chém giết nhau như trường hợp Nguyễn Bá Thanh v.v.

Chi thi hay mệnh lệnh cho VC được theo dõi, kiểm soát khá gắt gao. Đó là lý do mà lãnh đạo VC im thin thít khi TC ngang nhiên đặt giàn khoan HD 981 với một hàm đòi hùng hậu bảo vệ,

xâm phạm phần lãnh hải thuộc tỉnh Quảng Ngãi. VC cũng lãng yên, coi như không có gì trước các hoạt động rầm rộ, như công khai của TC bồi đắp và xây dựng các căn cứ hải quân trên 9 bãi đá ngầm trong vùng Trường Sa của Việt Nam.

Ngoài ra, có kẻ nào mà Hoàn Cầu Thời Báo gọi là ‘vong ân bội nghĩa’, tìm cách thoát ra khỏi các ‘đây, nhờ’ mà TC dương lên, thì hãy noi gương Nguyễn Bá Thanh.

Sự kiện giàn khoan HD 981 vào 1 tháng 5, ở Quảng Ngãi dòn Lãnh đạo VC lâm vào tình thế lưỡng nan. Họ chọn giải pháp đứng về phía nhân dân và quốc tế, dù nửa vơi. Ngày 11 tháng 5, Nguyễn Tấn Dũng đi dự Hội nghị ASEAN ở Miến Điện và tuyên bố về tự do và an toàn lưu thông trên Biển Đông, tố cáo TC là nguyên nhân gây bất ổn trong vùng. Và ngày 21 cùng tháng, Dũng nói chuyện với TT Phi ở Manila về vấn đề toà án quốc tế, tố về như là y sắp sửa kiện TC ra toà án quốc tế về việc TC vi phạm chủ quyền trong vùng Trường Sa.

Ngoài ra, vì sự xâm lăng trắng trợn ấy, khoảng 50,000 dân Việt ‘biểu tình bạo động’ chống TC phá xưởng của TC tại Bình Dương khiến một số công nhân TC rời Bình Dương chạy sang Cao Miên lánh nạn, và ở Hà Tĩnh gây cho 2 công nhân TC chết và 4 bị thương, và TC cho rằng lãnh đạo VC không làm tròn nhiệm vụ đã cam kết như thoả hiệp tháng 10 năm 2011. Hơn nữa TC còn nghi ngờ VC xúi giục quân chúng VN chống lại TC. Mặt khác, Nguyễn Phú Trọng đến nói chuyện với cử tri quận Tây Hồ có ám chỉ tới bảo vệ chủ quyền, trong khi đó Trương Tấn Sang cũng cùng một luận điệu như vậy với cử tri thành phố ‘Hồ Chí Minh’. Nghi ngờ lãnh đạo VC có triệu chứng muốn thoát khỏi ảnh hưởng của mình, ngày 16 tháng 8, 14, và phản bội, TC cử Dương Khiết Trì sang Hà Nội. Trì “nói thẳng vào mặt” (mắng) lãnh đạo VC là ‘đứa con hoang phải trở về với Bố Mẹ khổ đau’. Với nét mặt hung hăng, Trì nhắc lại những cam kết của lãnh đạo VC khi gặp Quách Bá Hùng và nhắc đến 4 điều mà các lãnh đạo VC không được làm: KHÔNG được đánh giá thấp quyết tâm của TC về bảo vệ chủ quyền của TC trên vùng Biển Đông. KHÔNG được dùng dữ kiện lịch sử để tuyên bố rằng Biển Đông là của VN. KHÔNG được lôi kéo các nước khác vào vấn đề tranh chấp và KHÔNG được phá bỏ mối quan hệ hằng tốt đẹp với ‘Trung Quốc’.

Từ đó, Lãnh đạo VC không còn tỏ thái độ trái ngược vì đe dọa của Bắc Kinh.

Nay đến kỳ bầu cử vào kỳ Đại Hội XII của Đảng CSVN vào năm 2016, cuộc chạy đua vào các chức vụ then chốt tỏ ra rất ráo riết. Càng ráo riết bao nhiêu, thì ganh đua giữa các lãnh đạo lại càng khốc liệt bấy nhiêu. Mọi thủ đoạn loại trừ nhau được sử dụng triệt để. Yếu tố quan thầy đỡ đầu vào chức vụ then chốt của Đảng có tính cách quyết định. Mọi ứng viên cố gắng tỏ trung thành với quan thầy.

Xem ra Phùng Quang Thanh tỏ ra miễn cán, trung thành với quan thầy hơn nếu so với bất cứ kẻ nào trong hàng ngũ lãnh đạo VC kể cả Nguyễn Tấn Dũng, hay Nguyễn Phú Trọng nếu Trọng còn có ở lại. Thực vậy, khi TC đặt giàn khoan HD 981 ở biển Quảng Ngãi, bọn chỉ huy giàn khoan ra lệnh cho cảnh sát biển VC rút ra xa, không được đến gần 3 hải lý. Tức khắc ngay sau khi có ‘lệnh’ ấy, Phùng Quang Thanh, với tư cách Bộ Trưởng Quốc Phòng, ra lệnh Cảnh Sát biển VC rút ra xa, và họ chỉ hoạt động cách xa 9 hay 10 hải lý để quan sát. Dù TC lúc đầu đưa một hạm đội 90 tàu đủ loại gồm cả tàu có trang bị hỏa tiễn để bảo vệ, ít ngày sau, con số tàu của Bắc kinh lên tới 135. Cảnh sát biển VC dù hoạt động ở xa, nhưng 2 người vẫn bị tàu TC bắn chết và 4 bị thương. Và 24 tàu cảnh sát biển VC bị ‘húc’ vỡ hay đắm chìm.

Trong bối cảnh của sự xâm lăng võ trang như vậy kể cả bắn giết cảnh sát, Phùng Quang Thanh tại hội nghị Bộ trưởng Quốc Phòng của ASEAN tuyên bố đại ý về vụ giàn khoan không có gì là quan trọng, giống như *‘mâu thuẫn trong một gia đình’*. Tuyên bố này là đúng với điều mà Quách Bá Hùng đòi hỏi, dù hành vi của TC lúc đó thực sự là cuộc xâm lăng lãnh thổ VN. Ngoài ra, Phùng Quang Thanh còn tỏ ra kiểm soát được quân đội, chống lại âm mưu như ‘đảo chánh’, và chỉ thấy có tướng, tá hồi hưu (nghĩa là đã bị loại ra khỏi chính quyền) lên tiếng.

Họ Phùng tỏ trung thành hơn với TC kể cả với Nguyễn Tấn Dũng và nhất là được tướng Quách Bá Hùng, nhân vật số 2 trong hệ thống quân đội TC giao công tác một cách trực tiếp và bảo trợ, vì thế trong cuộc chạy đua vào chức vụ trong kỳ Đại Hội XII vào năm 2016 tới, có kẻ nào đó lôi hồ sơ tham nhũng của Bồ Con Thanh ra tố cáo: Nhà cửa nguy nga, giàu có vượt mức.....

Nguyễn Tấn Dũng sắp sửa đến ngày bầu cử vào chức vụ mới, Dũng quay ngược trở lại so với hành vi trước đây, đã thẳng thừng to tiếng chửi đế quốc Mỹ nhân dịp 30 tháng 4 vừa qua, với hi vọng sẽ được TC trọng dụng hơn kẻ khác? Nguyễn Xuân Phúc bị tố cáo

giàu có, và là tay xảo quyệt, gian manh, đã chủ mưu đầu độc giết Nguyễn Bá Thanh.....

Dù Nguyễn Bá Thanh đã chết trước đây nhưng cũng là hậu quả của sự tranh giành quyền lực giữa các phe nhóm, vì cố gắng vận động để được Bắc Kinh tin cậy.

Tóm lại, khó có ai trong Ban lãnh đạo VC có thể thoát ra được mạng lưới ràng buộc này với các dây dợ chằng chịt quấn xung quanh. Nhất là mỗi cá nhân lãnh đạo VC được một cá nhân lãnh đạo TC khi giao nhiệm vụ với hình thức bảo trợ một cách riêng rẽ, và có theo dõi chặt chẽ. Ngoài ra, TC còn tạo ra một tư thế cho mỗi cá nhân VC cạnh tranh giữa họ với nhau, gồm cả tổ giác đối thủ với quan Thầy của mình để lập công. Cả bon lãnh đạo VC như bị dồn vào con lốc xoáy./..

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng xúc động nhận được tin buồn:
Phu quân của cháu Nguyễn Thị Đạm Trang, Út nữ GS Nguyễn Văn Trường
& GS Hồ Đắc A-Trang (Houston, TX):

Matthew **ĐỖ NGỌC HOÀNG**

Sanh năm 1957 tại Sài Gòn

Giảng dạy tại Houston Community College

vừa được Chúa gọi về Nhà Cha lúc 8 giờ sáng ngày Thứ Bảy 16-5-2015,
nhằm ngày 28 tháng Ba năm Ất Mùi, tại Houston, Texas

Hưởng dương **57 tuổi**

* *Thăm viếng:* Từ 5 giờ chiều đến 9 giờ tối ngày Thứ Ba 19 & Thứ Tư 20-5-2015 tại Nhà
Quản Vĩnh Phước, 8514 Tybor Dr., Houston TX 77074 (ĐT: 713-771-9999). * Tất cả tiền
phúng điếu xin gởi cho National Kidney Foundation: <https://www.kidney.org/support>

* Thứ Năm 21-5-2015 từ 10 giờ sáng: *Thánh Lễ* tại Nhà Thờ Ngôi Lời Nhập Thể (Kirwood
@ Beechnut)

* *Chúng tôi xin thành kính chia buồn cùng Ông Bà GS Nguyễn Văn Trường, cháu Đạm
Trang cùng toàn thể Tang quyến.*

* *Nguyện cầu Chúa Cả nhân từ sớm đưa linh hồn Người quá vãng về Nước Thiên Đàng,
đời đời an nghỉ trong trong Hồng Ân Thiên Chúa.*

M. BBT & Cộng Tác Viên tạp chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

Phạm Quang Tân (chủ nhiệm)

Lê Cần Thơ (chủ bút)

Phạm Mộng Chương (họa sĩ)

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

NGUYỄN ĐÔNG GIANG

(San Jose - California)

n³/₄c m¹/₂t quê h³/₂ng

*Quê hương có phải, là nước mắt
anh đêm ở Mỹ, nhớ thương về
tháng chạp bên nhà, mưa thúi đất
lục bình trôi nổi, bến sông quê.*

*Em bảo trời mưa, buồn đứt ruột
buồn đau, ừ! thua lận ván bài
chiến tranh em khóc, quê ly loạn
hoà bình còn sợ, họa trùng lai.*

*Anh xưa xuống thuyền, trốn em đưa
biệt quê nhiều giọt, nước mắt dài
lỡ tay buông súng, đời bán loạn
lòng cũng tan tành, ướt sũng mưa.*

*Em bảo trời mưa, là nước mắt
nhỏ đau thêm những, mảnh đời thường
ướt, lạnh lòng lên, từng nổi khổ
mưa buồn như, nước mắt quê hương.*

*Anh biết trời mưa, em sợ lắm
tháng Tư năm ấy, có mưa buồn
người người bỏ xứ, đi theo biển
không về, là thoát được oan khiên...*

b³/₂c t⁰

m²n t¹ng nh²ng chi²n sĩ QL.VNCH

1.

*khi bạo tàn đã bức tử giang sơn
người lính miền Nam, bị khoá tay sau đố*

*họ đi tù hay về đâu không rõ
chỉ biết trời Nam, lá rụng vô cùng!*

*Khi đài Sài Gòn loan tin. miền Nam thất thủ
người lính trận, gầy sủng ở biên cương
nghĩa khí thay! họ đã cùng đường. Vẫn không đầu hàng
khi Dương Văn Minh trên đài, gọi kêu ra rả.*

*Khi hồi ơi! miền Nam bị cưỡng chiếm
giọt lệ buồn, tuôn chảy khắp non sông
anh lính miền Nam, ngã ngựa giữa dòng
bị lừa vào tù, sống thua súc vật!*

2.

*Khi em hát bài ca biệt xứ
người lính trận, không còn ở quê hương
họ đi đâu... địa ngục hay thiên đường?
mẹ già vô ra, than dài thở ngắn!*

*Buộc lòng phải vượt biển, sống ly hương
người lính già, thương mình, xa Tổ Quốc
cảm ly rượu, tủi thân mà khóc
nước mắt đâu còn, tạ tội cố hương!*

*Chưa có mùa xuân, cho người vong quốc
chỉ còn nổi nhà, trong trái tim khô
chỉ còn quê hương bên đó... đồng bào
và chiến địa... những ngày ta cảm sung.*

Cali 06-2009

[**Bản Tình Ca Cũ** - thơ - Nhân Ảnh xb 2010]

*"Khi em chết, đất trời kia vẫn vậy / Đời dương gian chỉ có một ta buồn..
Ôi! Đau đớn, đã cùng ta lột ổ / Trong cõi thất tình rục rờ muôn năm"
(MTTM - ndg). Ôi! Nguyễn Đông Giang! Tôi rất yêu những câu thơ trên
của ông... Thi sĩ là nhân ái số một ở cõi đời này... Vì thế ông đã viết
những câu thơ của thi sĩ...*

Memphis, USA 2004 - Hoàng Lộc

QUANH CUỘC SỐNG CHÚNG TA



DIỂM PHƯỢNG

(Về Nguồn - Tây Đô)

MƯA THÁNG HẠ

Trời bỗng đổ cơn mưa lớn, tôi gọi Dung đang ngồi ở bàn trực với quyển tiểu thuyết dày cộm:

- Mây ra khép cửa sổ ở phòng ngoài giùm tao coi, để mưa tạt ướt hết, ông xuống khám bệnh thấy bỏ nữa à.

Dung đáp nhưng vẫn không quay lại:

- Còn mây nằm xuống đó chi?

- Con quý, hồi tối thức sanh cho hai bà con so mệt muốn chết nè.

Dung bủi môi:

- Làm như có một mình mày thức?

- Ủ, thì mày thức nữa, nhưng mày còn đi vô đi ra nằm được một lát, còn tao thì kẹt dính ở đó luôn, đứng muốn sụm hai cái chân.

Dung vẫn ngồi bất động, tôi lắc đầu bật dậy một cách uể oải. Qua ngang chỗ Dung, tôi đập mạnh lên vai nó cự nự:

- Mày thật là chúa lười.

Dung cười khẽ. Tôi phát cáu định mắng nó thêm một câu nữa, chợt cơn gió thổi làm cánh cửa sổ ở ngoài đập nghe rầm rầm, tôi bực mình bỏ đi luôn.

Nghiêng nửa người ra ngoài tôi định với tay kéo cánh cửa khép lại. Thoát nhiên tôi dừng tay, đăm đăm nhìn thiếu nữ đang đứng nép mình ở hiên trại. Nửa bên vai áo của thiếu nữ đã ướt sũng vì nước mưa tạt vào, thế mà nàng vẫn đứng yên, mắt hướng

nhìn về phía trại "độc thân" - tôi và Dung thường gọi nhà xác bằng cái tên đó - và hình như là thiếu nữ đang khóc. Tôi ái ngại bảo nàng:

- Mưa lớn quá, chị vào đây kéo ướm hết à!

Thiếu nữ quay lại ngược nhìn tôi với đôi mắt buồn đẫm lệ:

- Cám ơn chị, tôi muốn đứng đây để được nhìn anh ấy một lần cuối.

Tôi chợt nghe nao lòng. Sự tò mò thúc đẩy, tôi không ngần ngại gọi chuyện:

- Sao chị không xuống đó?

Thiếu nữ lắc đầu, giọng nói nghẹn lại:

- Tôi lấy danh nghĩa gì xuống đó hả chị? Khi mà... gia đình anh ấy không chấp nhận sự hiện diện của tôi trong cuộc sống của anh.

Tôi ngớ ngẩn:

- Tại sao vậy?

Thiếu nữ cười chua xót:

- Tại vì... tôi nghèo.

Tôi thoáng hiểu một phần câu chuyện rồi. Có lẽ... người con trai đó yêu cô gái này, muốn đi đến hôn nhân, nhưng gia đình anh ta không chịu vì chê cô gái nghèo, không xứng đáng vào làm dâu. Rồi bây giờ người con trai đó đi lính chết, cô gái hay tin vội vã vào đây để được nhìn người yêu lần cuối, không ngờ thân nhân người chết đang hiện diện ở đó, cô ta đành phải đứng lại giữa lúc trận mưa cũng vừa trút xuống. Tiếng cô gái đột ngột hỏi tôi:

- Chị cho tôi vào đứng tạm một lúc nha? Có lẽ xe tang sẽ qua ngang đây, tôi không muốn người nhà anh ấy bắt gặp.

Tôi gật đầu. Thiếu nữ nhanh nhẹn bước vòng ra cửa trại đi vào đứng bên cửa sổ với tôi, khuôn mặt của nàng đượm buồn.

Bằng cái nhìn kín đáo, tôi quan sát thiếu nữ và cảm thấy mến nàng qua câu chuyện tình buồn thảm đó. Người đối diện với tôi cũng không đẹp lắm, chỉ có duyên nhờ cái miệng nhỏ xinh xắn, dáng vóc gầy gầy được gói kín trong chiếc áo dài màu hạt dẻ và mái tóc phủ ngang vai trông nàng thật đáng yêu. Tôi chợt nghĩ đến người con trai vừa nằm xuống đó và nghe lòng chua xót lạ lùng.

Tiếng kèn đưa đám trỗi lên thật buồn, tôi quay nhìn ra khung cửa sổ, chiếc xe tang chạy chậm lại, trên tràng hoa màu đen với hàng chữ "Vị Quốc Vong Thân" màu trắng lung linh trước mắt làm cho tôi cảm thấy ngậm ngùi. Bất chợt tôi nghĩ đến Nghiêm và

nghe thương yêu vô vàn hình ảnh đó. Nghiêm cũng là lính tác chiến, một tháng đôi ba ngày phép ghé thăm tôi, dẫn nhau đi ciné, ăn kem, nghe nhạc ở cái quán quen thuộc làm nơi hẹn hò. Rồi anh vội vã ra đi với nụ cười hứa hẹn. Tôi nhìn anh quây túi hành trang bước lên xe bằng đôi mắt mở to ráo hoảnh. Những lần chia tay Nghiêm không bao giờ tôi khóc, nhưng lòng thì nghe buồn vời vợi. Có lần Nghiêm hỏi:

- Chưa lần nào anh thấy Thương khóc?

- Sao anh lại muốn Thương khóc?

Nghiêm luồn năm ngón tay vào tóc tôi, anh cười giải thích:

- Anh có một thằng bạn ở chung đơn vị, người yêu của nó thường khóc mỗi khi đưa tiễn nó đi. Anh nghĩ tất cả những cô gái đều giống nhau ở điểm đó. Đến lúc gặp và yêu em, anh ngạc nhiên vì em không bao giờ khóc như vậy.

Tôi nhìn Nghiêm hóm hỉnh:

- Thế anh có thích Thương khóc như họ không?

- Thật ra thì anh không thích, có điều anh thấy Thương là lạ...

-Thương không lạ đâu. Tại bản tính của Thương chỉ bộc lộ tình cảm một cách âm thầm và kín đáo thôi. Tiễn anh lên xe trở về đơn vị, mà Thương gọi là vùng lửa đạn, Thương cũng nao lòng lắm chứ. Nhưng Thương không khóc bởi vì Thương đang khóc thật trong tâm hồn, anh có biết không?

Tiếng nấc nhỏ của thiếu nữ cũng đủ lôi kéo tôi về thực tại. Xe tang đi ngang qua khung cửa sổ, người con gái gục đầu bật khóc. Tôi nghe cay ở mắt và vội vã quay đi vì không đủ can đảm nhìn hoài một hình ảnh đó. Khuất sau cánh cửa lưới nhưng tôi vẫn còn kịp nghe tiếng gọi náo nùng của người con gái:

- Anh Linh!

Tôi vừa thay áo xong thì chị Thy cũng vừa đi dạy về, chưa vào nhà mà tiếng chị ấy gọi eo éo ngoài cổng:

- Thương ơi, Thương à...

Tôi chạy nhanh ra gần cổng:

- Cái chị này...

Thoáng thấy bức thư màu xanh trên tay chị Thy, tôi chột nín bật. Chị Thy thu mau bức thư bỏ vào cặp sách bảo:

- Tưởng cần thì tao đưa, không thì tao để xem chơi.

Tôi cười chịu thua:

- Chị thiệt... phá em hoài.

- Chứ sao tao gọi mày ra lấy mày còn la tao?

Tôi đối đáp:

- Em la hồi nào? Tại chị kêu lớn quá em sợ má nghe rồi má hỏi lời thôi chứ bộ.

Trao thư cho tôi xong, chị Thy bước nhanh vào phòng thay áo. Được một mình yên tĩnh để đọc thư Nghiêm, tôi cảm thấy dễ chịu.

Mãi mê với những dòng tâm tư của chàng trải lên trang giấy, tôi không hay biết chị Thy đang đứng sau lưng. Đến lúc chị ấy đập lên vai một cái đau điếng tôi mới giật mình, cự nự:

- Chị quý, làm người ta hết hồn.

Chị Thy vừa lau mặt vừa hỏi:

- Nhớ rồi hả?

- Ừ, rồi sao?

Chị Thy vẫn phớt tỉnh không buồn để ý đến thái độ của tôi:

- Sao không nói với Nghiêm nó lo cưới cho rồi đi, mày cũng hai mươi ngoài rồi.

Im lặng một lúc, chị tiếp:

- Thời buổi lính tráng này khổ lắm, như con Phượng bạn dạy chung trường với tao đó, thằng Linh chết làm nó khóc đến sưng cả mắt. Hồi sáng nó nhờ tao trông hộ lớp cho nó đi đưa thằng đó một lần cuối, chuyện thật buồn!

Tôi bật ngồi dậy ngạc nhiên:

- Chị cũng biết cái anh Linh nào đó nữa sao?

Chị Thy nhìn tôi:

- Con Phượng bạn tao, nó kể chuyện tình của nó cho tao nghe hết rồi, mà tao có gặp anh chàng Linh đôi ba lần. Kể ra anh ta cũng thương con Phượng dữ lắm.

Tôi bùi môi:

- Thương sao nghe lời gia đình bỏ người yêu?

Chị Thy tròn mắt:

- Sao mày biết bỏ? Tại gia đình anh ấy làm áp lực mạnh quá nên anh buồn làm đơn xin đổi ra tác chiến đó. Vậy mà lâu lâu cũng "dù" về đến trường hỏi con Phượng hoài.

- Chị ấy có cho anh ta gặp không?

- Con Phượng nó tự ái tránh mặt người yêu. Nó nói với tao là nó vẫn còn thương anh Linh nhiều lắm. Nhưng dù hèn cũng thế, nó sợ gia đình của Linh khinh nó thêm.

Tôi hình dung lại khuôn mặt mang đầy nước mắt của người con gái tên Phượng, một loài hoa mùa hạ, mà nghe thương mến bù ngùi. Trốn tránh người yêu, làm được công việc đó chắc chắn là Phượng phải đau khổ ghê lắm!

Tiếng chị Thy chọt nổi lên:

- Thương, có ai tìm nhà mình kìa.

Tôi nhào nửa người ra khỏi ghế, nhìn chăm chú ngoài cổng, bảo khê chị Thy:

- Chị hỏi xem họ tìm ai?

Chị Thy ném khăn lên bàn bước nhanh ra ngoài, tôi thấy chị nói gì đó rồi lại gật đầu. Một lát người khách bỏ đi. Chị Thy chạy vào với khuôn mặt còn đượm nét lo âu.

- Ai thế chị?

Không đáp, chị Thy đi mau vô phòng rồi mấy giây sau trở ra với chiếc áo dài đàng hoàng. Tôi nhìn chị ngạc nhiên:

- Chị định đi đâu nữa?

Chị Thy ra dấu bảo tôi im, đoạn chị nói nhỏ:

- Anh Trung bị thương nặng đang nằm ở Quân Y Viện Phan Thanh Gián. Chị phải đến đó ngay, mấy đùng cho má biết, má lo nghe!

- Phải lúc này người khách cho chị hay không?

Vói tay lấy chiếc nón lá ở đầu tủ sách, chị Thy trả lời tôi bằng cái gật. Ngồi trông theo dáng đi hấp tấp của chị Thy ra cổng, tôi thoáng thấy vương buồn. Anh Trung là vị hôn phu của chị Thy. Thời gian đính hôn vẫn kéo dài vì thời cuộc, vì hoàn cảnh gia đình. Đáng lý thì sau lễ hỏi ba tháng là làm đám cưới luôn trong năm đó... Nhưng cái chết bất ngờ của má anh Trung đành phải hoãn lại. Kế đến việc Tiểu khu biệt phái anh ấy xuống Phụng Hiệp, bao nhiêu dự tính đều đổ vỡ. Cũng như Nghiêm, một tháng anh Trung chỉ có thể gặp chị Thy nhiều lắm là hai lần, thời gian bên nhau thật ngắn ngủi, rồi chia xa trong thương nhớ, trong luyến lưu. Mỗi người trở về với bốn phận, với trách vụ hàng ngày. Tôi, chị Thy cũng như những người con gái có người yêu là lính trận, không khác gì, không hơn gì?!

Buổi tối chợt xuống thấp, tôi vẫn ngồi ở thế chờ đợi và bất động. Bóng trắng thoảng qua cổng rào bước lên bậc thêm, dáng dấp quen thuộc.

- Chị về phải không?

- Ừ. Má đâu?

- Có lẽ đã ngủ rồi.

Chị Thy ngồi xuống ghé đối diện với tôi, chị thì thầm:

- Chiều giờ má không có hỏi tao sao?

- Không. Hôm nay má vẫn còn mệt nên đã vào phòng sớm.

Thế nào?

Chị Thy chớp nhanh đôi mắt, giọng thoảng buồn:

- Đã qua khỏi giai đoạn trầm trọng rồi, nhưng...

Tôi nhìn chị chờ đợi với sự lo âu. Chị Thy thở nhẹ:

- Cưa mất một chân trái!

Tôi đã nghĩ đến điều đó rồi, nhưng không ngờ lại là sự thật đáng buồn. Không hiểu sao tôi chợt hỏi:

- Chị tính sao?

Chị Thy ngạc nhiên:

- Tính gì?

Tôi bối rối đáp trái lại sự suy nghĩ:

- Chị tính cho má biết anh Trung bị thương không?

- Thôi má còn yếu, cho má biết chi?

- Anh Trung chắc chưa tỉnh?

- Chưa. Người ta bảo đến sáng mai anh mới hết thuốc mê.

Tôi gật gù:

- Em làm ở trại sản khoa cũng gần đó, có thể em sẽ lên thăm chừng anh ấy được. Chị vẫn đi dạy chứ?

Chị Thy ngậm ngừng:

- Thương à, chị định mai vào trường xin nghỉ dạy ít hôm đó... Chị muôn ở bên cạnh anh Trung luôn trong lúc này. Chị sợ...

Giọng chị Thy nghẹn lại:

- ... tâm trạng của những người như anh Trung thật phức tạp lắm. Sự vắng mặt của chị có thể gây buồn phiền rất nhiều cho anh ấy. Em cũng biết chứ?

Tôi cúi đầu im lặng, lòng chợt vương mang chút ngậm ngùi.

Tiếng chị Thy hỏi tôi thật bình tĩnh:

- Thương, chị thí dụ... Nghiêm ở vào hoàn cảnh của Trung, thì em sẽ làm sao?

Tôi sẽ làm gì nếu Nghiêm như vậy? Chị Thy không hỏi, tôi cũng đã nhiều lần nghĩ đến điều đó và đã âm thầm chọn một quyết định cho mình. Tình yêu đã trao cho nhau rồi thì bất hạnh của Nghiêm cũng là bất hạnh của tôi, còn toan tính gì nữa? Im lặng một chút, tôi đáp:

- Em vẫn yêu Nghiêm và sẽ làm vợ anh ấy bất chấp mọi trở ngại!

Chị Thy bóp nhẹ tay tôi:

- Thương, chính chị cũng đã quyết định như vậy.

Tôi mỉm cười cảm thông:

- Em chúc chị có nhiều nghị lực để vượt qua mọi sự thử thách.

Chị Thy đứng lên nhìn tôi với đôi mắt buồn long lanh, nhưng ánh lên một niềm tin yêu mãnh liệt đang vương mang trong tâm hồn của chị.

Cần Thơ, xong lúc 9 giờ 5 phút tối

ngày 18 tháng 4-1971

[trong tập **NẮNG NHẬT HOÀNG HÔN**, tr 129-137)

Bản Thảo Lưu Lại - Thư Án Quán 2001]

TIN BUỒN

Chúng tôi vừa nhận được TIN BUỒN từ nhà thơ Lê Trúc Khanh
(Thư ký thường trực của Văn Đoàn Về Nguồn Tây Đô)

Nhà thơ NGUYỄN HOÀI VỌNG (NGUYỄN NGỌC KHÔI)

Sinh năm 1951 tại Châu Phú An Giang

* *Nhập ngũ khoá 6/1970 trường Bộ Binh Thủ Đức, công tác ngành Quân Y ở Phú Phong (Bình Định) và Pleiku (Kontum)*

* *Thành viên trong Ban thường trực Văn Đoàn Về Nguồn Tây Đô (1964 - 30-5-1975) và là đồng môn CHS Phan Thanh Giản (1962 - 1969)*

Vừa từ trần do di chứng bệnh lao tại Cần Thơ VN lúc 2g30 ngày 7 tháng 4 năm 2015
(nhằm ngày 19 tháng 2 âm lịch năm Ất Mùi).

Hương thọ 64 tuổi.

Lễ động quan lúc 7 giờ sáng ngày 9 tháng 4-2015

và Linh cửu được hoả táng tại nghĩa trang Mỹ Khánh (Cần Thơ)

Trước sự ra đi của nhà thơ NGUYỄN HOÀI VỌNG (NGUYỄN NGỌC KHÔI), chúng tôi, thay mặt nhóm bạn trong Văn Đoàn Về Nguồn Tây Đô và đồng môn PTG khắp nơi:

* **Thành thật chia buồn cùng chị Đinh Thị Nguyệt và cháu Nguyễn Đan Phượng**

* **Nguyện cầu hương linh bạn NGUYỄN HOÀI VỌNG (NGUYỄN NGỌC KHÔI) sớm an nhiên tự tại nơi cõi vĩnh hằng.**

LÊ HÀ UYÊN - LÊ TRÚC KHANH (Cần Thơ)

HUYỀN VÂN THANH - DIỄM PHƯỢNG (Houston TX - Hoa Kỳ)

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

PHÂN ƯU



Vô cùng xúc động nhận được TIN BUỒN

Học giả **Hương Giang THÁI VĂN KIỂM**

Bút Hiệu **TÂN VIỆT ĐIỀU - BA LA CƯ SĨ - HƯƠNG GIANG TƯ MÃ**

* Cựu từng là công chức cao cấp của Việt Nam Cộng Hoà: Tỉnh Trưởng Khánh Hoà, Bình Thuận; Giám đốc Đài Phát Thanh Sài Gòn.

* Một Học giả uyên bác, là Phó Chủ tịch Viện Hàn Lâm Khoa học Hải ngoại Pháp. Huy chương Hàn Lâm Pháp Quốc.

* Nhà Báo, Nhà văn... và là tác giả Bộ sách quý về Văn Hoá nước nhà ẩn hành tại hải ngoại: Việt Nam Gấm Hoa, Việt Nam Quang Hoa, Việt Nam Anh Hoa, Việt Nam Thăng Hoa.

* Một trong những nhà văn nhận cộng tác đặc biệt cho BBT tạp chí Văn Hoá Việt Nam

**Đã được Chúa gọi về ngày 21 tháng 2 năm 2015
nhằm ngày mùng 4 tháng 01 năm Ất Mùi
tại Pháp Quốc
Hương THƯỢNG THỌ 93 tuổi**

Trước sự chia biệt vĩnh viễn đầy thương tiếc này, thay mặt toàn ban biên tập - tập thể Văn Thi Hữu cộng tác viên tạp chí Văn Hoá Việt Nam (Houston Texas USA) chúng tôi

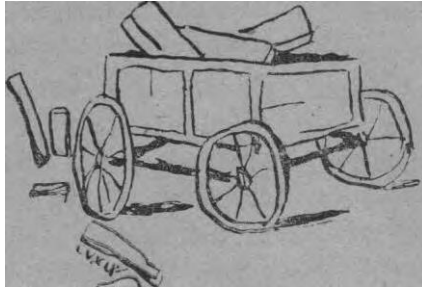
* **Xin Thành Kính chia buồn cùng Bà Quả Phụ THÁI VĂN KIỂM nữ danh NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ và Toàn Tang Quýển.**

* **Nguyễn Cầu Hương Linh Cụ Hương Giang THÁI VĂN KIỂM sớm được về Hương Nhan Thánh Chúa trên Nước Thiên Đàng.**

Thay mặt BBT & Cộng tác viên Tạp Chí VĂN HOÁ VIỆT NAM
PHẠM QUANG TÂN - LÊ CÂN THƠ - PHẠM MỘNG CHƯƠN
(chủ nhiệm) (chủ bút) (họa sĩ)

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

TINH HOA ĐẤT MẸ



CHÍNH PHONG NGUYỄN HOÀNG
HOÀNG ANH THƯ - HOÀNG NHƯ LĂNG

CHƯƠNG III
XÃ HỘI: SOCIETY
(trích)

BẠN: FRIEND
LƯU BÌNH - DƯƠNG LỄ

Bạn hay bọn được hiểu là anh chị em không ruột thịt, không bà con, nhưng quen thân nhau cùng chí hướng, cùng trường, cùng sở, cùng sở thích và đồng lòng với nhau.

Ngoài gia đình, bà con thân thuộc, ai cũng có bạn. Có tâm tư cần thổ lộ với bạn mà lại không thể thổ lộ được với thân thuộc, ngay như cha mẹ, vợ chồng hay anh em, nên có câu "*Lúc khó mong có bạn hiền*": "**Misery loves company**" (*sự khôn cùng thích được có bạn bầu*). Hay *sống không bạn thì chết sẽ cô đơn*: "**A friendless life, a lonely death**". Hoặc "*Sống không bạn như sống không có mặt trời*": "**A man without a friend is a life without sun**". *Bạn thì nhiều, nhưng bạn tốt thì không có là bao*: "**Have but few friends though many acquaintances**", *cho nên ta phải chọn bạn mà chơi* (**Better be alone than in ill company**). *Giàu đổi bạn sang đổi vợ* ("**Honour changes manners**") đây đây trong xã hội. *Hết tiền hết bạn là thế* (**No money, no friend**).

Ngược lại, "*Giàu vì bạn, sang vì vợ*": "**Rich man is his friends, gentlement is by his wife**" đã đầy khắp trên thế gian này. Thậm chí *bạn cũ rất quý, được ví như rượu cũ là rượu ngon vậy*: "**Old friends and old wine are best**".

Sau đây chúng ta có một tình bạn rất cao cả, đó là

LƯU BÌNH - DƯƠNG LỄ

Xưa Dương Lễ nghèo được Lưu Bình đem về nhà nuôi cho ăn học, cả hai cùng học một trường một lớp. Đến kỳ thi Lưu Bình rớt, Dương Lễ đậu làm quan. Vì buồn nên Lưu Bình ăn chơi rượu chè; gia tài tiêu tan. Một hôm Bình tìm đến Lễ xin nhờ vả. Lễ không tiếp, cho người làm đem một tô cơm nguội cùng quả cà thiu cho Bình. Bình nghĩ là bạn khinh rẻ, nên bỏ đi.

Trên đường, Bình gặp một thiếu phụ trẻ đẹp tên là Châu Long, nàng ngỏ ý muốn giúp chàng ăn học. ***Châu Long khuyến khích Bình chịu khó học và hứa hẹn nếu chàng đỗ đạt thì hai người sẽ nên duyên vợ chồng.*** Bình nhận lời và từ đó chàng miệt mài kinh sử.

Đến khoa thi, Bình đỗ cao. Chàng vội về nhà gấp đặng gặp mặt người ơn, đồng thời để thực thi lời hứa hôn khi trước. Nhưng Châu Long đã bỏ nhà ra đi...

Buồn quá, chàng lang thang khắp nơi tìm nàng.

Không dè qua Phủ của Dương Lễ, chàng nẩy ra ý định vào thăm Lễ, cho hẳn biết rằng mình mới đỗ khoa như ai cho bỏ ghét người bạn xưa đã khinh bỉ mình.

Lúc đó, Dương Lễ đích thân ra đón Lưu Bình và mời bạn vào nhà mở tiệc khoản đãi.

Người bưng trà rượu ra cho khách lại chính là Châu Long. Trước sự sững sốt của Bình, Lễ giới thiệu Châu Long chính là người vợ hai của mình.

Bình hiểu tự sự, bèn ôm Lễ khóc ròng vì cảm tấm lòng của bạn đã bày kế để giúp mình ăn học.

Từ đó hai người lại thân thiết với nhau như xưa.

LƯU BÌNH - DƯƠNG LỄ STORY

Lưu Bình and Dương Lễ were best friends who attended the same school. Dương Lễ came from a poor family. Lưu Bình took his friend home to take care of him and helped him go to school. When it was time for testing at the school, Lưu Bình failed his tests. His friend Dương Lễ, however, got good grades in school and became an official for Emperor's court. Lưu Bình was very sad and became so discouraged that he squandered most of his inheritances on gambling, partying, and drinking.

Lưu Bình was destitute and went to his friend Dương Lễ asking for help. His friend did not allow him into his home and did not even acknowledge him. Instead, Dương Lễ told his servant to take a bowl of cold rice and a rotten eggplant to his friend. Lưu Bình turned away and left because he felt insulted. He wandered the streets and met a beautiful lady. She started to make conversations with Lưu Bình and after hearing his sad story, she was willing to help him. The lady said: ***"I will help you go back to school on the condition that you do well in school. Once you achieve your goal in school we will get married"***.

Lưu Bình concentrated on his studies in the Emperor's court and during the final testing period, he passed and graduated with honors. He was so happy and returned to the village, his future bride had already left. Lưu Bình again was so sad that he started to wander the streets and accidentally passed by Dương Lễ's. Lưu Bình thought about the time when his friend once looked down on him for failing in school. Now, Dương Lễ saw his friend and welcomed him into his home and planned a celebration in his honor. The servant Châu Long in Dương Lễ's home brought food and tea to the guest. Lưu Bình recognized her as his second wife.

Lưu Bình now fully understood what had happened. He saw that his best friend sacrificed his wife. She went along with Lưu Bình to care for him and to encourage him to go

back to school and become a distinguished person. Luu Binh embraced his friend Duong Le and cried. From then on, they once again became best friends as in their adolescent years.

(H.A.T)

**1. Bạn về nghĩ lại mà coi,
Tâm tình ta ở gương soi không bằng.**

Tâm tình: *Tình cảm ở trong tim.*

Bạn ạ! Tình cảm phát xuất từ con tim mới thật trong sáng và thành thật như gương soi vậy.

**2. Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, ly, quy, phượng một đoàn tứ linh.**

Bạn vàng: *Bạn quý. Long:* Rồng. **Ly:** *Giống con lân. Quy:* Rùa. **Phượng:** *Phụng, loại chim lông có màu sắc rất đẹp, đuôi dài, tương cao và thanh. Bốn con vật này được xếp vào tứ linh.*

Bạn quý gặp nhau khác nào như bốn con vật quý hiếm hội tụ, chúng ta thường thấy bốn con vật này được khắc lên gỗ trang trí nơi đình chùa.

**3. Bạn đến mời bạn vô nhà,
Trâu tằm thuốc hút trái chiếu hoa bạn ngồi.**

Thời xưa trái chiếu hoa, trâu tằm để đãi khách phải là thân lắm, vì những gia đình bình thường, chiếu hoa để dành đến ngày Tết mới mang ra dùng.

**4. Chử rằng bằng hữu tri giao
Một ngày gá nghĩa lẽ nào lại vong.**

Bằng hữu: *Bạn thân, anh em kết nghĩa với nhau. Tri giao:* *Quen biết mà chơi với nhau. Gá nghĩa:* *Kết nghĩa bạn bè hay vợ chồng. Vong:* *mất, hư hết.*

Chúng ta đã kết nghĩa làm bạn với nhau thì không thể để tình ấy mất đi được, vì tình bạn bè như hạt muối cần đời. Real friends should have everything in common.

**5. Cha đời cái áo rách này,
Mắt chúng mắt bạn vì mày áo ơi.**

Cha đời: *Lời chửi đổng. Áo rách:* *Áo cũng đã thủng lỗ.*

*Chửi cha cái áo rách, thực ra là chửi hay oán cảnh nghèo của mình, nên bạn bè xa lánh cả. Bởi vậy mới có câu: "Giàu trọng khó khinh: **No penny no paternoster**". Hoặc:*

"Giàu sang lắm kẻ đến nhà

Khó khăn giữa chợ chẳng ma nào nhìn".

(Phủ tại sơn lâm hữu khách tâm).

"Phú quý đa nhân hội, bản cùng thân thích ly".

Quả vậy, nghèo nàn thì ngay họ hàng, bà con còn xa lánh nữa là bạn.

"Còn bạc còn tiền còn đệ tử,

Hết tiền hết gạo hết ông tôi.

Buồn thay cho cái nghèo!

6. Ghe bầu dọn dẹp kéo neo, Mấy chú bạn chèo bắt cái hò khoan.

***Ghe bầu:** Thuyền lớn, phía sau có bầu to và cao chớ được nhiều, có thể chạy ngoài biển.*

***Neo:** Thanh sắt lớn, hình chữ T có hai mỏ nhọn, dùng để thả xuống lòng sông để giữ đứng thuyền lại.*

***Bạn chèo:** Những người chuyên chèo ghe mướn cho các thương hồ và chài lưới. Khi thuyền rời bến, họ hát hò tạo phấn khích cho tay chèo nhịp nhàng và mạnh dạn đưa thuyền ra giữa dòng.*

7. Học thầy chẳng tày học bạn.

Học sư bất như học hữu là học thầy chẳng tày học bạn.

Học ở lớp với thầy, học trong sách vở chưa đủ, vì học cần phải hành, tức là đem những điều thầy dạy trong sách vở ra để áp dụng ngoài đời và trong xã hội với bạn bè, mọi điều sẽ sáng tỏ ra nhiều.

8. Lạy trời thời quả đĩa cầu, Đề cho ta được bạn bầu cùng trăng.

***Địa cầu:** Trái đất.*

***Bạn bầu:** Bầu bạn, bè bạn cùng một tâm sự, một hoàn cảnh để thổ lộ, chia sẻ cùng nhau - khi vui cũng như lúc buồn.*

Trường hợp người này, mang một tâm tư trong lòng mà không biết thổ lộ cùng ai, đành cầu trời khẩn phật cho được làm bạn cùng trăng... Cũng như, thi sĩ Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, muốn làm bạn với chị Hằng:

"Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi,

Trần thế ngày nay chán nửa rồi..."
"Có bầu có bạn can chi tủi
Cùng gió cùng mây thế mới vui..."

9.

Nghêu ngao vui thú yên hà, Mai là bạn cũ, hạc là người quen.

Nghêu ngao: Cách hát tùy hứng, một mình để giải buồn.

Yên hà: 1/- Khói và mây, 2/- Cảnh đẹp thiên nhiên.

Hạc: Loại chim lông trắng hoặc hồng, cổ và chân cao, mỏ dài, biểu hiện tuổi thọ.

Mai: Là một loại cây rừng, nhỏ, hoa đẹp, nhiều tai một lớp, nhiều tiểu nhị, tâm bì rời, quả có nhân cứng chín đem (Ochna). Mai có nhiều loại, hoa có nhiều màu sắc: đỏ, trắng, vàng v.v... dân gian chưng cành mai vào ngày tết.

Con người nhân tâm với cảnh thiên nhiên, với ngàn mai nở trong vườn. Trên trời, hạc bay lưng chùng mây, xuôi reo róc rách, hoà cùng tiếng hát nghêu ngao, bỏ mặc chuyện đời ô trọc sau lưng. Thật thần tiên!

Xưa, ở bên Trung Quốc có một ẩn sĩ người Tống tên Lâm Hoà, tục là Bô, văn hay chữ tốt, thi hoạ lầu thông. Ông nói: "Lấy mai làm vợ, lấy hạc làm con". Mai thê - hạc tử, chứ không màng đến công danh phú quý.

10. Nghèo mà làm bạn với giàu, Ngồi xuống đứng dậy nó đau cái đi.

Đi: Bộ phận sinh dục của nam giới.

Câu trên mỉa mai những anh nghèo mà hay giao thiệp, chơi với nhà giàu, chưa thấy lợi lộc gì mà đã bị hành xác anh rồi.

11. Ở đâu gần bạn gần thầy Có công mài sắt có ngày nên kim.

Thuận lợi cho người đi học là gần bạn và thầy để có thể hỏi han và bàn luận, chỉ siêng năng là công thành danh toại. Bởi kiên nhẫn là mẹ thành công. "**By hard labor one will succeed**" or "**Diligence is the mother of success**".

12. Thương thầy nhớ bạn nào an, Phát phơ trông gió mơ màng đợi mây.

Vào một khung trời nào đó, gọi cho người ta nỗi lòng băng
khuâng, man mác nhớ đến thầy xưa bạn cũ mà cảm thấy lòng bất
yên, không biết họ ra sao bây giờ?!

**13. Thói thường gần mực thì đen
Anh em bạn hữu phải nên chọn người
Những người lêu lổng chơi bời
Cùng là lười biếng ta thời lánh xa.**

*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng, nên chọn bạn tốt mà chơi,
còn bạn xấu hãy tránh xa. (He who lies down with dogs rises
with fleas).*

**14. Vì chúng vì bạn em ơi!
Cho nên anh phải xa xôi cảnh vàng.
Vì chúng vì bạn nói ngang
Cho nên anh bỏ ngãi vàng xa xôi.**

Cảnh vàng: Bạn lòng, còn chỉ tiểu thư khuê các.

Ngãi vàng: tình nghĩa thâm sâu, cao quý.

*Cũng chỉ vì bàn ra tán vô của bè bạn, mà đôi ta phải xa
nhau em ạ!*

(mời xem tiếp bộ sách này trên VHVN kỳ tới)



MFC KHÁCH

(Houston - Texas)

khóc sài gòn

*Hốt hoảng chìm trong lửa bạo tàn
Sài Gòn run rẩy chút khăn tang
Người đi cách biệt, sầu tâm nín
Kẻ ở chia tay, tiếng khóc than
Rừng thẳm chiều buông, đời cải tạo
Mô hoang vạn năm, lệ dâng tràn
Bắc Nam cùng giống, sao thù hận?
Trách nhiệm về ai, hỏi thế gian ?*

GIỚI THIỆU SÁCH



PHẠM VĂN NHÀN

đọc:

CÓ MỘT MÙA TRẮNG XA NHƯ BIỂN

của

CÁI TRỌNG TY



Bốn Mươi năm đã qua, cuộc chiến trên quê hương tôi đã chấm dứt gần nửa thế kỷ. Nhưng dù gì, chính cuộc chiến này đã ít nhiều để lại trong tâm tư người lính nhiều hệ lụy: *rừng âm u còn vọng tiếng quân đi*. Nhất là những người lính vừa cầm súng vừa cầm bút như những nhà thơ, nhà văn một thời trước 1975. Trong

đó có nhà thơ Cái Trọng Ty. Bốn mươi năm qua *vọng tiếng quân* đi làm sao một sớm một chiều quên được.

Cho nên, qua thi tập: **Có Một Mùa Trăng Xa Như Biển** của nhà thơ **Cái Trọng Ty** đến với tôi trong một cảm xúc khó tả. Tôi không nói về kết cấu của thơ, thể loại thơ trong thi tập. Mà, tôi muốn nói đến Cái Trọng Ty đã đem đến cho tôi, một người đọc thơ của anh cái tâm trạng như chính của tôi có trong những câu thơ ấy. Tuyệt vời lắm. Nó nhẹ nhẹ như gió heo mây. Nó buồn buồn như ráng chiều hoàng hôn màu vàng úa. Mỗi lần ngồi một mình nhớ lại khoảng thời gian qua. Bởi nhà thơ với tôi cùng một thể hệ. Tôi nhớ mãi câu nói của nhà văn Trần Hoài Thư mà tôi thường hay lặp lại: **Thế hệ chiến tranh**. Cũng như câu nói của nhà văn Lữ Kiều Thân Trọng Minh: **lịch sử chọn chúng tôi, chứ chúng tôi không chọn lịch sử**. Hai câu nói của hai người bạn văn cụ thể lắm, nhưng lại đúng với chúng tôi. Lớn lên trong chiến tranh. Rồi cũng từ cuộc chiến tranh này, chúng tôi lại dần thân đi vào cuộc chiến. Quê của Cái Trọng Ty ở miền Trung, một miền đất chịu nhiều oan khiên nhất. Chiến tranh, bom đạn và thổ nhượng. Khổ lắm! Kiếm miếng ăn đã khó còn khổ vì đạn bom. Trong bài *Tình Em Rau Đắng*, đọc mấy câu thơ của anh, tôi thấy mũi lòng:

*quê em tận đồng sâu heo hút
lúa mùa lép hạt gió Lào khô*

Chỉ có người miền Trung mới thấy hết ngọn gió Lào. Gió làm khô héo lòng người và khô héo cả ngọn cây, ngọn cỏ. Thế nhưng, dù cho ngọn gió Lào có cay nghiệt thì thế hệ chúng tôi trong cuộc chiến tranh này, chúng tôi cũng phải lên đường. Chỉ có con đường duy nhất là cầm súng ra mặt trận. Có lẽ hình ảnh người lính trong chúng tôi cũng bình thường thôi. Ở đâu rồi cũng vậy. Chút tình quê còn nhớ mãi trong tuổi ấu thơ mang theo với chút tình:

*cám ơn em ghé lại bên đời
cho anh mang theo mối tình vọng tưởng
giá như em là mùa trăng non cũ
chiều mưa thu nghèn nghẹn giọt như sương*

Và, người lính thú Cái Trọng Ty dù có đi đâu, trên bước đường đầy bom đạn thì anh vẫn vẫn vương sợi khói quê nhà:

*chân bước xuống thuyền lính thú lên ngàn
nghe vượn hú nhớ vườn quê da diết*

*giữa đêm trăng non bãi gò hoang dã
lửa ma trời nhòe nhoẹt gió đồng không
ngày lưới đạn đêm trời mù hỏa pháo
biết bao giờ em hồi chút tình quê
quanh khói bếp vật vờ thơm cá nướng
con cá rô đồng vẩy cháy vàng uom*

Một ao ước nhỏ thôi, của người lính thú. Để rồi thèm quá đi thôi: *quanh khói bếp vật vờ thơm cá nướng/ con cá rô đồng vẩy cháy vàng uom*. Đơn giản như thế đó. Một giấc mơ bình thường trong đời quân ngũ của Cái Trọng Ty và cũng là của nhiều người khác nữa.

Cho nên, không phải riêng nhà thơ, mà hầu như mẫu số chung cho những người lính chúng tôi. Một ao ước nhỏ nhen:

*tôi đứng dậy đứng đứng rời quán nhỏ
đi về phía mặt trời
nơi có con sông chảy qua cửa sổ
có người lính đi hoài quên cả ước mơ*

Qua thi tập **Với Một Mùa Trăng Xa Như Biển**, nhà thơ Cái Trọng Ty đã trải lòng mình qua những bài thơ nói về đời lính thú, tù tội và tình yêu. Trong những bài thơ về những tháng ngày lao khổ 10 năm trong trại tù "cải tạo", với thơ anh, tôi không nhìn thấy bóng dáng hận thù trong những bài thơ anh làm. Mà, qua những câu thơ, Cái Trọng Ty như ghi lại:

*biển gầm núi hú quân tan rã
lịch sử sang sông bão tố tràn
ráng chiều đỏ quạch trăng tận tuyệt
biển dâu cung kiếm bóng chiều sương*

Nhưng với bài thơ *tuyên ngôn* gửi người dưới mộ đọc lên, tôi nghe như trái tim tôi rướm máu:

*tôi người lính Miền Nam
phủi tay rời cuộc chiến?
tuổi trẻ tù đầy đứng vững đôi chân
lòng kiêu hãnh làm người lính thất trận
đạn khói xưa gửi lại máu xương
đời xoay tít như sóng thần địa chấn*

Vâng! nếu không đứng vững trên đôi chân, thì thử hỏi những người tù sau 10 năm trở về làm sao trụ được trong cõi nhân sinh này? Để rồi đoạn kết bài thơ. Cái Trọng Ty viết thật nhẹ, như hơi thở của người về. Thật thơ:

*như kẻ làm vườn thất bại
uơm bón mảnh đất rìng
những hạt giống tàn
mọc lên từ đất chết
ta khờ khờ làm kẻ mãi yêu thơ*

Với nhà thơ Cái Trọng Ty, tôi thấy anh rất nặng tình với thơ. Thơ như làn hơi thở của anh. Thơ như là cuộc sống của anh. Thơ như một cái gì đó làm cho cuộc sống của chính anh thăng hoa. Không có nó là thiếu tất cả. Nhưng, không vì thơ, mà Cái Trọng Ty dùng để thét gào, hận thù dù trong thời gian dài 10 năm "cải tạo". Bởi vì với anh, thơ đã:

*đắm đuối hồn thơ từ tiền kiếp
em về mang nắng tựa phù sa.*

Houston, 11/3/2015

Nhà xuất bản Thư Ấn Quán - Hoa Kỳ
đã in xong tháng 4 năm 2015

CÓ MỘT MÙA TRĂNG XA NHƯ BIỂN
SÁCH DÀNH BIỂU TẶNG THÂN HỮU - KHÔNG BÁN

địa chỉ liên lạc tác giả
CÁI TRỌNG TY
tycai46@yahoo.com

- * *Tranh bìa:* Đinh Cường.
- * *Trình bày bìa:* Phạm Cao Hoàng.
- * *Tranh phụ bán:* Đinh Cường - Thân Trọng Minh.
- * *Chăm sóc hình thức:* Nguyệt Mai - THT.
- * *Layout:* Phạm Văn Nhân.
- * *Kỹ thuật in ấn:* THT

* tạp chí **VĂN HOÁ VIỆT NAM**
trang trọng giới thiệu đến quý bạn đọc yêu thơ.

CÁI TRĂNG TY

(Houston - Texas)



CÁI TRỌNG TY
Photo by Phạm Cơ

tháng tở bề súng

*Bởi tình tụ tán từ muôn kiếp
trăng nửa phần trôi trôi lênh đênh
chiều quanh bếp muộn thêm thôn vắng
cuộc rượu đêm tàn vỡ chén xưa
Lương Sơn xa lắc đời rỉ máu
ngựa cuồng quay quất chiến trường xưa
đồng đội cũ đầu lưng nổi chết
ngắm chung thân cuộc thể phiêu du.*

*biển gằm núi hủ quân tàn rã
lịch sử sang sông bão tố tràn
ráng chiều đỏ quạch trăng tận tuyệt
biển dâu cung kiếm bóng chiều sương
về đây ngòi ngóng triền sông cũ
chợt thâm vô cùng thương tích xưa
tháng Tư bề súng người tự sát
oan khiến tận khóc nổi niềm đau.*

*bãi vắng đem tình chôn đáy nguyệt
thôn chơ vơ làm lủi trời xa
chiều trở rét còn môi nào sười ảm
tình đau máy động bóng chiều mưa.
xưa gặp anh bên cầu Phan Rí cửa*

Tuy Phong mang áo trận mệt nhòa
ưu sầu vô vọng đêm về đâu
vật nặng đường chiều liêu xiêu đổ
hồn hoang đồng thiệp trượt dài sông
tiến thoái bơ vơ cùng đường tuyết lộ
côi điều linh một vũng xoáy suy tàn
thế võ lực tan cuối trời gãy kiếm
thân xác xơ trận chết cùng đường.

Quân về xuôi tan tác phương Nam
mịt mờ chiến trận
mây lửa mông mênh
chênh vênh biển dựng sóng phù hư
tình chiến chinh một đời tan vỡ
tàn tạ thế kỷ người
em đau đớn
tìm anh vô vọng
đã cho nhau
cái chết tuổi tràn xuân.

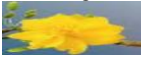
tháng Tư bẻ súng
chàng phiêu giạt
rời Sông Pha cùng đơn vị bơ vơ
trận mạc đi qua
bạc tóc tuổi chưa già.

Nước mắt thân vong
ngậm ngùi quê quán cũ
dòng sông Lâu đá tạc vết chàm sâu
tuyến trận điều ngoa
thân tàn cốt rục
rừng âm u còn vọng tiếng quân đi
khuya Mừng Mán
đường qua Ga hiu hắt
đơn vị tàn
sông núi cũng tàn theo
đêm xa phòng tuyến
đời khuất lấp
len lỏi rừng chồi

chảy máu tuổi xanh
đời tẻ bạc thân sâu đành nuốt hận
ngày giông xa nào nuốt ngóng chân trời
tháng Tư đêm đen
đôi chiêm rục lửa
trời sông Lâu trôi cuối mùa xuân
khổ nạn chập chùng
bèo dâu vạn hướng
dài lê thê kiếp nạn liếp trùng vây
về bên sông
bãi trầm luân se sắt
bão đời xoay
thân lính trận rách bươm.

Em trông một đoá hoa trên đá
vỡ nát tàn phai một cuộc tình
ngày ấy bên sông tàn nắng mặt
chiều vàng rơi lại giọt thiên thu.

(trích trong **CÓ MỘT MÙA TRĂNG XA NHƯ BIỂN** tr. 7-10)



TRẦN HOÀI TH

(New Jersey)

viết cho thặng em cùng trung đội

Một chút cay cay mà lòng bốn tui
Buồn thì về, đừng nán lại, thắng em
Không sao cả, lên cao rồi xuống vực
Đất mở rồi, ở lại cũng buồn thêm.

Chuyến tải thương cô rạp mình trải thảm
Xám sườn non, buổi ấy mới ra quân
Lên, trèo lên, ngựa rung bồm, tóc xoã
Hứng trăm ngàn oan nghiệt buổi thù chung.

Cùng đứng lại, hai chân nghiêm, cúi mặt
Đây hàng quân đọc lại thiếu tên em
Người lính trẻ chưa đầy hai mươi tuổi
Nhớ thì về, cốc rượu để phân em...

(trong **THƠ Trần Hoài Thư** - 1998, tr 24)

Xin mời đọc

THƠ XƯƠNG HOA TÙNG TÂM

của **THÁI TẦU**

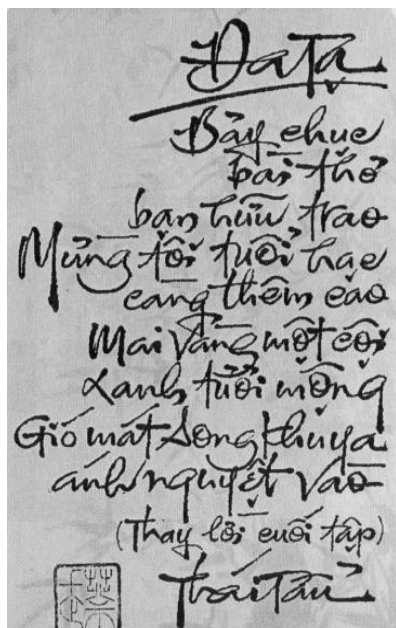
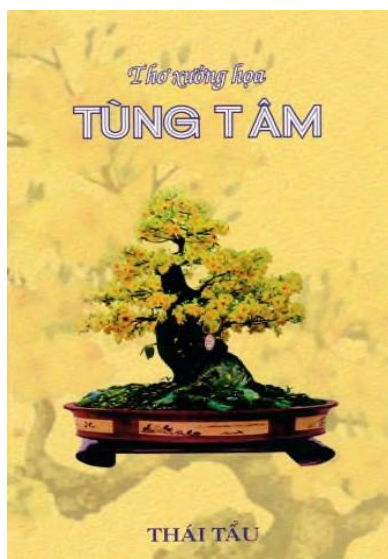
* Đọc để biết thú vui của người già:
chơi thơ Thù phụng, Xương hoa;

* Đề có một Nhân Sinh Quan mới,
một Cuộc Sống mới: Đẹp hơn,
Khỏe hơn và Thanh thản, Yêu đời
hơn...

* Sách in đẹp, thanh nhã, gồm 72
bài thơ Đường luật Xương Hoa,
một bài Tâm bút "Nghĩ Về Tuổi
Già" và những bài "Thơ Thư
Pháp" tác giả viết.

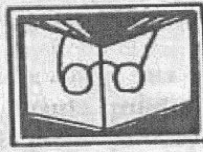
* Sách không đề giá bán. Muốn có
sách xin hãy mở lòng hào tâm Tùy
hỷ ủng hộ tiền ân phí như một
khích lệ, tác giả rất hoan nghênh và
xin cảm tạ. *Kính mời*

* Xin liên lạc: **THÁI SINH ÂN**
(832) 372-0288 (cell)
(713) 460-0118 (home)
Email: tauthai@yahoo.com



một bài Thơ Thư Pháp (tác giả Thái Tầu viết)

KHẢO LUẬN



TIẾNG HÁN CỔ với ông đồ ĐỖ CHIÊU ĐỨC

*CHS Phan Thanh Giản
Nguyên GS Trung Học Tân Hưng (Cái Răng)
Nguyên Giảng Viên Hán Văn ĐH KHXHNV (SG)*

LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI



Theo U MINH LỤC của Lưu Nghĩa Khánh đời Tống

(宋·劉義慶《幽明錄》) chép rằng:

Năm Vĩnh Bình thứ 5 đời Hán Minh Đế (Công nguyên năm 62), người đất Diễm (thuộc tỉnh Chiết Giang hiện nay) là LƯU THẦN và NGUYỄN TRIỆU vào Thiên Mục sơn để hái thuốc. Thiên Mục Sơn gồm có Lưu Môn sơn, Tế Tiêm, Đại Tiêm, Phát Vân Tiêm, Ba Tiêu sơn và Liên Hoa Phong quần tụ mà thành, thế núi hiểm trở, phong đỉnh chập chùng, cao nguyên rộng lớn, hoa cỏ rậm rạp xanh tươi, rừng núi bạt ngàn, muôn màu muôn vẻ. Lưu Nguyễn mãi mê hái thuốc, lạc sâu mãi trong rừng hoa thơm cỏ lạ, tới chùng nhìn lại thì trời đã về chiều, bụng lại đói meo. May sao bên triền núi có mấy cây đào mọc theo khe suối, nhằm lúc đào đang chín rộ, bèn hái lấy mấy trái mà ăn đỡ đói, nào ngờ đó là đào tiên, ăn vào ngon ngọt và thơm tho cả mồm miệng, khí lực lại sung mãn, bèn lần theo khe suối mà đi lên, đến một nơi khe nước rộng, trời đất như mở ra một thế giới mới, với hoa thơm cỏ lạ ven bờ, với oanh yến líu lo kêu hót, hai chàng lấy ly ra để mức nước suối uống, thì thấy bên bờ khe đã đứng sẵn 2 nàng con gái tuyệt đẹp, cười mà rằng: "*Hai chàng Lưu Nguyễn sao lại đến muộn thế?*". Bèn thân mật như người quen đã lâu năm, rước 2 chàng cùng về động phủ. Trong động như có trời đất riêng, phòng ốc khang trang tráng lệ, đã thiết bị sẵn 2 phòng hoa chúc, ngọc chuỗi vàng treo, mười phân hoa lệ. Tiệc hoa cũng đã bày sẵn, tiên nữ tới lui tấp nập, cùng mời 2 chàng nhập tiệc với đầy đủ sơn hào hải vị. Xóm đông có các tiên nương cùng mang đến một mâm đào tiên, cười chúc cho hai nàng đã đón được hai chàng rể quý Lưu Nguyễn vừa du nhập Thiên Thai. Tiệc hoa vui vậy, rượu tiên thơm lừng, chưa nhấp đã say, hòa trong tiếng sanh ca hoan lạc, đưa hai chàng cùng vào động phòng với hai tiên tử trong tiếng tiên nhạc du dương ngân ngát!...

Nhưng chỉ quá mười ngày sau, Lưu Nguyễn cùng nhớ quê xin về, hai nàng cố cầm giữ lại, được hơn nửa năm, mặc dù bên mình luôn có người đẹp... như tiên, nhưng khi nghe tiếng Tử Qui gọi Xuân thắm thiết, hai chàng càng nghe lòng nhớ quê mãnh liệt hơn lên và nhất định xin về. Hai nàng đành phải buộc lòng đặt tiệc tiễn hành và chỉ lối để hai chàng về quê với biết bao là tình thương quyến luyến, bịn rịn chẳng nỡ rời xa!...

Về đến làng quê, thấy mọi cảnh vật đều đổi khác, tìm không thấy nhà cửa của mình ở đâu nữa. Hỏi thăm trong họ tộc, thì có một cụ già cho biết rằng: Ông Tổ bảy đời của họ đi vào núi hái thuốc rồi lạc mất đường không thấy trở về. Lưu Nguyễn ở trên Thiên Thai nửa năm, nhưng ở dưới núi đã qua đến 7 đời con cháu. Hỏi ra, thì bảy giờ đã vào năm Thái Nguyên Thứ 8 của đời nhà TẤN rồi (Công Nguyên năm 388) hơn 300 năm sau rồi!. Hai người đành quay trở lại Thiên Thai, nhưng đã không còn tìm được đường lên Tiên động nữa!

Trong những bài thơ vịnh về LƯU NGUYỄN LẠC THIÊN THAI, phải kể đến 5 bài trong ĐẠI DU TIÊN THI của TÀO ĐƯỜNG đời Đường là tiêu biểu và nổi tiếng nhất.

Xin được giới thiệu 3 trong số 5 bài thơ đó cùng tác giả TÀO ĐƯỜNG sau đây

1. SƠ LƯỢC VỀ TÀO ĐƯỜNG.



TÀO ĐƯỜNG tự là Nghiêu Tân, người đất Quế Châu (thuộc Quế Lâm Quảng Châu hiện nay). Không rõ năm sinh và mất. Lúc đầu xuất gia làm Đạo Sĩ, sau ứng thi Tiên Sĩ giữa năm Đại Trung, nhưng không đỗ. Khoảng năm Hàm Phong (860-874) từng sự ở Chư

Phủ. Tào sống cùng thời với La Ẩn 罗隐, tài thơ ngang nhau, Tào thường truy cứu âm mộ tinh tự cao nhã của các bậc thần tiên, nên sáng tác các thiên "Đại du tiên thi 大游仙诗", "Tiểu du tiên thi 小游

仙诗" gồm 50 thiên, tả lại những nỗi bi hoan ly hợp của chư tiên nhân để phổ biến và truyền lại đời sau. Tào Đường lại rất thường gặp La Ẩn để trao đổi Ý kiến về những bài thơ mà mình mới sáng tác.

2. BÀI 1 : LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI

劉晨阮肇遊天台

樹入天台石路新 ·
雲和草靜迴無塵 。

煙霞不省生前事 ·
水木空疑夢後身 ·
往往雞鳴岩下月 ·
時時犬吠洞中春 ·
不知此地歸何處 ·
須就桃源問主人 ·
(曹唐)

LƯU THẦN NGUYỄN TRIỆU DU THIÊN THAI

*Thụ nhập thiên thai thạch lộ tân,
Vân hoà thảo tĩnh quỳnh vô trần.
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự,
Thủy mộc không nghi mộng hậu thân.
Vãng vãng kê minh nham hạ nguyệt,
Thời thời khuyển phệ động trung xuân.
Bất tri thử địa quy hà xứ,
Tu tưu Đào Nguyên vấn chủ nhân.
(TÀO ĐƯỜNG)*

DỊCH NGHĨA:

LƯU THẦN NGUYỄN TRIỆU DU NGOẠN THIÊN THAI

Hàng cây dẫn nhập thiên thai với con đường đá mới, mây hòa quyện lấy cỏ trong thanh tĩnh không vương chút bụi trần. Khói rắng mông lung như không rõ được truyện của kiếp trước, Suối nước và rừng cây cũng mờ ảo như còn ngờ ngợ thân ta như sau cơn mộng寐. Luôn luôn như nghe được tiếng gà gáy ở mõm đá dưới ánh trăng, và như lúc nào cũng có tiếng chó sủa trong động xuân. Không biết là nơi đây sẽ đưa đến nơi đâu, chỉ còn có nước là tìm chủ nhân của xứ Đào Nguyên này mà hỏi !?...

DIỄN NÓM :

LƯU NGUYỄN NHẬP THIÊN THAI

*Cây dẫn nhập Thiên Thai cao vút,
Cỏ mây vương chẳng chút bụi trần,
Yên hà không nhớ tiền thân,
Nước mây luống những băng khuâng mộng hờn.*

Tiếng gà gáy dập dồn trắng tỏa,
Văng vẳng xa chó sủa động xuân,
Đào nguyên dám hỏi chủ nhân,
Rằng đây dân lối xa gần Thiên Thai?

(Đỗ Chiêu Đức)

3. BÀI 2 : THIÊN THAI TỔNG BIỆT

僊子送劉阮出洞

殷勤相送出天台 ·
僊境那能卻再來 ·
雲液既歸須強飲 ·
玉書無事莫頻開 ·
花留洞口應長在 ·
水到人間定不回 ·
惆悵溪頭從此別 ·
碧山明月照蒼苔 · (

曹唐)

TIÊN TỬ TỔNG LƯU NGUYỄN XUẤT ĐỘNG

Ân cần tương tổng xuất Thiên Thai,
Tiên cảnh na năng khước tái lai.
Vân dịch kí qui tu cường ẩm,
Ngọc thơ vô sự mạc tần khai.
Hoa lưu động khẩu ung trường tại,
Thủy đảo nhân gian định bất hồi.
Trừ trưởng kê đầu tông thử biệt,
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài !
(TÀO ĐƯỜNG)

DỊCH NGHĨA:

TIÊN TỬ ĐƯA LƯU NGUYỄN RỜI THIÊN THAI

Ân cần đưa tiễn nhau ra khỏi chốn Thiên Thai, Tiên cảnh biết làm sao còn có thể trở lại đây. Đã quyết định đi về nên phải miễn cưỡng mà uống cạn chén rượu tiễn đưa tiễn (Vân dịch: tên

một loại rượu tiên). Nếu không có chuyện gì thì không nên thường xuyên mở Ngọc thơ ra xem (Ngọc Thơ: Sách của Đạo gia tu Tiên). Hoa lưu lại trước cửa động sẽ còn mãi mãi nơi đây, nhưng nước đã chảy về với dân gian thì chắc chắn sẽ không còn quay trở lại được nữa. Bịn rịn mãi ở đâu khe suối nơi mà từ đây đành cách biệt, chỉ còn tro lại vàng trắng bạc trên đỉnh núi biếc chiếu lên đám rêu xanh!

DIỄN NÔM :

THIÊN THAI ĐƯA TIÊN

*Ân cần tiễn biệt rời tiên động,
Cảnh tiên thôi hy vọng trở về,
Chén đưa luống những nào nề,
Ngọc thơ vô sự chẳng hề mở đầu!
Hoa trước động luôn sâu mong nhớ,
Nước xuôi dòng biết thuở nào về,
Chia tay lòng những tái tê,
Rêu xanh núi biếc trắng thề luyến lưu!*

(Đỗ Chiêu Đức)

4. BÀI 3 : TÁI ĐÁO THIÊN THAI



Tạo dáng trong phim và tượng của NGỌC CHAN CONG CHUA (*)

劉阮再到天台不復見仙子

再到天台訪玉真，
青苔白石已成塵。

笙歌寂寞閑深洞 ·
雲鶴蕭條絕舊鄰 ·
草樹總非前度色 ·
煙霞不似往年春 ·
桃花流水依然在 ·
不見當時勸酒人 ·
(曹唐)

LƯU NGUYỄN TÁI ĐÁO THIÊN THAI BẤT PHỤC KIẾN TIÊN TỬ

Tái đảo Thiên Thai phỏng Ngọc Chân,
Thanh đài bạch thạch dĩ thành trần.
Sanh ca tịch mịch nhàn thâm động,
Vân hạc tiêu điều tuyệt cự lân.
Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,
Yên hà bất tự vãng niên xuân.
Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,
Bất kiến đương thời khuyến tửu nhân.
(TÀO ĐƯỜNG)

DỊCH NGHĨA:

TRỞ LẠI THIÊN THAI KHÔNG GẶP ĐƯỢC TIÊN NỮ

Trở lại Thiên Thai để tìm gặp Tiên nương (Ngọc Chân: chỉ chung phái nữ tu thành tiên). Chỉ thấy rêu xanh và đá trắng đều hóa thành tro bụi cả rồi. Trong động sâu đã vắng vẻ không còn tiếng sanh ca như ngày nào, hàng xóm cũng vắng tanh tiêu điều như mây hạc bay xa. Cỏ cây hoa lá không còn vẻ hương sắc của ngày xưa, yên hà mây khói cũng không còn nhuốm sắc tươi như mùa xuân cũ. Hoa đào nước cuộn cũng vẫn còn đó như trước kia, chỉ có người chúc rượu đưa tiền năm xưa thì không còn tìm đâu thấy nữa!

(*) NGỌC CHÂN: là Công Chúa Ngọc Chân 玉真公主, tên là LÝ TRÌ DOANH 李持盈 (692-762), cháu nội của Võ Tắc Thiên đời Đường. Theo Đạo Giáo xuất gia làm đạo cô, lấy hiệu là HUYỀN HUYỀN, đắc đạo thành tiên, nên thường dùng để chỉ chung cho các nàng tiên nữ.

DIỄN NÔM:
TRỞ LẠI THIÊN THAI

*Quay trở lại Thiên Thai chốn cũ,
Đá rêu xanh đã phủ bụi trần,
Sanh ca vắng vẻ động xuân,
Tiêu điều mây hạc xóm gần làng xa.
Cổ cây cũng nhạt nhòa hương sắc,
Yên hà như cũng nhắc xuân thừa,
Hoa đào nước cuốn như xưa,
Đâu người chuốc rượu tiễn đưa đạo nào !?*

(**Đỗ Chiêu Đức**)

t h o

ĐẶNG KIM CÔN
tâm h½ng

*Giỗ Ba này con không về
Bàn thờ Ba dựng giữa mê tình đời
Bóng Ba lồng lộng đỉnh trời
Nghe côn kiếm xếp xú người quất quay
Dâng hoa trời ngát mây bay
Bơ vơ mấy giọt lệ cay xuống lòng
Thấp tâm hương giữa vô cùng
Hu vô toả si muôn trùng nhớ thương
Khói không màu, khói không hương
Khói thanh tịnh tới thiên đường quanh Ba
Lung linh gần, mệnh mỏng xa
Ở đâu xin cũng là nhà Ba xưa.*

3-2009

[trong **Đề Trăng Khuya Kịp Rót Đầy Sớm Mai**
thơ - Thư Ấn Quán xb 2011]





ĐÁM RƯỚC

[truyện ngắn Gilbraltar]

***TRẦN HỒNG VĂN**

phóng tác.

HỌ nói với tôi là tôi đã nằm bất tỉnh suốt hai ngày rồi. Mẹ bè trên quản đốc bệnh viện cũng đã làm hết sức để cho tôi được thoải mái cũng như các sơ chăm sóc tôi thật là tử tế. Ánh nắng ban mai xuyên qua cửa sổ, chan hoà trong căn phòng, nhiều bình hoa đủ loại để trên bàn, trên nóc tủ. Mọi người vào thăm tôi đều tươi cười và nói là ý Chúa mong muốn tôi bình phục và hoạt động bình thường trở lại sớm. Chẳng một ai hỏi tôi một lời về việc gì đã xảy ra. Dù gì đi nữa, mọi người đều hiểu đó là việc chẳng nên bàn tới và ít nhất là tránh cho người lính gác lúc nào cũng ngồi sát bên chiếc cửa ra vào nghe thấy.

Hắn ta còn rất trẻ, tờ báo luôn trên tay với nét chán chường lúc nào cũng hiện trên bộ mặt keng trai. Hắn hút thuốc không ngừng dù rằng đó là việc trái với luật lệ của bệnh viện, nhưng mà ai dám nói ra cho hắn biết. Quần áo gọn gàng, sạch sẽ giống như bao nhiêu thanh niên trẻ tuổi khác nhưng chắc hắn là có giấu khẩu súng trong đó. Tôi chưa lần nào thấy hắn nhìn tôi cả. Với anh ta, tôi chỉ là một nhà tu già nua lụm khụm, chẳng có gì phải đáng quan tâm, chẳng yêu mà cũng chẳng ghét. Thái độ này cũng giống như những người trẻ tuổi trong lực lượng đối nghịch. Chẳng có khoảng nào trong tâm hồn của họ dành cho Chúa. Nhưng những việc xảy ra cho xứ sở khốn khổ này thì ai chịu trách nhiệm đây?

Cuộc thẩm tra sẽ bắt đầu khi tôi bình phục. Tôi không nghĩ là họ dám dùng áp lực mạnh. Có thể tôi sẽ qua được cơn đau tim trong cuộc thẩm tra này, nhưng lại còn nhiều phương pháp khác nữa. Họ không muốn tôi chết. Phải tinh táo, ăn nói mạch lạc. Ngoài ra còn Đức Tổng Giám Mục cũng bị rắc rối nữa. Họ biết là

không hề có việc mất lòng tin yêu giữa lực lượng võ trang dân quân chống đối với nhà thờ nhưng Đức Ông lại hữu dụng cho họ nên họ không muốn chọc giận Ngài. Ngài không xía vào chuyện chính trị của họ, Ngài lại có nhiều ảnh hưởng trên nhóm quan chức quan trọng trong chính quyền. Còn tôi thì chỉ là một tu sĩ trong một tu viện cổ nằm giữa vùng đồi núi chập chùng nhưng không xa thủ đô bao nhiêu.

Cho dù là cuộc tra hỏi thẳng thắn nhưng mà là một cực hình cho tôi. Nếu tôi không nắm được những điều quan trọng thì thật là nhẹ nhõm, nhưng trái lại tôi mang trong người những tin tức mà họ thiết tha muốn biết. Tâm hồn tôi nặng trĩu về vấn đề đạo đức: Tổ cáo hay che giấu? Đầu óc tôi điên đảo, rối mù.

Khi cánh cửa phòng đọc sách mở ra, tôi ngăn người vì có khoảng trên hai mươi người đã ở trong đó. Tất cả đều mang mặt nạ, trang bị súng tiểu liên. Hết từ ngạc nhiên này sang ngạc nhiên khác. Làm sao những người này vào đây được? Còn việc họ là ai thì cũng dễ hiểu thôi: Tin tức về hoạt động của toán dân quân kháng chiến trong vùng núi đồi này lan truyền nhanh chóng mặc cho việc tuần tra, ngăn chặn gặt gao của chính quyền. Điều ngạc nhiên nữa là di chuyển một lực lượng đông đảo như thế này tới tu viện vào ban ngày là một việc khó thực hiện. Tu viện nằm đơn độc trên một ngọn đồi, một đài phát thanh của chính phủ với lực lượng bảo vệ hùng hậu chỉ cách có nửa cây số, giữa tu viện và đài phát thanh lại không có gì chắn ngang tầm nhìn.

Một người cao lớn, có lẽ là thủ lĩnh của nhóm dân quân lên tiếng:

- Thưa cha, cha hãy nghe kỹ đây: hãy làm những gì tôi nói thì không việc gì xấu xảy ra cho những người trong tu viện này cả.

Giọng nói đồng dục như một mệnh lệnh đọng lại giữa bầu không khí đặc quánh trong căn phòng, tuy vậy hơn hai mươi họng súng chĩa về phía tôi còn có sức mạnh hơn cả lệnh trên gấp ngàn lần.

Thấy tôi đứng sững như trời trồng, hắn nói tiếp:

- Hãy ngồi xuống và lấy lại bình tĩnh, thưa cha. Đừng có lẫn lộn lại gây ra hiểu lầm. - Tôi vâng lời một cách máy móc, cố gắng suy nghĩ và quan sát thật minh bạch. Có hai chiếc thùng lạ để ở dưới sàn nhà không thuộc về vật dụng trong phòng này. Dây điện

thoại trên chiếc bàn làm việc của tôi bị cắt và giữa bức tường có một lỗ hổng lớn.

Thấy tôi ngạc nhiên, tên thủ lĩnh cười khan:

- Vàng, thưa cha, đó là tác phẩm của chúng tôi. Chúng tôi làm lối vào từ ngôi mộ giả trong khu nghĩa địa ở ven rừng đó.

Từ lâu tôi đã đọc được lịch sử tòa tu viện cổ này. Sách có ghi chép là tu viện có một con đường hầm bí mật được xây vào thời tôn giáo bị ngăn cấm, các tu sĩ bị bức hại, nhưng tôi chẳng bao giờ muốn tìm hiểu hay khám phá ra tính xác thực của câu chuyện này. Vấn đề là làm sao toán đố kích này lại biết sự bí mật trên?

Tên thủ lĩnh lên tiếng:

- Chúng ta không cần tốn thời giờ nữa. Hiện thời các tu sĩ kia ở đâu?

Tôi trả lời:

- Họ đang tụ tập trong phòng hội. Chúng tôi có buổi rước kiệu lúc ba giờ. Đó là buổi lễ hàng năm sùng kính Đức Mẹ với nhiệm vụ vòng đồi núi này.

- Mọi người đều tham dự buổi rước này à?

- Vàng, đúng vậy.

Hắn hất đầu làm một dấu hiệu. Hai người trong bọn tiến về phía cửa ra vào. *"Hãy kiểm soát mọi ngõ ngách và để ý xem có đường dây điện thoại nào nữa không"*.

Tôi tò mò hỏi:

- Các con định làm gì vậy?

Hắn bước về phía cửa sổ:

- Cha đừng lo gì cả, tất cả các tu sĩ trong tu viện đều an toàn.

Cảnh đồi núi chập chùng trước mắt, lấy ngón tay chỉ về phía trước hắn nói tiếp:

- Nhìn kia, cái đài phát tuyến đó. Ngày đêm nó phát ra những lời tuyên truyền dối trá tới mọi nơi, lừa dân quê về thành phố, đem những lời phỉnh gạt như là đời sống giàu có, lương cao, tặng tiền thưởng thật lớn cho ai tố cáo các hoạt động của kháng chiến quân, phun nọc độc nói xấu các lãnh tụ kháng chiến...

Tôi liếc nhìn hai chiếc thùng để ở dưới sàn nhà. Chắc là chất nổ ở trong đó chứ không sai. Nhưng làm sao họ có thể...

Hắn ngưng nói khi cánh cửa phòng bật mở. Tất cả các tu sĩ được hai người dân quân dẫn vào. Mọi người có vẻ ngạc nhiên

hơn là sợ hãi. Viên thủ lãnh mở cánh cửa thư viện thông với phòng đọc sách rồi quay nhìn mọi người ra lệnh:

- Tất cả vào đây.

Vài tu sĩ quay nhìn về hướng tôi rồi tất cả đi vào thư viện như một đàn cừ. Giọng viên thủ lãnh lại vang lên:

- Bây giờ tất cả cởi áo choàng ra.

Rồi tôi nghe thấy một giọng hải hươc:

- Véo vậy mà không đau à? Lay Chúa tôi, khát nước quá đi.

Các kháng chiến quân từng người một đi vào thư viện. Họ hơi khó khăn choàng những chiếc áo màu nâu mà các tu sĩ vừa cởi ra vào người. Khi tất cả đã ăn mặc gọn gàng, viên thủ lãnh bước ra. Đợi cho đám đồng bọn ra hết mới khóa cánh cửa thư viện lại rồi đặt chiếc chìa khóa lên bàn.

- Cha có thể thả họ ra khi mọi việc xong xuôi. Một người của tôi sẽ cùng với cha ở đây. - Hẩn liếc nhìn đồng hồ. - Mình còn mười lăm phút nữa. Bây giờ tập trung tại phòng hội.

Cả toán quân lần lượt bước ra khỏi phòng ngoại trừ một người ở lại. Vũ khí của họ được giấu trong những chiếc áo choàng rộng thùng thình. Viên thủ lãnh đi sau cùng. Ngoái nhìn lại tôi, hắn nói:

- Nếu may mắn thì sẽ gặp lại cha khoảng một giờ nữa nhé.

Khi tên canh chừng tôi có vẻ lơ là, tôi đứng lên nhìn qua khung cửa sổ, hướng về phía chiếc cột của đài phát tuyến. Chỉ trong ít phút nữa thôi, tất cả sẽ thay đổi ghê gớm. Tôi kêu khẽ: "Chúa ơi ..."

Hơn một trăm năm trước, một tu sĩ già đi kiếm củi trong rừng bên đã thấy Đức Mẹ vô nhiễm hiện lên. Từ đó như một thông lệ, hằng năm tu viện tổ chức buổi rước kiệu nhỏ đi qua nơi vị tu sĩ gặp Đức Mẹ để kỷ niệm biến cố kỳ diệu này.

Hơn chục năm trước, sau khi cuộc đảo chánh với nhiều xáo trộn xảy ra, một trạm phát thanh được thành lập. Để cho tiện, trạm này được xây dựng ngay cạnh đường giao thông chính, cửa chính chỉ cách đoàn rước kiệu đi qua chỉ khoảng mười mét. Toán lính gác thường mệt mỏi nhìn chúng tôi đi qua, đôi khi còn chọc ghẹo nữa.

Không còn nghi ngờ gì về chủ tâm của nhóm dân quân kháng chiến này nữa. Điều nghi ngại nhất là họ có khôn khéo đủ để đóng trọn vẹn vai trò những thầy tu khiến cho toán canh không nghi ngờ mà thôi.

Gõ nhẹ lên bàn làm dòng suy nghĩ của tôi bị đứt quãng, anh lính gác hỏi:

- Thưa Cha Tu Viện Trưởng, cha không sao chứ. - Nói rồi anh ta bước lại gần cửa sổ nhìn ra ngoài. Bất chợt anh ta quát khê:

- Im lặng, tránh ra khỏi chỗ này ngay!

Trong khoảng giây phút im lặng kế tiếp khi ngồi im bên chiếc bàn làm việc, nghĩ tới cảnh tượng chém giết nhau giữa hai toán thanh niên tràn đầy sức sống ngoài kia khiến tim tôi quặn đau, tôi muốn nôn mửa.

Ave Maria con dâng lời chào mẹ

Ave Maria con dâng lời chào mẹ

Khi tàn màu nắng chiều

Và khi sương đêm nặng gieo ...

Trong một thoáng tôi tưởng như các tu sĩ trẻ tuổi của tu viện đang say sưa hát lên những lời ca ngợi Đức Mẹ. Nhưng không, tiếng hát từ bên ngoài vọng lại.

Con hân hoan lời ca mừng: Ave Maria

Maria Mẹ dịu dàng, xin nghe lời con cầu khẩn:

Cho nhân dân được mau thoát ách quỷ thần ...

Tôi thấy mặt anh lính gác tôi hơi cau lại thì vội đứng bật dậy nhìn qua cánh cửa sổ. Ngoài kia, trên con đường ngoằn ngoèo, đoàn rước kiệu giả mặc áo nâu đang chậm chậm di chuyển như con sâu đang bò. Những chiếc mũ trùm đầu che kín mái tóc lính và mặt nạ, bước chân chậm rãi và tiếng hát trang trọng dù rằng hơi khan nhưng cũng vang vọng trong cái yên tĩnh của vùng núi đồi này.

Maria Mẹ ơi, hồn con héo úa rã rời

Con trông lên Mẹ dịu dàng

Ôi Sao Mai bừng sáng

Maria tình thương ...

Nhưng... làm sao những dân quân kia lại thuộc lâu lâu lời thánh ca như vậy được? Như một ánh chớp lóe trong đầu, chỉ một thoáng rồi tắt lịm, tôi liên tưởng là phải có một mối liên quan tới viên chỉ huy cao lớn kia, tới bí mật của đường hầm từ tu viện ra tới ngôi cổ mộ giả cũng như sự thành thạo của hắn khi mở cánh cửa phòng làm việc của tôi với thư viện. Có phải là việc tình cờ ngẫu nhiên không? Tôi mong là như vậy bởi vì nếu tôi đoán đúng thì mọi việc chỉ làm tôi khổ sở thêm mà thôi.

Chúa ơi! Tôi phải nằm trên giường suốt ngày. Ngay cả việc ngồi dậy các sơ cũng không cho nữa. Tôi chẳng có việc gì làm mà chỉ nằm mà suy nghĩ thôi. Tâm trí tôi quanh quẩn về biển cố ghê gớm xảy ra ngày hôm đó. Trong suốt cuộc đời tôi, bất cứ cuộc tàn sát hay hung bạo dưới bất cứ hình thức nào đều đáng nguyên rủa. Với suy nghĩ là không muốn cuộc đời mình vô dụng, đó có thể là động lực chính khiến tôi xin vào tu viện này. Và... đó là con đường Chúa đã dẫn dắt tôi.

Eve Maria con dâng lời chào mẹ

Khi lòng con gặp u buồn

Và trong cơn đau triển miên ...

Giờ đây lời kinh cầu của đoàn rước kiệu lại thoang thoảng trong tâm trí tôi như một làn hơi thật mỏng, như thực như ảo. Trò chơi đáng sợ, phải, một trò bắt chước khôi hài giễu cợt kia không thể không nghĩ tới việc làm cho người nào đó bùng tinh, dù trong chốc lát, một ý nghĩ thánh thiện và rồi chỉ một lát sau người đó sẽ trở thành xác chết vô hồn. Tim tôi đau quặn khi nghĩ tới việc tử thần đang từ từ tiến lại gần họ. Tôi có thể trông thấy hình ảnh thật rõ ràng toán lính canh súng đeo trên vai đứng bên hàng rào kẽm gai của trạm truyền thanh lơ đãng nhìn đám rước kiệu đang tiến lại gần. Tôi đang nhìn họ ở trong giây phút cuối cùng trước khi chết. Tôi hoàn toàn bất lực, không thể ngăn cản được chiếc máy đang được vận hành một cách chậm chạp, thật chậm chạp... Khi đám rước tới gần cổng chính, họ lại cất cao giọng lời kinh cầu:

Ave Maria con dâng lời chào Mẹ

Khi trời ngập nắng hồng, bình minh êm vui trời đông

Con hân hoan lời ca mừng: Ave Maria.

Khung cảnh an bình giữa cảnh trí đơn giản chốn đồng quê trộn lẫn với lời thánh ca bắt chợp biến thành một cảnh tượng ghê gớm: Những khẩu súng đen ngòm lộ ra ngoài những chiếc áo choàng màu nâu trên người đám tu sĩ giả hiệu trong đám rước, tiếp sau đó là những tràng súng ròn rã biểu tượng cho lời reo hò của thần chết, những thân hình nhuốm đầy máu tươi ngã gục xuống trên mặt còn vương những nét sừng sốt.

Tôi co người lại rồi đứng bật dậy. Hai tay ôm lấy hai tai như không muốn nghe những lời reo hò và kêu la ghê gớm ngoài kia. Các tu sĩ bị nhốt trong thư viện đập cửa rầm rầm:

- Cha Tu Viện Trường... Cha Tu Viện Trường... Việc gì xảy ra vậy?

Tên lính gác đang bận rộn theo dõi những diễn biến bên ngoài nên không chú ý tới họ, còn tôi thì sợ là sẽ ngã gục xuống nếu cất câu trả lời. Tên lính gác lâm bâm:

- Họ sẽ thành công, sẽ diệt hết bọn đó mà.

Thế rồi sau một lúc, như vỡ kịch ở hồi nghỉ giải lao, một cái im lặng ghê rợn bao trùm lấy vạn vật. Người lính gác như nói với chính hắn:

- Họ rút lui.

Tôi tiến lại bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Toán tu sĩ giả lưng đeo súng xuất hiện trên đường cái, họ đang đi một cách không trật tự và rất nhanh. Sau đó một loạt tiếng nổ phát ra phía trong trạm phát thanh, rồi một loạt tiếng nổ lớn hơn nữa, tiếp theo là những làn lửa xẹt ra rồi hai cột phát tuyến đổ gục lên nhau như hai thân cây bị đốn vậy.

Hôm nay có một người to béo mang đôi kính đen đến gặp tôi. Chẳng khó khăn gì cũng đoán được đó là nhân viên mật vụ. Tôi giả bộ ngủ và loáng thoáng nghe thấy Mẹ bẻ trên đang khó khăn thuyết phục ông ta là việc tra hỏi tôi lúc này chưa thích hợp.

Tôi có nhiều thì giờ để cân nhắc về sự khám phá của tôi với những hệ lụy của nó. Khoảng mười năm trước, Fray Esteban từ chủng viện tới tu viện này. Đó là một thanh niên trẻ tuổi mà tôi có cảm tình với anh ta ngay từ đầu. Tính tình thật thà, thông minh, chăm chỉ lại ưa đọc sách. Tôi đưa ra ý muốn sắp xếp lại sách trong thư viện theo thứ tự và đề mục. Anh ta không phản đối và âm thầm hoàn tất công việc. Những suy nghĩ của anh ta có vẻ cấp tiến hơn mọi người trong tu viện này, lại không bao giờ phản đối hay làm phật lòng ai và nhất là không tỏ vẻ khinh khi bất cứ tu sĩ nào. Tôi nhớ lại có lần hỏi tại sao lại chọn cuộc sống trong tu viện, anh ta trả lời:

- Con cần thời gian đọc sách và suy nghĩ. Đời sống ngoài kia vội vã quá, con cần tìm hiểu xem đường nào là đúng trước khi có một quyết định.

Tôi rất mừng. Còn trẻ mà có suy nghĩ chín chắn và không có những lầm lỗi của tuổi trẻ, anh ta cũng nhận những điều làm không phải là do thiếu kinh nghiệm, đó là con đường dẫn tới sự

toàn hảo. Theo nhận xét của tôi thì anh ta không thuộc về ngôi tu viện cổ kính và quê mùa này. Một ngày nào đó anh ta sẽ là một người trong hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo. Sau khi đã ở đây được hai năm, tôi cũng không ngạc nhiên khi được tin anh ta sẽ rời nơi này vì được một học bổng theo học tại một trường đại học ngoại quốc. Sau đó tôi thất vọng biết bao vì chẳng biết tin tức gì của anh ta trong những năm sau đó. Có lẽ anh ta đã tìm ra một đường đi đúng nhất trong việc thờ phụng Chúa và phục vụ nhân loại tại một nơi xa xôi nào đó. Hơi thất vọng, người ta thường nói là lòng nhân ái nên bắt đầu từ ngay nơi đây và Chúa cũng biết là đất nước khôn khổ này cần những người như vậy.

- **Đ**i xuống dưới nhà.

Người lính gác quơ cây súng. Chúng tôi sợ hãi đi xuống rồi ngồi trong phòng hội, một lát sau những tu sĩ giả mạo ủa vào như đàn thú chen nhau đi vào chuồng. Họ ngồi hay nằm thõ đốc, vài người còn có những vết máu vậy trên chiếc áo choàng. Thay vì ngồi hay nằm như những người khác, viên chỉ huy đứng thẳng như không bị thương tích gì và bắt đầu đếm. Dù cho không biết bao nhiêu người tham gia vào đám rước kiệu tôi cũng biết có vài người vắng mặt.

- Ta phải đi nhanh. - Hấn nghiêm nghị ra lệnh. - Còn phải băng qua cánh rừng nữa.

Tôi bị người lính gác đẩy đứng sát vào tường. Quang cảnh hiện ra trước mắt như đang ở trong cơn ác mộng. Máu loang lổ trên trần nhà, những người bị thương đang được đồng bọn băng bó và viên chỉ huy như có sức chịu đựng bền bỉ của một siêu nhân, di chuyển từ nhóm này sang nhóm khác như để tiếp sức cho họ: "*Cố lên, bạn. Cố lên, nào... nào...*". Rồi từng người một gương đứng lên. Cuối cùng nhận ra tôi đang đứng nhìn, hấn tiến lại gần:

- Thừa Cha, xin lỗi đã đưa đến tình trạng như thế này. Coi không được chút nào nhưng không còn cách nào khác hơn để chống lại sự áp bức và bất công.

Đứng đôi mắt và nghe giọng nói của hấn rõ ràng hơn, tôi không còn nghi ngờ gì nữa. Rồi tôi làm một việc ngu xuẩn nhất trong đời khi khẽ nói:

- Có phải con là Fray, Fray Esteban?

Hắn im lặng và cũng không tỏ một cảm xúc nào. Bây giờ tôi thấy mọi người im lặng. Trong cái im lặng và căng thẳng này, sự nhận diện trên chẳng khác gì bản án tử hình dành cho hắn. Chợt nhận ra câu hỏi ngu xuẩn trên có thể mang đến những hậu quả không lường cho toán dân quân, tôi muốn rút lại nhưng đã quá trễ. Bây giờ tôi biết là chỉ còn trông cậy nơi Chúa thôi.

Hắn nhìn tôi với đôi mắt sâu thẳm:

- Vâng, thưa cha. Con biết là cha đã nhận ra con. Chúng con phải làm như vậy vì không còn cách nào khác.

Một người trong bọn tiến lại gần, khẩu súng chĩa thẳng vào người tôi. Nhưng Fray đã nhanh nhẹn gạt nòng súng sang một bên, miệng quát lớn:

- Không.

Nét mặt người nọ căng thẳng, đôi mắt long lên:

- Ông ta sẽ cho bọn khốn đó biết chi tiết về gia đình anh...

Mẹ và những người thân của anh. Anh biết là hậu quả như thế nào rồi chứ?

- Không! Ông ta không biết gì cả. Không biết gì về gia đình tôi cũng như của tất cả mọi người chúng ta. Đây là quyết định của tôi.

Nhìn tôi với ánh mắt rực lửa một lát, người đó dậm chân trên sàn rồi quay trở lại chỗ ngồi, miệng lẩm bẩm câu gì như: "*Tên tu sĩ tay sai*". Đôi mắt đen láy của Fray dưới chiếc mặt nạ vẫn chăm chú nhìn tôi rồi quay lại hỏi hã ra lệnh cho đồng bọn triệt thoái. Tôi lẳng lặng nhìn họ từng người một ra khỏi phòng hội. Fray đi cuối cùng. Ra tới cửa, hắn dừng chân rồi quay lại nói với tôi:

- Thưa cha, con để cho lương tâm cha quyết định mọi việc đó.

Rồi hắn biết mất và tôi run lên như chiếc lá dưới ngọn cuồng phong.

Hôm nay tôi thấy khỏe. Cuộc tra khảo như tới gần hơn và tôi ngày đêm phải vật lộn với vấn đề lương tâm. Nếu tôi giữ im lặng có nghĩa là tôi che giấu một người đã quay lại Chúa, mang đến sự tàn bạo, máu chảy thịt rơi. Còn nếu tôi khai báo ra thì tôi đã phản bội lại lòng tin, lòng tin của một người mà lương tâm của người đó không cho phép người khác giết tôi. Tôi bị giằng co giữa bây quý này với bây quý kia, giữa sự tàn nhẫn được ngụy trang

bởi thế lực của nhà cầm quyền và sự tàn khốc của nhóm dân quân kháng chiến.

Cuối cùng tôi đã có một quyết định. Tôi sẽ nói tất cả những mà điều họ muốn biết, mọi chi tiết của trận tấn công vừa qua mà tôi đã được chứng kiến. Tôi sẽ cho họ biết người lãnh đạo toán dân quân đó là một người cao, mang mặt nạ mặt. Nhưng Chúa ơi hãy giúp con, tôi sẽ không bao giờ khai báo về tông tích của Fray cả.

* TRẦN HỒNG VĂN

Tác Giả: Những truyện ngắn của E.G. Chipulina được dịch sang nhiều thứ tiếng và rất phổ biến tại Âu Châu, Mỹ Châu và Nam Mỹ. Là một nhà văn chuyên nghiệp với lòng yêu thích Sử Học, tác giả cũng đam mê văn học và ngôn ngữ học, ông cũng viết nhiều sách và truyện ngắn cho thanh thiếu niên.

PHŨM CÂY TRÂM

th₁₃½ng ti^ac m^ut b^on tù (*)

*Anh hãy nằm đây gói núi xanh
An nơi vĩnh cửu mảnh đời tranh
Một manh chiếu rách đời yên giấc
Vài vắt cơm thiêu bạn cúng anh
Vinh nhục còn chi nay nhắm mắt
Thua hơn nào nữa lúc lia trần
Giờ hương thuốc đốt, bia thanh gổ
Vị quốc lòng đau việc chẳng thành...*

(*) Trung tá XUÂN chết trong biệt giam ở Đổng Mộ. Tôi và anh Dương Lễ theo lệnh Ban Trại khiêng ảnh và chôn nơi đời tranh dưới chân núi canh Trai. Chúng tôi có xin 2 cán bộ dẫn giải vào nhà bếp lấy vắt cơm đem qua và vấn điều thuốc rê đốt lên thay hương đèn cúng ảnh. Cũng không quên lấy thanh gổ ghi tên cùng ngày tháng năm mất làm bia tạm cho biết.

PHẠM CÂY TRÂM

[trích VÙNG ĐẤT HẦM - Tiên Lãng Trường Hận Ca (tr 101)
Trẻ xb - Nhân Thìn 2012]



NGUYỄN VĂN SÂM

CÓ MỘT THỜI TÌNH NGƯỜI QUÁ LẠT

1.

Gữ thói quen đi bộ từ tung bưng sớm bảy lâu nay ở bên đó, Già Phát thức dậy ngay từ khi ánh sáng đầu ngày mới le lói ở cuối chơn trời đương cố gắng vươn tay qua những chòm cây còn ướt sương trên cành lá. Già đi qua xóm chợ, rẽ xuống bờ sông ngang trước mặt ngôi nhà kỷ niệm của người thương khách từng là tình nhơn của một nữ sĩ Pháp sanh trưởng ở Việt Nam mà cuộc đời được quay thành phim ăn khách mấy năm về trước. Ngôi nhà xưa, cổ kính nhưng đồ sộ, vững chắc, im lìm trong giấc ngủ, tương phản với sự nhếch nhác, rộn rịp của quán lều chứa đồ của bạn hàng mang đủ thứ thập vật đến từ trong đồng gân đó hay các đồ máy ghe máy ở tuốt mút thiệt xa. Già thích quan sát cũng như thích hòa mình với cuộc sống của dân quê lao động nên thông thả đi dạo chợ sớm, cái cảnh nhộn nhạo của buổi hừng đông coi vậy mà hấp dẫn vô vàn với Già.

Già chú ý đến một ông lão lớn hơn mình chừng 5, 10 tuổi gì đó, khó đoán được vì khuôn mặt khắc khổ nhăn nheo như hầu hết



người nghèo khó ở vùng quê, đương ngồi trước mái hiên một gian hàng chưa mở cửa, bên cạnh một bó chổi tàu cau. Ông già méo mặt ngó xuống cái chum đương bị chảy máu do bị xe đụng chừng đầu năm mười phút trước.

Máu từ vết thương vẫn ròng ròng, ông lão ngó quanh quát tìm một thứ gì đó có thể lau máu. Già Phát lên tiếng:

“Anh kiếm xin miếng vải sạch sạch mà lau, xài giẻ hay giấy dơ thà rằng đừng xài. Nguy hiểm lắm.”

Ông lão ngược mắt lên ngó Già rồi vẫn quơ đại đùa một chút giấy báo lãn lóc dưới đất trước mặt, lau chỗ vết thương, chép miệng:

“Cũng phải lau đỡ thôi. Không có thứ gì sạch hơn. Cái thằng ác ôn, sáng sớm mà chạy mau quá mạng, đụng mình rồi còn sừng sộ. Thôi nhịn nó, lo cho thân mình tốt hơn là chửi bới, gây gổ...”

Một người đàn bà đẩy cửa tiệm bước ra, ngó xéo qua ông lão rồi đuôi xô nặng nhẹ nào là sáng sớm máu dơ xui xẻo, nào là để bó chổi choán chỗ không cho bà mở cửa tiệm...

Ông lão vác bó chổi lên vai. Hơi cồng kềnh chút đỉnh nhưng cũng không nặng bao nhiêu, bước đi khập khểnh. Già Phát động tâm, hỏi:

“Anh bán tới chừng mấy giờ thì hết bó chổi này?”

“Làm sao biết được? Thường thì tới trưa, chợ vừa tan tan thì cũng hết.”

“Được chừng bao nhiêu tiền?”

“Ôi, chừng trăm ngàn chứ bao nhiêu. Mần từ chiều hôm qua tới khuya lơ khuya lác mới được bi nhiêu đó. Bán hết thì có chút đỉnh. Mà bữa nay bị xe đụng chắc là đi không được, đành chịu ế!”

Già Phát thò tay vô túi. Hai tấm giấy năm trăm ngàn mới bỏ vô trước khi ra khỏi khách sạn để phòng đập bể trứng gà trứng vịt của người ta vẫn còn đó. Già kín đáo xếp chúng lại bằng mấy ngón tay vẫn thọc trong túi.

“Thôi anh lấy đỡ chút này, bữa nay anh đi thẳng về nhà lo thuốc men, đừng bán nữa. Mớ chổi đó dành cho tuần tới.”

Cặp mắt ông lão tròn vo, tương chừng như Tiên, Phật hiện ra giúp mình. Già Phát thấy vui vui trước sự ngạc nhiên vui mừng đó của người đối diện. Một triệu đồng bằng năm chục đô. Mình cũng chẳng nghèo hơn khi đưa số đó cho người cần, nhưng chắc chắn mình giàu hơn về mặt tình cảm vì đã biết buông bỏ, chia sẻ.

Ông lão bán chổi gật đầu chào Già Phát hai ba lần nữa rồi cả thọt bước đi. Chợ sớm vẫn ồn ào nhưng Già Phát không nghe gì hết, chỉ thấy lòng mình rộn rã một niềm vui. Ngoại vật như tan biến hết thấy, chỉ còn là một tĩnh lặng thơ thới Niết Bàn mà Già Phát là một người đương ở bên trong.

2. Trời Sài Gòn nắng chang chang, không khí đương nhảy múa luân vũ mà Già Phát phát lạnh từ đầu tới từng ngón cẳng. Già chưa biết phải phản ứng làm sao cho đúng. Đánh lộn tới sứt đầu mẻ trán thì nguy hiểm quá mà chưa chắc ăn. Chạy kêu được công an tới thì chắc mèm là nó đã rời khỏi địa bàn rồi. Cũng có thể tụi nó ăn chịu hay có những lý do mà mình lạ nước lạ cái không thể nào cãi lý được. La lớn để cầu may có người tới giúp thì bảo đảm dân tò mò bu coi thừa cơ giựt hốt thì nhiều mà kẻ giúp đỡ thì chưa chắc đã có mống nào. Đành bó tay thôi. Răng Già Phát đánh bò cạp, chun Già Phát run run như đứng không vững. Muốn nói xin lại chút tiền thì cũng nói không thành tiếng. Người đàn bà trẻ đầu áp tay gói với Già cả năm nay giờ coi bộ xèn lên, làm thỉnh như là muốn ngó chỗ khác để cho qua tang lè.

Già áp ứng:

“Đâu... em nói coi chuyện ra làm sao mà tây huầy như thế này? Cậu này là ai vậy?”

Em không trả lời, chỉ vắn tắt như mọi khi:

“Còn hỏi?”

Rồi em ngó qua thẳng nhóc. Thẳng nhóc trừng mắt bậm trợn với Già:

“Cha già chúa Ôn, cụp pha xuống đi. Ngó gì? Móc mắt cho thành Đồ Chiểu bây giờ! Còn không chịu biền nữa, hay là đợi ăn dao?”

Vừa nói nó vừa ngồi xuống, bộ tịch tự tin, hai tay móc ra hai con dao Thái Lan dài sọc kẹt đầu sẵn trong nách, dẫn mạnh lên bàn. Em giựt mình thụt lùi vô vách, lấy tay che miệng, sợ hết vía.

Già Phát từ tốn:

“Thì cậu cũng đưa trả lại cho tui chút đỉnh chứ kiểu này thì kẹt quá. Tiền đâu tui chi trả này nợ những tháng ngày sống ở đây?”

“Trả cho mấy dao thì có. Ông già mượn vợ tui cả năm nay thì ai trả thiệt thòi cho tui đây. Quân thảo nó đã đòi rồi, còn ức

hiếp gì nữa. Bao nhiêu đó còn quá rẻ. Trả bằng mạng già mới xứng. Thiệt là đồ Yamaha!” Rồi nó phóng một dao phập lên bàn, cán dao lay động phát ra âm thanh ghê ghê rãng. Vừa cười khẩy vừa nghiêng hàm, nó hăm he: “Thằng này không ưa nói nhiều nha. Cũng không ưa lùm xùm lèng xèng. Ai chọc giận là thằng này xin chút lòng heo làm tiết canh đó.”

Già Phát tiu nghiêng dợm căng bước ra, tức tối nhưng cũng muốn phì cười khi nhớ lại danh từ mà thằng nhóc gán cho mình: Yamaha, Già Mà Ham. Thiệt cũng không oan lắm, hình như mình có chút ham hồ gì đó trong vòng một năm nay trong chuyện háo hức đi đi về về!

Bỗng thằng nhóc đập bàn, lườm lườm Già như muốn ăn tươi nuốt sống:

“Nè già dịch, tính đi đâu đó, bộ dễ há? Đứng lại. Cái con Trời đánh này mày xét coi kếp lão của mày còn diêm địa ở đâu không. Tụi bây với nhau chắc mày biết rõ khứa lão diêm tiền ở chỗ độc nào. Đừng để tao phải ra tay.”

“Còn gì nữa mà xét. Chả có nhiều anh lấy hết rồi.” Rồi cô ả quay qua người tình hờ: “Thôi đi ra đi ông ơi! Lớng ngó hoài thấy bắt mệt!”

Già Phát thầm cảm ơn em. Nó vậy mà cũng hạ thủ lưu tình. Nó biết ông còn chút đỉnh bỏ trong vớ mà không khai ra. Đây là một trong số rất ít lần con Huệ nói câu dài.

Già bước như chạy ra cửa. Căn nhà thân thuộc, cái gạch cửa Già thường đứng dựa ngó mong ra hẻm, kéo vài hơi thuốc sau những phút giây lên Tiên dôi tuổi cả năm trời nay giờ sao như hang cọt. Xin già từ. Già mừng rơn khi được bước qua nó mà không nghe tiếng đe dọa từ phía sau.

Lách qua mấy cái bàn choán lối đi của vài ba quán nhậu trong hẻm, Già Phát không buồn ngó mấy ánh mắt của những bọm nhậu ngưng mấy phút chai chú chai anh bất mãn ngó Già khi Già tránh mấy cục xà bần lấp trùng đi sát vô bàn nhậu của họ. Mấy đĩa tiết canh đồ lòm rặc lòng heo thái nhỏ nằm tro trên trên một hai bàn nhậu đương để cho ruồi thường thức trước khiến Già nhớ tới câu nói của thằng nhóc hồi nãy. Già tính thầm trong bụng về số tiền còn lại để trang trải những việc cần thiết. Già tính lời phải nói sao với con cái khi trở về. Bước ra tới đường cái tưởng là dễ thở hơn nhưng Già cảm thấy như cầu vồng vì tiếng xe cộ, vì khói xăng tràn

ngập, vì những cái giựt mình khi xe Honda xẹt bất thành linh tới gần đụng mình. Già húng hắng ho và thấy uể oải.

Thằng chó chết, đợi mình đem tiền về nhiều mới ra tay. Chuyện này đành ôm bụng mà chịu chớ nói ra càng thêm nhục. Ba chục ngàn chớ bộ ít sao! Già lâm bầm như người mất trí, chỉ muốn ngã sụp xuống như thân chuối đổ rồi ra sao thì ra.

3. Già Phát theo bạn bước vô một quán cà phê ôm ở cuối con hẻm nhỏ. Cả đoạn đường dài toàn là quán cà phê ôm và quán nhậu. Không có căn nào là nhà ở thuần túy. Người bạn liên tục trấn an Già rằng quán này chủ nhơn tử tế, không chặt đẹp, mấy em cũng dễ coi. Già không thấy hứng thú với chuyện ôm ấp mấy em đáng tuổi cháu con mình nên chỉ âm ừ cho qua. Đi vì nể bạn và tò mò hơn là ham thích.

Hai ba cô gái mặc quần áo có chút hở hang đương ngồi bó gối tán dóc lật đật đứng dậy chào khách và đưa mơ-nu giới thiệu mấy loại cà phê. Già Phát kêu theo bạn cho có rồi băng quơ ngó ra đường, không chú ý gì tới mấy em. Một lúc lâu ớn hai ly cà phê phin mới được bung ra.

“Hai anh cảm phiền cho xin tiền trước.”

Con số nói ra Già Phát hơi giựt mình. Cao bằng cả chục lần bên đó. Gì mà dữ vậy? Già Phát nghĩ bụng. Người bạn của Già biết ý nên hào sảng móc tiền trả. Trong khi cô gái dợm cặng bước đi thì Già Phát dúm thêm một ít nữa rồi nói cảm ơn. Con nhỏ tròn mắt ngó Già, lí nhí một cách thân thiện lẫn bối rối:

“Xin cảm ơn hai anh. Hai anh không có gì mà phải cảm ơn tụi em.”

Già nói ra ý nghĩ chơn thật của mình:

“Mấy con còn trẻ quá mà kêu chúng tôi bằng anh nghe sao kỳ kỳ.”

“Ai vô đây thì cũng là anh em suốt. Tứ hải giai huynh đệ mà!” Rồi cô ta bẹo má già. “Có để đái gì đâu mà con con bố bố.”

“Thôi kêu bằng bác đi con!”

Cô ta chống cằm mình lên đỉnh đầu của già. Già nhắm mắt, nín thở.

“Có chút máu thịt cật ruột nào mà bác bác cháu cháu. Em từng thấy nhiều anh còn lớn tuổi hơn mấy anh nữa, lúc đầu

nghiêm trang, sau ròi tay chun còn quờ quạng kinh hồn hơn thiên hạ nhiều. Hết biết luôn!”

Già Phát làm thình, ngó qua thì bạn mình đã yên vị, đương thì thâm tâm sự ngày Xuân với một em tóc nhuộm vàng có bộ ngực bốc lửa đưa chòm ra phía trước khoe khoang.

“Thôi cô vô làm gì thì làm đi, tui cần chút yên tĩnh ngồi đây thưởng thức cà phê...”

Một cái bữu môi dài sọc. Người bạn của Già đang cười hú hí, một tay ôm eo em nhí còn tay kia thì mò mẫm tham lam... Già ngó lơ chỗ khác và thấy như mình thừa thãi khi có mặt ở đây.

Lâu lắm người bạn của Già mới nói:

“Tiền ngồi gần người đẹp đã tính rồi. Không ngồi gần thì lỗ”.

“Tôi thà chịu lỗ chứ cái điệu này không quen, thấy chướng chướng.”

Người bạn của Già biết tánh bạn mình nên làm thình, tiếp tục hưởng cảm giác đồng thời của tay mũi, miệng...

Một người đàn ông cỡ tuổi của Già đáng dấp coi bộ trang nhã, quần áo sạch sẽ, ôm cặp da đi vô quán, xâm xâm tới bàn của Già mời coi bói. Cô em hồi này từ bên trong bước ra, liến thoắng ca ngợi tài của thầy bói và năn nỉ Già cho mình tiền để coi bói xem tại sao mấy tháng nay mình xui quá, làm gì cũng hư hại, tiền đổ ra như nước.

Cũng là những lời nói chung chung, léo mép của người kiếm sống bằng lời nói dối trá lừa phỉnh về một tương lai tươi đẹp của người coi, kèm theo những câu thiệu về tuổi tác hạn, vận, đại hạn, đại kiết, trung hạn, xung khắc, ky tuổi này tuổi kia cốt tạo lòng tin để thiên hạ xì tiền ra.

Già Phát thấy vui vui. Cha thầy bói này kiếm chút tiền còm, còn đáng thương hơn mấy cha nội ngoại cảm ở đây, mấy ông Trời con nói dóc về sữa ong chúa, mấy bác sĩ nắn gân chế ra cả trăm loại thuốc, bệnh nào cũng có, bán đầy trời nhằm móc túi mấy người đau chun phải hả miệng, chắc lưỡi tự an ủi bằng câu phước chủ may thầy, có tin có lành...

Rồi không biết ông ứng bà hành gì Già Phát đưa tay cho ông ta bói.

“... Số ông thông dong, nhìn tướng cũng biết mạng ông ở dưới chun ông Huỳnh Đế, nghĩa là mạng có phước đi du lịch xa, lâu dài, nhiều lần. Sang hơn biết bao nhiêu người suốt đời ru rú trong làng trong xóm. Tui nói hổng trúng thì ông liệng đồ nghề tui

ra đường để tui bỏ nghề luôn! Tuổi ông năm nay nếu theo sách xưa như *Diễn Cầm Tam Thế* hay *Dịch Lý Qui Nguyên* thì trên sáu mươi là đã quá số rồi, không coi được nữa. Nhưng mà thời đại mới này Mỹ Nga phóng vệ tinh, phóng người lùm lùm lên vũ trụ làm lệch đi nguyên lý âm dương của Trời Đất nên số mạng con người ở dưới địa cầu này bị ảnh hưởng. Bây giờ hơn loại tới bảy mươi hai tuổi mới hết số, nghĩa là ai cũng có số mạng thay đổi xui hên thêm một kỷ nữa... Ông tuổi Dần, năm nay năm Thân. Dần Thân Tỵ Hợi, tứ hành xung, năm nay ông xui từ đây tới cuối năm, phải cúng sao giải hạn hay làm phước lớn mới qua khỏi đại hạn sắp tới. Hạn lớn lắm!”

Già Phát giựt mình, trước khi qua đây đi khám bệnh mới biết trong máu có mỡ hơi nhiều, áp huyết lên cao, đầu gối thỉnh thoảng sưng rồi xẹp, tuyến tiền liệt phình đại. Không phải xui là gì? Rồi chuyện vợ chết gần cả năm không khai để vẫn lãnh tiền già của vợ bây giờ bị kêu lên bắt trả lại, dầu mỗi tháng chút ít cũng là... xui. Thêm nữa, tiền bảo hiểm hơn thợ của vợ bị mấy đứa con xúm lại năn nỉ mượn gần hết, hồng phải xui là gì? Gần đây nhứt là mấy cái thẻ tín dụng đòi tiền phạt trả trễ mấy tháng mình bỏ về VN tới hơn bốn trăm đồng. Chắc chắn xui là đây rồi. Trí Già miên man lục lợi chuyện này chuyện kia những lúc gần đây. Ở mà còn nữa, tháng trước xuống phi trường họ bắt chờ giấy tờ gì đó một lúc lâu ớn, cuối cùng thiên hạ về hết ráo mới tới lượt mình. Hai thùng đồ bị rạch xéo dán lại ai cũng thấy rõ mà không biết khiếu nại với ai. Về tới khách sạn soát lại mới hay đồ vật có giá chút đỉnh và thuốc men mất hết. Tới cái máy chụp hình cũ tính đem về cho thằng cháu cũng không cánh mà bay! Vậy chẳng phải xui là gì?

Ông thầy bói nhấn mạnh hơn:

“Cần phải làm phước để giải hạn. Làm phước như thế nào thì tôi không biết, mà có biết cũng bất khả lậu”. Rồi ông chép miệng bộ thiệt là nghiêm trọng: “Không dám đâu!”

Con bé này giờ ngồi im lắng nghe bây giờ mới ông ọ:

“Thôi anh làm ơn cưới em đi làm phước. Em đang cô đơn.”

Già Phát ngó qua con nhỏ. Con nhỏ mình mấy coi cũng được ớn, chết là nó chỉ lớn hơn cháu ngoại mình chừng chục tuổi là cùng. Nó nói chuyện vô duyên trời thần, ở gần nó chắc đau tim mà chết có ngày. Già làm thỉnh lơ mơ nghe ông thầy bói nói về chuyện sao hạn, về giải hạn. Nghe hoài một điệp khúc tới bực mình Già phán một câu làm cụt hứng mọi người:

“Ồ! Bói ra ma ấy mà, con người ta sống trên đời thì phải có lúc hên lúc xui, cúng giải cũng chẳng nhằm nhò gì. Hồi xưa mấy ông Ba Tàu bày đặt ra bói toán, phong thủy để bàn tán cho vui của vui nhà, mấy ông Việt Nam sau đó cứ nhắm mắt tin càng... Bá vợ! Bá vợ hết!”

Già Phát thao thao còn ông thầy bói thì lặng lẽ xếp lại đồ nghề, ngồi làm thỉnh chờ tiền quẻ. Thái độ của ông ta bình tĩnh, chịu đựng, có chút ê chề nhưng mà không lộ vẻ giận dữ hay bất bình. Già Phát thấy mình bất lịch sự, vội móc tiền ra trả, hậu hi như là chuộc lỗi.

Trời ngả về chiều. Mây bồng kéo tới giăng giăng. Một vài giọt mưa phất phất xuống mặt đường rồi bốc hơi tan biến do sức nóng còn lại trên mặt nhựa. Gió bồng thổi mạnh hơn, hất tạt nước vô tới chỗ khách ngồi rồi trút xuống ào ào, một lúc không lâu thì nước đã mấp mé tới thềm nhà.

Một cô gái ướt mẹp bước mau vô quán. Mặt bầm tím một bên, buồn bã, cặp mắt một trời u sầu, nhìn Già Phát rồi gật đầu chào bác. Già thấy vui vui.

Tiếng hai bạn gái của cô ta trao đổi nho nhỏ với nhau:

“Rồi! Con Huệ lại bị đập nữa. Điều này hoài chắc có ngày mà chết sớm. Kêu nó bỏ đi, không biết nó ăn giống gì mà ngu quá, cứ chân chờ...”

Cô gái đi thẳng ra sau. Bên ngoài gió thét gào. Già Phát lơ mơ với hoạt cảnh vừa xảy ra trước mắt.

4. Nằm gát đầu lên bụng con Huệ để lấy lại sức, Già Phát hỏi:

“Thương không?”

“Biết còn hỏi.”

“Sao bị đánh hoài mà trước đây em không tìm cách trốn khỏi tay thằng qui đó?”

“Bời!”

“Nữa nhe!”

“Dịch vật!”

“Bữa trời mưa hôm, mình gặp nhau lần đầu, anh thương em liền.”

“Duyên nợ.”

“Em có cần tiền để trả nợ cho nó và bọn đầu gấu không?”

“Thôi, kỳ lắm!

“Vậy thì sao?”

“Trôn luôn.”

“Tháng tới anh về bên mấy tháng lo chuyện nhà cửa bên đó ở đây một mình nếu có chuyện gì thì sao?”

“Tới đâu hay đó.”

“Cả tuần nay anh đi ăn nhậu với thằng Khu Vực mấy lần, có gì thì em cầu cứu nó. Anh ứng trước cho nó chút đỉnh rồi!”

“Vô ích. Thêm tròng khác thôi.”

“Nói chuyện với em một thấy mờ, cứ xài một hai chữ không. Nói nguyên câu được không hề?”

“Quen rồi!”

“Vậy thì làm sao em tiếp khách. Làm sao nói chuyện yêu đương?”

“Đâu cần đâu!”

“Ồ há! Mà từ lúc nào mình đôi từ bác-cháu qua anh-em vậy?”

“Bữa em trúng gió.”

“Rồi em nhờ anh cạo gió cho em.”

“Đừng nói nữa. Mắc cỡ lắm!”

“Ai mắc cỡ?”

“Ai thì biết!”

....

“Lúc anh mới mượn nhà cho em ở trôn thằng đó, em khỏi bị đánh đập, có thích không?”

“Cô đơn. Nhớ!”

“Nhớ ai?”

“Ai thì biết! Bác!”

Có tiếng cười giòn của hai người. Một lúc sau.

“Lúc còn làm ở quán cà phê, có nhiều người si em không?”

“Cả rồi.”

“Anh cũng vậy. Lớn tuổi mà còn duyên ngầm, đi đâu mấy cô cũng theo quá xá!”

“Sao chọn em?”

“Thì làm phước chớ sao? Thấy em như con mèo ướt bữa đó. Mèo ướt mà còn bị chó vật nữa.”

“Nằm vậy tội thì có, phước gì!”

“Trước đó là lòng tốt thì có phước. Sau này hư trừ bớt chút đỉnh cũng còn phước chán.”

“Trừ tới số âm vô cực luôn.”

Già Phát giựt mình. Con nhỏ biết dùng chữ số âm vô cực trong trường hợp này không phải là người ngu. Tiếc là nó quá trẻ, mình không thể lâu dài được. Mà đã lỡ ăn thua, không thể rút lui được nữa. Phải lo cho nó thôi, dầu nó không trực tiếp đòi hỏi gì. Già tính chuyện này về bên sẽ nói với các mấy con là mình rút tiền để dành từ đó tới giờ về đây lo xây nhà dưỡng già. Các con không thể lo được cho ba, thôi đừng cản mũi cản lái gì hết, để ba tìm người lo cho thân già của ba. Con nhỏ cũng đáng để cho mình lo, như là làm phước.

5. **M**ột tuần sau ngày bị gỡ tay lấy tiền, Già Phát lấy hết can đảm quay trở về xóm có căn nhà thân thuộc cũ. Quang cảnh chung không thay đổi nhưng cánh cửa nhiều kỷ niệm của Già cả năm nay thì đóng im ỉm. Mấy cái bàn nhậu như là cỏ dại đã lan ra lấn chiếm gần hết cái sân. Có tám bản giấy treo toong teng trên cánh cửa, chữ nguệch ngoạc: *Nhà cho mượn. Xin liêng hệ số*

Già Phát bước thẳng đi luôn, hy vọng trong xóm không còn ai nhớ tới bản mặt mo của mình nữa. Tiền đã ra đi, tức thiệt, nhưng hy vọng cái xui cuối năm của mình cũng theo đó mà bay đi, coi như là mình giúp vốn cho một cặp vợ chồng trẻ nghèo có tiền làm ăn, đổi đời. Già quên phứt đi một năm hưởng xuân đôi tuổi của mình mới vừa qua. Đi ngang mặt hai đứa nhỏ ghẻ chóc ồm o đương ngồi ăn xin ở đầu hẻm Già Phát cũng quên luôn chuyện thí cho chúng nó chút đỉnh để làm phước như đã từng quên bấy lâu nay.

Trời trưa nắng thiệt gắt, có tiếng la ó ồn ào: “Bắt cướp! bắt cướp! Nó cướp xe của người bị tai nạn”. Hai đứa nhỏ ăn mày nhăn mặt, nheo nheo mắt, công lưng xuống cái lon không. Xe cộ vẫn xẹt qua xẹt lại như từ trước tới giờ. Chỗ người bị tai nạn đằng kia, người coi như kiếng bu mỗi lúc mỗi nghệt. Già chợt nhớ tới ông lão bán chổi, và con nhỏ ư nói một câu bằng hai ba chữ vừa mới lướt qua trong đời Già. Sau khi làm phước cho ông lão bán chổi thì thấy lòng thờ thối, còn sau khi làm phước cho con nhỏ này sao mà tâm can trĩu nặng âm u quá.

Kỳ hen?

NGUYỄN VĂN SÂM

(Victorville, CA, Sept. 2-19, 2012)

NGHIÊN CỨU



lê quý ðàng
thi vản gia hán vi®t
ð¶i tr¶n h°

(Mựt th¶i làm cho vinh quang sØ sách)

(tì°p theo VHVN s° 68- mùa Xuân 2015)

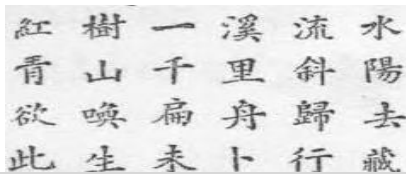
IX

THI gia LÀM TH½ M¾I ð¶i tr¶n, h°

"**T**rong ð¶i Tr¶n, có mựt s° nhà th½ ðã sáng tác mựt vài bài th½ có s° chæ, s° câu dài ng;n không nh¶t ð, nh và v¶n ði@u cũng r¶t tñ do, phóng khoáng, v¶t ra ngoài khuôn kh± của ¶ i th½ luýt ðb½ng th¶i: PhÕm Tông MÕi có bài th½ m²i câu 6 chæ ð« trên mựt bÑc tranh: "**Nhàn Cß Lợc Ngôn, Ð« Thuy MÕc Trß¾ng TØ Ti-u Cãnh**". Tr¶n NgÕc, con vua Tr¶n Ngh® Tông làm bài th½ **t¶ng Tr¶n Nguyên Ðán**, trong bài th½ này m²i câu cũng chỉ có 6 chæ. Mựt nhà !n sĩ ở Thanh Hoá cũng ð- lũi bài th½ "**Yêu Ngü**". Trong bài này, có s° câu dài ng;n không nh¶t ð, nh và v¶n ði@u cũng h°t sÑc tñ do, buông thả.

Trích d, ch:

"Nhàn cß lợc ngôn, ð« thuy mÕc trß¾ng tØ ti-u cãnh"
của PhÕm Tông MÕi:



Phiên âm:

"H^ong th^o nh^ot khê th^uy,
Thanh s^{1/2}n thi^{en} lí tà d^β1/2ng.
D^oc hoán bi^{en} chu quy kh^N,
Th^β sanh v, b⁻c hành tàng".

D^och nghĩa:

"Lúc nhàn, dùng th^{1/2} sáu ch^{ae}, đ^o vào b^Nc tranh nh^o trên
tr^β3/4ng th^uy m^oc"

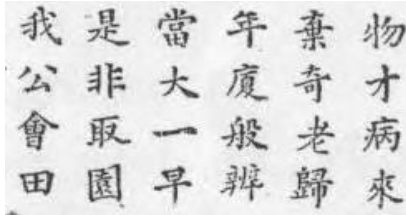
Lá th^om m^ut dòng su⁻i ch^{ay},
Non xanh nghìn d^{em} bóng tà.
Mu⁻n g[÷]i con thuy[«]n v[«] /n,
"hành tàng" ta b^oi ch^βa ra"

(Tu^{an} Nghi d^och)

"Cây đ^o m^ut khe n^β3/4c ch^{ay},
Non xanh nghìn d^{em} bóng ch^{en}.
Mu⁻n g[÷]i chi^oc thuy[«]n v[«] th^o,
Thân này "xu^ot x^o" ch^βa đ^{an}h".

(Đinh Văn Ch^{ap} d^och)

Th^{1/2} t^{eng} Tr^{yn} Nguyên Đán của Tr^{yn} Ng^oc:



Phiên âm:

Ng^a th, đ^β1/2ng ni^{en} khⁱ vst,
C^ong phi đ^oi h^o kⁱ tài.
H^ul th^u nh^ot thuy[«]n l^{ao} b, nh,
Đⁱ«n vi^{en} t^{ao} bi^on quy lai".

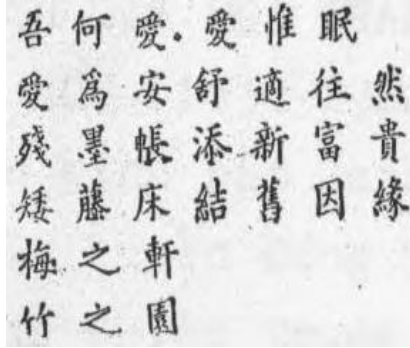
D^och th^{1/2}:

"Bu[±]i s^y ta nh^β đ^o b^o,
Gi^up vua ng^β1/2i ch^{eng} tài chi.
Đ^ou cùng gi^a nua m^ut l^u,

Đi«n viên s³⁄₄m li«u v« ãi".

(Nguyễn Đổng Chi *d, ch*).

Mục đõn trong bài th½ "Yêu Ngũ":



Phiên âm:

*"Ngô hà ái, Ái duy miên!
Ái vì an th½ thích vãn nhiên.
Tàn h½c tr½⁄₂ng thiêm tân phú qu,
Nợy đợng sàng k^{ct} cũn nhân duyên.
Mai chi hiên.
Trúc chi viên.
....."*

D, ch nghĩa:

*"Ta ch½ng yêu gì, yêu ngũ khi,
Yêu vì khoẽ kho; n, s³⁄₄ng muôn b«.
Màn đẽn t⁻i, giàu sang m³⁄₄i thêm mãi;
Giβ⁄⁄ng mây th½p, nhân duyên cũ k^{ct} xe.
Đây hiên mai,
Đây vβ⁄⁄n tre.
....."*

(Nguyễn Đổng Chi *dịch*)

*(m⁄⁄i xem t^qp trên VHVN s⁻ 70 - mùa thu 2015 -
ph½n X - SỞ Gia Đ⁄⁄i Tr½n, H°)*

NGUYỄN HỒNG ẪN

(Stamford - Connecticut)

trong góc tim tôi

Mang tình hoài hương lênh đênh xír lạ
Nhìn trăng thu chợt nhớ chuyện ngày xa
Thuở bé thơ quấn quýt với mẹ cha
Thuở sông nhỏ ngược xuôi xuống ba lá.

Xuông ba lá ngày nay còn chuyện lạ
Bơi bằng dầm chuyện cổ tích phải không?
Hoa mua tím nay còn hay mất dấu
Chỉ ai yêu hoa ghi ảnh trong lòng?

Đi học bên kia sông xuống đưa rước
Hái hoa mua làm quà biếu cho em
Em e lệ cài hoa lên mái tóc
Liếc nhìn anh: “Em đẹp? Hãy nhìn xem!”

Em thôn nữ luôn đơn sơ mộc mạc
Xuông quê mùa mang hồn nước phù sa
Hoa tím dại luôn ngự trị hồn ta
Dù còn mất người với ta vĩnh cửu!

XUÂN BÍCH

lời chay cuối tuần

rừng chiều ủ chín hoàng hôn
tiếng chim ngại ngại ru hồn lưu vong
nhìn bông hoa dại hương đồng
tìm cơn gió nội trong lòng châu pha
một thời lưu dấu chân xa
lạc vùng tuổi lính sơn la sương mù
dưới hoa ngò ngợ phù du
thức đêm cây lá buồn ru bóng ngày
chim trời vờ vụng đường bay
cho tin yêu nhắn lời chay cuối tuần
nhấn nhe từ nẻo đường gần
thoảng nghe con chữ lạc tần số xa..

PHÂN ƯU



Nhận được TIN BUỒN

Thân mẫu của chị Nguyễn Mai là

Cụ Bà **DƯƠNG ĐỨC THỤY**

Khuê danh **PHẠM THỊ TÀI**

Pháp danh **TRÍ NĂNG**

vừa mệnh chung ngày 06 tháng 6 năm 2015

(nhằm ngày 20 tháng 4 năm Ất Mùi)

tại Austin - Texas - Hoa Kỳ

HƯỞNG THƯỢNG THỌ 99 TUỔI

Dù biết sự ra đi rất thanh nhẹ, thần sắc tươi tỉnh của Cụ Bà, nhưng là sự mất mát lớn lao đối với thân tộc và gia đình,

** Chúng tôi thành kính chia buồn cùng
Chị **NGUYỄN MAI** và toàn tang quyến.*

** Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Dương Đức Thụy
sớm tiêu diêu miền lạc cảnh.*

Gia đình **NGUYỄN LÊ TIẾN & CẨM TÚ**

Gia đình **BÙI HỮU DŨNG & THỦY TIÊN**

Gia đình **PHẠM QUANG TÂN & BÙI THỊ CÚC**

ĐỒNG THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

LÊ HOÀNG VIỆN

(CHS. PTG 1960-1968)

KỶ NIỆM TRƯỜNG TÔI

* *Tặng Nguyễn Công Danh (Houston, TX), Trần Quốc Mậu (Canada)*

và các cô chú, anh chị cựu học sinh trường Phan Thanh Giản Cần Thơ

[*Lời giải bày*: Bài này tôi viết tại Cần Thơ năm 1989 chưa đăng báo nào. Khi được sang định cư tại Hoa Kỳ từ 23 tháng 6-1993 theo diện HO18, tôi mang theo, đến năm 1995 sửa chữa bổ sung và gửi đăng trên bán nguyệt san Dân Ta xuất bản tại Houston TX (bộ mới năm thứ 14) số 114 ra ngày 23-9-95 đến 06-10-1995 từ trang 1964-1970. Lý do tôi đăng trên Dân Ta, vì hơn hai năm định cư ở đây, tôi có dịp đọc một số "báo chợ", một số đặc san các trường, thấy có nhiều trường học ngày xưa ở Việt Nam, cựu học sinh sang đây tổ chức họp mặt sinh hoạt nhắc nhớ về trường lớp, thầy cô cũ, nhưng tôi không đọc được một bài viết nào về trường Phan Thanh Giản của mình hết. Tôi gửi cho "Dân Ta" và bài đã đăng trên số báo vừa kể.

Sau này, tôi được nghe kể: Trong bữa tiệc cưới con anh chị Ung Ngọc Đạt, anh Trịnh Chí Sĩ (sinh năm 1938, mới từ trần tại Houston TX ngày 5-11-2014, thọ 76 tuổi), hỏi anh Nguyễn Bửu Thoại: "*É Thoại, mấy có biết Lê Cần Thơ là ai không? "Không biết! Nhưng có gì vậy?" "Tao đọc báo Dân Ta, Lê Cần Thơ viết về kỷ niệm trường Phan Thanh Giản của mình, tao nhớ trường quá. Hay là mình tìm cách liên lạc tác giả rồi lập nhóm cho vui"*. Nguyễn Bửu Thoại lại tỉnh cờ hỏi Nguyễn Công Danh có biết LCT không? Nguyễn Công Danh nói "*biết"*. Và... qua điện thoại liên lạc, mới có xuất hiện thư mời họp mặt anh chị em Phan Thanh Giản đăng trên báo TỰ DO (mời họp mặt vào tháng 11/1995, ngày giờ địa điểm báo sau), sau cùng chọn địa điểm và thời gian cho cuộc gặp gỡ đầu tiên của 12 anh chị em cựu học sinh Phan Thanh Giản tại nhà hàng Kim Sơn 2 số 8200 đường Wilcrest Houston TX 77072 địa điểm bây giờ là tiệm Tường Ký lúc 12 giờ trưa đến 3 giờ chiều ngày 19 tháng 11 năm 1995, bàn bạc việc lập nhóm, và lần sau ngày 21-12-1995 tại tư gia anh Nguyễn Bửu Thoại, đi đến đồng thuận tổ chức họp mặt đầu tiên của các cựu học sinh Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm Houston vào Ngày chủ nhật 11 tháng 2 năm 1996 (nhằm ngày 23 tháng Chạp năm Ất Hợi), từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều, tại Club House số 9600 Keegans Wood Dr, Houston TX 77083. Trong lần họp mặt này có 59 gia đình CHS. PTG & ĐTD với 105 người tham dự thật bất ngờ, rồi đi đến quyết định kỳ họp mặt Hè 1996 sẽ phát hành số Giai Phẩm đầu tiên Mùa Hè 1996 mà trong buổi họp đó, anh Trịnh Chí Sĩ can ngăn nói rằng: "*Thôi dẹp vụ in giai phẩm đi Thoại ơi! Ở bên này suốt ngày "đi càych" đầu tắt mặt tối, ai có thời gian hướn đầu mà làm báo"*. Nhưng anh Nguyễn Bửu Thoại nói: "*Tôi nghe nói lúc còn học ở trường anh Viện có tham gia làm báo, để nghị Lê Hoàng Viện làm đầu tàu, tôi Nguyễn Bửu Thoại và Nguyễn Công Danh phụ đẩy con tàu đi"*. Tôi chân ướt chân ráo mới sang định cư, chưa ổn định cuộc sống, nhưng thấy các anh tha thiết muốn nhắc nhớ lại sinh hoạt báo chí của trường năm xưa, tôi không sao từ chối, đồng ý nhận lãnh khi trong tay không có phương tiện và điều kiện nào hết. Vậy mà Giai Phẩm số đầu tiên ra ngay vào dịp Hè 1996 hoàn toàn không giống với các đặc san trường bạn ở hải ngoại [quy vị tìm đọc bài viết của thầy Hồ Văn Chiểu "**ĐIỂM giai phẩm PHAN THANH GIẢN & ĐOÀN THỊ ĐIỂM hè 1996**" (tr 328-332 bút ký nhiều người viết "**Trường Xưa Trong Trí Nhớ**" số 1 - do gia đình PTG & ĐTD Houston - TX xuất bản năm 2002). Có Gia Phẩm đầu tiên [số lượng in 1300 cuốn] là gửi đi khắp nơi, gây được tiếng vang. Thầy Nguyễn Trung Quân gọi điện thoại nói với anh chị em Houston: "*Hoánh thêm một*

trận nữa đi: làm *Giai Phẩm* số 2 để tổ chức mời Thầy Cô và đồng môn khắp nơi về Houston tham dự Đại Hội kỷ niệm 80 năm thành lập trường (1917 - 1997)". Và khởi đi từ đó... mới có sinh hoạt gia đình PTG & ĐTD hải ngoại với **Đại Hội lần I - 1997 tại Houston Texas Hoa Kỳ** và luân phiên hàng năm cho tới bây giờ...

Năm nay, **đại hội thế giới lần thứ XIX tại Toronto Canada** và phát hành đặc san 20, BBT có quy định và nhắc nhở, bài viết không quá 5 trang giấy in. Bài "KỶ NIỆM TRƯỜNG TÔI" là bài viết đầu tiên nói về trường mình xuất hiện ở hải ngoại nhưng thấy khá dài, không hợp với tiêu chuẩn mà BBT và BTC Đại Hội Toronto đã nêu ra, lỡ bỏ công làm rồi, nên tôi đưa vô tạp chí VHVN cố lưu giữ chút kỷ niệm đối với ngôi trường mà mình đã gắn bó gần 8 năm học và tham gia sinh hoạt hải ngoại suốt hai thập niên qua - nghĩ rằng kỷ niệm đó mãi mãi theo bên mình trong những ngày gác bút và chuẩn bị để cho một chuyến đi xa! **hết lời giải bày**].

CHS LÊ HOÀNG VIÊN

KỶ NIỆM TRƯỜNG TÔI

Nếu mái nhà là tổ ấm của mỗi trái tim hoài hương để những đứa con từ đó ra đi có phút giây vọng tưởng, nhớ về... thì mái trường là nơi hội ngộ của những ước mơ một thời chấp cánh bay về, của lòng tôn sư trọng đạo, của những kỷ niệm bạn bè thuở áo trắng bay bay... Trong cuộc đời của mỗi chúng ta, ai không một lần đến trường với sách vở cầm tay, với bao nhiêu mộng đẹp gắm hoa của thời chớm lớn, với bao nhiêu dự tính tương lai ảnh hưởng đến cả cuộc đời mình. Chỉ có thời mãi đung trên ghé nhà trường, mỗi chúng ta mới có nhiều dấu ấn đậm nét, nó hằn sâu trong tâm khảm, khó mà nhạt phai theo dấu vết thời gian. Có thể đó là ngôi trường của lớp học vỡ lòng. Có thể đó là một lớp học riêng lẻ ở một vùng quê nào đó. Có thể đó là một ngôi trường tiếng tăm của một miền đất, một địa phương... Với riêng tôi, ngôi trường đã gắn liền với cuộc đời mình rờn rã bảy tám năm trời là trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ, vì chính nơi đây tích tụ trong tôi vô vàn kỷ niệm. Những ghi lại bên dưới chỉ là một đôi nét chấm phá mà thời đi học tôi cho là quan trọng đối với sự trưởng thành của mình.

PHAN THANH GIẢN - NGÔI TRƯỜNG YÊU DẤU

Trường trung học Phan Thanh Giản Cần Thơ có một trong hệ thống giáo dục Việt Nam tính đến nay đã hơn ba phần tư thế kỷ. Ban đầu mang tên trường nội trú INTERNAT (1917-1925), COLLEGE DE CAN THO (1925-1945), Trung học PHAN THANH GIẢN rồi Trung Học Tổng Hợp PHAN THANH GIẢN (1945-1975), Phổ Thông TRUNG HỌC CẦN THƠ (1975-1985), Phổ Thông Trung Học CHÂU VĂN LIÊM (từ tháng 11-1985...). Đây là ngôi trường đã lần lượt mang tên nhiều học hiệu, nhưng

vẫn là một ngôi trường lâu đời và có tiếng, có ảnh hưởng mạnh mẽ về văn hoá và giáo dục, ở đồng bằng sông Cửu Long nói riêng, cả nước nói chung.

Những năm trường mang tên PHAN THANH GIẢN, gồm hai khu: **Khu Đệ Nhị Cấp** (từ lớp Đệ Tam đến Đệ Nhứt các ban A, B, C) và **Nữ Trung học**, nằm trong khu đất giới hạn bởi đường Phan Thanh Giản (cổng chánh) [nay là Xô Viết Nghệ Tĩnh], Võ Tánh [nay là Trương Định], Ngô Quyền (cổng sau), và Pasteur [nay là Võ Thị Sáu] - có cửa hông thông qua khu Đệ Nhứt Cấp. **Khu Đệ Nhứt Cấp** (từ lớp Đệ Thất đến lớp Đệ Tứ dành cho các học sinh Nam) là khu đất góc đường Ngô Quyền (cổng chánh, đối diện với BCH Cảnh Sát Quốc Gia) và Pasteur. Chỗ đối diện ngã ba đường Pasteur và Ngô Quyền có toà nhà nằm cạnh bên BCH-CSQG là nhà dành cho vị Hiệu Trưởng trường PTG ở. Hai mặt kia giáp với khu vực quân sự của BTL. Quân Đoàn IV và Quân Khu 45. Có một số gia đình dân dọc hai bên đường Ngô Quyền ra đến đường Hoà Bình. Đến năm học 1963-1964 khu Đệ Nhứt Cấp được tách ra lập thành trường Nữ Trung học Cần Thơ và sau biến cố "đảo chánh" (01-11-1963) được mang tên Đoàn Thị Điểm. Khu Đệ Nhị Cấp vẫn mang tên Phan Thanh Giản (có từ lớp Đệ Thất đến Đệ Nhứt nam sinh; riêng lớp Đệ Nhứt có nữ sinh học chung vì trường Đoàn Thị Điểm lúc đó chưa có lớp Đệ Nhứt; và nữ sinh học Ban C (từ Đệ Tam đến Đệ Nhứt phải học chung với Nam sinh bên trường Phan Thanh Giản).

Năm 1987, trường long trọng kỷ niệm 70 năm ngày thành lập. Trong Đặc san TRƯỜNG CHÚNG TÔI, Cô Nguyễn Thị Minh Kính đã viết bài nhấn mạnh đến truyền thống tiêu biểu của trường, đã gọi cho mỗi học sinh từng học qua trường này đọc hoặc nghe được có một sự cảm nhận sâu sắc:

- *Thầy và trò đều thiết tha yêu nước.*
- *Học sinh có truyền thống học giỏi.*
- *Giữa Thầy với Trò, Trò với Trò có tình cảm yêu thương quý trọng nhau.*
- *Cũng là nơi hình thành truyền thống văn học, nghệ thuật, âm nhạc liên tục và bền vững.*

Tôi còn nhớ, năm đó, dưới vòm nắng ấm áp sân trường, Thầy Nguyễn Thượng Tư đã đánh hồi trống truyền thống rồi trao lại cho Cô Nguyễn Thị Minh Kính, người Nữ Hiệu trưởng đầu tiên kể từ mấy mươi năm thành lập trường. Tiếng trống dội lên, lan toả

như truyền từ thế hệ này đến thế hệ khác, như ngấm sâu vào từng lỗ nhỏ thân quen, từng hành lang in dấu bạn hiền, từng chiếc cần thang quán quýt, mái ngói rêu phong, lớp học cũ, chỗ ngồi xưa... Mỗi người cựu học sinh của trường Trung học Phan Thanh Giản, từ những thế hệ trước 1945, sau 1945, trước 1975, sau 1975, dù đứng ở góc độ nào trong cuộc sống, theo tôi nghĩ, đều mang nỗi tự hào về mái trường một thời mình theo học, bởi đó là tổ ấm của mỗi trái tim, là nơi phát sinh lòng tôn sư trọng đạo, nơi chứa chan sâu đậm tình người.

Trường chúng tôi thật sự mang tên nhiều học hiệu, nhưng mãi mãi chỉ là một. Mỗi thế hệ học sinh đều mong muốn giữ lại cho trường mình một cái tên, như trường Đồng Khánh ở Huế ngày xưa nay là Hai Bà Trưng. Thế nhưng, với Cần Thơ, rất nhiều thế hệ học sinh gắn bó với tên trường Phan Thanh Giản, phải chăng vì nó đã lâu đến rông rã 30 năm so với những tên gọi khác? Và vì những thế hệ học sinh giai đoạn này hiện còn rất đông trên khắp miền đất nước và ở nước ngoài, đã thật sự trưởng thành và có công danh sự nghiệp trên đời... Hơn nữa trường mang tên một danh nhân lỗi lạc, tên Cụ gắn liền với quê hương đất nước bởi lòng trung quân ái quốc, là vị Tiến sĩ đầu tiên của miền Nam Kỳ Lục Tỉnh, một công thần triều Nguyễn là Đại học sĩ, Kinh lược sứ với *"Ba triều công cán đôi hàng sớ, Sáu tỉnh cương thường một gánh trâu"*.

Đối với chánh quyền trong nước hiện tại không công nhận sự yêu nước của cựu Phan Thanh Giản, mà lên án nặng nề cho là mại quốc cầu vinh. Nhưng mới đây, hai tỉnh Vĩnh Long và Bến Tre đã cùng nhau tổ chức một buổi hội thảo nhằm giải toả nỗi lòng của người dân hai tỉnh này đối với cựu Phan Thanh Giản, đã đúc kết ý kiến: *"Phan Thanh Giản không phải là kẻ bán nước buôn dân. Không thể xem như là Tôn Thọ Tường, Trần Bá Lộc. Sự đúc kết đầu tiên này nhất định sẽ giải toả phần nào nỗi buồn lắng nhất của đồng bào ở quê hương Cụ là Bến Tre, cũng như Vĩnh Long và cả miền Nam. Thời Pháp thuộc, đồng bào miền Nam nhắc nhớ Cụ như là nhắc nhớ đến ách thực dân để rồi thế nguyện sẽ rửa hận cho Cụ được ngậm cười dưới suối vàng! Nhịn đói 15 ngày mà vẫn tinh táo, nhìn con cháu quỳ lạy túc trực, trong số ấy chẳng một ai dám năn nỉ, can gián. Áo mũ, cân đai trả lại cho triều đình, Cụ đã khóc rồi lạy hướng về phía nhà vua. Trở lại số kiếp người dân nghèo, không tên tuổi như cha ông thời xưa đến đất Bến Tre! Thôi*

rời Tử Thư, Ngũ Kinh. Chỉ còn sự cô đơn, chẳng dám cầu mong hậu thế sẽ thông cảm. Một tấn bi kịch lớn, khá thơ mộng, với dư âm bất tận, không riêng gì của người Việt Nam hồi cuối thế kỷ 19". (trích bài viết của Sơn Nam đăng trên báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật số 577). Cho nên, theo tôi, hãy giữ lại tên trường Phan Thanh Giản, hãy thành lập lại Hội Ái Hữu cựu học sinh Phan Thanh Giản như trước năm 1975 các cô chú đã làm. Tôi còn nhớ vài vị trong Ban Quản Trị như BS Phạm Kim Tương, Nhà văn Hồ Hữu Tường, Bà Lâm Thị Phết, Ông Nguyễn Văn Trường, Ông Lưu Phương Thịnh, Ông Hồ Xích Tú, Chị Phạm Thị Bạch Yến v.v... Từ Hội Ái Hữu này sẽ có điều kiện gây quỹ tích lũy bằng nhiều nguồn để cùng với nhà trường thuần tuý chăm lo sự học của con em học sinh hôm nay và mai sau...; và đừng để các thế hệ học sinh đi trước có tấm lòng lại đeo mang nỗi đau khi nhìn lại trường xưa, ngôi trường đã chấp cánh cho nhiều thế hệ học sinh vươn lên toả sáng. PHAN THANH GIẢN, ngôi trường yêu dấu của tôi.

ANH MẮT CÔ GIÁO DẠY VĂN CỦA TÔI

Cuối năm học Đệ Thất D trường Phan Thanh Giản (năm học 1960-1961) tôi được lãnh phần thưởng Ưu hạng tại rạp hát Minh Châu (đường Phan Đình Phùng). Ngoài gói quà thưởng của trường, tôi nhận thêm một gói quà thưởng riêng của cô giáo dạy Quốc Văn - cô Nguyễn Thị Lệ Châu, gồm 3 quyển sách **THỀ RỜI MỘT BUỔI CHIỀU**, **HAI BUỔI CHIỀU VÀNG** (của Khái Hưng và Nhất Linh nhóm Tự Lực Văn Đoàn) và quyển sách dịch **TÌNH QUÊ** mà tôi không nhớ tác giả và dịch giả. Cả ba cuốn sách đều có lời đề tặng và chữ ký tên của cô. Tôi không lập lại trọn vẹn lời đề tặng đó, nhưng mỗi lời đề tặng ở phần cuối cô đều viết: **"Hy vọng sau này em sẽ theo ban Văn Chương..."** khiến tôi không thể quên.

Qua lời đề tặng khích lệ đó, tôi tập viết những bài văn ngắn, tập làm thơ và gửi đăng báo xuất bản ở Sài Gòn. Thời học trò viết rất hăng, viết nhiều và cũng có nhiều suy tư vớ vẩn của tuổi sách vở cầm tay, nên báo chí chọn đăng rất ít. Có bài được chọn đăng báo rất vui (dù thời đó, những người tập viết trẻ như tôi họ có trả nhuận bút đâu!), nhịn ăn quà sáng để mua mấy tờ báo đem tặng bạn bè kỷ niệm; nhiều bài gửi đi bị bỏ sọt rác thì buồn. Trong một bài thơ dài **Sẽ không còn mộng thi nhân nữa**, tôi đã viết:

(...) Lần đầu anh viết thơ cho Mẹ

*Thơ cho Ba và thơ nhớ thương.
Thơ anh gửi báo không đăng được
Phải chép vào trang vở học đường (...)*

*(...) Tuổi thơ theo với tuổi tên mình
Anh tiếc thắm cho kiếp học sinh
Buổi trước nếu Cô đừng khuyên dạy
Thì anh đâu để khổ nhân tình.*

*Em ơi, bây giờ anh chợt hiểu
Làm thơ đâu đổi được tình yêu.
Sẽ không còn mộng thi nhân nữa
Để chuyện trăm năm được mỹ miều.*

(Huyền Vân Thanh)

Có lẽ nghiệp viết văn làm báo không hợp với năng khiếu mình, nên vào lớp Đệ Tam (Đệ Nhị Cấp - cấp 3 ngày nay), tôi chọn ban B thay vì ban C (Văn Chương) như cô giáo dạy Quốc Văn mong muốn. Đến năm học Đệ Nhất B1 (1966-1967), tình cờ vào một buổi chiều (gần chạng vạng) tôi gặp lại Cô Nguyễn Thị Lệ Châu (lúc đó sau nhiều năm Cô chuyển đi dạy trường khác có dịp về ghé Cần Thơ) trên góc đường Hoà Bình - Trịnh Tấn Truyền (nay là Ngô Gia Tự), phía trước Ty Công Chánh. Câu đầu tiên Cô đã hỏi: "*Chắc em theo Ban Văn Chương phải không? Năm nay có thi đậu vào Văn Khoa. Em giỏi Văn, Có tin tưởng nhiều lắm!*". Nghe giọng Huế nặng dấu nhưng vô cùng thân quen của Cô khiến tôi lúng túng, rồi nói khẽ khàng, ấp úng bởi ngỡ ngàng: "*Thưa Cô, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn, em biết không thể theo học lâu được, em đi Ban B để sớm ra đời kiếm sống!*". Cô Lệ Châu trở mắt nhìn tôi đến ngạc nhiên! (...).

Đã mấy mươi năm qua, chuyện cũ tưởng chừng như đã trôi theo dòng thời gian lặng lẽ nhưng nghiệt ngã, vậy mà mỗi lần đọc báo thấy những dòng chữ **Vào đời, Tuổi Học trò...** là tôi nhớ như in hình ảnh và ánh mắt Cô giáo dạy Quốc Văn - Cô Nguyễn Thị Lệ Châu - một người Thầy đã có một cái nhìn định hướng cho đời tôi.

TRIỀU SỐNG XANH NGUYỆT SAN CỦA TRƯỜNG PHAN THANH GIẢN

Đối với các trường Trung học thời Việt Nam Cộng Hoà, việc làm đặc san hay giai phẩm Xuân vào mỗi dịp Tết Nguyên Đán là

thông lệ. Thuở đó, hằng năm trước khi bãi trường nghỉ Tết, chúng ta thường gặp những cuốn báo trường xinh xắn như Mê Linh (Trung Vương), Perus Ký, Gia Long (Sài Gòn), Nguyễn Đình Chiểu (Mỹ Tho), Tổng Phước Hiệp (Vĩnh Long), Thoại Ngọc Hầu (Long Xuyên), Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc), Hoàng Diệu (Ba Xuyên - Sóc Trăng và Sa Đéc), Phan Thanh Giản (Cần Thơ), Nguyễn Trung Trực (Rạch Giá) v.v... Các trường tùy theo điều kiện, phương tiện và khả năng của trường mà thực hiện giai phẩm dày mỏng, lớn nhỏ khác nhau, và tổ chức các đoàn đi khắp các trường bạn để bán và nhằm giới thiệu, trao đổi giao lưu các mặt sinh hoạt của trường mình. Các đoàn đi bán báo Xuân của trường có thể do một giáo sư hướng dẫn, hoặc do một học sinh hoạt bát nào đó làm trưởng đoàn, đến trường liên hệ với tờ giấy giới thiệu của trường mình. Tại đây, trường cử một giáo sư dẫn đoàn đi xuống các lớp xin phép giáo sư đang dạy lớp ít phút cho đoàn giới thiệu nội dung và bán báo. Việc này được diễn ra tương tự nhau ở tất cả các trường, do vậy mọi sinh hoạt của trường khác thời đó chúng tôi có thể hiểu được, và mối dây liên hệ bạn bè khắp nơi cũng từ đó mà ra. Các nhóm văn nghệ học sinh mọc lên như nấm: Dòng Sông Hậu (An Giang và chi nhánh tại Cần Thơ có Vân Huyền Lam), Cung Thương Miền Nam, Hồn Trẻ Hai Mươi (Ba Xuyên với Vũ Ngọc Đức, Phù Sa Lộc...), Khai Phá (Châu Đốc với Ngô Nguyên Nghiêm và Trịnh Bửu Hoài...), Về Nguồn (Cần Thơ với Huyền Vân Thanh, Lê Trúc Khanh, Kiều Diễm Phượng), Vùng Đất Sống (Cần Thơ - với Hà Huy Thanh, Nguyễn Hoài Vọng), Tinh Thơ Tây Đô, Hoa Sắc Tím (Cần Thơ - với Thương Hoài Nhân và Hoài Y Linh), Mầu Tuổi Ngọc (Cần Thơ - với Lưu Ngọc Lê Tịnh Giác), Tuổi Học Trò, Nhóm thơ 20 Gò Công (với Trần Ngọc Hường, Trần Anh Tài...), Nhóm thơ B. Biên Giới Tây Ninh, Tinh Ca Cuối Việt, Khuôn Mặt Học Trò (Ba Xuyên) v.v...

Với trường Phan Thanh Giản theo tôi được biết, thời Đế Nhất Cộng Hoà, đặc san chỉ thực hiện vào dịp Quốc Khánh 26 tháng 10 và quay Ronéo vài chục trang phổ biến nội bộ trong trường mà thôi. Sau Cách mạng 01-11-1963 trở đi mới ra giai phẩm Xuân vào dịp Tết, mà số đầu tiên là Xuân Giáp Thìn 1964 in tại Sài Gòn, kỹ thuật rất đẹp, do giáo sư dạy họa Nguyễn Văn Hưng vẽ và trình bày bìa, trang trí bên trong. Riêng trang đầu có minh họa chân dung các vị giáo sư cùng chăm sóc thực hiện giai phẩm đầu tiên này: GS Trịnh Đại Bằng, GS Nguyễn Văn Bằng,

GS Võ Văn Vạn, GS Lê Thái Khương, GS Quản Hùng và thầy Trần Ngọc Nhung... với sự cộng tác bài vở của toàn thể học sinh yêu thích văn nghệ của trường. Tôi còn nhớ có bài viết về địa phương chí PHONG DINH, Năm Thìn nói chuyện Rồng, truyện ngắn THI của VQ, thơ văn của các tác giả Bùi Văn Nhường, Mây Lam Miền Núi, Kiều Tâm Khánh, AT. Chu Phan, Trần Phương Lang, Huyền Vân Thanh, Hồ Trung Thành, Hoàng Oanh, Hoàng Lan, Lê Văn Hiến, Trang Yên Linh, OTV (Văn Tăng Văn), Thần Thoại (Lê Hoàng Thoại), v.v... Các năm 1965, 1966, 1967, 1968 đều có ra mắt giai phẩm Xuân, mỗi năm đều có một số loại bài mới lạ, hấp dẫn, được dùng để các đoàn giới thiệu quảng cáo khi đi bán báo các lớp trường bạn. Chẳng hạn: Tự Điển Bỏ Túi (1964 - Hồ Trung Thành), Lá Sô Từ Vi (1965 - Hồ Trung Thành), Gỡ Rối Tơ Lòng... Thông (1966 - bác Tú Đại), Chát Dương (1966 - nhóm Đại Khoa Học Gia) v.v...

Đặc biệt giữa năm học 1965-1966, Ban Báo Chí của trường đã vận động với Hội đồng giáo sư, được trợ cấp mười ngàn đồng để ra mắt Nguyệt San TRIỀU SÓNG XANH, phát hành hàng tháng, số 1 (tháng 4/1966), số 2 (tháng 5/1966), số 3 (tháng 6/1966 - đặc biệt Mùa Phượng) và giới thiệu số 4 là Mùa Nhập Học, nhưng mãi mãi không còn ra mắt nữa vì nhiều lý do phức tạp. Trước hết là kinh phí. Trường cho mười ngàn đồng chỉ đủ để in một kỳ báo (2.000 cuốn khổ giấy giống Tiểu Thuyết Thứ Bảy, dày 64 trang), nhưng nhóm chủ trương đã vận động các hiệu buôn xin quảng cáo, mới nuôi dưỡng tờ báo được 3 số. Sang năm học mới không được cấp thêm tiền dành tự đình bản. Nhưng lý do sau đây mới là điều đáng để báo đình bản.

Số là, Nguyệt San TRIỀU SÓNG XANH do **Thầy Nguyễn Văn Hường** (GS dạy Sử Địa) làm *chủ nhiệm*, **Thầy Lê Văn Quới** (GS dạy Quốc Văn) làm *chủ bút*, **anh Trần Quốc Mậu** (học sinh lớp Đệ Nhất C - Đại diện học sinh toàn trường) làm *Tổng Thư Ký*, **anh Lê Hoàng Viện** (học sinh lớp Đệ Nhị B1) làm *Thư Ký Toà Soạn*, **Chị Phan Thị Thanh Tâm** (lớp Đệ Nhất C) làm *Quản Lý*. *Trình bày báo* do **Vũ Hà, TN, PN** và **Thương Phượng**. *Ban Biên Tập* gồm **Hải Thảo, Huyền Vân Thanh, Nguyễn Thy, Yên Yên Thái, Diễm Chi, Nguyễn Thanh Sơn, Dy Trang, Lê Hà Uyên, Thông Xanh, Hoài Lang...**, với sự *cộng tác bài vở* của các **giáo sư Nguyễn Trung Quân** (Giám Học, Hiệu trưởng), **GS Nguyễn Văn Cư, GS Nguyễn Lễ, GS Phan Văn Nghiêm, GS Phô Vĩnh**

Đoàn Văn Trương... và đông đảo học sinh trong trường; sau đó các tác giả ngoài trường cũng gửi bài cộng tác như **Nguyễn Bá Thế, Kiều Diễm Phượng**. Tuy nhiên việc ra Nguyệt San không được toàn thể Hội đồng GS thông nhất ý kiến, có vài thầy ra mặt chống đối (lời lý do, *hãy để học sinh dồn thời gian và tâm trí cho việc học tập và thi cử!*), nhưng vì thiếu số nên báo vẫn được ra [tôi vẫn nhớ đó là các thầy... (xin phép lược bỏ)]. Trước khi thực hiện số ra mắt, chúng tôi viết nhiều tờ quảng cáo, nêu lên tôn chỉ và kêu gọi thầy cô, các bạn học sinh yêu thích sáng tác viết bài cho TRIỀU SÔNG XANH, dán nhiều trong trường (PTG kể cả ĐTD). Chỉ qua một đêm, sáng ra các quảng cáo đã biến vào các thùng rác trong trường. Chúng tôi ngạc nhiên chẳng hiểu chuyện gì xảy ra, thì lại nghe chính thầy (X) nói trong một lớp "TRIỆU SÔNG XANH là... TRIỀU SÔNG XẠO!". Các thầy trong ban báo chí bảo chúng tôi cứ bình tĩnh và tiếp tục làm. Chúng tôi đề nghị mở thêm mục QUÉT SÂN TRƯỜNG do Nguyễn Mỗ phụ trách, nhằm chung sức quét sạch những rác rưởi trong trường. Tôi với chùm bài CHỖI RƠM NHÀO VỎ đã phơi trần mọi diễn biến trước và trong giai đoạn chuẩn bị ra mắt cuốn báo số 1, ở tiểu đoạn THẤT ĐỨC BẤT CÔNG, tôi ghi lại mấy câu thơ của Thần Liên LÊ VĂN TẮT (Hội Thông Thiên Học ở Châu Đốc) như sau:

"Lấy ân đáp oán, oán tiêu tan

Oán đáp oán thì oán hận mang..."

và

"Một người hỗn ẩu chửi ồn ào

Chẳng lẽ ta đây cũng thế sao?

Một đũa cộc cần thêm đũa nữa

Là hai đũa cộc khác chbi nhau".

Cũng trong số báo này, lúc thầy Nguyễn Văn Hường đang theo dõi trên nhà in Thanh Sơn ở Sài Gòn, chúng tôi gọi điện thoại cho thầy rút bớt bài ra để đưa vào một bài đặc biệt, bài thuyết trình của thầy Nguyễn Trung Quân trước hội nghị giáo dục các tỉnh miền Tây về việc vận động thành lập Viện Đại Học Miền Tây tổ chức tại trường Phan Thanh Giản Cần Thơ, và do chính tôi đi xe đò mang lên. Thầy Hường không biết phải cắt bài nào? Tôi đắn đo rồi đề nghị bài của tôi giới thiệu vô là "an toàn" nhất, đó là bài "**Phương Trời Của Phượng**" (tác giả Kiều Diễm Phượng), chỉ đăng vài trang rồi mời xem tiếp ở số báo sau, dành số trang để in bài của thầy Nguyễn Trung Quân (thời gian này làm Giám Học,

thầy Phạm Văn Đàm làm Hiệu Trưởng)! Kết quả, cuối năm 1966, ông Nguyễn Cao Kỳ, lúc đó là Chủ tịch Ủy ban Hành Pháp Trung Ương (tức Thủ Tướng Chánh Phủ) xuống Cần Thơ trong buổi lễ long trọng ban hành sắc lệnh thành lập VIỆN ĐẠI HỌC CẦN THƠ (dành cho các tỉnh Miền Tây) tổ chức tại Bến Xe Mới Cần Thơ. Anh Trần Quốc Mậu đã thay mặt học sinh trường Phan Thanh Giản và các tỉnh Miền Tây đọc bài phát biểu tỏ vẻ hoan khi miền đất đồng bằng Sông Cửu Long từ đây có được ngôi trường Đại Học [Bài phát biểu này tôi đã viết thay anh Mậu, vì lúc đó anh đang bận rộn bài vở cho báo Triều Sóng Xanh và việc thi cử nữa]; trường đã bắt đầu hoạt động từ đó đến nay với nhiều mở rộng và phát triển các phân khoa. Tác giả Hoài Lang góp ý về Trường Văn Hoá Quân Đội tại Cần Thơ đã gây tiếng vang... bất lợi cho tờ báo, đề khi in tờ báo số 2 thì bị "trục trặc" ở khâu kiểm duyệt và cấp phép của UBND vùng 4 của Ông Mai Lạc. Nên khi hai ngàn tập báo số 2 mang từ Sài Gòn về, chúng tôi phải đóng cửa đề thầy trò mỗi đêm vào lấy viết đầu gòn gạch xoá một số câu chữ, một vài đoạn của các bài đã in trước mà áp lực của UBND buộc phải cắt bỏ mới được phát hành, như mục **Tâm Sự Học Đường** với bài viết của Diễm Chi và Trần Vẹn Toàn, **Thơ** của Nguyễn Thy, Yên Yên Thái, Lê Hoàng Viện v.v... Chính vì thế mà báo bị tôn đong, lại tới thời điểm in số 3 (đặc san Mùa Phụng), bao nhiêu vốn liếng đều bị cạn. Và, đầu năm học mới, TRIỀU SÓNG XANH với chủ đề Mùa Nhập Học... đành phải tức tưởi dẹp tiệm trong sự luyện tiếc của thầy trò chúng tôi, và cũng làm hài lòng một số thầy cô vốn dĩ đã ra mặt chống lại việc làm báo trường của chúng tôi từ ban đầu.

KỶ NIỆM TRƯỜNG TÔI

Theo truyền thống những năm trước, năm học 1967-1968 trường Trung học Phan Thanh Giản lại rộ lên không khí làm BÍCH BÁO [ngoài Giai Phẩm XUÂN dịp Tết Mậu Thân do Thầy Lê Văn Quới (Lê Hà Uyên) và Thầy Lai Thanh Tông (Thông Xanh) thực hiện]. Có gần 20 tờ báo của các lớp như NGUỒN SỐNG, TUỔI TRẺ, TUỔI XANH, TUỔI HOA, HƯỚNG DƯƠNG, NIỀM TIN, ƯỚC VỌNG, TƯƠNG LAI, HIẾU HỌC, LÊN ĐÀNG, THI ĐUA, VƯỜN LÊN..., dán trên tường, thu hút đông đảo học sinh các khối lớp vào những giờ ra chơi hoặc trước mỗi đầu buổi học.

Tôi thi rớt Tú Tài II phải học nhồi lớp Đệ Nhất B1 một năm học nữa. [Xin phép quý bạn cho tôi được mở ngoặc nói thêm đôi điều cho rõ về thân phận tôi: số là, năm học này, thầy Phạm Văn Đàm chuyển về Sài Gòn, thầy Nguyễn Trung Quân được cử làm Hiệu Trưởng, khi hay tin tôi bị rớt kỳ thi tốt nghiệp, đã bảo em của thầy tên Phâm đến kêu tôi đi gặp thầy. Ban đầu thầy Quân không tin lời giải thích của tôi và rất phẫn nộ kết quả mà tôi gây ra. Tôi trình bày sự thật là, vừa vào thi môn Triết đầu tiên, chưa được 1/3 thời gian thì bệnh tôi tái phát bất ngờ, hội đồng thi phải gọi xe cấp cứu đưa tôi đi bệnh viện điều trị, phải bỏ thi. Tôi đau suốt mùa hè nên không thể tiếp tục thi kỳ 2 (năm đó thi Tú tài II có môn Văn đáp và mỗi năm tổ chức thi hai khoá). Thầy Quân gọi thầy Quang làm ở Phòng Khảo Thí của trường, lục hồ sơ dự thi của tôi, lúc đó thấy phiếu điểm thi thì thầy mới hoàn toàn tin là tôi thi rớt vì bỏ thi. Thầy bảo tôi phải ghi tên học lại một năm nữa. Đây là lần đầu tiên trong đời học sinh của tôi phải chịu nhồi lớp. Ở bậc Tiểu học tại Trường Nam tinh lý Sa Đéc tôi học dẫn đầu lớp Ba A, Nhì D; về trường Tiểu học Phong Điền, tôi học dẫn đầu nửa năm lớp Nhì B và lớp Nhứt B và từng lãnh phần thưởng Danh Dự toàn trường Phong Điền (Phong Dinh) năm học 1959-1960; và mùa hè năm này thi tuyển vào trường Phan Thanh Giản tôi đậu hạng Nhì đồng hạng, anh Dương Ngọc Đình (học sinh trường Nam Tinh lý Cần Thơ) đậu hạng Nhứt. Tôi được lãnh học bổng toàn phần mỗi năm ba ngàn sáu trăm đồng (3.600\$.00) suốt bảy năm học liền. Năm nào tôi cũng lãnh phần thưởng cuối năm, đặc biệt năm Đệ Lục D tôi lãnh phần thưởng Danh Dự Đệ Nhứt Cấp (anh Đoàn Văn Út lớp Đệ Nhứt B1 lãnh Danh Dự Đệ Nhị Cấp) tại rạp chiếu bóng Huỳnh Lạc đường Nguyễn Thái Học. Theo xướng ngôn và ghi trong cẩm nang phát thưởng thi hai phần thưởng này của Tổng Thống VNCH (Ngô Đình Diệm) tặng. Vậy mà năm Đệ Nhứt B1, cuối năm còn nhận phần thưởng mà lại thi hỏng Tú Tài II phải nhồi lớp, tự nhiên tôi mang mặc cảm trước bao thầy cô, bạn bè chung trường, chung lớp. Nhưng chưa học hết năm, tôi phải vào trường Bộ binh Thủ Đức theo lệnh gọi TỔNG ĐỘNG VIÊN khoa 5/68 vì không đủ lý do hoãn dịch - đây là mốc rẽ cuộc đời tôi].

Học nhồi lớp, tôi cảm thấy nhàn quá nên đề xuất với anh em trong lớp nhân dịp nhà trường rằm rộ làm BÍCH BÁO, làm tờ **"báo Tểu mà Xây Dựng"** mang tên **ĐÁM BÓP**. Dự kiến tờ báo ra mỗi lần phải có bài vờ gắp đôi số trước (kỳ đầu 1 tờ croquis),

nếu ra đều đặn hằng tháng thì cuối năm học phải choán hết chỗ dán của khu vực quy định được dán trong trường. Tờ thứ nhất trình bày trang nhã, đẹp mắt, viết thật kỹ, chia cột thẳng hàng trông giống như một tờ nhật báo được ấn loát công phu vậy. Báo có vấn đề nhưng cũng suông sẻ với nhiều tiết mục hấp dẫn: BÁT GIÒ ĐỒNG NGHIỆP, LOẠI CHOI QUÁI DỊ, GỖ RỐI TỒ LÒNG... THÔNG, CHẤT HOA LÁ, NƯỚC PHAN THANH GIẢN, THƠ ĐẶNG NGHỆT, XÃ LOẠN, KÝ HOA... Vẽ-Dán-Gỡ- Ra Hội Đồng Kỷ Luật!, TIN TỨC... MÌNH, Đặc biệt có Trường Giang Tiểu Thuyết CÚP CUA QUÁI KHÁCH của Bảy Lang Thang hấp dẫn ngay từ hồi thứ nhất, thu hút lượng bạn đọc không thể đếm được, bởi các bạn chen chen lấn lấn để được đọc bài trong báo, trong khi các tờ khác thì vắng teo thật đáng thương!

Sang tờ thứ 2 gấp đôi diện tích, kỹ thuật trình bày cao hơn kỳ trước, nhưng đầu xuôi mà đuôi không lọt. Số là, thầy Trần Quang Long là một trong các giáo sư Ủy Viên Báo Chí của trường, đã thay mặt ký duyệt tờ báo như lần trước, rồi đưa sang thầy Trần Ngọc Nhung [(Tổng Giám thị - được biết Thầy quê ở Nhơn Ái - Phong Điền, đã sang định cư tại Houston TX Hoa Kỳ nhưng đã qua đời khoảng tháng 5-1993)] đóng dấu để dán, thì có hiện tượng bất thường: *Anh Nguyễn Trước Lâm (Lớp Đệ Tam, đặc cử chức vụ Tổng Thư Ký của Ban Đại diện học sinh toàn trường, trong thời gian vận động tranh cử hồi đầu năm học, đã phác họa ba chủ trương (tôn chỉ) anh hứa nếu được đặc cử anh sẽ thực hiện. Tôi lấy tôn chỉ thứ nhất của anh để viết bài Xã Loạn với tiêu đề CỤ TỔNG LÂM VỚI CHẾ ĐỘ CHÀO CỜ. Vì theo anh Lâm, mỗi sáng chào cờ trước sân, toàn thể Giáo Sư và Học Sinh đều phải đồng hát Quốc Ca, chớ anh không thể đồng ý cho một lớp đại diện ra đứng trước sân cờ và hát quốc ca như từ trước đến nay vẫn làm. Tôi bày tỏ quan điểm không đồng ý với chủ trương của anh thì bị anh làm đơn thưa ra Ủy ban Kiểm Duyệt vùng 4 của ông Mai Lạc ở số 3 Thủ Khoa Huân Cần Thơ. Cơ quan này khi nhận được đơn, đã chuyển ngược trở lại trường Phan Thanh Giản với lời phê và đề nghị: "Đây là việc nội bộ do nhà trường tự giải quyết". Thầy Nhung đưa cho thầy Long xem đơn thưa với lời phê đó. Chẳng hiểu sao, thầy Long đang cầm cây viết nguyên tử xanh, đã gạch chéo không thương tiếc tờ báo do công sức làm ra của lớp chúng tôi cả tháng qua! Gạch không bỏ sót một chỗ nào, kể cả chữ ký tên*

của thầy hướng dẫn lớp chúng tôi là GS Chiêm Kiêm Chên, và cả chữ ký của thầy Long nữa.

Thầy Võ Văn Điem cũng là thành viên Ban Báo Chí trường, đã gọi tôi vào phòng của thầy đang nội trú trong trường, an ủi:

- Đùng buồn em à! Thầy Long gạch xoá không cho tờ báo lớp em dán kỳ này chắc có lý riêng của thầy. Rồi đây em sẽ hiểu. Làm báo đôi lúc người ta phải chấp nhận những thiệt thòi - dù cả tai tiếng mình - để mong đạt một mục đích sau cùng nào đó. Mong em hãy hiểu và tỉnh táo...

Thầy Nguyễn Trung Quân nói với tôi, *chuyện này để khi họp hội đồng giáo sư thầy sẽ bàn tính lại*. Tôi muốn xin thầy Quân được phép ra trước hội đồng giáo sư để nghe và đối thoại với thầy Long, hoặc ra trước hội đồng kỷ luật, nhưng không được. Sau đó mấy hôm, thầy Quân bảo tôi cố gắng chép lại nguyên văn tờ báo để dán, tôi từ chối và muốn dán bản đã bị gạch xoá thì thầy Quân khuyên không nên! Lúc đó tôi rất buồn, vì công sức mình và một số đồng bạn bè gò gẫm, sáng tác, viết, trình bày thành tờ báo tường rất đẹp, cả về nội dung lẫn hình thức. Tôi rất tức, nhưng nghe thầy Điem, thầy Quân nói đại ý như vậy, tôi im lặng.

Sau biến cố Mậu Thân 1968, thầy Trần Quang Long đã bỏ sự nghiệp giáo dục vào khu trận Mặt trận Giải phóng Miền Nam của Luật sư Nguyễn Hữu Thọ và Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát. Nghe nói sau đó thầy Long bị bom B 52 chét ở chiến trường miền Đông. Thầy Long đã để lại tập thơ THƯA MẸ TRÁI TIM cùng nhiều tác phẩm khác lúc thầy chưa theo Cộng Sản. Tôi cũng không thể ngờ được, thầy Võ Văn Điem dạy Quốc Văn trường Phan Thanh Giản những năm đó lại đã từng viết văn, nhiều truyện ngắn gây tiếng vang của thầy trong giới độc giả tha thiết với văn học, ký tên Võ Trường Chinh đăng trên Đối Diện... Sau này nghe nói thầy còn ở Sài Gòn, và viết báo TUỔI TRẺ CUỐI. Bút hiệu Hai Cù Nèo đầu tiên là của thầy, sau đó làm tên chung của mục GỖ RỐI TỖ LÔNG... THÔNG! Nhắc lại chỗ này, vì nó liên quan đến tuổi trẻ chúng tôi, tên mục GỖ RỐI TỖ LÔNG... THÔNG là chính do tôi đặt ra trong Giai Phẩm Xuân Phan Thanh Giản - Đinh Mùi 1966 và cả trên mục của tờ Bích Báo ĐÁM BÓP với bút hiệu **Bác Tú Đại phụ trách**, bị thầy Long bóp nghẹt của chúng tôi!

Vậy là, dưới mái trường Trung học Phan Thanh Giản những năm tháng chiến tranh khốc liệt trên quê hương chúng ta, có những thầy giáo hàng ngày truyền dạy kiến thức cho chúng tôi, mà

lại có những hoạt động thầm kín riêng tư, thì với tuổi học sinh nhiều mơ mộng của thời sách vở cầm tay, luôn mộng mơ ngoài cửa lớp thì làm sao chúng tôi có thể hiểu hết được, làm sao chúng tôi phân tích sâu sắc lời nói có ý khuyên nhủ của thầy Võ Văn Diễm? Dù sao những điều tôi nhớ lại và kể trên đây, vẫn là kỷ niệm khó quên trong đời tôi đối với ngôi trường mà trên 7 năm trời dang dăng tôi có mặt ở đó.

CÓ MỘT THỜI ĐỂ NHỚ

Có một thời để nhớ. Đứng rồi bạn ơi! Thời gian trôi qua mái tóc, chảy xuôi theo cuộc sống đời người làm sao không để lại chút kỷ niệm nào để nhớ? Bạn có thể sống lặng thầm như con ốc thu vào lớp vỏ riêng lẻ của mình. Bạn có thể sống hăng say cuồng nhiệt với mọi diễn biến thường ngày. Bạn có thể tham gia và bạn có thể từ chối mọi điều, nhưng chắc chắn từ trong sâu thẳm tâm hồn, bạn khó quên được một chút gì đó của thời chớm lớn - thời mới chuẩn bị bước vào đời!

Vào đời! Hai tiếng nghe qua ngắn gọn, vậy mà nó không đơn giản chút nào. *Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc...* (Thanh Tịnh), hình ảnh đó gợi lại trong lòng mỗi chúng ta điều gì? Bạn đang ngồi ở lớp học, thầy cô đang giảng bài trên bục hay đang viết phấn trên bảng đen với dòng chữ nắn nót thân tình, có khi nào bạn lại lơ đãng nhìn qua khung cửa sổ, hướng mắt theo dãy hành lang hun hút? Bạn đang giẫm chân trên thảm cỏ sân trường, có khi nào bạn nhủ thầm, ước gì được đi song đôi với người mình yêu mến nhất? Bạn đạp xe rong chơi ngày nghỉ học, có khi nào rụt rè lúng túng lúc bắt chợt bắt gặp bóng dáng kẻ mình thầm mộng mơ? Còn nhiều, còn nhiều nữa bạn ơi... Tất cả đối với cuộc đời đều in sâu vào thớ mình còn cấp sách. *Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất. Anh cho em kèm với một lá thư...* (Xuân Diệu).

Vào đời! Tất cả đều cần có một hành trang. Bên vai của mỗi chúng ta cần phải chuẩn bị cho mình một mớ hành trang cần thiết. Với tôi, hành trang để bước vào đời không phải chỉ đặt ở bên vai, mà chính là từ khối óc và hãy un đúc cho mình một trái tim nồng ấm. Có rất nhiều người lỡ đánh mất đi sự trang bị đó - để mãi sau này nuối tiếc thì đã muộn màng. Và, bạn ơi - phải chăng cái mớ thước vào đời chính là cái thước để nhớ, để bạn chọn cho riêng mình một định hướng tương lai, một đời sống hạnh phúc mai sau?

LHV. (Cần Thơ, 1989 - Houston, 1995)



GS LÊ VĂN ĐẶNG

(biên soạn)

VĂN HỌC CHỮ NÔM

CHINH PHỤ NGÂM *Diễn Ca* 征婦吟演歌

ĐOÀN THỊ ĐIỂM *Diễn Âm* 段氏點演音

Nguồn: Chinh Phụ Ngâm Khúc, Tân Việt 1950, tr. 143-167.

Phụ Chú: Tác giả Nguyễn Văn Xuân (1921-2007), một trong những tác phẩm ra đời để lại cho ông nhiều kỷ niệm nhất, đó là trường hợp của cuốn biên khảo **Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc**. Lần đầu tiên, ông đã phát hiện trong đồng sách của một gia đình nghèo, có xuất xứ từ gia đình bà Chúa Nhật, dòng vua Thành Thái; lẫn trong các sách chữ Nôm có cuốn **Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân khúc**, có tựa của nhà xuất bản (năm Gia Long thứ 14, 1815), nguyên tự (tựa) của dịch giả. Ông cho rằng cuốn sách này là một thực tế độc lập mà cũng là một bổ sung cho cuốn **Chinh Phụ Ngâm bị khảo** của học giả Hoàng Xuân Hãn (Minh Tân, Paris, 1953) — là một kỳ thư về ngành nghiên cứu văn học theo văn bản học. Và ông đã xác quyết dịch giả đích thực là Phan Huy Ích và tên tác phẩm là **Chinh Phụ diễn âm tân khúc** chứ không phải là **Chinh phụ ngâm**... Điều này đã gây ra sự tranh cãi không ít trên văn đàn miền Nam, thời trước 1975.

Trong thập niên 1960 có lúc anh được mời dạy giờ môn chữ Nôm tại Đại Học Huế và phát hiện trong một tủ sách tư nhân bản văn chữ Nôm của Phan Huy Ích dịch Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn; bản dịch này trước kia được xem như của bà Đoàn Thị Điểm. Khoảng 1920 nhiều học giả đã cho rằng bản dịch là của Phan Huy Ích, nhưng chỉ có văn bản quốc ngữ. Phát hiện của Nguyễn Văn Xuân đã giúp thêm bằng chứng cho học giả Hoàng Xuân Hãn, người đã khẳng định, từ khoảng 1950, dịch phẩm **Chinh Phụ Ngâm** thông dụng hiện nay là của Phan Huy Ích.

Tập 征婦吟備錄 Chinh Phụ Ngâm Bị Lục (1902)

隆和 藏板 Long Hoà Hiệu Tàng Bản

có ghi 3 dòng, phía sau trang bìa:

靑池仁睦鄧陳先生琨著

文江中富段夫人點演音

神溪桐峯承書

Thanh trì nhân mục Đặng Trần tiên sanh Côn trứ

Văn giang trung phú Đoàn phu nhân Điểm diễn âm

Thần Khê Đồng Phong Thừa thư.

(tiếp theo VHVN số 68 - mùa xuân 2015)

怙馱吝呂隘賒
怙馱娘准黃花駮賤

153

情家室市埃拯固
箕慈親閨婦仗傷
鬢襟披拂履霜
琨疎茫渡颺當哺啣

157

悉老親慍欺捋閨
嘔孩兒除飴嚼鉗
尫裴妾拖孝男
勸琨畑冊妾夕父親

161

沒輸妾供親課子
餒閨依昂籬別包
仗弘駛傘霜韉
春曾樹買冬市群賒

165

計辭缶罰凹癖軫
縲悉寡斲萬滾昂
約之斯增粵嬰
拱念菱葦底弘燦能

169

釵宮漢貼駟出嫁
翹樓秦匏包燭鍾
悵埃麻叟細窮
忤弘透歇脰悉相思

173

鋸切舂每欺矚矚
玉拱頭鬣齒慍邇
悵埃麻叟細尼
底弘珍重躑馱相親

177

駛余春信移信吏
細春尼信唉永空
覓雁隄想書封
暄霜隄攢襖芄產床

Xót người lẩn lữa ái xa,

Xót người nương chôn Hoàng Hoa dậm dài.

Tình gia thất nào ai chẳng có,

Kìa từ thân, khuê phụ nhớ thương.

Tóc già phơ phất mái sương,

Con thơ mắng sữa, vả đương bù trù.

Lòng lão thân buồn khi tựa cửa,

Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.

Ngọt bùi thiếp đỡ hiếu nam,

Khuyến con đèn sách thiếp làm phụ thân.

Một mình thiếp cung thân khoá từ,

Nỗi quan hoài ngang ngựa biết bao.

Nhớ chàng trái mấy sương sao,

Xuân từng đổi mới, Đông nào còn dư.

Kề năm đã tư ba năm chẵn,

Mối lòng trăm nghìn vạn ngổ ngang.

Ước gì gần gũi tác gang,

Giờ niềm cay đắng để chàng tỏ hay.

Thoa cung Hán của ngày xuất giá,

Gương lầu Tần dấu đã soi chung.

Cậy ai mà gửi tới cùng,

Ngổ chàng thấu hết tấm lòng tương tư.

Nhấn đeo tay mọi khi ngắm nghĩa,

Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.

Cậy ai mà gửi tới nơi,

Để chàng trân trọng dấu người tương thân.

Trái mấy xuân, tin đi tin lại,

Tới xuân này tin hãy vắng không.

Thấy nhận, luống trông thư phong,

Nghe sương, luống sắm áo bông sẵn sàng.

181

霽西溪空塘鴻便
怵堞外雪眷涓沙
幔眉帳雪衝坡
拷添冷兀兀番堞外

185

題字錦封催吏鞫
招卦錢信姘群与
丕覈踣朗謹魚
肢屬娘裯蓼蓀疊枚

189

訥如埃魂醜膝悒
俸蝻蝻矧矧虛空
簪棋畧攢憊憊
歷攔盪緼噤趾肢腰

193

躡軒永枕招曾趾
舛簾踈揔托隊番
外簾鶻庄嘍信
舛簾兼缶固焮別庄

197

焮固別沓平庄別
悉妾穢悲切麻催
愜油呐庄絨啞
花焮箕貝馱馱可傷

201

鶻吠屋嘅霜甃穢
奔拂披揔羣翠边
刻暴藤藤如年
緹愁弋弋如沔洑洑

205

香強焮魂它瘳癢
鞫強燭淚結珠滇
瑟琴強揔蓀彈
縷駕驚緼乏鸞惇纏

209

悉尼叟霽東固便

Gió tây nôi không đường hồng tiện,
Xót côi ngoài tuyết quuyến mưa sa.
Màn mưa trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra côi ngoài.

Đề chữ gấm, phong thổi lại mờ,
Gieo bói tiền tin nửa còn ngờ.
Trời hôm đứng lặng ngẩn ngơ,
Trăng khuya nương gối bơ thờ gió mai.

Há như ai, hồn say bóng lẫn,
Bỗng thơ thơ thần thần hư không.
Trâm cài, lược giắt thẹn thùng,
Lệch làn tóc rối, lông vòng lưng eo.

Đạo hiền vắng dăm chiêu từng bước,
Ngôi rèm thưa rủ thác đòi phen.
Ngoài rèm thước chằng mách tin,
Trong rèm đường đã có đèn biết chẳng?

Đèn có biết, ví bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên lời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!

Gà eo óc gáy sương năm trống,
Liễu phát phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng như niên,
Mối sầu dằng đặc như miền bể khơi.

Hương gượng đốt hồn đà môi miết,
Gương gượng soi, lệ kết châu chan.
Sắt cầm gượng gãy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phím loan sợ chùng.

Lòng này gửi gió đông có tiện,

飭鑽嗔哂旦嫩燕
嫩燕油庄細沔
仗弘瀟瀟塘蓮平歪
213

歪瀟瀟除滄坤透
餒仗弘晒晒市衝
景愔馱切他悉
形核霜啖嗜虫涓噴
217

霜如錦寫痢裕奔
涓蒙鋸例瘳梗梧
笞雪撫蓓鴉搥
螻牆叫永鐘厨振漚
221

噉嗜蛸月涑耀屋
沒行蕉叠啜外軒
草幔揀蔬叠穿
薺花蹻羣月蓮耀簾
225

花慘月月淹沒卮
月篋花花瀟曾羌
月月花花月重重
耀花羣月蝕悉掣亮
229

亮掣計闖愁飭惱
自女工婦巧調愧
恹扮針恹逐梭
鶯堆檣緘蛭堆砧緘
233

糝恹蘇嘸強恹响
彘吏朝唯唯娘窠
娘窠隴謹魚悉
永弘点粉粧紅貝埃
237

恹粧点悉馱愁懾
怵餒弘外墜江冰

Ngàn vàng xin gửi đến non Yên.
Non Yên dù chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời.

Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn người thiết tha lòng,
Hình cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun.

Sương như búa đẽo mòn gốc liễu,
Mưa đường چرا xẻ héo cành ngô.
Chòm tuyết phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.

Vài tiếng dế nguyệt lay trước ốc,
Một hàng tiêu gió giục ngoài hiên.
Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Buồng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

Hoa giải nguyệt, nguyệt thơm một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa, dưới nguyệt, trong lòng xiết đâu.

Đâu xiết kể, muôn sầu ngàn não
Từ nữ công, phụ xảo đều nguôi
Biếng cầm kim, biếng đưa thoi
Oanh đôi thẹn dật, bướm đôi ngại thùa

Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói
Sớm lại chiều, dòm dõi nương song
Nương song luống ngẩn ngơ lòng
Vắng chàng điếm phấn trang hồng với ai?

Biếng trang điểm, lòng người sầu tủi
Xót nỗi chàng, ngoài cõi Giang Bông

恪之姆織姊姮
浚銀沫涑宮陵祝夢
241

愁拑碾埃重少禴
惘啞餼埃隄夕鉗
醞共花啞瀉談
愁夕醞漑悶夕花喂
245

拈笙玉余回空嗜
揜彈箏余泛抹狝
拙馱行役閉盼
駮踐添痲歇渫吏瀉
249

鳩鶻叫夕涑諾相
齧樵拈如室臙肝
疔鑛樹恪容顏
際離買別辛酸蒙尼
253

唵味嗟脰悉買訴
味嗟尼固箇為埃
為弘淚妾乳堆
為弘身妾襪雷沒皮
257

身妾庄斯拱鄴帳
淚妾帛緇絳邊巾
愜羣魂夢特斯
賸賸常細江津尋
261

尋弘曩陽臺坂躡
返拈尼湘浦浚初
森圍余昞情期
庄戈漣槍沒睭夢春
265

恨妾身吏庄朋夢
特斯弘浚陔城關
欺嘛仍惜欺殘
情醜欺夢闕萬拱空

Khác gì à Chức, chị Hằng
Bến Ngân sùi sụt, cung trăng chốc mòng

Sâu ôm nặng, hãy chồng làm gối
Muốn ăn no, ai thôi làm cơm
Rượu cùng hoa rắp tã đằm
Sầu làm rượu lạt, muộn làm hoa ôi

Gõ sanh ngọc mấy hồi không tiếng
Ôm đàn tranh mấy phím rời tay
Xót người hành dịch bấy nay
Dặm dài thêm mối hết đầy lại voi

Chim quỳên kêu làm rơi nước mắt,
Trống tiêu niêm, như trất buồng gan.
Vỡ vàng đôi khác dung nhan,
Khuê ly mới biết tân toan đường này.

Ném chua cay tẩm lòng mới tổ,
Chua cay này há có vì ai .
Vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bẽ

Thân thiếp chẳng gần kê dưới trướng
Lệ thiếp nào chút vương bên khăn
Vui còn hồn mộng được gần
Đêm đêm thường tới Giang Tân tìm người

Tìm chàng thuở Dương Đài lối cũ
Gặp chàng nơi Tương Phố bến xưa
Sum vầy mấy lúc tình cờ
Chẳng qua trên gối một giờ mộng Xuân

Giận thiếp thân lại chẳng bằng mộng
Được gần chàng bến Lũng, thành Quan
Khi mơ những tiếc khi tàn
Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không

269

恆固沒忪慙庄搆
本躑弘除刻市愧
悉躑双渚覓駟
蓬高余眈醴馮軛車

273

醴浚南堞雯種浩
靛碧暗枕沫牟撐
茹村疊培終航
沒團鷗鷺翹崢邈

277

醴塘北隊筓館客
霏霏核撐芒岗嶽
稽城催卒边埭
涓催菡笛喙啖边楼

281

嶽東篋萼侯攢凍
雉習鷗梅拱掖搥
煇震宜焯岸涧
琨鳩拔疊落頰叫傷

285

滄西篋渚羨挽曲
雁鷗空涇啜船鈎
岸樁瓊祝筓挽
隔崢濕倘馭亮移術

289

醴翠皮蹟歪糲坦
蓬窳楼審率隊番
笠靈砗糲醴認
別亮坡璞罨沔玉閔

293

梃撐坦倚坤學斫
巾招棗市特篋仙
悉尼化砗拱輶
啖空淡玉麻蓬醴楼

297

眈矚吏醴牟楊弁

Vui có một tấm lòng chẳng dứt
Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi
Lòng theo song chửa thấy người
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe

Trông bến Nam, bãi che mặt nước
Cỏ biếc um, dâu mướt màu xanh
Nhà thôn gió bụi chung quanh
Một đàn âu lộ trước ghềnh chơi hôm

Trông đường Bắc, đòi chòm quán khách
Rừng rả cây xanh ngắt núi non
Lúa thành thoi thóp bên cồn
Nghe thổi địch ngọc véo von bên lầu

Non Đông thấy lá hầu chất đồng
Trĩ xập xoè, mai cũng bẻ bai
Khói mù nghi ngút ngàn khơi
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương

Lũng tây thấy nước đường uốn khúc,
Nhạn bay không sóng giục thuyền câu,
Ngàn thung chen chúc chòm dâu,
Cách ghềnh thấp thoáng người đầu đi về

Trông bốn bề chân trời mặt đất
Lên xuống lầu thắm thoát đôi phen
Lớp mây ngại mặt trông nhìn
Biết đâu bờ cõi là miền Ngọc Quan?

Gậy rút đất ý khôn học chước
Khăn gieo cầu nào được thấy tiên
Lòng này hóa đá cũng nên
E không lệ ngọc mà lên trông lầu

Lúc ngoảnh lại trông màu dương liễu

辰嘯弘停翹爵封
拯能闖蹶踣路
悉弘拱固如悉妾庄
301

悉弘杏拱平如世
悉妾亮敢挈斯踪
向陽悉妾菱花
悉弘吝矧啖斜羣陽
305

羣陽抵花鑽拯兌
花抵鑽為在羣陽
花鑽花用觥牆
蹙貼花用貼霜余吝
309

萊蘭芟輶隣包擗
蔬蕘棋邊埋迳香
折禱躡趾前堂
籬韞貼歷天章矧蝻
313

羣銀漠欺嫫欺儻
度奎纏唄固暝空
式靈隊昉濼濃
嵬輶北斗催東吏兌
317

沒輶沒濼味齋粉
丈夫群踣蹙沔洞
初牢形影拯揀
悲睽女抵隔瀉參商
321

弘路馭蹶長靈俯
妾躡鞋接黼綦印
疊春駟沒永信
可傷侶歌余奮良辰
325

仕仗欺梗姚朶𠂇
輶疊春鑽紫聘饒
怒馱𠂇織弘牛

Thì khuyên chàng đừng chịu tước phong
Chẳng hay muôn dặm ruổi giông
Lòng chàng cũng có như lòng thiếp chẳng?

Lòng chàng ví cũng bằng như thế
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa
Hướng dương lòng thiếp đường hoa
Lòng chàng lần thân e tà bóng dương

Bóng dương để hoa vàng chẳng đơai
Hoa để vàng vì tại bóng dương
Hoa vàng hoa rụng quanh tường
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần

Chồi lan nở trước sân đã hái
Ngọn tần kia bên bãi đưa hương
Sửa xiêm đạo bước tiền đường
Ngửa trông xem về thiên chường thần thờ

Bóng Ngân Hán khi mờ khi tỏ
Độ Khuê Triền buổi có buổi không
Thức mây đòi lúc lạt nồng
Chuôi sao Bắc Đẩu thôi Đông lại Đoài

Một năm một lạt mùi son phấn
Trượng phu còn nhớ nhẩn miềm khơi
Xưa sao hình ảnh chẳng rời
Bây giờ nữ để cách với Sâm Thương

Chàng rong ngựa dặm trường mây phủ
Thiếp đạo hải lâu cũ rêu in
Gió Xuân ngày một vắng tin
Khá thương lẽ hết mấy phen lương thì

Xây nhớ khi cảnh Diêu đóa Ngụy
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau
Nọ người à Chức chàng Ngâu

细腰秋吏北椽戈滝

329

切没仇臙空陞狩
辰節冷任侶掣包
梭逐躬臙踞踞
馱莠審率戈牟春撐

333

春秋抵恨觥觥施
別離尼愴遇欺恹
怨愁赭餒哉排
紉蒲奔易押奈朝春

337

箕文君美苗臙輶
啞細欺頭涿麻傷
繡花怒矧潘郎
傳欺質鬢坡霜拱椰

341

椰顏色當澄花苒
惜光陰吝呂招戈
椰命惜憐年花
姪絲余祝侈番媿涓

345

閨香怒憐愴歷緜
樓花箕彷彿唏霜
責歪牢抵拱揚
妾為妾吏為弘咀嘆

349

弘拯筮鳩鴛於內
拱熠妙拯倍分引
拯筮鳩燕遠樑
箔頭空女堆塘紛鏡

353

箕頰螻堆頭共聘
怒頰鳩執翹共懣
梓蓮罍種靛樑
堆花共苒堆樑共連

357

Tới trăng thu lại bắc cầu sang sông

Thiết một kẻ buồn không lường giữ

Thời tiết lạnh lắm lỡ xiết bao

Thoi đưa ngày tháng ruỗi mau

Người đời thắm thoát qua màu xuân xanh

Xuân thu dễ giận quanh trong dạ

Biệt ly này buồn quá khi vui

Oán sầu nhiều nỗi toi đời

Vóc bỏ liễu dễ ép nài chiều xuân

Kìa Văn Quân mỹ miều thuở trước

E tới khi đầu bạc mà thương

Mặt hoa nọ gã Phan Lang

Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng

Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở

Tiếc quang âm lẫn lửa gieo qua

Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa

Gái tơ mấy chốc xảy ra mẹ giòng

Gác hương nọ mơ màng về mặt

Lầu hoa kia phảng phất hơi sương

Trách trời sao để dở dang

Thiếp vì thiếp lại vì chàng thổ than

Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội

Cũng đập diu, chẳng vội phân trương

Chẳng thấy chim yến trên rường

Bạc đầu không nữ đôi đường chia nhau

Kìa loài sâu đôi đầu cùng sánh

Nọ loài chim chấp cánh cùng bay

Từ liên là giống cỏ cây

Đôi hoa cũng nở, đôi cây cũng liền

意頌物情緣群世 Ấy loài vật tình duyên còn thế
 牢劫馱女抵帝低 Sao kiếp người nữ để đẩy đây
 妾吁闌劫緣尼 Thiếp xin muôn kiếp duyên này
 如鳩連翹如榦連梗 Như chim liền cánh, như cây liền cành
 361
 停闌劫拏情辰丕 Đành muôn kiếp chữ tình thì vậy
 蹻劫尼欣覓劫斲 Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau
 妾吁拏簪落頭 Thiếp xin chàng chớ bạc đầu
 妾辰符買襖半裯中 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung
 365
 吁夕羣蹻共拏丕 Xin làm bóng theo cùng chàng vậy
 拏移亮拱覓妾边 Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên
 拏娘暈日斐願 Chàng nương vầng nhật phỉ nguyện
 每皮忠孝妾吁院諭 Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn
 369
 悉許國縉輪岢岢 Lòng hứa quốc thắm son ngăn ngắt
 飭庇民動鉄猪猪 Sứ tỵ dân đặng sắt trơ trơ
 弗单于馘月氏 Máu Thuyền Vu quắc Nhục Chi
 意辰嘖吁意辰嘖 Ầy thì bữa uống, Ầy thì bữa ăn
 373
 錡銅博隊吝嗽啣 Mũi đồng bác đòi lần hăm hờ
 包悉忝纏符馱忠 Đã lòng trời gìn giữ người trung
 諍拏冢陣械功 Hộ chàng trăm trận nên công
 捫旒隘北撩弓嶽兌 Buồng tên ải Bắc, treo cung non Đoài
 377
 羣旗幟啫外關隘 Bóng cờ xí giã ngoài quan ải
 嗜凱歌馭吏神京 Tiếng khải ca trở lại Thần Kinh
 嶽燕鑿矜題名 Non Yên tạc đá đề danh
 朝天舳轄宮廷壺功 Triều thiên vào trước cung đình dâng công
 381
 湑滢洪越銅呂瀝 Nước duềnh Hán việt đồng rửa sạch
 曲樂詞昭噴噦嗜 Khúc nhạc từ réo rất ngợi khen
 才擣秦霍院全 Tài so Tần Hoắc vẹn toàn
 尅範閣槐像傅臺麟 Tên ghi gác Khói tượng truyền đài Lân
 385
 堰敷將帶巾燭厯 Nền huân tướng đai cân giải vẽ
 矜同休碑篠簪冬 Chữ đồng hưu bia thê ngàn đông

恩連子蔭妻封
顯榮妾拱淡終香丞

389

妾拯愧如馴蘇婦
扞罕空如屢洛陽
欺術切菓印鑽
連空敏敢泥揚夕高

393

吁為扞撩袍擡甲
吁為扞揔笠凡霜
為扞晒祝覓鑽
為扞点粉切香惱濃

397

揔巾淚扞擡首牀
讀詩愁扞擡首勾
勾慍對貝勾愁
醪未共計轉斲每啞

401

批揔瀉吝吝隊覓
仕歌寅練練首聯
聯吟對飲首番
共扞吏結縲緣旦瑟

405

朱補忖愁除隔仗
符攬饒慍曩清寧
吟哦懔政竚情
羨尼歐罕才齡丈夫

On trên từ âm thê phong

Hiển vinh thiếp cũng đượm chung hương trời.

Thiếp chẳng đại như người Tô Phụ

Chàng hẳn không như lũ Lạc Dương

Khi về đeo quả ấn vàng

Trên khung cửu dảm dấy duông làm cao.

Xin vì chàng treo bào cõi giáp

Xin vì chàng rũ lớp phong sương

Vì chàng tay chuốc chén vàng

Vì chàng điếm phấn đeo hương nào nùng

Giờ khăn lệ chàng trông từng tấm

Đọc thơ sâu chàng ngẫm từng câu

Câu vui đối với câu sầu

Rượu rồi cùng kể trước sau mọi lời.

Sẽ rót voi lần lần đòi chén

Sẽ ca dần ren ren từng liên

Liên ngâm đối âm từng phen

Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.

Cho bồ lúc sâu xa cách nhớ

Giữ gìn nhau vui thú thanh ninh

Ngâm nga mong gửi chữ tình

Đường này âu hẳn tài lành trượng phu

Phụ Chú (bản Tân Việt):

▪ Bản Nôm dư một chữ(câu 6, dư chữ 吏):

[351] (吏) 拯覺鳩燕遠樑

Chẳng thấy chim yến trên rường

▪ Chữ có dấu nháy:

[17] 扞歲袍本涓豪傑

Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt

[22] 招泰山瑯女鴻毛

Gieo Thái Sơn nhẹ nửa/nửa hồng mao

[26] 塘边球鞬木群嶽

Đường bên cầu có mộc còn non

[31] 唎耒唎吏拎晒

Dặn rồi dặn, lại cầm tay

[35] 揓鎌饒醪渚殘

Múa gươm tiễn rượu chưa tàn

[52] 妾認孕崗謹魚餒茄
 [122] 聘饒窮摺搦字緣
 [144] 路移沒跳慕情謹噉
 [200] 花畑箕貝羣馱可傷
 [210] 齏鑽嗔咬旦巖燕
 [220] 螻墻叫永鐘厨振瀾
 [235] 娘窻掩謹魚悉
 [267-268] 欺嘛仍惜欺殘
 情融戩夢闖萬拱空
 [270] 本蹻弘睇刻市愧
 [350] 拱熠炒拯倍分引
 [355] 梓蓮罍種鞞檍
 [358] 牟劫馱女抵帝低
 [364] 妾辰符買裊率裊中
 [368] 每皮忠孝妾吁院論
 [399] 勾慥对貝勾愁
 [383] 才搦秦霍院全
 [401] 批摔瀉吝吝隊噉

Thiếp nhìn rặng núi ngấn ngơ nổi nhà
 Sánh nhau cùng đan díu chữ duyên.
 Làn đi một bước, trăm tình ngấn ngơ
 Hoa đèn kia với bóng người khá thương
 Ngàn vàng xin gửi đến non Yên
 Sâu trường kêu vắng, chuông chùa nện khơi
 Nương song luống ngấn ngơ lòng
 Khi mơ những tiếc khi tàn
 Tình trong giấc mộng, muôn vản cũng không
 Vốn theo chàng giờ khắc nào nguôi
 Cũng dập diu, chẳng vội phân trương
 Tử liên là giống cỏ cây
 Sao kiếp người nữ để đây đây
 Thiếp thì giữ mãi lấy màu trẻ trung
 Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn
 Câu vui đối với câu sầu
 Tài so Tần Hoắc vẹn toàn
 Sẽ rót voi lần lần đòi chén

Lê Văn Đăng

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

ỦNG HỘ TẬP CHÍ VĂN HOÁ VIỆT NAM số 69 - mùa hè 2015

| | |
|---|---------|
| 1122 - Chị Phạm Thị Minh Quang (Oregon) | \$50.00 |
| 1123 - Nhà thơ Song Thi (Oregon) | \$50.00 |
| 1124 - GS Phạm Huy Cường (Manvel - TX) | \$50.00 |
| 1125 - Ô. B. Nguyễn Lê Tiến (Oklahoma) | \$60.00 |
| 1126 - Nhà văn Thái Tầu (Houston - TX) | \$50.00 |
| 1127 - Ông Lê Văn Giàu (Arlington - TX) | \$25.00 |

(Còn tiếp)

Danh sách quý vị Mạnh Thường Quân ủng hộ tập chí chúng tôi lần lượt thông báo trên trang này vào số tới. Xin kính chúc toàn thể quý vị cùng gia đình luôn luôn dồi dào sức khoẻ, với lòng biết ơn của nhóm thực hiện và BBT.

Trân trọng,
 Tập chí VĂN HOÁ VIỆT NAM

